

TÍN TÂM MINH TỊCH NGHĨA GIẢI

Tác Giả: Thiên Mục Trung Phong Hòa Thượng

Viết Dịch: Hòa Thượng Duy Lực

Thích Đồng Thường Ghi Thành Văn Tự



---o0o---

Nguồn

Chuyển sang ebook 8-6-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tai Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

---o0o---

LỜI DỊCH GIẢ

Phật Thích Ca nói : "Mọi chúng sanh đều có Phật tánh", tất cả Phật tử đều tin được. Lại tin Phật tánh chẳng thể giảm bớt, cũng chẳng thể gián đoạn, vì giảm bớt gián đoạn là sanh diệt luân hồi, nếu Phật tánh còn phải luân hồi, thì kiến tánh thành Phật cũng vô ích.

Phật tánh tức là tự tâm, nếu người tin mình có Phật tánh, tức là tin tự tâm. Phật tánh không thể giảm bớt, thì tất cả thần thông trí huệ năng lực saün đầy đủ bằng chư Phật. Phật tánh không thể gián đoạn, thì mọi chúng sanh hiện đang làm Phật.

Vậy, Phật tánh tức là tự tâm, thì tự tâm của mọi người đã saün đầy đủ tất cả năng lực, bằng như chư Phật, thế thì việc lý giải đều là thêm bớt cho tự tâm. Nên Tổ Trung Phong làm bài TÍN TÂM MINH TỊCH NGHĨA GIẢI này, có tẩy sạch lý giải để hiển bày chánh ngộ, cho bốn lai diện mục (tự tâm) trọn vẹn hiện khắp không gian và thời gian.

Quyển TÍN TÂM MINH TỊCH NGHĨA GIẢI này trích từ Quảng Lục gồm 30 quyển của ngài Trung Phong, in trong tập số 499 của Tích Sa Đại Tạng Kinh.

Vì có người chỉ đem phần nghĩa giải trong MINH này in ra phổ biến, mà lược bỏ những phần khai thị và phủ nhận của ngài Trung Phong, thành điển đảo Phật pháp, liên lụy Tổ Sư, nên chúng tôi dịch hết toàn bộ (gồm 4 phần : khai thị, nghĩa giải, tịch nghĩa giải và kệ kết thúc), để hiển bày ý chính của Tổ, mong độc giả xem xét cho kỹ!

THIÊN MỤC TRUNG PHONG HÒA THƯỢNG QUẢNG LỤC

---o0o---

TÍN TÂM MINH TỊCH NGHĨA GIẢI

BÀI TỰA CỦA NGÀI TRUNG PHONG

Từng nghe Sơ Tổ Đạt Ma nói đạo trực chỉ bất lập văn tự, nhưng vừa truyền qua hai đời đến đời thứ ba là tổ Tăng Xán, thì lại làm ra bài TÍN TÂM MINH gồm 584 chữ. Vậy có phải là biến gia phong của chư tổ trở lại kiến lập văn tự chẳng? Hoặc nói chẳng phải, ấy chỉ là muốn hiển bày cái đạo trực chỉ cho hành giả đời sau được đầy đủ chánh tín, phá tà chấp mà thôi.

TÍN là gì? Là tin bản thể tự tâm rộng lớn như chư Phật, cùng khắp không gian thời gian, khiến cho được tự tin mà ngộ nhập, chẳng nhờ tu chứng; nghĩa là hễ bước vào cửa tin, quyết chẳng lui sụt, nên bài TÍN TÂM MINH này với thuyết BẤT LẬP VĂN TỰ của tổ sư trải qua bao đời chẳng trái nhau. Như thế, sự lập ngôn của Tam Tổ thực là chí thành để gánh vác pháp thiên trực tiếp này. Nhưng tiếc rằng những học giả đời nay thường kẹt nơi nghĩa giải, chẳng thể hoát nhiên tự ngộ diệu tâm, thấu rõ nguồn gốc, hợp với chánh tín, lại đem bài TÍN TÂM MINH này làm dẫn chứng đàm luận, giống như mặt vàng rơi vào mắt, thành ra nghịch lại ý Tổ mà chẳng tự biết. Do đó, tôi soạn ra bài này, mỗi đoạn 2 câu, dùng lời và kệ để sáng tỏ bản ý của Tổ, không dám khoe khoang kiến văn cho là thù thắng. Thực ra chỉ muốn quét sạch nghĩa giải, hiển bày chánh ngộ, nhắc nhở người đồng tham, khích lệ chính mình mà thôi. Nếu có người cảm thấy không vừa ý, thì tội của tôi làm sao tẩy sạch, cho nên đặt tên bài này là "TÍN TÂM MINH TỊCH NGHĨA GIẢI".

---o0o---

CHÁNH VĂN

I. CHÍ ĐẠO VÔ NAN, DUY HIỀM GIẢN TRẠCH

DỊCH

Đạo cùng tốt chẳng có gì khó, chỉ vì phân biệt mới thành khó.

LỜI KHAI THỊ

Thê dụng của tự tánh cùng khắp hư không, trí tuệ của con người chẳng thể suy lường. Mở cửa nhà lớn nhiệm mầu vô biên, vượt trên vạn tượng chiều sâu mà không đáy. Cơ xảo của chư Tổ như : Tiếng hét Kim Cang Vương của Lâm Tế sấm sét oanh liệt, muốn nhìn bóng cũng còn khó, huống là thấy hình; Uy thế cây gậy của Đức Sơn như gió bão điện chớp, đuổi theo không kịp. Đào tạo ra chư Tổ chẳng cho mình có công lao, gánh biển vác núi chẳng cần ra sức. Ông già Thích Ca thuyết pháp 49 năm, bàn tay chỉ có thể nắm bắt hư không, 1700 Bạch-niêm-tặc (ám chỉ Tổ Sư đã kiến tánh triệt để) có miệng chỉ có thể treo trên vách tường. Rất saün sàng mà khó hiểu biết, muốn ngay trước mặt chỉ bảo họ, thì gai góc đã nổi đầy trước cửa.

---o0o---

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói "CHÍ ĐẠO VÔ NAN, DUY HIỀM GIẢN TRẠCH". Người nghĩa giải rằng : 2 câu này là cương yếu, cũng là bản chỉ của bài MINH. Nhưng một chữ TIN bao gồm ngộ chứng, chẳng phải chữ tin của tín hạnh. Cũng như các vị trong hội Pháp Hoa, lãnh hội quyền trí nhập vào thật trí, lập ra Phẩm Tín Giải để tỏ bày nguyện vọng. Chư Tổ thấy đó gọi là Chí-đạo, Chư Phật chứng đó gọi là Bồ-đề, chúng sanh mê đó gọi là Vô-minh, giáo môn hiển bày đó gọi là Biển-giác, đều là tên gọi khác biệt của một tâm, cho đến bao gồm danh tướng, thấu nhập sắc không, muôn ngàn đề mục, đường lối dù khác nhau, đâu có sai trái tốt xấu, cũng không có ngăn cách mê ngộ, tất cả đều do đây mà hiển bày. Như cây bách của Triệu Châu, vòng kim cang của Dương Kỳ, cái chậu đất bẻ của Mật Am, bánh sắt có nhân của Đông Sơn,

giống như dị đoan cùng tà pháp sôi nổi, vậy thì biết lời nói "CHÍ ĐẠO" đã hiện hành rồi. Do đó, thông suốt lý sự, dung thấu cổ kim, cho là "VÔ NAN" đã thành lời thừa. Nhưng thánh phạm nhiệm tịnh, trước mắt toàn chân, nếu sanh ra tình thức phân biệt thì trái hẳn với chí-thể (tự tánh), nên mới nói "DUY HIỀM GIẢN TRẠCH" vậy. Lời văn sau này dù khác, thấy đều không ngoài ý này.

TỊCH NGHĨA GIẢI (tịch là phủ nhận), RẰNG

Hình như giống nhau, giống mà chẳng đồng. Lại, hai chữ CHÍ ĐẠO, dấu cho ông dùng hết ý thức để giải thích, đối với tông chỉ của VÔ NAN, cần phải tương ứng mới được. Nếu chẳng phải tự tâm khai ngộ, âm thầm khế hợp bất khả tư nghì, dứt hẳn tri kiến, siêu việt ngữ ngôn danh tướng, muốn trông thấy tông chỉ của VÔ NAN, chẳng những xa cách như trời với đất, ở nơi căn và cảnh tương đối, đủ thứ sai biệt, nếu không thể ngay đó giải thoát, mà muốn đem cái đạo lý vô nan không giản trạch đó tồn chứa trong lòng, thì đâu chỉ nhận giặc làm con mà thôi! Nên ở đây chẳng thể quên lời.

KỆ KẾT THỨC, RẰNG

Chí đạo không nên chê lựa chọn,

Chớ nói lựa chọn đọa phạm tình.

Cần phải đâm mù mắt mẹ đẻ.

Ban ngày đốt đèn đọc "MINH" này.

---o0o---

2.ĐẢN MẠC TẮNG ÁI, ĐỒNG NHIÊN MINH BẠCH

DỊCH

Chỉ đừng yêu ghét thì rõ ràng minh bạch.

LỜI KHAI THỊ

Thẳng chẳng phải tùng, co chẳng phải gai, thông chẳng phải hư không, nghẽn chẳng phải vách tường, là đầu búa không lỗ ném ngay mặt. Trái lại,

thẳng vẫn là tòng, co vẫn là gai, thông vẫn là hư không, nghẽn vẫn là vách tường, vậy trời xanh nước rộng dính liền như cũ. Đêm qua người Ba Tư bắt được tên chánh tặc Tây Thiên trong Nam Hải, đợi trời sáng đốt đèn xem, thì ra Bác Hai Vương ở làng Đông.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ sư nói "ĐẢN MẠC TẶNG ÁI, ĐỒNG NHIÊN MINH BẠCH", người nghĩa giải cho rằng : Chán sanh tử, ham niết bàn là yêu ghét; bỏ phiền não, lấy bồ đề là yêu ghét, hễ ở nơi pháp thánh phạm chẳng còn mảy may cảm tình yêu ghét, thì tâm này tự nhiên minh bạch rồi.

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Thôi thôi! Dẫu cho ông tất cả đều chẳng yêu ghét, không màng luôn đến cái TA, nhưng đâu biết cái chẳng yêu ghét đó đã thành yêu ghét rồi! Nếu chẳng phải đích thân thấy chỗ đứng của Tổ Sư (kiến tánh), cứ chú giải như thế, có đúng ý Tổ Sư từ Tây Trúc đến chẳng?

KỆ KẾT THỨC, RẰNG

Trời che, đất chở khắp mọi nơi,

Mặt trời chiếu soi chẳng thiếu sót.

Lại muốn ngồi trong nghĩa minh bạch,

Chẳng biết hai chân dính nước sinh.

---o0o---

3.HÀO LY HỮU SAI, THIÊN ĐỊA HUYỀN CÁCH

DỊCH

Xê xích mảy may, cách xa trời đất.

LỜI KHAI THỊ

Có căn cứ nhất định, lại không tiêu chuẩn phép tắc, đem hư không lập hư không, dùng mục đích phá mục đích, mua đá được ngọc, dẫu cho Lục Tổ nói

"Chẳng hội"; Đạt Ma nói "Chẳng biết", đều là đời hoa rủ bướm, chỉ hai đường dây dưa này, đã dẫn khởi gai góc đầy trời. Bỏ gai góc, Hải thần chẳng quý Dạ-Minh-Châu, nguyên nắm ném thẳng vào mặt họ.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói "HÀO LY HỮU SAI, THIÊN ĐỊA HUYỀN CÁCH", người nghĩa giải cho rằng : Pháp môn rộng lớn này, dù nói ngộ mê chẳng khác, nếu người còn mảy may tình cảm yêu ghét phân biệt chưa dứt sạch, thì như trời với đất cách nhau quá xa rồi.

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Giải nghĩa như thế giống thì giống, phải thì chưa phải. Tại sao? Vì còn thiếu một tiếng "Ồ" (ngộ), dấu cho ông mỗi mỗi không sai, lý hợp với đạo, vẫn còn không khỏi cách xa như trời với đất.

KỆ KẾT THỨC, RẰNG

Nói chi có sai và không sai,

Đều thành dụi mắt thấy hoa đóm.

Muốn lìa mảy may việc càng nhiều,

Trời đất xưa nay vẫn cách xa.

---o0o---

4.DỤC ĐẮC HIỆN TIỀN, MẠC TÔN THUẬN NGHỊCH

DỊCH

Muốn được tự tánh hiện tiền, chớ còn tập khí thuận nghịch.

LỜI KHAI THỊ

Hai không là đôi, một không là chiếc, buông chẳng lìa, nắm chẳng hợp. Dương Kỳ 10 năm đúc thành vòng kim cương, Đạt Ma 9 năm nhìn vỡ vách tường sắt. Lúc cổ Phật chưa sanh, bóng trăng hiện khắp ngàn sông; khi vũ trụ đã thành, gió mát sung mãn mười phương.

Nói thuận chẳng thuận, nói nghịch đâu nghịch,

Quải-giác-linh-dương ăn gậy sắt, trái cân bóp ra nước vàng ròng (Con linh dương lúc ngủ treo sừng trên cây, dưới đất không có dấu tích, thở không ra tiếng, thợ săn khó tìm, dụ cho tự tánh không hình tướng số lượng. Trái cân bóp ra nước là việc vô lý, tự tánh ăn gậy sắt cũng là việc vô lý; hai không là đôi, một không là chiếc..., đều là việc vô lý, pháp nào có thể lý giải thì chẳng phải tự tánh).

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói "DỤC ĐẮC HIỆN TIỀN, MẠC TÔN THUẬN NGHỊCH". Người nghĩa giải cho rằng : Tổ Sư nói đến đây thành có mâu thuẫn, tại sao? Việc này vốn đã hiện tiền, còn muốn đắc cái gì nữa? Kinh nói "Chánh tánh vô bất thông, thuận nghịch giai phương tiện " (tự tánh khắp hư không chẳng có tương đối, nói thuận nói nghịch đều là phương tiện). Ở đây nếu bảo "MẠC TÔN" thì lại thành đoạn diệt rồi, thật ra ý Tổ Sư chẳng phải vậy, chỉ dùng phương tiện khai thị cho hàng sơ học, cũng như người no (đã ngộ) thì không thèm đồ ăn ngon vậy.

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Im đi, im đi! Tổ Sư ở dưới gót chân người, dầu cho đạp một cái tan nát, vẫn còn phải tham 30 năm nữa.

KỆ KẾT THỨC, RẰNG

Muốn được hiện tiền đuổi theo vọng,

Chẳng còn thuận nghịch trái vơi chơn.

Sung sướng, đau khổ quên phân biệt,

Cũng là con mắt dính bụi trần.

---o0o---

5.VI THUẬN TƯƠNG TRANH, THỊ VI TÂM BỆNH

DỊCH

Thuận nghịch tranh nhau, ấy là tâm bệnh.

LỜI KHAI THỊ

Bệnh chẳng phải tâm, tâm chẳng phải bệnh, chớ đem cái cây hàng rào hữu lậu, cho là cán gáo mức nước sông. Tâm chẳng lia thân, cũng chẳng phải tức là thân, cho là khác nhau thì bệnh càng nặng. Giải thích công án " Nhứt diện Phật" của Mã Tổ thì bệnh nặng càng nặng thêm. Chỗ tình chấp chưa dứt sạch thì dùng cam lồ cũng có thể giết người; khi cơ phong khế hợp thì dùng thuốc độc Tỳ Sương cũng cứu được mạng.

Từ khi phương thuốc đưa nhau truyền,

Đầu búa không lỗ sanh nhiều bệnh.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói : "VI THUẬN TƯƠNG TRANH, THỊ VI TÂM BỆNH", người nghĩa giải cho rằng : sanh tử vô thường là tâm bệnh, kiến văn giác tri là tâm bệnh, tham thiền học đạo là tâm bệnh, thành Phật làm Tổ là tâm bệnh; cần phải quên cả thuận nghịch, bắt cả thánh phàm, muôn niệm đều bỏ, một lối không tịch, chẳng nhờ thuốc thần diệu quý báu, thì cái gọi là "tâm bệnh" đó, tự nhiên không có chỗ đặt để rồi.

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Than ôi! Phật pháp suy đồi, Tổ đình hoang vu, người bị mắc tâm bệnh cùng khắp thế gian, đều là kẻ tri giải nhập tâm, chấp thuốc thành bệnh, đó không phải là việc lạ, dầu cho Kỳ Bà (thần y đời xưa) tái thế cũng không cứu được bọn này.

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Thuận nghịch tranh nhau tâm sanh bệnh,

Thuận nghịch đều quên bệnh sanh tâm.

Xưa nay tâm bệnh chết liên tiếp,

Lại khoe phương thuốc hay như Thần.

6. BẤT THỨC HUYỀN CHÆ, ĐỒ LAO NIỆM TỊNH

DỊCH

Chẳng biết huyền chỉ, uổng công niệm tịnh.

LỜI KHAI THỊ

Cả đại địa là bánh xe sắt lửa hồng, cả đại địa là đại viên cảnh trí, con chôn con trâu nay vốn chẳng mê. Di Lạc, Thích Ca xưa cũng đâu chứng. Mây trắng lững lờ chẳng nắm chẳng buông, mặt trăng qua lại đâu động đâu tịnh; gom trần sa trong vòng pháp giới, nhốt pháp giới trong hang Thái hư. Lúc một người phát chơn quy nguyên (kiến tánh) thì mười phương hư không thấy đều tiêu mất là thế nào?

Con tò vò nuốt mất núi Tu Di,

Con khi giật mình xuất đại định.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói "BẤT THỨC HUYỀN CHÆ, ĐỒ LAO NIỆM TỊNH". Người nghĩa giải cho rằng : HUYỀN CHÆ tức chí đạo, thể đồng tên khác, nếu chẳng biết được, dẫu cho niệm tịnh trải qua hàng sa kiếp tu chứng đủ loại, cũng là ngoài tâm cầu pháp, chỉ tự thêm lao nhọc, Tổ Sư cũng không chấp nhận.

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Huyền Chỉ như kiếm bén Kim Cang, kẻ chẳng biết cố nhiên là tán thân mất mạng, biết được cũng không khỏi chạm nhằm bị thương. Vậy có phương tiện nào tránh khỏi được hai lỗi này?

KỆ KẾT THỨC, RẰNG

Huyền chỉ có ai tự biết được?

Thích Ca, Di Lạc còn đang mơ.

Đáng thương cho kẻ chìm không tịch,

Cô đơn ở núi lạnh nhiều năm.

---o0o---

7.VIÊN ĐỒNG THÁI HƯ, VÔ KHIẾM VÔ DƯ

DỊCH

Tròn đồng thái hư, không thiếu không dư.

LỜI KHAI THỊ

Vốn chẳng dư thiếu, lại có tính toán. Trang Chu gọi "vạn vật là con ngựa", Long Môn cho "mười phương là con lừa". Giống như chung một đường, lại là chẳng cùng lối. Có nước mới được bóng trăng hiện, vô tâm khó đắc Dạ-Minh-Châu.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói "VIÊN ĐỒNG THÁI HƯ, VÔ KHIẾM VÔ DƯ". Tông lâm bàn nhau rằng : Tâm này nơi Thánh chẳng thêm, nơi phàm chẳng bớt, tròn như hư không, mỗi mỗi đầy đủ.

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Nói như thế, khác chi người đi tham học các nơi, ngồi chưa ấm chiếu, đem những lời này chứa đầy bụng, chỉ có thể dùng để đàm luận mà thôi, hề gặp một việc nào có dính chút lợi ích của mình, thì cái niệm so sánh đắc thất nổi dậy ùn ùn, muốn khiến cho "VIÊN ĐỒNG THÁI HƯ" đâu có thể được! Đối với việc này cần phải diệu ngộ, ngộ rồi đâu còn cảnh thứ hai để làm đối đãi ư!

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Tò vò làm ổ trên mi muỗi,

Muốn cùng đại bàng nói cánh bay.

Nếu cho hư không chẳng thiếu kém,

Mở mắt bị nhốt trong chiêm bao.

---o0o---

8.LƯƠNG DO THỦ XẢ, SỞ DĨ BẤT NHƯ'

DỊCH

Bởi do thủ xả, cho nên bất như (như là đúng như tự tánh).

LỜI KHAI THỊ

Tiền Phước nói "Mạc" (đừng), Triệu Châu nói "Vô" (không), Tuyết Phong phóng ra con ba ba Nam Sơn, Vân Môn đánh chết cá Lý Ngư Đông Hải. Hưng Hóa đi dự trai tăng thôn làng, vào trong cổ miếu tránh gió bão; Đôn Hà thiêu Phật gỗ, làm cho viện chủ rụng lông mày... Những việc kể trên, đã nghi chết biết bao đại trượng phu.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói : "LƯƠNG DO THỦ XẢ, SỞ DĨ BẤT NHƯ'". Người nghĩa giải cho rằng : Tâm này đã tròn như thái hư, không thiếu tướng nào, tất cả đều "NHƯ". Nếu người ở trong pháp nhiệm tịnh vừa sanh tâm thủ xả, thì "BẤT NHƯ" rồi.

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Nếu là bậc tu sĩ tham học chơn chánh, thấy người nói những lời này, liền phun nước miếng vào mặt họ mà chẳng phải tánh nóng, vì tượng rồng chẳng thể làm mưa được.

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Hai việc thủ xả đã bất như,

Con trâu ai dám gọi con lừa.

Bản thể kim cang khắp pháp giới,

Cũng là dưới hàm trông lại râu.

---o0o---

9.MẠC TRỤC HỮU DUYÊN, VẬT TRỤ KHÔNG NHÃN

DỊCH

Đừng theo nơi có, chớ trụ nơi không.

LỜI KHAI THỊ

Vạn vật lằng xằng, con người ngu độn, lia tướng lia danh, có ai không hiểu. Vì sao Đạt Ma phân da phân tủy, Lâm Tế lập chủ lập tân (khách), làm cho con cháu lẫn lộn tìm. (Sơ Tổ Đạt Ma khám xét môn đồ, có kẻ được da, có kẻ được thịt, có kẻ được xương, cuối cùng Huệ Khả được tủy, kẻ làm Nhị tổ).

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói "MẠC TRỤC HỮU DUYÊN, VẬT TRỤ KHÔNG NHÃN", Người nghĩa giải cho rằng : Cả 2 đều hư huyền, khởi tâm chấp trước thì thủ xả tranh nhau, một niệm chẳng sanh, thường ở trung đạo, tức là đạo nhân giải thoát.

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Sai lầm! Đợi người biết là giải thoát, đã lọt vào ngoan không rồi. Nếu là bậc ngộ tâm chân thật thì hữu duyên và không nhân há ở bên ngoài giải thoát ư!

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Đừng theo nơi có, còn là dễ,

Chớ trụ nơi không, mới thực khó.

Hai đầu khó dễ đều chắm dứt,

Tổ đình y xưa chẳng dính dáng.

---o0o---

10.NHẤT CHỪNG BÌNH HOÀI, DÂN NHIÊN TỰ TẬN

DỊCH

Trộn một bình đẳng, tuyệt nhiên tự sạch.

LỜI KHAI THỊ

Đạo tràng chẳng động, pháp vốn vô sanh. Trăng sáng thấu song cửa, gió mát đầy bình phong, chỗ có Phật chẳng được trụ, dùng sắt gói tim đèn. Chỗ không Phật chạy mau qua, bông đẹp trái gắm lụa. Ngoài ba ngàn dặm tìm bông hái, mười phương hư không đều tiêu mất. Dễ thương lượng, khó định chuẩn, trâu đất đáy biển ăn roi sắt, bên đầu trăm cỏ gió lạnh lòng.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói "NHẤT CHỦNG BÌNH HOÀI, DÂN NHIÊN TỰ TẬN", Người nghĩa giải cho rằng : Tình chấp thủ xả đã sạch, tri kiến thánh phàm không nơi nương tựa, tự nhiên tất cả chỗ đều bình thường, tất cả chỗ tịch diệt.

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Ban ngày không ngủ, đừng có nói mơ. Như nay mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, gọi cái gì bình thường hay không bình thường?

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Tuyệt nhiên sạch hết chẳng ngần mé,

Bên đầu trăm cỏ mở chánh nhãn.

Sanh tử Niết bàn đều bóp nát,

Chẳng biết bình thường đặt nơi nào.

---o0o---

11.CHỈ ĐỘNG QUY CHỈ , CHỈ CÁNH DI ĐỘNG

DỊCH

Ngăn động trở về tịnh, tịnh ấy càng thêm động.

LỜI KHAI THỊ

Nói quanh lao nhọc danh tướng, nói thẳng chẳng có dài dòng. Nói quanh tạm gác một bên, thế nào là nói thẳng? Trương Tam, ăn gậy sắt, Lý Tứ chịu đòn đau; người sống vào quan tài, người chết đi đưa đám. Quan Âm mất hết thần thông, lại bị con nít chọc ghẹo. Nói thẳng tạm gác một bên, nói quanh lại là thế nào?

Hoa giác ngộ phải trồng nơi tự tánh,

Hạt giống Phật nên gieo trên tâm địa.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói "CHỈ ĐỘNG QUY CHỈ, CHỈ CẢNH DI ĐỘNG". Người nghĩa giải cho rằng : Chân tâm trạm nhiên luôn luôn bất động, xưa nay lưu chuyển đều do vọng kiến, vậy động đã là vọng, tịnh cũng là vọng, dùng vọng để ngăn vọng, giống như ôm củi chữa lửa, chỉ thêm cháy mạnh. Lấy lời Pháp Sư Tăng Triệu dẫn chứng rằng : "Muốn tìm chỗ bất động, đâu phải buông động để cầu tịnh, ắt phải cầu tịnh ở nơi động. Vì cầu tịnh ở nơi động, dù động mà thường tịnh; chẳng buông động để cầu tịnh, dù tịnh mà chẳng lìa động". Thế thì, động chẳng tương động, tịnh chẳng tương tịnh, như trong Kinh nói "Hai tướng động tịnh rõ ràng không sanh", bởi vì rõ biết động tịnh đều là cảnh vọng, các vọng đã tiêu thì hai tướng đâu còn!

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Thôi thôi! Động là núi bạc, tịnh là vách sắt. Nếu chưa từng đập nát, mà muốn hai tướng kia không sanh thì còn cách xa quá.

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Ngọn lửa đâu cho ruồi muỗi đậu,

Lưỡi kiếm chẳng cho thân trần đụng.

Nhà kín Đạt Ma không cửa nẻo,

Nắm tay lôi kéo chẳng ai vào.

---o0o---

12.DUY TRỆ LƯƠNG BIÊN, NINH TRI NHẤT CHỦNG

DỊCH

Hề kệt hai bên, đâu biết vốn một.

LỜI KHAI THỊ

Nhìn phải nhìn trái, Đông nổi Tây lặn, ló ra đầu búa không lỗ, đập lũng đáy thùng sơn đen. Chân nhân Vô Địa Vị, bạt tai Núi Tu Di một cái, khiến cho Bồ Tát Hư Không Tạng đứng giữa ngã tư đường chấp tay nói rằng : "Cúi xin trân trọng". Tại sao có những việc trên như thế?

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói "DUY TRỆ LƯƠNG BIÊN, NINH TRI NHẤT CHỦNG", Người nghĩa giải cho rằng : LƯƠNG BIÊN là 2 tướng động tịnh, NHẤT CHỦNG là toàn thể không khác. Đây là lời giải thích 2 câu trên, phải biết động tịnh nhị biên, vọng thì cùng vọng, chân thì cùng chân, đâu có hai thứ.

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Im đi, im đi! Đừng đem kiến giải vô dụng đã học được, để chôn vùi chân tâm của Tổ Sư.

KỆ KẾT THỨC, RẰNG

Thị nhất chủng hay phi nhất chủng,

Thị phi hết chấp có ai biết.

Chớ đem đá rêu xanh trong tuyết,

Cho là cò trắng đứng dưới sông.

---o0o---

13.NHẤT CHỦNG BẤT THÔNG, LƯƠNG XỨ THẤT CÔNG

DỊCH

Vốn một chẳng thông, thì đặt ra hai chỗ là uổng công.

LỜI KHAI THỊ

Nhận nai là ngựa, gọi lu là chuông, xưa nay đem sai chiều theo sai, chẳng khác đem hư không lấp hư không, ngồi rách năm, ba cái bò đoàn, vỗ tay cười to; đi gãy bảy, tám cây tích trượng, mặt mày hơn hờ, quét sạch bệnh chấp Phật Tổ, diệt mất Thiếu Lâm Tông (Thiền Tông), lò rèn lâu năm lửa vẫn hồng.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói "NHẤT CHỦNG BẤT THÔNG, LƯƠNG XỨ THẤT CÔNG", một số thiền giả bày đặt rằng : Hai câu này là lời kết trước dẫn sau, nói KẾT TRƯỚC là hiển bày chơn lý vốn một; Nói DẪN SAU là trách cái vọng của có và không vậy.

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Nếu là nạp tặng chơn thật, dù nói một nói hai, câu nào cũng quy về tự tông (bản thể), lời nào cũng là ứng dụng. Nếu chẳng như thế, thì nói một đã lọt vào hang ổ rồi, huống là hai ư!

KỆ KẾT THỨC, RẰNG

Nói một xưa nay không chỗ để,

Nói hai đâu có chỗ lập công?

Chỉ vì Bà mẹ dặn quá kỹ,

Liên lụy vợ tôi chấp thấy nghe.

---o0o---

14.KHIÊN HỮU MỘT HỮU, TÙNG KHÔNG BỘI KHÔNG

DỊCH

Trừ bỏ Có thì kẹt nơi Có, đuổi theo KHÔNG lại trái với KHÔNG.

LỜI KHAI THỊ

Đầu chánh đuôi chánh, tâm không mắt không, gặp nhau trong đường hẹp, nói bậy cũng trúng. Cây bách của Triệu Châu, cắt đứt một dòng suối thế gian. Cái bánh sắt có nhân của Đông Sơn, bóng nước bầu trời hiện cây tùng. Voi lớn không đi đường con thỏ, sư tử đâu chịu giẫm dấu chồn.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói "KHIÊN HỮU MỘT HỮU, TÙNG KHÔNG BỘI KHÔNG". Những người đuổi theo lời nói giải rằng CÓ là vọng có, vì trừ nó mà bị kẹt;

KHÔNG vốn tự không, do muốn đuổi theo nên trái. CÓ là cái có của nhà không; KHÔNG là cái không của nhà có, KHÔNG nhờ có mới hiển, CÓ nhờ không mà bày; vì hiển nên toàn không là có, vì bày nên toàn có là không, dung nhiếp với nhau mà chẳng sai, tương đối lẫn nhau mà chẳng khác. Do đó được biết, trừ nó hay theo nó đều là vọng.

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Sư tử cắn người, đâu chịu đuổi theo cục xương, y văn giải nghĩa, còn không bằng con chó đuổi theo cục xương nữa, mà còn muốn nó rống lên chụp người ném cục xương ấy, thì đâu có thể được!

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Chỉ vì lá bùa dán quá cao,

Giữ cửa vẫn bị quỷ thần vào.

Đâu bằng ở dưới thêm nhà lá,

Suối, mây, trăng, núi làm bạn nhau.

---o0o---

15. ĐA NGÔN ĐA LỰ, CHUYỂN BẤT TƯƠNG ƯNG

DỊCH

Nói nhiều lo nhiều, càng chẳng tương ứng.

LỜI KHAI THỊ

Như nước vào nước, như gương soi gương, tây được pháp trần lại kết thành kiến bệnh, làm cho tam thế chư Phật không nhà để về, lịch đại tổ sư chẳng có đạo để chứng. Vì thương xót quan tuần mù mắt phải xem số mạng cho KHÔNG VƯƠNG, đêm khuya lật bàn quẻ ra xem, hư minh lạnh lẽo tự soi nhau. Cho nên nói "ĐA NGÔN ĐA LỰ, CHUYỂN BẤT TƯƠNG ƯNG".

LỜI NGHĨA GIẢI

Người nghĩa giải cho rằng : Nói nhiều cách đạo càng xa. Lại nói "diệu tâm rộng nhiên chiếu soi, lấy tịch lặng của bậc Thánh làm tông. Còn dẫn chứng Tổ Đạt Ma dạy "Ngoài tuyệt các duyên, trong tâm không nghĩ tưởng". Ngoài tuyệt các duyên thì quên lời nói, trong không nghĩ tưởng thì hết niệm lo.

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Người dẫn chứng như thế rồi, vậy có tương ứng với tự tánh hay chưa? Nếu chưa, thì nói chi ngôn ngữ này nọ!

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Do lời hiển đạo, đạo quên lời,

Quên đến không lời cũng vọng truyền.

Thị phi thoát ra ngoài lời nói,

Hư không chẳng miệng biết nói Thiên.

---o0o---

16. TUYỆT NGÔN TUYỆT LỰ, VÔ XÚ BẤT THÔNG

DỊCH

Bật nói bật lo, chỗ nào cũng thông.

LỜI KHAI THỊ

Đạo Ngô múa hốt (cây hốt của quan triều đình), Thạch Củng gương cung, Tây Hà sư tử, Trường Sa mãnh hổ, chẳng những bấy giờ tiếng tăm lừng lẫy, cho tới ngày nay gia phong vẫn còn lưu truyền, đến dưới cửa Tổ Sư phải khiến dẫu chuột diệt mất. Tại sao như thế? Há chẳng thấy nói "Dùng nia đong gạo khác với cái lít, bàn ủi nấu trà không giống cái ấm". Cho nên nói "TUYỆT NGÔN TUYỆT LỰ, VÔ XÚ BẤT THÔNG".

LỜI NGHĨA GIẢI

Hoặc có người y văn giải nghĩa rằng : Bật nói thì đường ngôn ngữ dứt, bật lo thì chỗ tâm hành diệt; đường ngôn ngữ dứt thì tịch mà chiếu, chỗ tâm hành diệt thì chiếu mà tịch. Đến đây, Như Lai Thiên và Tổ Sư Thiên có thể xỏ chung một râu, cũng có cỗ nhân bảo họ thôi đi nghỉ đi, khoé miệng lên meo, trên lưỡi mọc cỏ v.v... đều không ngoài lý này.

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Lãnh hội như thế, giống như để nước đá trên ngọn lửa hồng, thật là không biết mắc cỡ. Nếu quả như lời nói ấy, thì đâu cần Tổ Sư từ Tây Trúc sang!

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Bật nói bật lo đồng người gõ,

"Khi nào thành Phật", Vĩnh Gia chê.

Chưa ngộ trước lời thông huyền chỉ,

Dem một mảy lông ngăn thiết vi.

17. QUY CĂN ĐẮC CHÆ, TÙY CHIẾU THẮT TÔNG

DỊCH

Trở về cội gốc thì được ý chỉ, đuổi theo chiếu soi lại mất bản tông.

LỜI KHAI THỊ

Như thế, như thế, cho Tây làm Đông; chẳng như thế, chẳng như thế, nhận có là không. Chẳng như thế ở nơi như thế, giống như dùng lưới bắt gió, như thế, ở nơi chẳng như thế, như dùng giấy ướt để nhốt cọp. Tại sao? Há chẳng nghe nói "QUY CĂN ĐẮC CHÆ, TÙY CHIẾU THẮT TÔNG" ư!

LỜI NGHĨA GIẢI

Một số người khéo suy lường rằng : "Bật nói bật lo" là trở về cội, "nơi nào cũng thông" là đắc tông chỉ. Nếu người lãnh hội theo nghĩa "về cội đắc chỉ" đó, thì lại đuổi theo chiếu soi làm lạc mất tông chỉ rồi. Nhưng CỘI vốn không chỗ về, CHÆ cũng chẳng thể đắc, chẳng rõ nghĩa này, tự sanh vọng chấp, nói là TÙY CHIẾU, nếu còn dấu tích chữ CHIẾU, thì tâm tông của chư Phật chư Tổ đã lạc mất quá lâu rồi.

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Quả có lời nói này ư? Nếu thật như thế, thì cũng như kêu những Phật Tổ từ xưa dên đây ăn gậy sắt của Diêm La Vương. Tại sao? Vì họ QUY CĂN ĐẮC CHÆ vậy!

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

TÙY CHIẾU, QUY CĂN đồng một việc

Chẳng cần đặc biệt hiển gia phong.

Tâm trộm chưa chết trước cơ xảo,

"ĐẮC CHÆ" đâu khác sự "THẮT TÔNG".

---o0o---

18.TU DU PHẢN CHIẾU, THẮNG KHƯỚC TIỀN KHÔNG

DỊCH

Phản chiếu chốc lát, hơn cả KHÔNG kia.

LỜI KHAI THỊ

Thấy đến, hành đến, Tông thông thuyết thông, hiển lộ con mắt trời người, mở ra tấm lòng Phật Tổ. Ngược với vật, đuổi theo vật, giống như khác chẳng phải khác, giết người cứu người, nói đồng chẳng đồng, đều cho đê ngang xuống một lượt, nửa đêm cửa biển mặt trời hồng.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói : "TU DU PHẢN CHIẾU, THẮNG KHƯỚC TIỀN KHÔNG", hạng người gương nói đạo lý rằng : Đem sáng, tối, sắc, không, dẫn nghĩa quy về tự kỷ gọi là PHẢN CHIẾU. Phải biết không chẳng tự không bởi tâm nên không; có chẳng tự có, bởi tâm nên có, chúng sanh xa trái tự tâm, vọng thấy Không và Có, mà muốn theo nó hay bỏ nó, đều gọi là điên đảo.

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Lời nói đoán sai. Dưới cửa Thiền Tông, tìm tâm trọn chẳng thể được, ai là người điên đảo?

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Vốn chẳng phải chiếu đâu cần chiếu,

Nói chi chốc lát với lâu dài.

Hễ được kiến tánh siêu danh tướng,

Hai việc lâu mau nghĩa đều sai.

---o0o---

19. TIỀN KHÔNG CHUYỂN BIẾN, GIAI DO VỌNG KIẾN

DỊCH

Không kia chuyển biến, đều do vọng kiến.

LỜI KHAI THỊ

Lư hương chùa cổ, lụa trắng một sợi, ngay đó siêu việt sanh tử, đều là rơi vào phương tiện. Xưa nay chẳng tin tâm tự mê, lại nói Phật pháp không linh nghiệm. Dù có linh nghiệm, ngay đó liền thành Phật, thì vào địa ngục mau như tên bắn.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói: "TIỀN KHÔNG CHUYỂN BIẾN, GIAI DO VỌNG KIẾN", người nghĩa giải cho rằng : Có là vọng, Không cũng là vọng. Không và Có theo duyên thay đổi chẳng nhất định, muốn được lìa vọng, phải bài trừ cả hai.

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Thôi thôi! Trừ thì mặc tình cho y trừ, nhưng chẳng biết cái vọng sở trừ và cái tâm năng trừ đều chẳng lìa vọng. Nếu chẳng thể luôn cả cái "trừ" đều trừ sạch, muốn thoát khỏi cảnh duyên vọng, khó mong có ngày. Vậy có phương tiện nào để trừ luôn cái "Trừ"?

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

KHÔNG đâu có biến, biến phi KHÔNG,

Trong mắt đừng có chứa núi sông.

Ba Tư đáy nước thôi đá lửa,

Mặt trời bay lên cửa biển đông.

---o0o---

20. BẤT DỤNG CẦU CHƠN DUY TU TỨC KIẾN

DỊCH

Chẳng cần cầu chơn, chỉ cần dứt kiến (tri kiến)

LỜI KHAI THỊ

Dụng đứng xương sống như sắt, cầm ngang cây kiếm dài như trời, trong lúc động tịnh nhàn rộn, tất cả nhồi thành một khối. Đã tinh chuyên, lại dũng mãnh, đối với sự thành Phật làm Tổ, chẳng cách một hạt bụi, dụng nhằm Tam Tổ nói nhỏ với Ngài rằng "Khéo léo xem phương tiện, chẳng cần cầu chơn, chỉ cần dứt kiến".

LỜI NGHĨA GIẢI

Người học giáo lý cho rằng : Kiến chấp có 62 thứ, pháp số nêu ra đủ thứ, chẳng ra ngoài 2 kiến : Đoạn và thường. Cầu chơn rơi vào đoạn kiến, theo vọng rơi vào thường kiến. Kinh Lăng Nghiêm nói "Nói vọng để hiển chơn, Vọng, Chơn là hai vọng, Phi chơn phi chẳng chơn, nói chi kiến sở kiến". Hễ lia được tất cả kiến thì toàn thể tức chơn, chẳng cần cầu vậy.

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Phải thì cố nhiên là phải, nhưng Tổ Sư nói "CHẼ CẦN DỨT KIẾN", vậy kiến làm sao dứt? Nếu như có cái lý của dứt kiến, thì cái lý đó cũng trở thành kiến rồi!

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Tác ý cầu chơn, chơn liền ẩn,

Tận tình dứt kiến, kiến càng sanh.

Ngay cửa dù chẳng trông gai góc,

Nhưng đã không ai có lối đi.

21.NHỊ KIẾN BẤT TRỤ, THẬN VẬT TRUY TÂM

DỊCH

Nhị kiến đối đãi chẳng trụ, chớ nên đuổi theo để tìm.

LỜI KHAI THỊ

Dùng mũi kim gạt sắt, nơi mặt Phật cạo vàng, nói KHÔNG thì may may chẳng cách, nói CÓ thì bậc Thánh khó tìm. Ban ngày không thấy đường, nửa đêm lại sáng tỏ. Tuyệt đối đãi, lia cổ kim, người đời đều biết Hồ Hải rộng, xuất ngoại mới thấy nước bùn sâu.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói : "NHỊ KIẾN BẤT TRỤ, THẬN VẬT TRUY TÂM, người nghĩa giải cho rằng : Đã chẳng trụ vọng, cũng chẳng trụ chơn, luôn cái chẳng trụ cũng không trụ, chính ngay khi ấy đủ thứ đại dụng, tất cả toàn chơn, đâu cần lia cái này để tìm cái khác!

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Ý! Như những lời nói tương tự này, có ai không chứa một bụng hay nửa bụng, nhưng muốn gần bên cạnh Tổ Sư thì chưa được.

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Các pháp bốn lai vô sở trụ,

Nơi vô sở trụ bất truy tâm.

Đêm qua Tây Đỉnh mặt trời lặn,

Sáng nay y cũ chiếu rùng sâu.

22.TÀI HỮU THỊ PHI, PHÂN NHIÊN THẤT TÂM

DỊCH

Vừa có thị phi, thì lãng xãng lạc mất bản tâm.

LỜI KHAI THỊ

Căn chằng lợi độn, đạo chằng cạn sâu, Thiên tông có một câu :

"Phi cô phi kim", mò không đụng đáy. Tỉnh tọa nơi Đại-viên-cảnh-trí, dù được đụng đáy lại sâu vào rừng rậm tà kiến, Di Lạc, Thích Ca tự biết chằng có phần, con chồn, con trâu ráng nín sự tức cười.

Đêm cười ngựa sắt chìm đáy biển,

Mò được mũi kim hồi năm xưa.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói "TÀI HỮU THỊ PHI, PHÂN NHIÊN THẤT TÂM", người ở tông lâm thường nói : Khắp mười phương thế giới là sa môn tự kỷ, khắp mười phương thế giới là cô Phật pháp thân. Cho nên nói : lãng xãng chằng phải vật khác, tung hoành đâu phải bụi trần, chằng thị cũng chằng phi, mỗi mỗi đều từ trong tâm diệu minh chảy ra.

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Những lời nói này, tông lâm gọi là việc thương lượng bình thường, cũng gọi là câu nói chuyên thân (vô trụ), ai cũng dùng 2 câu này để dẫn chứng, xưa nay không biết đã làm ô nhiễm bao nhiêu tâm địa trong sạch, nên bậc đạo nhân chơn thật, quở nó là tạp độc, mắng nó là nước miếng con chồn, có người nào không chịu sự ma mị ấy chằng! Cần phải mưa hết cho mau.

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Nói có thị phi, không thị phi,

Nhà lớn cửa mở đợi ai vào.

Gai gốc đầy trời ngang đường cái,

Đi qua ai chẳng bị vương y.

---o0o---

23.NHỊ DO NHẤT HỮU, NHẤT DIỆC MẠC THỦ

DỊCH

Hai do một mà có, một cũng đừng nên giữ.

LỜI KHAI THỊ

Mặt trời mọc, mặt trăng lặn, trời đất lâu dài, chỉ có Châu Kim Cang (Đức Sơn) không việc làm. Cầm ngang cây gậy đi dọc đường, có ai hỏi ý Tổ Sư từ Tây Trúc sang, nếu chẳng đánh vào sống lưng thì chụp ngay ngực, rồi nói "Ngậm miệng chớ lại", làm cho sum la vạn tượng híp mắt cười ha hả. Muốn đến nơi phải đợi ba mươi năm sau.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói: "NHỊ DO NHẤT HỮU, NHẤT DIỆC MẠC THỦ", người nghĩa giải cho rằng : Vừa theo hai, liền mê một, vừa giữ một, liền sanh hai. Nên biết : Hai là chơn vọng, một là tự tâm, cái "HAI" của chơn vọng đã trừ, cái "MỘT" của tự tâm chẳng trụ, gọi là giải thoát trên đường đạo lớn vậy.

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Những lời nói này, ghi nhớ trong lòng cho là tham học, chẳng những chưa đủ tư cách để ăn gậy của Đức Sơn, mà gậy sắt của Diêm La Vương lại không thể thiếu phân cho ông.

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Bảo y một pháp cũng đừng giữ,

Chẳng biết "đừng giữ" chưa thật nghèo.

Đâu bằng say rượu nằm trên thảm,

Rải ném vàng ròng cho mọi người.

---o0o---

24.NHẤT TÂM BẤT SANH, VẠN PHÁP VÔ CỨU

DỊCH

Một tâm chẳng sanh khởi, muôn pháp chẳng đúng sai.

LỜI KHAI THỊ

Tô Châu có, Thường Châu có, sáu lần sáu = ba mươi sáu, bảy lần bảy = bốn mươi chín. Am chủ dựng lên năm tay, Bá Trượng mở ra hai bàn (tay), sản xuất túi cơm (ám chỉ Tổ Sư) một ngàn bảy, hiện ra đầu thần mặt quý. Con tôm đâu từng ra khỏi lưới.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói: "NHẤT TÂM BẤT SANH, VẠN PHÁP VÔ CỨU", người nghĩa giải dẫn chứng kinh luận rằng : "Tâm sanh mỗi mỗi pháp sanh, tâm diệt mỗi mỗi pháp diệt. Các pháp chẳng tự sanh, các pháp chẳng tự diệt, đều do một tâm biến hiện, một tâm không sanh, các pháp thường trụ". Cho nên người xưa có lời nói : "Trâu sắt không sợ sư tử rống, giống như người gỗ thấy chim, hoa", chính là nghĩa này vậy.

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Đúng thì đúng rồi! Nhưng Ngài Vĩnh Gia lại nói : "Ai vô niệm, ai vô sanh? Nếu thật vô sanh thì vô bất sanh, kêu người gỗ-máy đến hỏi thử, dụng công cầu Phật lúc nào thành? Vậy lời nghĩa giải trên dường như trái ngược; xin hỏi : Bất sanh là phải, hay vô bất sanh là phải? Thử xác định xem!

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Vạn pháp xưa nay chẳng đúng sai,

Một tâm đầu có sanh, bất sanh.

Lòng từ dãn dò dù tha thiết,

Tiếng sáo chẵn trâu khó hợp đàn.

---o0o---

25.VÔ CỬU VÔ PHÁP, BẤT SANH BẤT TÂM

DỊCH

Chẳng đúng sai thì chẳng phải pháp, cũng chẳng sanh cái tâm chấp "chẳng phải tâm".

LỜI KHAI THỊ

Núi Thái Hoa không hiểm, Biển mênh mông không sâu, bài thơ "Nguyệt thực" của Lu Đồng đầu có khó đọc, Khúc "Thái Cổ" của Bá Nha thật có tri âm, chỉ có "Ám Hiệu Tử" của Đông Sơn nắm thì không kẽ hở, buông thì rất khó tìm, làm phiền bao nhiêu người lạnh lợi, chen lấn tranh giành đến ngày nay.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói: "VÔ CỬU VÔ PHÁP, BẤT SANH BẤT TÂM", người nghĩa giải cho rằng : hai câu này là ngược lại hai câu trên. Nói "KHÔNG ĐÚNG SAI" thì muôn pháp tự tiêu, "KHÔNG SANH" thì một tâm tự tịch, Pháp tiêu tâm tịch, bản thể của chí đạo rõ ràng, chẳng đợi đắc mà đắc rồi.

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Xưa kia tăng hỏi Triệu Châu : "Học nhân mới vào tòng lâm, xin thầy chỉ dạy" Châu hỏi "ăn cháo rồi chưa?" Tăng nói : "Ăn rồi". Châu nói : "Rửa chén bát đi!" Tăng ấy ngộ liền. Vậy tăng ấy lúc bấy giờ ngộ chẳng đúng sai ư? Ngộ chẳng phải pháp ư ? Ngộ không sanh ư? Ngộ chẳng phải tâm ư? Xin xác định xem!

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Chỉ vì lỗi chấp chẳng đúng sai,

Sanh tâm đều bởi chấp "không sanh".

Đêm lạnh vượn khóc trăng đỉnh núi,

Khác đường xưa nay không thể hành.

---o0o---

26.NĂNG TÙY CẢNH DIỆT, CẢNH TRỤC NĂNG TRÂM

DỊCH

Năng theo cảnh diệt, cảnh theo năng mất.

LỜI KHAI THỊ

Đem một lớp khử bỏ một lớp, đường xa mới biết sức ngựa; chẳng đem một lớp khử bỏ một lớp, lâu ngày mới thấy lòng người. Công án 2 lớp; chân đã đuổi thì không rút, ngoài 3000 dặm ai là tri âm?

Từ khi mùa đông người đã về,

Mấy đám mây xuân bọc núi xanh.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói : "NĂNG TÙY CẢNH DIỆT, CẢNH TRỤC NĂNG TRÂM", người nghĩa giải dẫn chứng lời Vĩnh Gia rằng : "Cảnh không trí thì chẳng rõ, trí không cảnh thì chẳng sanh; trí sanh do rõ cảnh mà sanh, cảnh rõ do trí sanh mà rõ". Nên biết NĂNG là một tâm, CẢNH là các pháp, năng tức tên khác của trí, cảnh tức biệt hiệu của pháp, cảnh diệt thì tâm năng rõ cũng diệt, tâm không thì cảnh sở hiện cũng mất. Năng và cảnh giúp nhau tồn tại, nhiếp nhau dung thông, vốn không ngăn cách, người không rõ nghĩa này nên gọi là mê.

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Theo lời nói như vậy, gọi là liễu ngộ được chăng? Chẳng những không liễu ngộ, lại như người đói khát ăn muối, càng thêm đói khát mà thôi.

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Đồng biết ánh sáng do đèn hiện,

Cùng nói làn sóng nhờ nước sanh.

Nước cạn, đèn tắt, sóng, ảnh hết,

Mới đáng ngoài cửa ăn roi Tô.

---o0o---

27. CẢNH DO NĂNG CẢNH, NĂNG DO CẢNH NĂNG

DỊCH

Cảnh do năng thành cảnh, năng do cảnh thành năng.

LỜI KHAI THỊ

Đại Tạng kinh điển là giấy vụn năm xưa, ngàn bảy công án là dây

dưa mục nát, cũng như lá vàng gạt con nít nín khóc, khác chi

đốt ngọn đèn dưới ánh sáng mặt trời! Đẹp qua lớp này rồi lại có

một lớp nữa, có mấy ông tăng được thoát khỏi những sự lừa gạt này ?

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói : "CẢNH DO NĂNG CẢNH, NĂNG DO CẢNH NĂNG". Có người y văn giải nghĩa rằng : Cảnh chẳng tự cảnh, vì năng nên cảnh; năng chẳng tự năng, vì cảnh nên năng, năng nhờ cảnh mà sanh, cảnh nhờ năng mà

khởi. Phải biết ngoài tâm chẳng pháp, sanh mà bất sanh; ngoài pháp chẳng tâm, khởi mà phi khởi. Tổ Sư đến đây, đem nhất tâm vạn pháp vò thành viên kẹo, chỉ muốn y vui vẻ nuốt vào.

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Hỏi ngược lại họ : "Ông đã từng nuốt được hay chưa? Nếu như chưa, vậy cả thế giới có ai nuốt được chẳng? E rằng sau này viên sắt lửa hồng chắc có phần cho ông!

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Vì năng sanh sở, sở sanh năng,

Năng sở đều quên, sanh "Bất Sanh".

Ốc Trai hút cạn nước biển cả,

Trên nhánh san hô nửa đêm trăng.

---o0o---

28.DỤC TRI LƯƠNG ĐOẠN, NGUYỄN THỊ NHẤT KHÔNG

DỊCH

Muốn biết "hai đoạn", vốn là "một-không".

LỜI KHAI THỊ

Không mà chẳng không, cây gậy sừng thỏ chống bẻ núi bạc vách sắt ; chẳng không mà không. Phát trần lông rùa mở ra gió mát trăng thanh. Động Sơn "ba cân mè", dính da dính xương; Vân Môn "cục cứt khô", kẹt vỏ kẹt ruột. Trước mặt nạp tảng thả qua không được, dưới cửa Tổ Sư tái phạm khó tha. Thường khiến trong bụng như kim chích, quăng xuống trong biển rộng sóng to.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói: "DỤC TRI LƯỠNG ĐOẠN, NGUYÊN THỊ NHẤT KHÔNG". Người nghĩa giải cho rằng : Nói "HAI ĐOẠN" là chỉ tâm pháp của đoạn trên. Nói "MỘT KHÔNG" chẳng phải là cái ngoan không của Thái hư, cũng chẳng phải là cái "không" đoạn diệt của Tiểu-thừa, là cái chơn không vô tướng của linh giác. KHÔNG này là nguồn gốc của chư Phật, là mẹ của vạn linh. Chẳng tiếng chẳng mùi, rõ ràng ở trước các vật. Chẳng hữu chẳng vô, hiển bày bên ngoài lục trần.

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Đã là KHÔNG thì chẳng nên có biết, đã có biết thì chẳng nên gọi là không. Nếu chưa từng nắm tay với Tổ Sư, đích thân đến Biên Giác của Chơn Không, thì nói chi ngôn ngữ này nọ!

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Đào được kho tàng trong chiêm bao,

Lại cười loan phụng lên Bảo Đài.

Suốt đêm vui mừng không kể xiết,

Sáng ngày tỉnh dậy dạ ngân ngơ.

---o0o---

29.NHẤT KHÔNG ĐỒNG LƯỠNG, TỀ HÀM VẠN TƯỢNG

DỊCH

Nói một cái KHÔNG đã đồng với hai, một và hai cùng bao hàm vạn tượng.

LỜI KHAI THỊ

Một câu không ích kỷ, muôn người đồng ngưỡng mộ. So bằng vai tổ. Cơ xảo qua bàn tay, Đại Điền đánh thủ tọa; gom tuyết để chôn vàng, Hưng Hóa phạt Duy Na, ra tiếng để ngưng âm thanh. Duy có Thạch-Cảm-Đương,

quanh năm suốt tháng, ló đầu ra trước trăm ngàn chúng, xưa nay chẳng ai biết tán thưởng.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói : "NHẤT KHÔNG ĐỒNG LƯƠNG, TÈ HÀM VẠN TƯỢNG". Người nghĩa giải cho rằng : Tâm chẳng khác với pháp. Là một KHÔNG đồng hai; pháp chẳng khác với tâm, là cùng hàm vạn tượng. Sở dĩ người xưa nói "Thấy sắc liền thấy tâm, chẳng sắc, tâm chẳng hiện", lại trong kinh nói "Sum la và vạn tượng, do một pháp ấn định", nên Tổ Sư sáng tỏ nơi đây.

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Giảng kinh thì cho người giảng, nhưng muốn thấy ý chỉ Tổ Sư, khác gì đi Trịnh Châu ra cửa Tào Châu.

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Một chẳng phải chiếc, hai chẳng đôi,

Trăng lạnh đêm khuya, bóng in sông.

Ánh sáng nuốt hết cả vũ trụ,

Còn đời bóng mai lên cửa song.

---o0o---

30. BẤT KIẾN TINH THÔ, NINH HỮU THIÊN ĐẰNG

DỊCH

Chẳng thấy tinh tế thô sơ, đâu có thiên lệch một bên.

LỜI KHAI THỊ

Thiên gọi quan ải, giáo gọi cương yếu, cứu vớt chúng sanh trong tam giới, thi đậu "TÂM KHÔNG" là tiêu biểu, dụng nhằm thẳng không ý chí (tự tánh), móc xiềng xích, mở thắt kết, muôn mắt nhìn thẳng, muốn mở mà

chẳng mở; trăm người giơ tay, muốn tát mà chẳng tát, đạo giả vô tâm vốn nên như thế, đâu phải khoe tài trước mặt mọi người. Cho nên nói : "BẮT KIẾN TINH THÔ, NINH HỮU THIÊN ĐẰNG".

LỜI NGHĨA GIẢI

Người nghĩa giải cho rằng : Tâm và pháp đã không, năng và sở đều bật, thì chúng sanh, chư Phật đồng bản thể, mê ngộ chẳng khác, nên dẫn chứng lời "tức tâm minh" nói : "Đâu quý đâu tiện, đâu nhục đâu vinh, đâu đắc đâu thất, đâu trọng đâu khinh, một đạo hư tịch, vạn vật bình đẳng".

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Nói chứng cũng giống như được chứng, nhưng vì sự chứng quá giống nhau đi, lại trở thành không giống nhau rồi. Vậy thế nào là chỗ không giống nhau? Thử xác định xem!

KỆ KẾT THỨC, RẰNG

Hét ra tiếng sét khó bịt tai,

Tò vò vác biên vào mi muỗi.

Heo bùn, chó ghẻ cùng mở mắt,

Tam thế Như Lai trọn chẳng hay.

---o0o---

31 ĐẠI ĐẠO THỂ KHOAN, VÔ DỊ VÔ NAN

DỊCH

Bản thể đại đạo rộng khắp hư không, chẳng có khó dễ đối đãi.

LỜI KHAI THỊ

Trộm được y bát vào tay, biết nói "chẳng phải gió động, chẳng phải phướn động", ngoài y-kim-lan ra còn có vật gì khác? Xô ngã cây nêu trước cửa, hai

ông này vô sự sanh sự, dối người dối mình. Bỏ lại không kể hờ, xuyên tạc chẳng dính dáng. Có hiểu được chăng?

Một lần gặp nhau một lần già,

Một lần gió thổi một lần lạnh.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói: "ĐẠI ĐẠO THỂ KHOAN, VÔ DỊ VÔ NAN", người nghĩa giải cho rằng : Việc này vốn bao trùm như nguyệt hư không, Phật Tổ chẳng biết tên, đại địa chớ không nổi, như trời che khắp, như đất nâng khắp, mỗi mỗi viên mãn, người người đầy đủ, đâu còn khó dễ gì để nói! Đây nói KHÓ DỄ là tại người chẳng tại pháp, hễ tin tự tâm là Phật thì dễ, chẳng tin tự tâm là Phật thì khó.

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Theo sự thấy nghe của tôi lại khác; Hễ tin tự tâm là Phật thì khó, chẳng tin tự tâm là Phật thì dễ, vậy cái lý cao tột ở chỗ nào? Lời này hãy gác lại, cũng như Bàng Cư Sĩ nói : "Khó, khó, mười giạ hạt mè bày ra trên cây", Bà Bàng nói : "Dễ, dễ, ý Tổ Sư trên đầu trăm cỏ". Linh Chiếu nói : "Chẳng khó cũng chẳng dễ, đói thì ăn cơm, mệt thì ngủ". Chỗ này nếu phân biệt được 3 cái lưỡi hay dờ của họ, thì sự khó dễ có thể ngay đó lãnh hội. Nếu không, dầu cho người hiểu theo lời nói, nói "chẳng dễ chẳng khó", đâu khác gì con lừa mù muốn đuổi kịp theo bầy, vừa bước chân đã không có đường để đi rồi.

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Bày mè trên cây, mệt thì ngủ,

Nói "đầu trăm cỏ" của ý Tổ.

Ba người đều là không có mắt,

Mò rào mò vách lúc nào thôi.

32. TIÊU KIẾN HỒ NGHI, CHUYỀN CẤP CHUYỀN TRÌ

DỊCH

Sự thấy nhỏ hẹp có chút hồ nghi, muốn gấp lại càng trễ.

LỜI KHAI THỊ

Chuyên tự kỷ vào sơn hà, trâu sắt chìm đầm to; chuyên sơn hà vào tự kỷ, voi già lún bùn sâu. Tự kỷ sơn hà ném bỏ một lượt, lò rèn các nơi không thể thiết lập. Có thiết lập, chẳng khác nắm tay dọa trẻ con.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói: "TIÊU KIẾN HỒ NGHI, CHUYỀN CẤP CHUYỀN TRÌ", người nghĩa giải cho rằng : Tất cả chúng sanh, từ trước khi kiếp-không (chưa có trời đất) đã cùng tam thế chư Phật đồng thành chánh giác, vốn chẳng thiếu kém, vì tâm này không rõ, tự rơi vào ngu mê mà chẳng biết. Thế nên, chư Phật chư Tổ dùng trăm ngàn phương tiện dẫn dắt khích lệ, khiến họ ngộ nhập. Sở dĩ nói : "Vì một đại sự nhân duyên xuất hiện trên đời", là việc này vậy. Bởi do người chẳng tin tự tâm là Phật mà muốn tìm cầu ở ngoài tâm, cho nên bị quở là TIÊU KIẾN. Phải biết tâm này vốn sẵn đầy đủ, nói là "mau được thành Bồ Đề" đã thành lời thừa, thật ra đâu có sự mau hay trễ ư!

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Thế thì, hiện nay gọi cái gì là Phật? Nếu chỉ bày không ra, bệnh ở chỗ nào?

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Trời há cho ngồi đáy giếng dòm,

Tận cùng sức thấy cũng thành nghi.

Trở mình nhảy ra ngoài hư không,

Nhướng mày mở mắt đã trễ rồi.

---o0o---

33.CHẤP CHI THẤT ĐỘ, TẤT NHẬP TÀ LỘ

DỊCH

Chấp thật thì lạc mất tông chỉ, ắt phải rơi vào đường tà.

LỜI KHAI THỊ

Núi vô trùng số (bất nhị), nước vô trùng số, Thiện Tài ở trong tiếng khảy móng tay thấy lầu các của Ngài Di Lạc cũng vô trùng số, Chơn nhân Vô-Địa-Vị giữa đường gặp thấy việc bất bình, dùng cây gậy gạch một gạch trên không, mười vạn tám ngàn đường lối năm gom một lượt, rồi quày đầu lại hét to rằng : "Tình xuyên lịch lịch hán dương thọ, phương thảo thê thê Anh-Võ-Châu".

(Cỏ non biêng biếc đảo Anh-Võ,

Nắng dọi Trường Giang cây Hán Dương).

Vì sao như thế? há chẳng thấy Tổ Sư nói: "CHẤP CHI THẤT ĐỘ, TẤT NHẬP TÀ LỘ".

LỜI NGHĨA GIẢI

Gần đây có một số người ở vào địa vị làm thầy, thấy người nói "Khán thoại đầu của cổ nhân, làm công phu miên mật, chẳng uổng phí thời gian để tham cứu việc mình", liền dẫn chứng hai câu này để bài xích, đối với "CHẤP CHI THẤT ĐỘ", cho là Phật Pháp đâu có việc này, bởi tất cả sẵn sàng, sao chẳng tự nhận lấy? Lại cố làm bộ điệu của người chết làm chi!

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Nói thế cũng đúng, nhưng không xét đến nguồn gốc, chẳng biết ý Tổ Sư là trách cái chấp sau khi ngộ. Há chẳng thấy Phật Nhãn nói : "Có một hạng người cỡi lừa tìm lừa, lại có hạng người biết được là lừa rồi mà cứ cỡi mãi không chịu xuống", chính là nói hạng người này chấp lý đã ngộ mà chưa thể quên. Bên ngoài chấp pháp sở ngộ, bên trong chấp tâm năng ngộ, cổ nhân

quở là pháp trần, cũng là gai gốc tri kiến. Cho nên Dược Sơn nói vừa có sở trọng, liền thành hang ổ, đều là chấp lý đã ngộ, khiến cho lý ngộ chẳng quên, cho là thật có việc này. Do thấy pháp chẳng viên thông, thành sở chấp của ngoại đạo. Đang mê mà cầu ngộ thì dễ, đã ngộ muốn quên lý thì khó, nếu không gặp bậc đạo sư chơn chánh thẳng tay gõ cùm tay chân, đánh đập thống thiết, thì rốt cuộc không thể đến chỗ tự thôi nghi. Đối với thuyết này, ông có vừa lòng chăng?

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Chấp tâm chưa hết hoa thường rụng,

Thất kết đã trừ, quả không xa.

Cứ theo đường tà đi khi trước,

Quay đầu mới thấy mình trần truồng.

---o0o---

34. PHÓNG CHI TỰ NHIÊN, THỂ VÔ KHỨ TRỤ

DỊCH

Buông thì bản thể tự nhiên, vốn chẳng có đi và ở. (Buông : vô trụ).

LỜI KHAI THỊ

Cơ xảo hướng thượng, câu chuyên ngữ cuối cùng, cửa đã mở sẵn. Lòng từ của chư Tổ luôn luôn nhắc nhở hành giả tham thiền ngay đó liền ngộ. Trăng nửa đêm chiếu trên cành hoa mai; ngộ được cứ ngộ, rạng đông say rượu cõi chim loan. Không cho là Phật pháp cao siêu, cũng không cho là phổ biến việc đời, vậy rốt cuộc như thế nào? Chẳng thấy Tổ Sư nói : "PHÓNG CHI TỰ NHIÊN, THỂ VÔ KHỨ TRỤ" hay sao!

LỜI NGHĨA GIẢI

Người nghĩa giải cho rằng : Tâm chấp đã trừ, tự nhiên tự do tự tại, chẳng chướng chẳng ngại mà động như mây bay, tịnh như cốc thần, đã vô tâm đối với này nọ, thì đâu có phân biệt đi ở? Kinh Viên Giác nói : "Bất cứ lúc nào,

chẳng khởi vọng niệm, đối với vọng tâm, cũng chẳng ngưng nghỉ, trụ nơi cảnh vọng, không cần hiểu biết, nơi không hiểu biết cũng chẳng cho là chơn thật không hiểu biết". Được như thế thì gần với đạo rồi, nghĩa là tình chấp thánh phàm đều sạch, thì bản thể chơn thường hiển lộ, tuyệt hẳn cảnh duyên hư vọng, tức là như như chơn Phật.

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Chửi nhau cho người tạt nước cũng được, nếu đối với ý Tổ Sư, dầu cho người đem tất cả Đại Tạng kinh điển đều mưa ra, cũng chỉ thành nghiệp thức mênh mông mà thôi.

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Kiến văn giác tri đều bỏ hết,

Vốn chẳng tự nhiên lại tự nhiên.

Ông đi nước Tần, ta nước Lỗ,

Đỉnh đầu ai chẳng đội trời xanh.

---o0o---

35.NHỆM TÁNH HỢP ĐẠO, TIÊU ĐẠO TUYỆT NẢO

DỊCH

Tự tánh là đạo, vốn chẳng phiền não.

LỜI KHAI THỊ

Bùi Tướng Quốc (Bùi Hưu) ôm Phật đến xin đặt tên, Đường Trang Tông đắc được một báu vật ở Trung Quốc, vua chẳng bị địa vị cao cả dòi dôi, Thần chẳng bị việc khắp nước nhiều loạn. Nạp tăng tham thiền giẫm bước khắp mười phương, hình thể chẳng bị vật gì trói buộc, lâu ngày chày tháng ngồi tại chỗ vô sự, vì sao lại chẳng thể đứng như tự tánh? Do cái gì làm chướng ngại?

Năm năm khô héo rừng Bát Nhã,

Năm năm tăng trưởng cỏ vô minh.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói : "NHẬM TÁNH HỢP ĐẠO, TIÊU DAO TUYỆT NÃO", người nghĩa giải cho rằng : Người Tâm-Không thi đậu tánh chẳng cần nhậm (mặc kệ) mà tự nhậm, đạo chẳng cần hợp mà tự hợp, tự do như mây ra trên núi, tự tại như trăng đi trên không, trong Đại-Viên-Cảnh (tự tánh) có ai chẳng phải vậy?

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Phật Ấn Nguyên Hòa Thượng nói : "Cái cảnh đã ngộ khó nói cho người chưa ngộ hiểu, như với người mù bẩm sinh, nói cho biết mặt trời sáng tỏ, họ dù nghe mà chẳng thể biết được". Hay người chưa từng buông tay nhào xuống vực thăm (chưa từng ngộ), mà lại dùng lời "NHẬM TÁNH HỢP ĐẠO" để dẫn chứng, thì cũng như người đói nói ăn mà không ăn, lại tự nói "đã no", há chẳng phải là dối người ư?

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Mặc cho pháp tánh tự hợp đạo,

Bệnh của Tâm Vương càng khó lành.

Lại muốn cầu cho tuyệt phiền não,

Ba trăm roi sắt chưa phải nhiều.

---o0o---

36.HỆ NIỆM QUAI CHƠN, HÔN TRẦM BẤT HẢO

DỊCH

Nổi niệm thì bị niệm buộc, thành trái với chơn không niệm thì hôn trầm chẳng tốt.

LỜI KHAI THỊ

Đại Tạng giáo điển là sợi dây xích chân, thân vàng trượng sáu (Thân Phật) là một cọng cỏ. Một tiếng hét điếc tai ba ngày của Bá Trượng, một giỏ trâu trút ra của Ngưỡng Sơn. Những lời nói này là miếng ngói hay là châu báu? Nếu ông nói "câu PHẢI cũng quét, câu CHẴNG PHẢI cũng quét; chính là ăn táo mà nuốt hột.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói "HỆ NIỆM QUAI CHƠN, HÔN TRẦM BẮT HẢO", người nghĩa giải dẫn chứng trong kinh nói "Tâm chẳng bị đạo trói, cũng chẳng gây nghiệp, ấy là người đắc đạo". Hoặc dẫn chứng lời Đức Sơn nói "Mấy may hệ niệm là nghiệp nhân tam đồ", còn nói : "Hành giả tham cứu, vừa có mấy may tình chấp mê ngộ, thánh, phàm, thì bị tri kiến mê ngộ thánh, phàm làm mù", cần phải một vật chẳng dính mắc muôn duyên đều tẩy sạch, mới có thể hợp với chỗ thấy của Cổ nhân.

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Đừng phi báng cổ nhân nhé! Cổ nhân nói với ông : "HỆ NIỆM QUAI CHƠN", nhưng chính cái "một vật chẳng dính mắc" đã là QUAI CHƠN, tức là bị niệm trói rồi.

KỆ KẾT THỨC, RẰNG

Hệ niệm trái chơn, chơn chẳng trái,

Hôn trầm chẳng tốt, tốt nơi nào?

Thùng sơn cứng chắc không lủng đáy (Chưa ngộ),

Thai trâu bụng ngựa đợi ông vào.

---o0o---

37. BẮT HẢO LAO THẦN, HÀ DỤNG SƠ THÂN

DỊCH

Tốt xấu không nên nhọc tinh thần, đâu cần phân biệt sơ hay thân.

LỜI KHAI THỊ

Triệu Châu khám phá rồi, thủy ngân không giả, Vân Môn lỡ lời rồi, A ngùy (phần người) chẳng chơn. Tham thiền không linh nghiệm, đụng đầu mê đó, sự thấy là cái gai góc trong mắt, việc nghe là cái bệnh của lỗ tai. Ủa! có việc như thế ư? Chỉ cần nói với họ : Ngẩng mặt ngó ngoài trời, xem ai ló đầu ra?

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói : "BÁT HẢO LAO THẦN, HÀ DỤNG SƠ THÂN, người nghĩa giải cho rằng : Do HỆ NIỆM thì trái với Chơn, đã trái với Chơn thì lao nhọc tinh thần, vì nhọc tinh thần ắt phân biệt sơ thân. Phải biết, HỆ NIỆM là cái nhân của sơ thân, SƠ THÂN là cái quả của hệ niệm. Tổ Sư nói hai chữ "KHÔNG CẦN" cũng như việc tự cắn rốn vậy.

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Lời nói này như theo hình mèo mà vẽ con mèo, đại khái vẽ ra cũng giống, nhưng chuột chết còn chẳng thể bắt được, huống là chuột sống ư? Nếu chẳng đích thân một dao cắt đứt mạng căn (chơn tham thật ngộ), thì những lời trên chỉ giúp cho việc luận đàm mà thôi.

KỆ KẾT THỨC, RẰNG

Tốt xấu chẳng nên nhọc tinh thần,
Dùng hết tinh thần càng chẳng thân.
Đâu bằng kẻ ngốc nơi thôn dã,
Ăn no nằm dài hợp thiên chơn.

---o0o---

38. DỤC THỦ NHẤT THỪA, VẬT Ó LỤC TRẦN

DỊCH

Muốn chứng lấy Nhất Phật Thừa, chớ nên chán ghét lục trần.

LỜI KHAI THỊ

Mắt là quang minh pháp thân, tai là âm thanh pháp thân, mũi là trang nghiêm hương pháp thân, lưỡi là thanh tịnh vị pháp thân, thân là phổ giác

pháp thân, ý là liễu tri pháp thân, đầy đủ sáu nghìn công đức, thành tựu Nhất-thiết-chủng-trí. Nhưng lúc tứ đại phân tán, xương thịt tan rã, lục căn đều biến diệt, vậy pháp thân đặt ở chỗ nào?

Việc buồn chớ kể với người buồn,

Kể với người buồn, buồn chết đi!

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói "DỤC THỦ NHẤT THỪA, VẬT Ồ LỤC TRẦN", người nghĩa giải cho rằng : NHẤT THỪA là biệt danh của tự tâm, lục trần, lục thức, lục căn là biệt hiệu của tự tâm, đâu có thể chứng nhất thừa mà ghét lục trần! Thế thì giống như yêu tay chân mà bỏ vai lưng vậy. Phải biết, Ngộ tâm này thì lục trần tức là nhất thừa, mê tâm này thì nhất thừa tức là lục trần. Bửu Tướng Quốc nói : "Nghịch nó tức phàm, thuận nó tức thánh". Kinh Lăng Nghiêm nói : "A Nan, người muốn biết cái câu sinh vô minh, là gốc thắt kết khiến người luân hồi trong sanh tử ấy, chính là lục căn của người chứ chẳng phải vật khác. Người lại muốn biết đạo vô thượng Bồ Đề khiến người mau chứng quả tự tại giải thoát, tịch lặng thường trụ ấy, cũng chính là lục căn của người chứ chẳng phải vật khác".

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Lý giải cũng giống như rất đúng, nhưng cần phải biết : Nhất thừa là hư vọng, lục trần là phi báng, ngoài hai lỗi này, còn tránh khỏi được vọng và báng hay không?

KỆ KẾT THỨC, RẰNG

Sắc, thanh, hương, vị và xúc pháp,

Lục trần xưa nay hợp nhất thừa.

Tình chấp lấy bỏ còn chưa dứt,

Lại nơi đất bằng nổi sóng to.

39.LỤC TRẦN BẤT Ồ, HOÀN ĐỒNG CHÁNH GIÁC

DỊCH

Chẳng cho lục trần là tốt hay xấu, thì đồng như chánh giác.

LỜI KHAI THỊ

"Ông Chủ!", Dạ, dạ, dạ!. Có đường chẳng đi, không dây tự trói. Nói "Lục trần là phải thì trái với chơn, nói lục trần là chẳng phải lại thành lỗi lầm lớn". Làm thì làm, một cọng cỏ hiện thân vàng ròng, đảo ngược cõi hạc bay lên trời.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói: "LỤC TRẦN BẤT Ồ, HOÀN ĐỒNG CHÁNH GIÁC", người nghĩa giải cho rằng : Chẳng có lục trần, cũng chẳng có chánh giác, đều chỉ là diệu tâm sáng tỏ. Gọi là lục trần cũng được, gọi là chánh giác cũng được. Ông nếu ở nơi diệu tâm sáng tỏ này có chỗ không rõ, thì gọi là chánh giác cũng không rõ, đâu có việc gì khác? Chỉ cái rõ và không rõ này, khiến Phật Tổ nhọc lười mỗi miệng phân ra những điều hơn kém, đều do chẳng tin tự tâm mà ra.

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Xưa có một tú tài, thi cử nhiều lần không đậu, bèn đốt bỏ bút mực, làm 1 bài thơ "Trở về quê", chê bai công danh như đám dãi. Nhưng đến kỳ thi năm tới, vẫn đi vào trường thi như cũ. Người nói lời này cũng chẳng khác như vậy.

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Chẳng ghét lục trần đồng chánh giác,

Đường vào cửa thiên vẫn xa xôi.

Cần phải ra tay bắt hư không,

Phật cùng chúng sanh chôn một hầm.

40. TRÍ GIẢ VÔ VI, NGU NHÂN TỰ PHƯỚC

DỊCH

Người trí tự tại vô tác, kẻ ngu dụng tâm tự trói.

LỜI KHAI THỊ

"Dời chỗ gò để lấp chỗ trống, cắt cái dài để nối cái ngắn", Trang Tử nói lời này tự cho là rất đúng, nhưng kiểm điểm lại, chỉ là tự sanh tính toán, so đo phân biệt. Duy có Mộc thượng tọa (tích trượng) chẳng tốt xấu, cũng chẳng đúng sai, toàn thân chỉ là đen thùi lùì, suốt năm dựa bên gốc thiền sàng.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói : "TRÍ GIẢ VÔ VI, NGU NHÂN TỰ PHƯỚC", người nghĩa giải cho rằng : Trí chẳng tự trí, do ngộ mà trí : ngu chẳng tự ngu, do mê mà ngu. Người trí ngộ tự tâm, tâm ngộ vốn vô tác, kẻ ngu mê tự tâm, tâm mê còn tự trói. Phải biết, cái vô tác của người ngộ, dù Quỷ thần trời đất cũng chẳng thể khiến cho họ tác; cái tự trói của kẻ mê, dù muôn hiền ngàn thánh cũng chẳng thể mở trói cho họ. Vậy trí và ngu đều do tâm tạo, đâu phải vật bên ngoài mà làm được!

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Chỉ thấy đầu dùi nhọn, chẳng thấy đầu đục vuông. Tại sao? Phải biết vô tác tức tự trói, tự trói tức vô tác. Nếu cho quả thật có hai lối, thì cách Tổ Sư quá xa rồi.

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Kẻ ngu tự trói cần phải mở,

Người trí vô tác trói chặt thêm.

Chẳng dùng dao kiếm đã cắt đứt,

Vì thương đồng tử mất thiên chơn.

41.PHÁP VÔ DỊ PHÁP, VỌNG TỰ ÁI TRƯỚC

DỊCH

Pháp chẳng là pháp, vọng tự chấp trước cho là pháp.

LỜI KHAI THỊ

Toàn thân là bệnh, toàn thân là thuốc, suy nghĩ chẳng đến, thoáng qua trước mặt. Thuốc tức là bệnh, bệnh tức là thuốc, trong hư không dễ nhào lộn, áo vải Thanh Châu khó mặc. Cũng chẳng bệnh, cũng chẳng thuốc, vạn tượng sum la một cục sắt, con lừa Dương Kỳ ba cái chân.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói: "PHÁP VÔ DỊ PHÁP, VỌNG TỰ ÁI TRƯỚC", người nghĩa giải cho rằng : Trúc xanh biêng biếc đều là Chơn-như, Hoa vàng ngào ngạt đều là Bát Nhã, tất cả thanh, sắc trong hư không pháp giới, tìm một tướng đồng bất khả đắc, tìm một tướng dị cũng bất khả đắc, lia 2 lối đồng dị này cũng bất khả đắc. Than ôi! Người chẳng rõ lý này, chấp Phật thì bị Phật ngại, chấp pháp thì bị pháp ngại, vậy chấp Phật pháp còn bị chướng ngại, huống là chấp những thứ khác ư!

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Pháp nếu có khác thì chấp trước mới có khác, Pháp đã chẳng khác thì chấp trước cũng chẳng khác, vì sao lại nói VỌNG TỰ CHẤP TRƯỚC ? Chỗ này nhìn Tổ Sư không ra, thì những lời trước đều là hý luận.

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Pháp chẳng có khác, thể vốn đồng,

Thể đồng đâu có pháp hoằng dương?

Đạt Ma chín năm chỉ hướng vách,

Chẳng biết lấy gì truyền gia phong.

42.TƯƠNG TÂM DỤNG TÂM, KHỞI PHI ĐẠI THỔ

DỊCH

Đem tâm dụng tâm, há chẳng phải lầm lớn.

LỜI KHAI THỊ

Tâm, tâm, tâm, khó mò nắm. Ông già Thích Ca, 49 năm nói vuông nói tròn, hoặc tiểu hoặc đại, chú giải chẳng được, sau cùng niêm hoa thị chúng, chính là đem tâm dụng tâm, cũng khó tránh khỏi cái "Há chẳng lầm lớn" này. Đến đây việc đã là bất đắc dĩ, tạm đem cái chánh pháp nhãn tạng, Niết bàn diệu tâm để che lấp lỗi lầm.

LỜI NGHĨA GIẢI

Người nghĩa giải cho rằng : Ông muốn thành Phật là đem tâm dụng tâm, muốn làm Tổ là đem tâm dụng tâm, cho đến muốn thoát sanh tử, trụ Niết Bàn, chứng Bồ Đề, dứt phiền não v.v... đều chẳng ra ngoài "ĐEM TÂM DỤNG TÂM".

TỊCH NGHĨA GIẢI

Tuy vậy, cũng chỉ nói được một nửa. Phải biết, tâm thể rộng lớn, chẳng thể hạn lượng, ngay đó như đồng lửa lớn, đụng vào liền đốt, chạm nhằm liền cháy. Dầu cho ông chẳng muốn thành Phật làm Tổ v.v... cũng ra khỏi cái "ĐEM TÂM DỤNG TÂM" chẳng được.

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Tức Phật là tâm, tâm là Phật,

Ngay chỗ thừa nhận đã trái xa.

Ca Diếp mỉm cười trước niêm hoa,

Vô sự khi không bày đặt ra.

---o0o---

43.MÊ SANH TỊCH LOẠN, NGỘ VÔ HẢO Ó

DỊCH

Mê sanh tịch lặng và tán loạn, ngộ chẳng tốt, xấu, yêu, ghét.

LỜI KHAI THỊ

Lúc mê là mê cái ngộ, lúc ngộ là ngộ cái mê, mê ngộ cả hai đều quên, đập vỡ cái vỏ vô minh. Vô minh đã tan, mê ngộ cũng hết, vậy hai lời này còn đặt ở chỗ nào? Gõ cửa dùng ngói, gạch, mặc cho y suy lường.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói: "MÊ SANH TỊCH LOẠN, NGỘ VÔ HẢO Ó", người nghĩa giải cho rằng : Bản thể chơn tịch, tất cả chẳng còn. Kinh Lăng Nghiêm nói : "Vô lậu chơn tịnh, tại sao trong đó lại có thể dung nạp vật khác? Người chưa ngộ lý này, trước mắt chẳng thấy tịch thì thấy loạn, chẳng thấy động thì thấy tĩnh, chẳng biết động cũng là mê, loạn cũng là mê, tịch cũng là mê, cho đến thấy mình ngay đó thành Phật cũng là mê. Hễ thấu rõ được cái tâm mê này thì ngay đó giải thoát, mỗi mỗi thiên chơn, mỗi mỗi minh diệu. đã chẳng thấy loạn, cũng chẳng biết tịch nhị biên đều lìa, trung đạo chẳng lập, thì đâu còn tình chấp tốt xấu để làm chướng ngại u!

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Nói lời này rất gần rồi, nhưng mê từ đâu đến, ngộ do đâu khởi? Nếu biết được chỗ đến chỗ khởi, chẳng cần trừ mê, cả cái ngộ kia cũng không chỗ đặt để, nếu không, cứ đem cái mê cái ngộ theo tánh phân biệt, rốt cuộc chỉ tăng thêm bệnh kiến chấp mà thôi.

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Xưa nay thiên hạ ai từng ngộ?

Không ngộ làm sao nói có mê?

Bồng nhớ Ôn Châu ngài Vĩnh Gia,

Cớ gì một đêm ngủ Tào Khê.

---o0o---

44.NHẤT THIẾT NHỊ BIÊN, LƯƠNG DO CHÂM CHƯỚC

DỊCH

Tất cả nhị biên đối đãi đều do đo lường suy toán.

LỜI KHAI THỊ

Mở miệng nói nhằm, cất bước đạp phải, tất cả đều sẵn sàng, chẳng tin hãy hành cước. Đợi y đi tới đường cùng, chẳng chỗ ở đậu, áo rách giày lủng, khi ấy xỏ mũi kéo quày đầu (ngộ), mới tin xưa nay uổng công tìm.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói "NHẤT THIẾT NHỊ BIÊN, LƯƠNG DO CHÂM CHƯỚC". Có người bày đặt chú giải rằng : Vừa thấy có loạn liền thấy có tịch. Phải biết loạn chẳng tự loạn, vì tịch nên loạn; tịch chẳng tự tịch, vì loạn nên tịch, do đó các pháp lăng xăng, mới có sự đối đãi nhau sanh khởi. Nói 2 chữ "CHÂM CHƯỚC" nghĩa cũng giống như 2 chữ "GIẢN TRẠCH" ở đầu bài MINH, vì tình thức "GIẢN TRẠCH" chưa tiêu, thì đối với nhị biên tịch loạn v.v..., kết thành cái niệm "CHÂM CHƯỚC". Nếu chưa trừ được niệm này thì tất cả chẳng được bất nhị vậy.

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Thế thì cái niệm "CHÂM CHƯỚC" có phương tiện nào để trừ? Nếu chẳng biết phương tiện gì, thì lời ông nói ở trên cũng là do CHÂM CHƯỚC sanh khởi.

KỆ KẾT THỨC, RẰNG

Nhị biên vốn chẳng cần châm chước,

Một đạo bình đẳng cũng vọng truyền.

Gặp việc chưa thoát ngoài ngôn ngữ,

Kiến đồng Phật Tổ cũng xót thương.

---o0o---

45.MỘNG HUYỄN KHÔNG HOA, HÀ LAO BẢ TRÓC

DỊCH

Việc mộng huyền như hoa đóm trên không, đâu cần nắm bắt cho mệt nhọc!

LỜI KHAI THỊ

Mai rùa đen (vô minh), bụng trống rỗng, trái cân sắt (tự tánh), thật cứng chắc. Chỉ có Mộng thượng tọa, chẳng bị người xuyên tạc, sáng cưỡi trâu Thiêm Phủ, chiều cưỡi hạc Dương Châu.

Có khi ban ngày chạy về nhà,

Khi gõ hư không tự vấn đáp.

Khúc hát "Về Quê" tiếng chưa dứt,

Mây bay chân trời lặn ngôi sao.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói: "MỘNG HUYỄN KHÔNG HOA, HÀ LAO BẢ TRÓC", người nghĩa giải dẫn chứng trong kinh nói : "Tất cả Pháp hữu vi, như mộng huyền, bọt, bóng, như sương lộ, điện chớp, nên tác quán như thế". Còn dẫn chứng Ngài Vĩnh Gia nói : "Buông tứ đại, chớ nắm bắt, trong tánh tịch diệt cứ ăn uống, các hạnh vô thường tất cả không, tức là Như Lai Đại Viên Giác", bèn mặc tình phan duyên, tùy ý tạo tác cho đến hủy phạm giới cấm, phá hoại luật nghi, đều lấy 2 lời này để dẫn chứng.

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Nhưng chẳng biết ngay lúc buông lung tình ý, quả thật thấy những cảnh sở duyên như mộng huyền không hoa hay không? Nếu thấy là không hoa thì chẳng nên đeo đuôi. Nếu trong lòng còn giữ một mảy may phan duyên đeo đuôi thì chẳng thể cho là mộng huyền không hoa rồi. Phải biết, thành Phật làm Tổ cũng là mộng huyền không hoa. Ngoài ra đâu còn cái gì chẳng phải mộng huyền! Lại càng nên biết, ngay cái thuyết "HÀ LAO BẢ TRÓC" đã là rơi vào mộng huyền rồi. Việc này nếu chẳng đích thân chứng ngộ, mà chỉ muốn tùy theo ngữ ngôn lý giải, thì chẳng phải ngu là gì?

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Thích Ca nửa đêm thấy ngôi sao,
Cùng hiện bóng nghiệp trước Gương Đài.
Làm thành một thứ mộng điên đảo,
Chẳng biết ai là đắc tiện nghi.

---o0o---

46. ĐẮC THẤT THỊ PHI, NHẤT THỜI PHÓNG KHƯỐC

DỊCH

Đắc, thất, thị, phi, đồng thời buông bỏ.

LỜI KHAI THỊ

Tuyết Phong ném banh gỗ, Phổ Hóa rung chuông sắt, dù nói là đại cơ đại dụng, rốt cuộc trở thành tạo tác, đầu bằng Vương Thái Phó ở trong quốc độ vô sanh, cũng chẳng thiện, cũng chẳng ác, mặc tình ăn no nằm dài ngủ, tùy ý tự tại an lạc, có người đến hỏi Tổ Sư Thiên, bảo y cứ xem cây phước vàng.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói "ĐẮC THẤT THỊ PHI, NHẤT THỜI PHÓNG KHƯỐC", người nghĩa giải cho rằng : Trong Nhất Pháp giới chẳng đắc cũng chẳng thất, chẳng thị cũng chẳng phi, chỉ vì vọng tình chợt khởi, dị kiến liền sanh, ở nơi chẳng đắc thất bừng khởi đắc thất, ở nơi chẳng thị phi nổi đủ thứ thị phi. Do đó, Tổ Sư bảo y "đồng thời buông bỏ", đã là tự chạm dao bén làm cho đứt tay, đứt bằng dây sòng rồi. Đã biết xưa nay vốn không, thì buông bỏ cái gì? Nếu nói có cái lý "có thể buông bỏ, thì đắc, thất, thị phi đặt để ở chỗ nào?

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Ừa! nói "có thể buông bỏ" cũng đáng ăn gậy, nói "không thể buông bỏ" cũng đáng ăn gậy. Tại sao? Vì ông chưa thoát khỏi được đắc thất thị phi vậy.

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Hai tay xòe ra chẳng một việc,
Thị phi đắc thất thấy đều quăng.
Muốn đem cái này thoát sanh tử,
Con rắn siết chặt đôi chân ông.

---o0o---

47.NHÃN NHƯỢC BẤT THÙY, CHƯ MỘNG TỰ TRỪ

DỊCH

Mắt nếu chẳng ngủ, chiêm bao tự dứt.

LỜI KHAI THỊ

Quanh năm ngời kiết già, suốt ngày miệng như câm, hai mắt ngó trên vách, chẳng biết mong muốn gì. Tham cứu tự kỷ, nửa nghi nửa tin, xem lời cổ nhân, tự có tự không. Đến lúc năm cùng tháng tận, trở thành leo cây bắt cá.

Đâu bằng quét sạch cả hư không,

Trong lòng ló ra dạ Minh Châu.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói: "NHÃN NHƯỢC BẤT THÙY, CHƯ MỘNG TỰ TRỪ", người nghĩa giải cho rằng : Hai câu này là dụ trước hợp sau. Như người mở to đôi mắt, rõ ràng tỉnh táo, thì hôn trầm tự trừ; đã chẳng hôn trầm thì đâu có chiêm bao!

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Nếu làm thí dụ thì được. Nếu chẳng làm thí dụ, thì Tổ Sư cũng đáng ăn gậy. Tại sao? Nay mở mắt đâu từng chẳng phải là chiêm bao!

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Kim Cang chánh nhãn chưa từng ngủ,

Chẳng biết mộng lớn bao giờ thức.

Gởi lời thiền khách cửa Tổ Sư,

Chớ cho Hạc hát là Oanh ca.

---o0o---

48. TÂM NHƯỢC BẤT DỊ, VẠN PHÁP NHẤT NHƯ

DỊCH

Nếu tâm chẳng cho là có khác, thì muôn pháp chỉ là một "NHƯ".

LỜI KHAI THỊ

Chỗ hành của đạo nhân như lửa tan băng, trước mặt của nạp tảng như băng đập lửa. Ném bỏ hai thứ băng lửa, mặc cho thánh phàm cùng lồi. Đạo sĩ không tay vẽ bùa quỷ, Xà Lê mù mắt đọc kinh Phật. Lại còn một chỗ đáng tin cậy : Tò vò nuốt cả Hồ Động Đình.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói: "TÂM NHƯỢC BẤT DỊ, VẠN PHÁP NHẤT NHƯ", người nghĩa giải cho rằng : Vạn pháp vốn như, do tâm mới thành khác. Ví như núi chẳng tự cao, tâm cho là cao, nước chẳng tự sâu, tâm cho là sâu. Tâm này cho là khác thì muôn ngàn sự vật đều thành khác. Cổ và lưng vốn cùng một thân mà xem nó như 2 nước Sở và Việt, anh em cùng giống nòi mà coi nhau như trời với đất. Vì sự khác nên tình chí thân còn phải khác, huống là phàm với thánh, người với vật. Muốn dung hợp thành một, chẳng sanh yêu ghét này nọ, đâu có thể được!

Kinh nói : "Chưa đạt cảnh duy tâm, khởi đủ thứ phân biệt", như bọn mù mò voi, như thấy bóng cung trong nước nghi là rắn... Ở nơi chẳng đồng dị bưng khởi đồng dị. Cần phải trị hết bệnh nhậm, chẳng thấy hoa đốm trên không,

dung pháp giới về tâm này, như gương soi gương; Chuyển núi sông vào tự kỷ, tự không hợp không. Đến đây các duyên tịch lặng, tâm niệm im lìm, nhị kiến chẳng sanh, nhất pháp ấn định, mới có thể gọi là phù hợp ý Tổ, khế hội tâm Phật vậy.

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Lời này tạm gác qua một bên. Nay trước mắt sáng, tối, thông, nghẽn, thành, trụ, hoại, không, cảnh tượng lằng xằng, gọi cái gì là tâm bất dị? Ngay đó chỉ bày không ra. Hoặc có người nói : "Mặc cho các pháp hiển bày trước mắt, ta chỉ dùng cái lý "Bất dị" để chiếu soi, tức là chẳng khác". Ôi, nếu nói như thế, lại càng thêm nhiều khác biệt nữa!

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Tâm chẳng khác biệt đồng vạn pháp,

Nắm tay chỉ thể dọa trẻ con.

Cứ theo hình vẽ đồ cho giống,

Lừa gạt người đời khi nào thôi.

---o0o---

49.NHẤT NHƯ' THỀ HUYỀN, NGỌT NHĨ VONG DUYÊN

DỊCH

Một chữ "NHƯ" thề tánh huyền diệu, cùng tột bình đẳng, bất nhân duyên đối đãi.

LỜI KHAI THỊ

Thiền, thiền, thiền, là lý giải, Thích Ca chưa được một nửa, Đạt Ma còn thiếu tám ngàn. Lâm Tế hét tới mỗi miệng, Đức Sơn đánh tới phòng tay, mỗi mỗi kiếm điếm từ đầu, vẫn cách trời đất xa xôi. Tiến tới như vạch sóng tìm nước, thối lui như đào đất tìm trời, chẳng tiến chẳng lui cầu tương ưng, cần phải tham thêm ba mươi năm.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói: "NHẤT NHƯ THỂ HUYỀN, NGỘT NHĨ VONG DUYÊN", người nghĩa giải cho rằng : Thể tánh của chữ "NHƯ" huyền diệu lại thêm huyền diệu, chẳng vì nhân duyên mà có, chẳng do tự nhiên mà thành. Lia tứ cú, tuyệt bách phi, Phật nhãn chẳng thể thấy, thánh tâm cũng khó lường. Quãng đại thiên thể giới ra ngoài mười phương, cuốn chặt pháp giới thành một mây lông. Một không thì tất cả không, chẳng cần mở xẻ; một có thì tất cả có, đâu cần đào tạo. Trần sa chẳng thể dụ số nhiều, hào ly chẳng thể dụ số ít. Nói "Bất nhân duyên, tuyệt đối đãi", tức là thể tánh huyền diệu của một chữ NHƯ vậy.

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Nói thì nói gần đúng, người nêu chứa lời này trong lòng, muốn tương ứng với thể tánh huyền diệu của chữ NHƯ, chẳng khác gì ôm lửa trong lòng mà cầu cho đừng cháy.

KỆ KẾT THỨC, RẰNG

Nói NHƯ ngoài NHƯ đâu còn NHƯ?

Núi khe trùng điệp ẩn nhà xưa.

Mặt trời lên cao ngủ mới thức,

Nhàn thấy mực đồng cười ngược lờ.

---o0o---

50.VẠN PHÁP TÈ QUÁN, QUI PHỤC TỰ NHIÊN

DỊCH

Muôn pháp cùng quán một lượt, tất cả trở về tự nhiên.

LỜI KHAI THỊ

Phật pháp chẳng ở ngoài tâm, thiên đạo đâu lìa trung đạo nhị biên, người nếu khởi tâm tìm cầu, lại xa thập vạn bát thiên. Có gì tam yếu tam huyền, toàn thân chẳng hình bóng, ngay đó lìa ngữ ngôn.

Đạo nhân đâu cần cầu tương ưng,

Xưa nay chưa từng chẳng hiện tiền.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói: "VẠN PHÁP TÈ QUÁN, QUI PHỤC TỰ NHIÊN", người nghĩa giải dẫn chứng giáo môn nói : "Tùy duyên nên chơn như là vạn pháp, bất biến nên vạn pháp là chơn như". Còn nói : "Ngoài tâm chẳng có pháp để làm duyên với tâm vốn là tự tâm sanh, lại làm tướng cho tâm". Lời này so với cái lý "VẠN PHÁP TÈ QUÁN" của Tổ Sư, cũng chẳng cách xa vậy. Hoặc nói : "TÈ QUÁN" cũng là cái bóng của "chẳng lựa chọn", nếu còn lựa chọn thì chẳng thể TÈ QUÁN rồi.

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Dẫn chứng thì chẳng phải không đúng. Như mặt trời mọc, mặt trăng lặn, ban đêm tối, ban ngày sáng, rõ ràng chẳng thể lẫn lộn. Vậy thì có đạo lý gì để nói TÈ QUÁN? Lìa khỏi lời này, xin cho một tin tức tốt hơn thử xem!

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Vạn Pháp làm sao khiến cho bằng?

Đâu thể trở về lúc tự nhiên.

Xưa nay tri âm rất khó gặp,

Bá Nha, Tử kỳ đi đâu tìm.

51. DẪN KỶ SỞ DĨ, BẤT KHẢ PHƯƠNG TỶ

DỊCH

Bật hết lý giải, chẳng thể thí dụ.

LỜI KHAI THỊ

"Cái trong điện, cái ngoài tường" của Triệu Châu "Đánh xe đánh bò" của Mã Tổ, "Giơ nắm tay, giơ ngón tay" của Câu Chi, "Ném ba trái banh gỗ" của Tuyết Phong. "Gởi ba tờ giấy trắng" của Huyền Sa. Nói tánh nói tâm nơi Linh Sơn, Nói da nói tủy nơi Thiếu Thất. Tào Động lập ngũ vị quân thân, Qui Ngưỡng lập cửa Thiên Cha Con, "Đầy mắt núi xanh" của Đức Thiều (Quốc Sư), "Nước hồ trước cửa" của Vĩnh Minh... thả đi thì sáng khắp bầu trời, chặn lại thì gió bay muôn dặm, trước lời không ngưng cơ xảo, tiếng nói đâu cho chỗ mở. Hứ! Tất cả đều là mở mắt đái dầm, đốt nhang dẫn quỷ, tại sao vậy?

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói: "DẪN KỶ SỞ DĨ, BẤT KHẢ PHƯƠNG TỶ", người nghĩa giải cho rằng : Kinh Bát Nhã dùng 100 dụ để dụ Bát Nhã, có kinh khác cũng dùng 100 dụ để dụ giải thoát; còn có người dùng 100 dụ để dụ tâm Bồ Đề, ghi đủ trong kinh sách, đâu có cái lý "Chẳng thể thí dụ"? Phải biết, Bát Nhã, giải thoát, Bồ Đề thì có thể thí dụ, giả sử bỏ hết tất cả danh tướng, thì nhất tâm đều bật. Ngay khi ấy, còn lập được thí dụ gì chẳng? Hoặc theo người xưa nói : "Cò trắng với tuyết chẳng đồng sắc, ánh trăng hoa lau chẳng giống nhau", lời này há chẳng phải thí dụ ư?

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Ông muốn ở nơi tuyết trắng hoa lau tìm đạo lý, chẳng khác gì nhận màu đỏ của vỏ quít cho là lửa!

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Diễn tả sừng thỏ dài 3 thước,

So với lông rùa ngắn 1 phân.

Lại có hạng người tánh hàm hồ,
Tai mắt dường như chẳng thấy nghe.

---o0o---

52.CHÆ ĐỘNG VÔ ĐỘNG, ĐỘNG CHÆ VÔ CHÆ

DỊCH

Ngưng động chẳng phải tịnh, động ngưng cũng chẳng phải ngưng.

LỜI KHAI THỊ

Muôn toa xe đồng ray, muôn sự việc đồng lý. Muôn dụng cụ đồng kim loại, muôn làn sóng đồng chất nước. Vạn tượng sum la, thầy đều là ông. Ông nếu không tin, hãy vào bụng của Thích Ca, Đạt Ma đi hành cước trăm ngàn vòng, mới biết tất cả vẫn y như cũ.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói: "CHÆ ĐỘNG VÔ ĐỘNG, ĐỘNG CHÆ VÔ CHÆ", người nghĩa giải cho rằng : Lòng từ bi thống thiết của Tổ Sư, đem hai bên động tịnh vò thành một khối, nói trắng cho nghe, đại khái đồng ý chỉ của Pháp sư Tăng Triệu nói "Tức tịnh mà động, tức động mà tịnh", cũng là ý chỉ "VẠN PHÁP TỀ QUÁN". Chẳng những động tịnh như thế, mà tất cả cảnh duyên cũng đều như thế. Tức tịnh là động. Hoa rụng là do gió xuân đưa; tức động là tịnh, băng tan cũng do mặt trời soi.

Người trí quán pháp chẳng sai biệt,

Kẻ mê do đây khởi điên đảo.

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Lời này tạm gác một bên! Nếu như chẳng động chẳng tịnh, ngay khi ấy, còn có lý lẽ gì để thảo luận hay không? Nói mau, nói mau!

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Động tịnh móng khởi bệnh liên sanh,

Nắm tay kéo nhau vào lửa hồng.

Con voi xưa nay vẫn như cũ,

Bọn mù mò mẫm thấy đều sai.

---o0o---

53.LUỖNG KÝ BẤT THÀNH, NHẤT HÀ HỮU NHĨ

DỊCH

Hai đã chẳng thành, một làm sao có.

LỜI KHAI THỊ

Biển Phật không bờ, sông Thiên không đáy. Nước một thước, sóng một trượng, mãi mãi không thôi. Mã Tổ bảo Bàng Uẩn "một hớp hết nước Tây Giang"; "Tào Nguyên một giọt nước" của Pháp Nhãn, "Câu hết làn sóng" của Thuyền Tử, tất cả thị phi trước kia, chỉ liên lụy cho Hứa Do phải rửa lỗ tai mà thôi. Nước lớn đầy trời, ngập khắp muôn dặm.

Lúc xưa chẳng biết bít nguồn suối,

Đến nay đất bằng nổi làn sóng.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói : "LUỖNG KÝ BẤT THÀNH, NHẤT HÀ HỮU NHĨ", người nghĩa giải cho rằng : THỊ chẳng phi không thị, PHI chẳng thị không phi, vừa thấy có thị, trước đã có phi, vừa thấy có phi, trước đã có thị. Cho nên THỊ chẳng tự lập, PHI chẳng độc tồn, PHI là cội của THỊ, THỊ là gốc của PHI. Cho đến chơn, vọng, ngộ, mê, v.v... Tất cả đều vậy. Thế thì, cái hai của thị phi đã trừ, cái nhất của trung đạo đâu còn! Tổ Sư đến đây thật là mổ bụng thấy tâm, từ bi quá lộ rồi!

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Nếu hai đã chẳng thành, một cũng không có. Vậy còn có kẻ biết "chẳng thành" "không có" chẳng? Nếu nói "KHÔNG", thì ai biết sự chẳng thành, không có? Nếu nói "Có", lại gọi là "KHÔNG CÓ" được chẳng? Tô sư đến chỗ này, chỉ có phần đờ lưỡi.

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Chẳng thả xuân về, xuân tự về,

Vườn cây mỗi mỗi hiện xanh tươi.

Bông tím hoa hồng biết đâu kẻ,

Bướm bướm từng đôi bay khắp nơi.

---o0o---

54.CỨU CÁNH CÙNG CỰC, BẤT TÔN QUỲ TẮC

DỊCH

Cùng tốt cứu cánh, chẳng còn qui tắc.

LỜI KHAI THỊ

Mười tắc là thước, mười thước là trượng. Bên Đông mặt trời mọc, bên Tây mặt trời lặn, hỏi khắp mọi người trong vô số quốc độ, có ai chẳng biết? Tại sao nói đến Tô Sư Thiên, mỗi mỗi ngơ ngác như vách sắt? Còn có câu "Mạc hậu lao quan" rất khó hiểu, chẳng ai che dấu cùng đưa ra một lượt. Ấy là cái gì? Thật là oan uổng!

LỜI NGHĨA GIẢI

Tô Sư nói : "CỨU CÁNH CÙNG CỰC, BẤT TÔN QUỲ TẮC", người nghĩa giải cho rằng : Hư không, sắc tướng, lớn nhỏ, dài ngắn trong mười phương pháp giới, tất cả đều là tự kỷ. Tùy chân bước, chẳng rời điện địa của Tô tông; tùy miệng nói, đều là chơn lý của Cổ Phật. Cho đến ôm vợ mắng Thích Ca, say rượu đánh Di Lặc, đều thành nhất hạnh tam muội, còn nói chi khai, giá, trì, phạm v.v...? Nên Vĩnh Gia cũng nói: "Đại ngộ chẳng kẹt nơi tiêu tiết".

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Thôi, thôi! Nói cũng nói được quá rõ ràng, nhưng Diêm La Vương chỉ muốn bắt bọn nói những lời này đến cho ăn gậy sắt. Việc này lợi hại ở chỗ nào? Mọi người về nhà tự kiểm điểm xem.

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Tùy tay đem ra tùy miệng bàn,

Phóng túng tung hoành kim chỉ nam,

"CHẲNG CÒN QUI TẮC" lại giữ niệm,

Tự tánh bất nhị thành hai ba.

---o0o---

55.KHẾ TÂM BÌNH ĐẲNG, SỞ TÁC CÂU TỨC

DỊCH

Khế hợp bản tâm thì tất cả bình đẳng, năng tác sở tác đều tự dứt.

LỜI KHAI THỊ

Voi chúa quày đầu nhìn, sư tử chụp ngược lại, Chơn chẳng che nguy, khúc (co) chẳng dẫu trực (thẳng). Chỉ có tôn giả Kiều Trần Như suốt năm tỉnh tọa, tỉnh tỉnh tịch tịch, cũng chẳng màng đến tháng thiếu là 29, tháng đủ là 30, đêm khuya thi đậu tâm không, thấu qua gai góc khắp trời.

Nhàn đạo ngoài đồng mở mắt xem,

Hàn mai hoa nở tự tịch tịch.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói : "KHẾ TÂM BÌNH ĐẲNG, SỞ TÁC CÂU TỨC", người nghĩa giải dẫn chứng trong kinh nói : "Pháp ấy bình đẳng, chẳng có cao thấp, ví

như thủy ngân rơi xuống đất, giọt lớn viên tròn lớn, giọt nhỏ viên tròn nhỏ, cả đại địa không có pháp nào chẳng tương ứng với tự tâm". Lúc Như Lai thành đạo, quán lại hạnh nghiệp tu hành từ nhiều kiếp đều như mộng huyễn, chẳng có kẻ làm, cũng chẳng có kẻ không làm. Cho nên nói : "Tu tập phạn hạnh như hoa đốm trên không; tọa nơi đạo tràng như bóng trăng dưới nước, hàng phục quân ma trong gương, thành tựu Phật sự trong mộng". Bởi do tâm này chưa thấu rõ, ở nơi bình đẳng thấy bất bình đẳng, vì bất bình đẳng nên tất cả sở tác do đó sanh khởi vậy.

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Kinh Viên Giác nói : "Tánh vốn bình đẳng, người bất bình đẳng nói là bình đẳng, đã đáng ăn 30 gậy, còn dẫn chứng bao nhiêu tri giải, lại càng thêm bất bình đẳng.

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Đã đến quê nhà còn về đâu?

Nằm dài trong am nắng gió cao.

Trăm ngàn huyền diệu đều quên mất,

Suốt ngày cửa mở chẳng ai vào.

---o0o---

56.HỒ NGHI TỊNH TẬN, CHÁNH TÍN ĐIỀU TRỰC

DỊCH

Hồ nghi dứt sạch, chánh tín vững chắc.

LỜI KHAI THỊ

Trâu cày cấy, chó giữ nhà, mèo bắt chuột, ngựa kéo xe, thấy lửa biết cháy, thấy nước biết ướt, tại sao đôi với tự tâm, mỗi mỗi tôi như dầu hắc? Nơi nghi lại thêm nghi, nơi chấp chồng thêm chấp. Chẳng cần nghi, cũng đừng chấp, ai biết muôn ngàn sai biệt này, tất cả thánh hiền từ đây nhập.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói : "HỒ NGHI TỊNH TẬN, CHÁNH TÍN ĐIỀU TRỰC", người nghĩa giải cho rằng : TIN có 2 thứ : Chánh tín và tà tín. Tin tự tâm là Phật, chẳng cầu bên ngoài là chánh tín; chẳng tin tự tâm là Phật, khởi tâm tìm cầu bên ngoài, dù có làm việc lớn, đều gọi là tà tín.

Phải biết, chánh tín cũng có nghi : vì chưa chứng đắc nên phát nghi. Niệm nghi từ cạn vào sâu, lâu ngày không lui sụt, bỗng nhiên niệm nghi bùng nổ, tất cả thấu rõ, gọi là đại ngộ. Nên biết ngộ là quả của tín, tín là nhân của ngộ. Pháp sư Tăng Triệu nói:

"Quả chẳng gồm nhân, vì nhân thành quả". Thế thì, lúc TIN tức là lúc ngộ, lúc ngộ chẳng khác lúc tin. Bài MINH gọi là TÍN TÂM, chính là ý này vậy.

Phải biết, người đại căn khí vừa nghe đề khởi, như gặp vật cũ, thấu rõ nơi tâm. Quần áo có thể quên mặc, tánh mạng có thể xả bỏ, mà muốn bảo người ấy bỏ chánh tín, dù chóc lát cũng chẳng thể được. Nên cổ nhân nói : "Giả sử bánh xe lửa, xoay chuyển đỉnh đầu tôi, cũng chẳng vì khổ này, làm mất tâm Bồ Đề. "Cái niệm chánh tín nếu thật vững chắc như thế, thì đâu có lẽ nào chẳng được thân chứng!

Ngoài ra, nếu do tà tín mà sanh nghi, nghi mãi không thôi thì phải sanh khởi kiến chấp điên đảo, đuổi theo cảnh duyên hư vọng, ắt đọa địa ngục vô gián.

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Phải thì phải, nếu như TIN tức là ngộ, thì ngộ phải lộn vào Nguồn Linh (tự tánh), đã lộn vào Nguồn Linh, thì cái chữ TIN này, còn đặt để ở chỗ nào? Nếu nói có chỗ để đặt thì xin chỉ ra xem! Nếu không chỗ đặt, thì lời Tổ Sư cũng thành lời thừa rồi.

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Gốc tin chẳng chánh khởi hồ nghi,

Niệm nghi tan rã Chánh tín khởi.

Lời nói rõ ràng được tương tự,

Cách xa Tổ Đình như chân trời.

---o0o---

57.NHẤT THIẾT BẤT LƯU, VÔ KHẢ KÝ ỨC

DỊCH

Tất cả chẳng lưu giữ thì không thể ghi nhớ.

LỜI KHAI THỊ

Đại tâm rộng như hư không, đại trí sáng như mặt trời, đại nghi như đồng lửa hồng, đại pháp như vách tường sắt. Bị Lâm Tế tận sức hét cũng chẳng thối lui, bị Đức Sơn thẳng tay đánh cũng chẳng chịu ngừng. Cây cột dây dưa dựng sâu chắc, leo quần nhánh dây không thôi dứt. Ở trong đó có một kẻ ló đầu ra nói : "Đêm qua bị tôi nhổ tận gốc rồi". Vậy, cây cột dây dưa đã nắm trong tay, tính đặt đề ở chỗ nào?

Trước lời ngoài câu chẳng biết chỗ,

Càng khiến đất bằng thêm lời lổm.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói : "NHẤT THIẾT BẤT LƯU, VÔ KHẢ KÝ ỨC", người nghĩa giải cho rằng : Chỗ tâm hành diệt là "tất cả chẳng lưu", đường ngôn ngữ dứt là "không thể ghi nhớ"; Ngoài không có pháp để bỏ là tất cả chẳng lưu, trong không có tâm để giữ là không thể ghi nhớ. "Liễu liễu kiến, không một vật, chẳng phải người, chẳng phải Phật, hằng sa thế giới như bọt biển, tất cả thánh hiền như điện chớp" cũng là tất cả chẳng lưu; "Đốt hương tỉnh tọa ở Nam đài, suốt ngày tỉnh lặng muôn niệm quên, chẳng phải dứt tâm trừ vọng tưởng, chỉ vì chẳng việc để suy lường" cũng là không thể ghi nhớ.

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Vậy, dẫn chứng cũng được tương tự, dẫn cho ông đem hết ngôn giáo của Phật Tổ dẫn chứng đến cái thùng đựng nước không chảy, chỉ là càng ghi nhớ thêm nhiều mà thôi. Muốn tất cả chẳng giữ, há có thể được ư?

KỆ KẾT THỨC, RẰNG

Tất cả chẳng giữ, càng sanh kiến (giải),

Trợn không ghi nhớ, vẫn còn tri.
Nếu chẳng đích thân về quê nhà,
Bệnh đói, bánh vẽ làm sao trị!

---o0o---

58. HƯ MINH TỰ CHIẾU, BẤT LAO TÂM LỰC

DỊCH

Rõng sáng tự chiếu soi, chẳng lao nhọc tâm lực.

LỜI KHAI THỊ

Đạo cần mỗi ngày một bớt, học cần mỗi ngày một thêm. Bớt đến kiên chấp tiêu mất, thêm đến đầy bụng tức ngực, bỗng nhiên thêm bớt thấy đều quên, tay không về chùa ngòi hương vách, trong thành Trì Dương Vương-lão-su, lạnh lẽo khiến người tưởng nhớ mãi. Đừng tưởng nhớ, rõng sáng tự chiếu soi, chẳng phải do tâm lực.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói như thế, người nghĩa giải cho rằng : Trong sạch đã đầy tròn, chẳng dung nạp vật khác gọi là HƯ, hạt châu tự sáng tỏ, ánh trắng tự chiếu soi gọi là MINH. Đã hư mà minh, vật đến liền hiện, là công dụng của tự chiếu, chẳng cho lộn lời nói. Ở đây, nếu thêm một mảy may tâm lực, thì chẳng thể cho là hư minh tự chiếu rồi.

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Dẫn dụ rất là đúng lý, vậy ông thấy hư không phải là chẳng tương mạo chẳng? Xưa nay chưa từng nghe hư không tự nói : "Ta chẳng tương mạo". Nếu hư không có thể nói được thì chẳng thể gọi là hư không, giả sử Tổ Sư đã biết có thí dụ này, thì cái lỗi lẽ lời cũng khó tránh khỏi vậy.

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Con dầu vàng ròng tâm ấn tâm,
Cần phải chur Tổ truyền thọ nhau.
Lén lút lượm được cũng vô dụng,
Đâu thể bắt chước nói diệu huyền!

---o0o---

59. PHI TƯ LƯỢNG XÚ, THỨC TÌNH NAN TRẮC

DỊCH

Chỗ lia suy nghĩ, tình thức khó lường.

LỜI KHAI THỊ

Bột trắng trong tuyết dễ phân ra, thức tức duy tâm; Mực đen trong than khó
biện biệt, duy tâm tức thức. Thức chẳng phải tâm, tâm chẳng phải thức.
Dưới ánh mặt trời xem trắng đen, trước đài gương sáng hiện xấu đẹp. Lời
nói thế này, giống như lời giảng Duy Thức Luận của Pháp sư, trước mặt nạp
tăng, làm sao hiển lộ tin tức thiệt?

Chẳng phải tâm, chẳng phải thức, ban đêm chó sủa thôn hoa, mùa xuân oanh
hót bờ liễu. Cá kinh hút cạn sóng đáy biển, con rồng chạy vào vô-sanh-quốc,
khiến Đại Phạm Vương giựt mình thức dậy, thẳng lên đỉnh trời Sắc Cứu
Cánh, tát cho hư không một bọt tai, rải xuống long châu trăm ngàn hạt, tia
sáng lấp lánh rọi áo đẹp.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói: "PHI TƯ LƯỢNG XÚ, THỨC TÌNH NAN TRẮC", người nghĩa
giải cho rằng : Thức là thức của nhà tâm, tâm là tâm của nhà thức, hai thứ
này như nước với sữa rất khó phân biệt. Phải biết, thức là nước, tâm là sữa
trong nước, nên giáo môn nói : "Vua ngỗng chọn sữa, đâu đồng loài vịt!".
Trong nước đều có sữa, chỉ có vua ngỗng mới biết phân biệt, ngoài ra các

thứ thủy tộc đều chẳng biết. Việc này dụ cho trong tất cả thức đều có chơn tâm, chỉ có Phật Tổ mới rõ.

Cái giác chiếu soi của linh tri gọi là tâm, những suy tư, ghi, nhớ, thủ, xả, phân biệt v.v... gọi là thức. Thức có 8 thứ : Lục căn mỗi căn một thức, thứ 7 gọi Mạt Na, thứ 8 gọi A Lại Da cũng gọi là Như Lai Tạng, bảy thức trước là nhánh lá, thức thứ 8 là căn bản. Trong Kinh nói : "Lúc đầu thai thì đến trước, lúc chết thì đi sau, ngộ là Như Lai Tạng, mê là A Lại Da". Thức này nơi mê thì gìn giữ tất cả nghiệp thiện ác vô ký, xả thân thọ thân từ vô lượng kiếp; nơi ngộ thì gìn giữ tất cả hạt giống Bồ Đề, giải thoát, trí huệ từ lúc vô thủy. Thức này từ mê vào ngộ, chuyển thành Đại Viên Cảnh Trí, đổi tên mà chẳng đổi thể. Hiện nay ở trong tứ đại, ngũ uẩn, các pháp thánh phàm, ghi nhớ rõ ràng, tác dụng phân biệt, cho đến kiến văn giác tri, tam giới rộ ràng, vạn pháp thăng trầm, mỗi niệm khởi diệt, đều nương nơi thức này mà sanh. Cho nên nói "Vạn pháp duy thức". Khuê Phong nói : "Pháp sanh vốn không, tất cả duy thức".

Học giả ngày nay, chẳng thể đem mạng căn một dao cắt đứt, đi khắp tông lâm, chỉ biết đem cái thông minh của mình dùng để dẫn khởi tình thức, ôm những huyền giải ghi nhớ trong lòng, gặp duyên móng khởi, chẳng biết huyền giải này là thuộc về "tình thức y-thông", lại chấp cho là khai ngộ. Hoặc lầm nhận cái cảm giác linh động rõ ràng trước mắt này, biện luận thao thao cho là tự kỷ. Giống như Kinh Lăng Nghiêm nói : "Bỏ trăm ngàn biển lớn, chỉ nhận một bọt cho là nước cả biển". Kinh Viên Giác nói : "Đều là tập khí vọng tưởng phan duyên lục trần, chẳng phải tâm thể chơn thật". Hòa Thượng Trường Sa nói : "Những người học đạo chẳng biết chơn, chỉ vì xưa nay nhận thức-thần", Vĩnh Gia nói :

"Tồn pháp tài, diệt công đức, tất cả đều do tâm ý thức" v.v... Chư Phật chư Tổ đã có chỉ bày rõ ràng, mà trong mạt pháp, bệnh này ngày càng nhiều thêm! Nhưng kẻ mắc bệnh này là do lập chí học đạo chẳng chơn chánh mà ra, nếu là quyết chí muốn rời khỏi biển sanh tử thì không chịu dấu mình trong tình thức. Chỉ do ban sơ một niệm muốn hiểu Thiền, hiểu Đạo, hiểu Phật, hiểu Pháp mới thành bệnh này.

Thức này như núi Thiết vi rộng lớn, bao vây họ từ vô thủy, cũng như thiên binh vạn mã ngày đêm ở trước cửa lục căn, rình sơ hở của họ. Nếu không đủ chí quyết định liễu sanh tử, thì đi đâu cũng phải vào đó.

Tổ Sư làm bài TÍN TÂM MINH này, là mở rộng cửa Thiền cho kẻ hậu

học thoát bỏ tình thức, chỉ tin tự tâm, cất bước liền vào. Nếu tình thức của học giả còn một mảy may chưa sạch, đọc bài MINH này trở thành thuốc độc. Sự lợi hại như thế, nên 2 câu đầu nói "CHỈ ĐẠO VÔ NAN, DUY HIỀM GIẢN TRẠCH". Chỉ 2 câu này, đem tâm với thức phân giải rõ ràng. Tại sao? Nói "CHỈ ĐẠO VÔ NAN" tức là chỉ chơn tâm; "DUY HIỀM GIẢN TRẠCH" tức là phá tình thức, kẻ tình thức chưa quên, thấy người nói lời này, bèn nói : "Tôi chỉ chẳng lựa chọn". Đâu biết chỉ cái "chẳng lựa chọn" này đã là hiểu theo tình thức rồi, huống là kẻ mỗi mỗi chấp có, gặp cảnh sanh tình ư !

Nên ý bài MINH này từ đầu đến cuối, nói đi nói lại, chẳng rời bản tâm, chẳng qua vì giúp người học biện rõ tâm với thức mà thôi. Cho nên nói "PHI TƯ LƯỢNG XỨ, THỨC TÌNH NAN TRẮC".

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Theo lời nói "DUY HIỀM GIẢN TRẠCH", nay lại ở trong pháp một tâm, chỉ ra tình và thức, ấy là lựa chọn hay chẳng lựa chọn? Nhưng tình và thức, với một tâm quả là khác hay là đồng ư? Người chơn thật học đạo, ở đây nếu chẳng thể xác định, mà muốn thấy ý chỉ TÍN TÂM MINH của Tổ Sư, chẳng phải còn xa xôi ư!

KỆ KẾT THỨC, RẰNG

Chỗ lia suy nghĩ rất khó lường,

Môn đồ học Phật đều nên rõ.

Ngay đó chẳng biết thiếu vật gì?

Thông minh lanh lợi lại bị lừa.

---o0o---

60.CHƠN NHƯ PHÁP GIỚI, VÔ THA VÔ TỰ

DỊCH

Chơn như Pháp Giới, chẳng người chẳng mình.

LỜI KHAI THỊ

Sư Khoáng không lỗ tai, chí thần (tự tánh) không bản thể, Nguồn Linh không có đáy. Đạt Ma truyền tủy đầu thể được! Xưa kia ở chung chẳng biết tên, hôm nay gặp nhau chẳng phải người. Bóng trăng đẹp mà xuống nước chẳng chìm, gió lạnh lẽo mà sáu cửa tự mở. Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, dây dưa mục leo quán trước kiếp-không; "Gió chẳng động, phước chẳng động", Huệ Năng đặc chí nơi phòng giả gạo.

Linh Chiếu rõ ràng ta chẳng biết,

Mây trắng khe núi tự quen nhau.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói : "CHƠN NHƯ PHÁP GIỚI, VÔ THA VÔ TỰ", người nghĩa giải cho rằng : CHƠN NHƯ PHÁP GIỚI là tổng danh của một tâm. Ngoài tâm chẳng pháp thì đâu có cái tên gọi TỰ THA? Không những tự tha chẳng lập, cho đến núi sông, đất đai, hữu tình vô tình, đều chẳng thể đặc lại thành có. Dù nói chẳng thể đặc mà có, cũng chẳng ngại an lập vật tượng tự tha. Tại sao? Chơn như pháp giới dụ như vàng, vật tượng tự tha dụ như bông tai, cà rá, dây chuyền...Phải biết vàng là thật thể, các đồ trang sức là quyền danh (tên gọi tạm). THẬT chiều theo QUYỀN thì vật tượng tự tha chẳng ngại an lập, dung quyền về thật thì chỉ thấy chí thể của Nhất Chơn Pháp Giới. Vậy, giả danh của các thứ trang sức chẳng cần trừ mà tự mất rồi. Kẻ mê muội chẳng thông đạt ý chỉ viên dung của Tổ Sư, cho là đoạn diệt, dọa nơi rỗng không, lập cái thuyết "VÔ THA VÔ TỰ", ở đây cần phải biện bạch cho rõ.

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Biện thì cứ biện, nhưng trong Chơn Như Pháp Giới còn dung nạp được lời biện bạch này chẳng?

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Trong chẳng tự kỷ, ngoài chẳng tha (người khác),

Cả gan nuốt trọn trái bí kia.

Thẳng tay tặng người, người chẳng nhận,

Rải cát quăng bùn vẫn y xưa.

---o0o---

61. YẾU CẤP TƯƠNG ƯNG, DUY NGÔN BẤT NHỊ

DỊCH

Gấp muồn tương ưng, chỉ nói bất nhị.

LỜI KHAI THỊ

Biển dụ cho tánh, đất dụ cho tâm, chứa đầy mà chẳng tràn, hứng nặng mà chẳng sụp, dung nạp hư không chẳng ngăn mé, xuyên thấu cổ kim chẳng biên cương. Trước nói "bất lạc", sau nói "bất muội", hồ ly tinh đâu phải hai con. Hôm qua nói "định", hôm nay nói "chẳng định", cục cứt khô nuốt trọn vào bụng. Biện tài của Duy Ma Cật khiến hàng Bồ Tát bịt miệng; lưỡi bén như kiếm của Văn Thù đã làm thầy cho bảy Phật. Tông ta vốn chẳng dây dưa này, chí lý đâu có ghi bia đá.

Tiếng sóng ngàn sông chìm biển rộng,

Muôn núi hùng vĩ kém đỉnh cao.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói : "YẾU CẤP TƯƠNG ƯNG, DUY NGÔN BẤT NHỊ", người nghĩa giải cho rằng : Tổ Sư phí sức phân biệt, trước nói "Chỉ chê lựa chọn", kế nói "một cũng đừng giữ", "muôn Pháp cùng quán", "muôn Pháp nhất như" v.v... đều là lý của 2 chữ "Chỉ nói". Nhưng chư Phật chúng sanh, bản thể bất nhị, nói "Thành Phật" đã là lời thừa, vậy nói : "MUỒN GẤP

TƯƠNG ƯNG" dường như thành 2 đoạn rồi. Nếu quả thật có cái lý tương
ung và chẳng tương ung, thì rõ ràng là nhị, đối với việc này chưa thể không
nghĩ.

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Chỉ e cái nghĩ này chẳng chơn thật, chẳng vững chắc. Nếu Chơn thật vững
chắc, thì cái nghĩ này sẽ có ngày tự bùng nổ. Nghĩ này nếu vỡ, thì NHỊ với
BẤT NHỊ của tương ung hay chẳng tương ung đã thấu rõ trước cơ xảo, lãnh
hội ngoài ngôn ngữ, mới biết ơn lớn của Tổ Sư khó đền đáp.

Xưa Ngài Duy Ma Cật bảo chúng Bồ Tát nói Pháp môn Bất Nhị, mỗi mỗi
nói xong, lại bị chúng Bồ Tát hỏi ngược lại thì im lặng chẳng đáp. Lúc ấy
Văn Thù liền tán thán rằng "Chơn nhập Pháp môn Bất Nhị". Vậy lời tán thán
của Văn Thù sanh khởi từ chỗ nào? Nếu cho im lặng là pháp môn Bất Nhị,
thì người bệnh câm và người gõ máy cũng đều được nhập pháp môn Bất Nhị
rồi! Nếu im lặng có thể gọi là pháp môn Bất Nhị, thì ngữ ngôn cũng có thể
gọi là pháp môn Bất Nhị cho đến ca hát cười giỡn đều gọi là Bất Nhị ư? Tại
sao chỉ khen một mình Duy Ma Cật vậy? Ở đây cần phải thấu rõ ý chỉ mũi
kim đụng nhau đúng khớp của 2 vị đại sĩ Văn Thù và Duy Ma Cật, thì lời
nói TƯƠNG ƯNG hay CHẴNG TƯƠNG ƯNG trong một tiếng cười đã tẩy
sạch rồi.

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Cửa Thiên Tổ Sư tuyệt chi ly,

Đá lửa điện chớp vẫn chậm trì.

Muốn gặp tương ung nói BẤT NHỊ,

Bà lão nhai cơm, mớm tiểu nhi.

---o0o---

62. BẤT NHỊ GIAI ĐỒNG, VÔ BẤT BAO DUNG

DỊCH

Bất Nhị chẳng phải đồng, Nhị mới có bao gồm.

LỜI KHAI THỊ

Tổ tổ tâm không, Phật Phật đạo đồng. Tâm không thì các ngôi sao cùng hướng về Bắc Đẩu, đạo đồng thì muôn dòng nước đều chảy vào Biển Đông. Hưng Hóa hôm qua dự trai tăng trong làng, đạo ta nhất quán; Đức Sơn đêm nay không trả lời, Công án hai lớp. Bắt Hồ dữ, phân rã rông, chẳng phí chút sức của Hải Thần; Nổ sấm sét, phủ mây mù, tiêu hao Long Vương bao nhiêu gió. Mũi kim gọt sắt đè chìm đại địa, vắt nước chỉ mảnh ngạp khắp hư không, chẳng cán nắm, tuyệt cũi lồng, sông Thiên vốn chẳng có đò đưa, vách sắt đâu có cửa nẻo thông.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ sư nói : "BẤT NHỊ GIAI ĐỒNG, VÔ BẤT BAO DUNG", hạng người hiểu theo văn tự cho rằng : Kinh Pháp Hoa nói : "Chỉ một sự thật này, ngoài ra đều chẳng chơn". Còn nói : "Tất cả chư Phật chỉ một Phật thừa, chẳng hai chẳng ba". Nói MỘT là diệu tâm sáng tròn, thể lìa tu chứng, dọc gồm tam thể, ngang thấu mười phương, sắc, không, sáng, tôi lấy đó làm nguồn, thánh phàm mê ngộ lấy đó làm gốc. Cho đến cùng khắp pháp giới, nếu thấy có mảy may chẳng do đó sanh khởi, đều là sở chấp của ngoại đạo, cho nên nói "Sum la và vạn tượng do một pháp ấn định". Lời "BẤT NHỊ GIAI ĐỒNG, VÔ BẤT BAO DUNG" chẳng thể ở ngoài nghĩa này.

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Nói như thế, tất cả ngôn giáo đã ghi đầy đủ, đâu cần Tổ Sư từ Tây Trúc sang! Phải biết, ngôn giáo như bức tranh hoa của Triệu Xương, cao thấp xa gần, búp nở đậm nhạt, xem rất đẹp mắt, nhưng chẳng phải hoa thật vậy. Nếu chưa thể nơi gót chân một dao cắt đứt cuộn chỉ rối, thì đối với tông chỉ "BẤT NHỊ GIAI ĐỒNG", đâu thể chỉ miệng nói tai nghe mà đắc được ư!

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Vàng rờng đúc thành trứng gà trống,

Đập nát y xưa vẫn còn nguyên.

Chẳng biết có gì bao trong đó,

Suốt đêm tia sáng rọi càn khôn.

---o0o---

63. THẬP PHƯƠNG TRÍ GIẢ, GIAI NHẬP THỦ TÔNG

DỊCH

Người trí mười phương, đều vào tông này.

LỜI KHAI THỊ

Chí thân vô công dụng, chí thể chẳng hỗn dung, như chuông nơi chánh điện, lỗ tai chẳng nghe động tịnh. Như mùa xuân đến vườn, nhánh hoa tự trắng tự hồng. Ngũ vị quân thân của Động Sơn, đàn tấu trước khi chưa phổ nốt nhạc; bốn thứ chiếu dụng của Lâm Tế, là gia phong đánh roi sắt, vạn linh khó lường. Châu ngọc xoay chuyển trước đường cơ xảo, gió bay sấm sét, mở mắt trên đỉnh đầu. Suy nghĩ chẳng đến, nhanh cũng khó gặp.

Sắp xếp cỗ Phật lia hang ô.

Đánh cho rắn chết hóa thành rồng.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ sư nói : "THẬP PHƯƠNG TRÍ GIẢ, GIAI NHẬP THỦ TÔNG", người nghĩa giải dẫn chứng Kinh Hoa Nghiêm nói : "Cảnh giới của Như Lai, vô lượng bằng hư không, tất cả chúng sanh vào, kỳ thật chẳng chỗ vào". Kinh Viên Giác nói : "Những người năng nhập. Nếu có năng nhập thì chẳng phải giác nhập". Phải biết, tông này tất cả chúng sanh vốn đã thâm nhập, đâu có lý nào lại nhập nữa! Chúng sanh đã như vậy, thì người trí không nên lại có sở nhập. Vĩnh Minh nói : "Tâm chơn như vốn chẳng thể lia", nhưng kẻ mê dụ là xuất, kẻ ngộ dụ là nhập, làm cho mê ngộ tương đối, thật đâu có sự xuất nhập ư!

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Hãy gác lời này lại! Ông có từng ngộ chưa? Đợi ông chân thật có chỗ ngộ, mới thấy lời của Tổ Sư không dối.

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Đồng nói tông này khó được diêu,

Người trí mòi phương cứ bàn nhau.

Nếu chưa buông tay rơi vực thẳm,

Chỗ nhập đâu khác địa ngục môn.

---o0o---

64. TÔNG PHI XÚC DIÊN, NHẤT NIỆM VẠN NIÊN

DỊCH

Tông chỉ chẳng có ngắn dài, muôn năm một niệm, niệm muôn năm.

LỜI KHAI THỊ

Càn là trời, Khôn là đất, thiên chẳng khác giáo; dương là kỳ, âm là ngẫu, giáo đâu lìa thiên. Chỉ vì so đo với nhau, khiến con rắn uốn quanh cùng mình, người chuyên Nhất tâm tam quán, người hay trực chỉ đơn truyền. Nín như núi vách, nói như trời xa, bị kẻ không mặt mũi gặp thấy bất bình, chặn ngang hét một tiếng, khiến cho Đạt Ma cùng Thiên Thai Hiền Thủ câm miệng nín thở, thông tay vào thành.

Mỗi người tự quét tuyết trước cửa,

Chớ đem vô minh thấm thức điên.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói : "TÔNG PHI XÚC DIÊN, NHẤT NIỆM VẠN NIÊN", người nghĩa giải cho rằng : Tổ Sư lấy nhất tâm làm tông, trong pháp giới nhất tâm, cho kiếp là ngày mà chẳng rút ngắn, cho ngày là kiếp mà chẳng dài thêm. Nên xem 1 niệm là muôn năm, chuyển muôn năm thành 1 niệm, chẳng dài chẳng ngắn, chẳng ít chẳng nhiều, đâu phải do thần thông mà ra. Chỉ vì pháp vốn như thế.

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Xưa kia có người trí nhà Nho, cho bài "Thọ yếu bằng nhau" là vọng tác, cho "tử sanh như một" là hư dối. Nếu họ biết có cái thuyết "Một niệm muôn năm", lại càng thêm kinh ngạc. Ấy cũng chẳng lạ gì, bởi chơn tục chẳng cùng lối mà thôi. Người xưa nói : "Nói Chơn thì nghịch với tục, thuận tục thì trái với Chơn", há chẳng đúng ư! Làm sao khiến họ xé rách lưới tục, cắt đứt căn trần, trở lại xem cái cơ xảo viên thường tự tại, ngắn dài giúp nhau của Tổ Sư, thì cái lỗi lẽ lời mới mong có thể tránh khỏi. Dù vậy, muốn chẳng kẹt nơi ngắn dài, thử nói 1 câu xem!

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Sát na muôn kiếp chẳng ngắn dài,
Đo lường hư không nói tròn vuông.
Cứ ngay khi ấy chấp là thật,
Đứng xa ngoài cửa giành đúng sai.

---o0o---

65.VÔ TẠI BẤT TẠI, THẬP PHƯƠNG MỤC TIÊN

DỊCH

Chẳng phải có chỗ, chẳng phải không chỗ, mười phương hư không, chính là trước mắt.

LỜI KHAI THỊ

Cảnh Thanh sáu cửa, Lâm Tế tam huyền. Thiên Long giơ ngón tay, Am Chủ dựng nắm tay. Chỗ có Phật chẳng được trụ. Xoá hết Tây Thiên và Đông Độ; chỗ không Phật mau chạy qua, đánh bên Nam, động bên Bắc, chứng chỉ lãnh xong, sáu cửa vắng lặng.

Mở cửa thả ra hạt Dương Châu,
Chẳng cần đem theo mười vạn tiền.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói: "VÔ TẠI BẤT TẠI, THẬP PHƯƠNG MỤC TIỀN". Hoặc có người dùng ý thức suy lường rằng : Tâm chẳng hình tướng, đạo tuyệt bờ bến. Ngay nơi hình tướng mà chẳng ngại mỗi mỗi phân thân; dựa nơi bờ bến mà đâu ngại trần trần hiển lộ! Trần trần hiển lộ, chẳng lìa chỗ ở thường trạm nhiên; Mỗi mỗi phân thân, tìm mãi biết ông chẳng thể thấy. Ở đây, cái ý chỉ "VÔ TẠI BẤT TẠI, THẬP PHƯƠNG MỤC TIỀN" đã rõ ràng rồi.

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Người nói lời này, đối với việc bị mắng là "dòm bóng để trộm ánh sáng", thiếu một phần cho y cũng không được. Nếu chẳng thể đích thân hạ thủ phá vỡ hàng rào thiết vi, mà muốn thấy ý chỉ VÔ TẠI BẤT TẠI của Tổ Sư, khác gì đi Trịnh Châu ra cửa Tào Châu!

KỆ KẾT THỨC, RẰNG

"Ngay chỗ chẳng lìa" là vật gì?

Lấp bít bốn phương khắp thái hư.

Ném ngay trước mặt chẳng che giấu,

Khiến kẻ nhìn thấy bị mắt mù.

---o0o---

66.CỰC TIỂU ĐỒNG ĐẠI, VONG TUYỆT CẢNH GIỚI

DỊCH

Cực nhỏ đồng lớn, quên hẳn cảnh giới.

LỜI KHAI THỊ

Đầu Tử nói "Hoại", Đại Tỳ nói : "chẳng hoại". Đoạ hai quan ải này, đừng đâu đều chướng ngại. Không chướng ngại, chỉ cần đem hai câu ghép thành một chỗ xem, bèn thấy hạt bụi chẳng nhỏ, hư không chẳng lớn.

Công án saün sàng tuyệt che giầu.

Đáy thùng vì sao chẳng chóng lũng.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói : "CỰC TIỂU ĐỒNG ĐẠI, VONG TUYỆT CẢNH GIỚI", người nghĩa giải cho rằng : Trước nói "VÔ TẠI BẤT TẠI" tức là đề mục của "CỰC TIỂU ĐỒNG ĐẠI, CỰC ĐẠI ĐỒNG TIỂU", nên Kinh Lăng Nghiêm nói : "Trên đầu sợi lông hiện cõi Phật, ngồi trong hạt bụi chuyển pháp luân". Nếu chẳng thấu đạt ý chỉ "VÔ TẠI BẤT TẠI", thì đụng đâu cũng bị kẹt nơi cảnh giới. Đã bị kẹt nơi cảnh giới thì đâu có lý nào quên hẳn được! Đã chẳng thể quên hẳn cảnh giới thì lớn có tướng lớn, nhỏ có tướng nhỏ, đâu thể dung nhiếp thành một!

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Chỉ như người quên hẳn cảnh giới, còn thấy lớn nhỏ hay không? Nếu nói thấy thì chưa thể quên hẳn; nếu nói không thấy thì đâu khác chi người gõ đất? Thử nói xem!

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Tu Di chứa bụi người đều nhận.

Bụi chứa Tu di Phật cũng nghi.

Dầu cho kiến giải siêu tình lượng,

Khắc thuyền mò kiếm đã chậm trì.

---o0o---

67.CỰC ĐẠI ĐỒNG TIỂU, BẤT KIẾN BIÊN BIỂU

DỊCH

Cực lớn đồng nhỏ, chẳng thấy bờ mé.

LỜI KHAI THỊ

Đắc được chẳng phải đắc, thấu rõ đâu có rõ. Tâm địa hoa nở nơi tuyết xuân, Tánh-Thiên nắng rọi băng-hồ (dụ cho Vũ Trụ) sáng, Kim Phụng bay liệng trên nhánh chưa mọc, voi ngọc nhiều quanh bên cây không bóng. Bá Trượng giúp ông lão giải thoát thân chồn, nghèo nuôi một thân đã là nhiều; Văn Thù chẳng thể xuất định cho cô gái, giàu chê ngàn người ăn vẫn còn ít. Chỉ biết cách núi thấy khói, ai hỏi ra cửa là cỏ. Tất cả saün sàng, không cần tìm kiếm, dẫu trong giày ông chơi kèm búa, cũng là trước cửa đi quanh quần.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói : "CỰC ĐẠI ĐỒNG TIÊU, BÁT KIẾN BIÊN BIỂU". Hạng người nghĩa giải cho rằng : Xưa kia Duy Ma Cật dùng thần lực giải thoát bất tư nghi, đem 32 ngàn tòa sư tử để trong phòng trượng thất, mà phòng nhỏ chẳng thấy chật, tòa lớn chẳng rút nhỏ. Rồi dùng tay phải hái lấy thế giới Diệu Hỷ để vào phòng, nói với đại chúng rằng : "Thế giới kia chẳng lay động, thế giới này chẳng biến đổi". Đem lớn vào nhỏ, đem nhỏ vào lớn, dung nạp lẫn nhau, phi bỉ phi thử.

Theo kinh nói, thần lực giải thoát bất tư nghi này suốt kiếp chẳng hết, nhưng thần lực này đều từ diệu tâm sáng tỏ chảy ra. Hoặc có người nói : "Nay tôi cũng từng ngộ diệu tâm sáng tỏ này, tại sao chẳng có thần lực? Hoặc đáp rằng : "Phải biết, thần lực này vốn tự đầy đủ, chẳng cần tu chứng, sở dĩ chưa thể hiện tiền vì kẻ sơ tâm nhập đạo, nơi sức định huệ giải thoát chưa đầy đủ. Dù chưa đầy đủ, nhưng bốn giác trong tâm cũng chưa từng mất, khi cơ duyên đến, sẽ tự hiện mà thôi". Dù nói cơ duyên đến, song cũng không được giữ một niệm tâm đợi chờ. Nếu còn có tâm đợi chờ, liền rơi vào dị kiến. Ví như trẻ sơ sinh, chưa rời tã mà muốn gánh nặng đi xa, có thể được ư? Dù chẳng thể gánh nặng đi xa, nhưng đối với việc gánh nặng đi xa chưa thể hiện tiền, đâu có nghi ngờ kinh sợ gì! Kẻ chơn tham thật ngộ nghe nói thần lực này, tự nhiên chẳng nghi ngờ kinh sợ. Nếu còn một mảy may nghi ngờ kinh sợ tồn chứa trong tâm, thì tâm này chưa từng khai ngộ.

Gần đây, bậc tăng sĩ hành cước, chẳng cầu chánh ngộ, chỉ quý biện tài, lại bậc ở địa vị làm thầy, phần nhiều thuận theo trào lưu, đối với hành giả tham thiền, không dùng cơ xảo nghiêm khắc đánh đập, ai nấy cùng nhau đuổi theo vọng tình, khiến cho Bát Nhã ở tông lâm bị quét sạch chẳng còn gì! Thật đáng tiếc thay!

Người có chí nên khắc khổ tu hành, lấy đại ngộ làm kỳ hạn, mới báo đáp được ơn sâu của Phật. Đức Phật đã từng nói hết những tệ đoan ngày nay rằng : "Chúng sanh đời mạt pháp, hy vọng thành đạo, chớ cho cầu ngộ. Vì người học rộng nghe nhiều, chỉ thêm đa văn, tăng trưởng ngã kiến". Lời Phật dù đã cách đây hơn 2000 năm, vẫn như hiện trên bàn tay, đủ thấy lời của bậc Thánh chẳng dối chúng ta vậy!

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Im đi, Im đi! Ông tưởng ngộ rồi là xong ư? Dầu cho ông chứng đắc thần lực giải thoát bất tư nghi, trong l sát na đem mạng căn của ông già Duy Ma Cật bóp nát. Nếu chưa thể quên được sở chứng của mình, còn ngồi ở chỗ thần dị cho là thù thắng, thì phải đến đây ăn gậy của lão tăng!

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Lớn, nhỏ, mê, ngộ bật dấu tích,

Trăm ngàn thần lực thấy đều quên.

Hành giả gặp ta giữa đường hẹp,

Cây gậy đánh gãy chưa thể tha.

---o0o---

68.HỮU TỨC THỊ VÔ, VÔ TỨC THỊ HỮU

DỊCH

Có tức là không, không tức là có.

LỜI KHAI THỊ

Nửa đêm giờ Tý, gà gáy giờ Sửu, Thạch Nữ (làm bằng đá) may áo chằng dẫu nổi, người gõ ham uống rượu Bồ Đề. Lúc xế chiều giờ Thân, mặt trời lặn giờ Dậu, voi chúa đi sâu vào núi tuyết, sư tử rống nơi đồng lửa hồng. Ngày đêm 12 thời chẳng cần đếm hết, 30 năm sau có người phân rõ. Vô vô vô chẳng vô, hữu hữu hữu đâu hữu gọi là trúc bễ thì phạm, chẳng gọi là trúc

bề thì trái. Phun hoa hương đầy áo, ông đã có cây gậy, ta cho ông cây gậy, nắm bóng trắng trên bàn tay, tông ta chẳng lập giai cấp, đâu cần cưỡng phân xấu đẹp! Một trần khởi tam muội, nhiều trần nhập chánh thọ, gà vàng đá nhau dưới cây san hô, chó ngọc ngủ trong nụ hoa Chiêm-bạc.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ sư nói : "HỮU TỨC THỊ VÔ, VÔ TỨC THỊ HỮU", người nghĩa giải cho rằng : Hữu chẳng tự hữu, Hữu là hữu của nhà Vô : Vô chẳng tự Vô, Vô là vô của nhà Hữu. Hữu chẳng đơn chiếc, vô chẳng độc lập. Người nói HỮU vì trước đã thấy VÔ, sau đó mới nói HỮU. Nếu trong lòng trước chẳng thấy VÔ thì đâu thể ở ngoài đối đãi khi không nói HỮU! Nên biết, vô chẳng vô, vô tức là hữu; hữu chẳng hữu, hữu tức là vô. Lý HỮU VÔ vốn cùng một nguồn, nơi một nguồn, nói HỮU thì dư cái hữu, nói VÔ thì thừa cái vô. Hữu Vô dung nhau đường nói cũng bật, ấy là ý chỉ "trở về nguồn" vậy.

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Dù vậy, nếu chẳng phân khởi đại chí, bật sự tương đối của hữu vô nơi chánh ngộ, cứ khởi tâm phân biệt thì đâu có ngày được ý quên lời ư!

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Trong VÔ nói HỮU, hữu vẫn vô,

Vật này khó vẽ vào họa đồ.

Tức cười Triệu Châu quên trói buộc,

Nói càn : bên nhà treo hồ lô.

---o0o---

69.NHƯỢC BẤT NHƯ THỬ, TẤT BẤT TU THỦ

DỊCH

Nếu chẳng như thế, ắt chẳng cần giữ.

LỜI KHAI THỊ

Lâm Hòa Tịnh thích trồng mai, Đào Uyên Minh chỉ trồng liễu. Cùng là một hạng cao nhã đạm bạc, nhưng cả hai đều lọt vào hang ổ. Đâu bằng kẻ không ý-chí, cắm một cọng cỏ trên miếng đất chẳng âm dương, khiến hoa nở trước khi có ánh nắng mặt trời, trái chín mùi sau khi sương tuyết. Các người suốt ngày đêm lẩn quẩn đoán mò trong đó, có thấy chẳng? Thấy thì rất kì dưng mắt nhắm, chưa thấy thì chẳng nên chạy lãng xãng.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ sư nói : "NHƯỢC BÁT NHƯ THỦ, TẮT BÁT TU THỦ", người nghĩa giải cho rằng : Đây là lời dặn dò của Tổ Sư, nói phải có một niệm Chơn thật tương ưng với diệu tâm sáng tỏ và khế hợp với bản giác nguồn linh. Nếu chẳng như thế, dù cho biện tài thao thao, đều là sở chấp của ngoại đạo. Hoặc nói : "Nếu chẳng như thế" là quyết định muốn người khế ngộ chơn tâm. "Ắt chẳng cần giữ" là có ý muốn chỉ kẻ chẳng cầu chánh ngộ mà kẹt nơi ngôn thuyết cho là đặc chí. Nói ý này cũng thông.

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Vậy, như hai thuyết này nếu chẳng thể quên thân xả mạng, thì quyết đại ngộ, khi báo thân bỗng mất thì việc ta đâu còn! Chẳng biết người học ở trong bóng mộng huyền, dựa vào đâu mà chẳng tự cảnh sách!

KỆ KẾT THỨC, RẰNG

Hết chấp HỮU, VÔ, quên sắc, không,

Kẻ trộm tự thú hiến tang vật.

Rẻ bằng vàng ròng, quý như sinh,

Xót thương không chỗ để vùi chôn.

70.NHẤT TỨC NHẤT THIẾT, NHẤT THIẾT TỨC NHẤT

DỊCH

Một là tất cả, tất cả là một.

LỜI KHAI THỊ

HAI NĂM là mười, HAI NĂM cũng là bảy, pháp vốn chẳng định, lãnh hội do người. Gọi chúng sanh là chư Phật, bản thể đâu sai; gọi chư Phật là chúng sanh, lý cũng chẳng mất. Bỗng có người ra nói :

"Chúng sanh tự chúng sanh, chư Phật tự chư Phật, đâu thể thánh phàm lẫn lộn"! Khiến cho ông già Thích Ca khi không bị oan, chỉ cần nói với ông ta : "Vô thi vọng lưu chuyên, đều do sự chấp này".

Định tánh phàm phu bị Phật quở,

Thiên thủ Quan Âm xô chẳng ra.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tổ Sư nói : "NHẤT TỨC NHẤT THIẾT, NHẤT THIẾT TỨC NHẤT", hoặc có người dẫn chứng Kinh nói : "Một là một của tất cả, tất cả là tất cả của một, nơi một chẳng ít, nơi tất cả chẳng nhiều, đây là tâm và pháp cùng khắp, một với nhiều dung nhau, chẳng do thần thông làm ra, ấy là pháp vốn như thế". Thuyết này ghi đủ trong kinh sách, chẳng cần dẫn chứng, nói nhiều thêm phiền, nơi đạo vô ích.

Phải biết, Tổ sư trước tác MINH này, đến chỗ "BẤT NHỊ GIAI ĐỒNG, VÔ BÁT BAO DUNG", e kẻ hậu học chẳng thông đạt lý viên dung, trước dùng "dài ngắn tương tức (hỗ tương), "kế dùng" lớn nhỏ tương tức", kế nữa dùng "hữu vô tương tức", nay lại dùng "một nhiều tương tức, đem vô biên thế giới dung thành pháp môn bất nhị, khai thác vũ trụ của vạn vật, mở rộng quê hương của chúng sanh, giúp cho hậu học chẳng cất bước mà đến, chẳng cách mảy trần mà nhập, chẳng ra sức mà thành, chẳng nổi niệm mà chứng nguyện đại từ đã thỏa mãn, công giáo hóa cũng cùng khắp rồi.

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Dù vậy, kẻ mang bức tranh ngựa đi tìm ngựa ngày càng thêm nhiều, phải làm sao xoay mặt họ lại, luôn cả Tô Sư cùng đuổi ra một lượt, mới biết tri ơn báo ơn. Nếu không, ví như đuổi rùa dính sinh mà quét dầu, càng quét càng thêm. Giải nghĩa lời Tô Sư cũng giống như thế.

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Đại địa vò lại bằng hạt gạo,

Công khai đánh trống mọi người xem.

Mặt vàng trong mắt nếu chưa trờ,

Muốn biết trắng đen cũng khó khăn.

---o0o---

71.ĐẢN NĂNG NHƯ THỊ, HÀ LỰ BẤT TẤT

DỊCH

Nếu được như thế, lo gì chẳng xong.

LỜI KHAI THỊ

Đại tâm chẳng y trụ, đại hóa chẳng dấu tích, đại cơ xảo chẳng cần làm, đại nhiệm vụ chẳng ra sức, chỗ muôn pháp toàn hiển bày, ánh sáng và hình bóng đều diệt;lúc một mây lông chẳng hiện ra, lại chất đầy như núi.Mối trắng ăn lũng tâm Phật sát, ruồi xanh đập gãy lưng trâu vàng. Triệu Châu thấy ông buông chẳng xuống, Yên Khê lại từ chỗ này vào. Tùy tay đem đến, tùy miệng nhổ ra, trí đâu thể biết, thức đâu nhận được.

Bao người ngó nhằm bị mù mắt,

Bất tài thừa kế uống hứa khả.

LỜI NGHĨA GIẢI

Tô Sư nói : "ĐẢN NĂNG NHƯ THỊ, HÀ LỰ BẤT TẤT", người nghĩa giải cho rằng : Kinh Pháp Hoa nói : "Nay ta vì ông bảo nhậm việc này, trọn

chẳng hư dối", tức là ý "ĐẢN NĂNG NHƯ THỊ, HÀ LỰ BẤT TẤT" của Tổ sư, là lời vì người học mà bảo nhậm. Sự chí thành sách tấn thấy rõ ở đây.

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Dù vậy, y quả được như thế hay chưa? Dầu cho vừa nghe liền gật đầu ba cái đã trể tám khắc, suy nghĩ chốc lát thì bị bỏ mất quá lâu rồi!

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Như thế, như thế, cứ như thế,

Việc xong lúc nào tìm hỏi ai?

Gỡ được nhiều lớp da mặt sắt,

Đường về quê hương vẫn xa xôi.

---o0o---

72. TÍN TÂM BẤT NHỊ, BẤT NHỊ TÍN TÂM

DỊCH

Tin tự tâm là bất nhị, bất nhị phải tin tự tâm.

LỜI KHAI THỊ

"Tâm là căn, pháp là trần, hai thứ như dầu bụi trên gương", Vĩnh Gia đại sư nói quá lộ, muốn đục mở con mắt trời người, còn như cách biển. Sao chẳng nói : "Tâm phi căn pháp phi trần, cùng chuyên Như Lai chánh pháp luân"? Bỗng có người nói : "Lời Vĩnh Gia như cách biển, lời ông nói như biển cách", đầu bằng Tam Tổ nói "TÍN TÂM BẤT NHỊ, BẤT NHỊ TÍN TÂM". Hai câu này như trái cân sắt, muốn đục chẳng lũng. chỉ nói với y : "Im đi, im đi! Kêu đến máu chảy cũng vô dụng, không bằng ngậm miệng qua xuân tàn".

LỜI NGHĨA GIẢI

Hoặc có người nghĩa giải ý Tổ Sư rằng; chúng sanh mê tâm này đã lâu, nơi một pháp vọng sanh phân biệt, mỗi mỗi phân biệt đều là nhị. Nay thấy mình là tự ắt thấy người là tha, ấy gọi là cái nhị của tự tha. Từ đây sanh khởi vô số phân biệt, nhị lại thêm nhị, dùng toán số thí dụ cũng chẳng thể biết được số lượng, cho nên lòng từ bi của Tổ Sư thái quá, đề ra hai câu "TÍN TÂM BẤT NHỊ, BẤT NHỊ TÍN TÂM" làm chánh ấn (con dấu chánh pháp), ngay đầu thiền giả dùng ấn ấn định, như nắm bầu áo thì cả áo đều xuôi theo. Sấm sét đánh thức người mê mộng, nắng trời rọi khắp đường tối tăm, khiến người mù thấy, người điếc nghe, người nghèo thành giàu, người ngu thành trí. Chẳng lia căn nhà chiêm bao, cao đăng quốc độ chơn giác, dùng thân huyễn thăng chứng bản thể kim cương, đáng xưng là thuốc thần trị bệnh sanh tử, là bậc đạo sư hướng dẫn từ phàm vào thánh.

Rất hay, rất hay.

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Khen ngợi tạm ngưng đi! Chính ngay lúc ngộ đạo, cái thuyết "bất nhị" này, còn có chỗ dung nạp hay không? Nếu không có chỗ dung nạp, thì Tổ Sư đến đây cũng đáng ăn gậy.

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Thánh phàm mê ngộ đều bất nhị,

Thấu rõ vốn từ tín tâm ra.

Tâm chẳng sanh diệt ai mê ngộ?

Khi không nhảy vào hầm lửa hồng.

---o0o---

73. NGÔN NGỮ ĐẠO ĐOẠN, PHI KHÚ LẠI KIM

DỊCH

Đường ngôn ngữ chằm dứt, chẳng phải quá khứ hiện tại vị lai.

LỜI KHAI THỊ

Nói tâm tâm, phi tâm phi tâm. Tâm là phi tâm, phi tâm là tâm, giở đầu lên kéo chẳng dứt, buông tay xuống lại khó tìm. Những dây dưa này khởi từ Tây Trúc đã hơn 2000 năm, trong đó Tổ Tây Thiên 28 vị, truyền Đông Độ 6 đời, cho đến kẻ ngu độn 1700, bày đặt muôn thứ, trừ mãi chẳng hết, kéo nhánh dẫn dây, thẳng đến ngày nay, biến ra lò rèn trui phàm luyện thánh, hóa thành tòng lâm, ngậm gió vịnh trăng. Bỗng có nhị kiến đua nhau khởi, giúp cho dị-chứng (tu chứng khác biệt) bài xích nhau. Phát thuốc đã nhiều mà bệnh càng thêm nặng, huống là lộn vào độc của tà ma ngoại đạo, thành bệnh bó tay vô phương trị. Ngày nay trị ngựa chết xem như trị ngựa sống.

Im lặng giây lâu nói : "Thuốc cơ xảo gặt đầu 3 cái để tổ ngộ, ngoài ngôn ngữ câu được cá lý ngư".

LỜI NGHĨA GIẢI

Người nghĩa giải cho rằng : Đã là đường ngôn ngữ chắm dứt, thì bài MINH này chẳng phải lời thừa hay sao! Xem lời "Chẳng phải quá khứ hiện tại vị lai", mới biết mặt mũi của Tổ Sư còn đây!

TỊCH NGHĨA GIẢI, RẰNG

Đừng nên xuyên tạc bậy bạ, làm trò cười cho kẻ bàng quan; họ đâu biết lý vốn viên dung, đạo chẳng thể lia, đường ngôn ngữ chắm dứt mà lại nói dài dòng đủ thứ, lời giải bùng bùng như lửa. Chẳng phải quá khứ, hiện tại, vị lai, thanh tịnh pháp thân thường tịch diệt, độc dược đề hồ khuấy thành l chén, vàng ròng miếng ngói vò thành l viên. Chỗ dùng không khác lại có tiêu chuẩn, kẻ một chân đạp tới đây, chẳng có dấu tích; kéo 3 lần chẳng quày đầu, vọng tự tính toán. Thật là Thánh sư của một đời, là mô phạm cho trăm kiếp, rút tủy phượng hoàng ra làm món ăn lạ cho cửa Thiền; lấy gân sư tử, dứt tuyệt tiếng vang nơi nhà chí linh. Dù vậy, nhưng Tổ sư có chịu nhận com trà này hay không? Hãy thu dẹp dây dưa, mặc cho luận bàn.

KỆ KẾT THÚC, RẰNG

Chim vẽ chén sành hót nhạc xưa,

Lừa mù đêm khuya đổi giọng ca.

Đường ngôn ngữ dứt, đạo chẳng dứt,

Mặc kệ người đời loạn suy tư.

ĐOẠN TỔNG KẾT

Phi văn phi tự, vô Phật vô tâm. Đem không lấp không, dùng độc trị độc. Công án của Tổ Tăng Xán thường tồn, tiếng tăm của Tông Đạt Ma chẳng suy. Mặc cho người đọc TÍN TÂM MINH, rất kì ghi nhớ lời của Tổ. Thùng sơn đen vô ý đập lũng đáy, ngọc kỳ lân ngay đó kéo quay về. Dùng hết gia tài cổ Phật, làm mù chánh nhãn đương cơ. xin hỏi linh nghiệm ở câu nào?

TÍN TÂM MINH TỊCH NGHĨA GIẢI HẾT.

---o0o---

TIỂU SỬ TÁC GIẢ HÀNG CHÂU THIÊN MỤC TRUNG PHONG

Minh Bồn Thiên Sư (1263-1323) họ Tông, người Tiền Đường, mẹ nằm mộng thấy ông già Vô Mông Khai cầm lồng đèn đến nhà, sau đó bà hạ sanh. Ngay khi mới hiểu biết đôi chút, không cần dùng đến tả nữ, là đã biết ngồi kiết già. Vừa biết nói là đã ca ngay bài Tán Phật. Phàm chơi đùa đều làm theo Phật Sự - Chín tuổi, mẹ mất - Mười lăm tuổi, có ý muốn xuất gia. Nhân xem Truyền Đăng Lục, đến chỗ Am-ma-la nữ hỏi ngài Văn Thù: "Đã biết rõ sanh là lý bất sanh, tại sao lại bị sanh tử lưu chuyển?". Do đó liền phát nghi.

Sau ngài đi tham vấn hoà thượng Cao Phong Diệu.

Tính ngài Cao Phong Diệu rất nghiêm khắc. Bình thường, khi nói chuyện, ngài không biểu lộ tình cảm ra sắc mặt. Vậy mà, khi vừa gặp ngài Minh Bồn, thì ngài Cao Phong lộ vẻ rất vui mừng, hứa khả cho xuống tóc liền.

Nhân khi tụng kinh Kim Cang, đến chỗ "gánh vác Như Lai", trong tâm ngài hoá nhiên mở mang, đến khi thấy nước suối chảy, bèn bưng tỏ ngộ. Ngài bèn chạy đến Hòa Thượng Diệu Cao Phong cầu ấn chứng, bị hoà thượng đánh đập đuổi ra.

Một hôm, nhân có lệnh vua tuyển đồng nam đồng nữ vào cung, ngài Minh Bồn đến hỏi hòa thượng Diệu :

Nếu bỗng nhiên có người muốn hòa thượng lấy mấy người đồng nam đồng nữ thì làm sao?

Hòa thượng Diệu đáp :

Ta cứ đưa cây trúc bẽ cho họ. Sư ngay lời nói, ngộ triệt để.

Hòa Thượng Diệu Cao Phong liền tự đề chân dung, phó chúc kệ cho sư :

Ngã tướng bất tư nghi

Phật tổ mạc năng thất

Độc hứa bất tiểu nhi

Đắc kiến bán biên tử

Dịch :

Ngã tướng bất tư nghi

Phật tổ chẳng thể biết

Chỉ hứa thẳng du côn

Được thấy nửa bên mũi

Có người hỏi Hòa thượng Diệu :

Trong các đệ tử của ngài, ai hơn, ai kém?

Hòa thượng đáp :

Thủ tọa Nghĩa cố nhiên là cây trúc già, nhưng vẫn còn bảy tám đốt cong. Chỉ duy na Bồn mới thật là cây tre xuất sắc trong rừng tre. Sau này thành đạt không thể hạn lượng.

Sư không ở nơi nào nhất định. Khi thì dưới thuyền, lúc trong am cỏ. Mọi người gọi Sư là "Huyền Trụ". Tăng tục giành nhau chiêm lễ, tôn xưng ngài là Cổ Phật miền Giang Nam.

Vua Nhân Tông nhà Nguyên thỉnh sư về triều. Sư từ tạ không đến. Vua ban cho Sư áo cà sa kim lan và phong hiệu là Phật Tử Viên Chiếu Quảng Huệ Thiền Sư.

Sư thường quở người học chỉ quý ngôn thuyết, chẳng cầu thực ngộ.

Ngài nói :

Nay người tham thiền không được linh nghiệm là vì :

1. Không có chí khí chân thực như người xưa.
2. Không lấy sanh tử vô thường cho là việc lớn.
3. Tập khí từ nhiều kiếp đã không buông xuống được, lại không giữ được quyết tâm bền vững, không lui sụt.

Bệnh tại sao?

Đó chỉ vì không nhận biết được căn bản của sanh tử.

Phàm gặp người học, ngài hỏi :

Người gọi cái gì là sanh tử?

Thì họ hoặc mịt mù không trả lời, hoặc trả lời sanh không biết chỗ đến, chết không biết chỗ đi là sanh tử.

Sư nói :

Dẫu cho biết, cũng vẫn là sanh tử!

Hoặc có người nói :

Một niệm khởi là sanh, một niệm diệt là tử.

Sư nói :

Lìa một niệm khởi diệt cũng là sanh tử vậy. Phàm có lời nói đều là nhánh lá thối, chẳng phải căn bản. Cái căn bản là tánh chân thật viên tròn sáng tỏ vốn chẳng có tướng sinh diệt khứ lai. Chỉ vì bất giác bỗng khởi vọng tâm, lạc mất bản nguyên, uổng chịu luân hồi, cho nên nói "mê thì sanh tử bắt đầu,

ngộ thì luân hồi ngưng nghỉ". Nên biết sơn hà đại địa, sáng tối, sắc không, ngũ uẩn, tứ đại, cho đến các pháp động tịnh, đều là nguồn gốc của sanh tử. Nếu chưa từng hướng vào pháp chân thực, hoát nhiên siêu ngộ, lại còn ở ngoài ngộ tạo dựng cuộc sống ngồi trong hang ổ, đối với biển sanh tử hoặc còn mảy may chưa tẩy sạch, thì khó tránh được sự mê hoặc của cảnh duyên thù thắng. Từ mê, sanh khởi dị khiến, dù nói đã rõ rồi, chứ thực ra thì chưa. Cần phải thống thiết vì đại sự sinh tử, cho đó là việc trọng đại nhất của mình. Tâm trộm cắp chết sạch mới có thể hy vọng. Nếu còn mảy may kiến chấp thiện ác, lấy bỏ, yêu ghét, dứt nổi, thì sanh ra nhánh lá rồi, cần phải cẩn thận.

Ngày 15 tháng 8 năm Quý Hợi, tức năm 1323 dương lịch, ngài thuyết kệ từ giả chúng rằng :

Ngã hữu nhất cú

Phân phó đại chúng

Cánh vãn như hà

Vô bản khả cứ

Dịch

Ta có một câu

Phó chúc đại chúng

Lại hỏi thế nào

Vốn chẳng căn cứ.

Rồi ngài buông bút ngồi mà tịch. Đệ tử xây tháp thờ ngài nơi hướng Tây núi Thiên Mục.

Năm thứ hai niên hiệu Nguyên Thông (1334) vua Thuận Đế nhà Nguyên Truyền cho ba chục quyển Quảng Lục vào Đại Tạng Kinh và phong ngài hiệu là Phổ Ứng Quốc Sư.

Ghi Chú

Tâm trộm cắp : Ý ngài muốn nói người tham thiền ngoài nghi tình, hễ có nổi lên bất cứ một niệm nào, dù là Bồ đề Niết bàn, cũng đều chướng ngại cho sự kiến tánh, đều gọi là tâm trộm cắp.

-o0o-

Bài Tựa

Ngài Trung Phong nói: Thiền tông là bất lập văn tự. Do từ trong hội Linh Sơn, Phật Thích Ca đưa cành hoa lên, ngài Ma Ha Ca Diếp mỉm cười; Phật tuyên bố rằng: Ta truyền cho ông “Chánh pháp nhãn tạng, Niết bàn Diệu tâm, thật tướng vô tướng”.

Giáo ngoại biệt truyền là ở ngoài kinh điển, đặc biệt truyền riêng pháp môn này; bất lập văn tự chẳng phải phớt bỏ văn tự, mà không cần phải qua văn tự và lời nói, tức là chỉ thẳng tâm mình là Phật; chỉ cần tham thiền hiện ra tâm này, gọi là kiến tánh thành Phật.

Đã nói bất lập văn tự, tại sao Tổ Đạt Ma mới truyền qua 3 đời, đến ngài Tăng Xán lập ra Tín Tâm Minh gồm 584 chữ, có phải sửa lại gia phong của Tổ chẳng! Tổ Tăng Xán làm Tín Tâm Minh không trái ý “bất lập văn tự”, mà muốn người học sau này được tin tự tâm. Tin tự tâm không cần qua văn tự, không cần học ở ngoài. Cho nên, Ngài muốn hiển bày nghĩa bất lập văn tự, chứ chẳng phải biến gia phong bất lập văn tự trở thành ra văn tự.

Nhưng người đời sau, hiểu lầm ý Tổ Tăng Xán, mà y văn giải nghĩa, nên ngài Trung Phong làm “tịch nghĩa giải”, tức là bác bỏ nghĩa giải sai lầm, để cho người ta tin hoàn toàn tự tâm đầy đủ, không cần có lý giải gì hết. Nếu tin ở ngoài tâm mà có, cũng như đầu mọc thêm đầu, cần phải mời Bác sĩ cắt bỏ mới được. Cho nên, đặt tên “Tín Tâm Minh Tịch Nghĩa Giải”.

Tín Tâm Minh Tịch Nghĩa Giải này, ngài Trung Phong lấy hai câu chia ra làm 4 đoạn: Đoạn thứ nhất là khai thị, đoạn thứ hai là nghĩa giải, đoạn thứ ba là tịch nghĩa giải (bác bỏ nghĩa giải), đoạn thứ tư là bốn câu kệ kết thúc.

Phản khai thị là theo lý giải không được, mà để hiển bày tâm chư Phật, Tổ và tâm của chính mình. Tại vì mình chưa tin, nên không thể hiểu được.

---o0o---

1. CHỈ ĐẠO VÔ NAN, DUY HIỀM GIẢN TRẠCH

Dịch

Đạo cùng tột chẳng có gì khó, chỉ vì phân biệt mới thành khó.

Lời khai thị:

Ngài nói: Thể dụng Tự tánh cùng khắp hư không, trí huệ con người chẳng thể suy lường (Tự tánh mỗi chúng sanh đều sẵn có, thể và dụng cùng khắp không gian và thời gian. Nếu dùng bộ óc con người không thể nghĩ đến được). Mở cửa nhà lớn nhiệm mầu vô biên vượt trên vạn tượng chiều sâu mà không đáy (đây là diễn tả Tự tánh, Tự tánh tức là Phật tánh; hàng ngày đang dùng mà mình không biết, cửa mở ra hết, nhưng người ta không thấy, tưởng là cửa đóng bít).

Mở cửa nhà lớn nhiệm mầu (tức là cửa Tự tánh, nhưng người ta không thấy), vượt trên vạn tượng chiều sâu mà không đáy (biển sâu cách mấy đều phải có đáy, còn cái này thì không có giới hạn). Cơ xảo của chư Tổ như tiếng hét kim cương vương của Lâm Tế, sấm sét oanh liệt, muốn nhìn bóng còn khó, huống là thấy hình (thủ đoạn Lâm Tế, ai vào cửa liền hét, người nào hỏi liền hét, mà tiếng hét của Ngài, gọi là kim cương vương; kim cương là vật cứng hơn các vật khác, mà thêm kim cương vương tức là cứng nhất. Sấm sét oanh liệt là không thể dùng mắt để thấy, tai để nghe).

Uy thế cây gậy của Đức Sơn như gió bão điện chớp (người học vừa đến cửa thì cây gậy của Đức Sơn liền đánh. Tiếng hét Lâm Tế và Đức Sơn đánh gậy, không phải khi không mà hét đánh bậy bạ. Ở dưới tiếng hét và ở dưới cây gậy đánh, đều đào tạo ra chư Tổ mà chẳng cho mình có công lao), gánh biển vác núi chẳng cần ra sức (đây là cái dụng của Tự tánh, chư Tổ kiến tánh dùng ra được).

Ông già Thích Ca chỉ nắm bắt hư không (đây hình dung lời nói không thể đến được, cho nên, Phật Thích Ca nói: “49 năm, ta chưa từng nói một chữ”. Tại vì nói không được, ví như bàn tay nắm bắt hư không. Hư không làm sao nắm bắt được!) 1700 bạch niêm tặc ăn trộm không cần vốn (là hình dung 1700 Tổ kiến tánh, diệu dụng đầy đủ tất

cả, không cần mượn bên ngoài. Như Trương Bảo Thắng hiện sức dụng phần nhỏ của Tự tánh).

Có miệng chỉ treo trên vách tường (vì lời nói chẳng thể diễn tả được). Rất sẵn sàng mà không hiểu biết (vì trình độ của mình chưa thể hiểu biết). Muốn ngay trước mắt, chỉ bảo họ thì gai góc ở cửa nổi đầy (cái này, mình dụng công đến đó mới được, chứ nhờ người khác thì không được).

Lời nghĩa giải:

“Đạo cùng tốt thì không khó, chỉ vì phân biệt lựa chọn nên mới khó”. 2 câu này là cương yếu của bài minh. Chữ tin bao gồm ngộ chứng, chẳng phải chữ tin của tín hạnh (ngộ là giác ngộ, chứng là chứng quả. Cũng như tin 10 phần thì nghi 10 phần, ngộ cũng 10 phần. Không phải tín hạnh là giữ uy tín của mỗi người, mỗi nước).

Cũng như trong hội Pháp Hoa lãnh hội quyền trí nhập vào thật trí (ánh sáng đèn dụ cho quyền trí, cây đèn dụ cho thật trí, là cái thể của tâm. Cái đó lập ra tín giải; tín là tin, giải là hiểu, để tỏ bày nguyện vọng của chúng sanh).

Chư Tổ thấy đó là Chí đạo (chí là cùng tốt, chỉ có tâm cùng tốt, không có lý lẽ để hiểu gọi là nhiệm màu). Chư Phật, Tổ chứng gọi là bồ đề, chúng sanh mê gọi là vô minh, Giáo môn hiển bày gọi là biển giác, đều cùng gọi là một tâm (nên Tổ nói: “Hàng ngày hiện hành vô minh của chúng sanh là bất động trí của chư Phật”).

Có người nói: Hàng ngày hiện hành vô minh, tại sao bất động trí của chư Phật?

Tổ nói: Dễ hiểu mà!

Tổ hỏi chú Tiểu: Thế nào là bất động trí của chư Phật?

Chú Tiểu ngơ ngác.

Tổ nói: Vô minh đó.

Qua câu chuyện này chỉ hiểu phần nào mà thôi).

Cho đến bao gồm danh tướng, thấu nhập sắc không, muôn ngàn đề mục đường lối, dù có khác nhau, đâu có sai trái tốt xấu, cũng không có ngăn cách mê ngộ, tất cả do đây mà hiển bày (tại vì có phân biệt lựa chọn, nên có tốt xấu đúng sai; nếu không có phân biệt lựa chọn, thì không có tốt xấu đúng sai. Tất cả cuộc sống hàng ngày đều là cái

dụng của tâm. Tại mình chấp nên có đúng lý và không đúng lý. Bài Tín Tâm Minh quét sạch cái lý.

Đoạn này nói cái lý, đoạn sau quét sạch cái lý. Vốn không có ngăn cách mê ngộ, tốt xấu; tất cả tốt xấu mê ngộ, đều do tâm chấp của mình mà hiển bày).

Như cây bách của Triệu Châu, vòng kim cương của Dương Kỳ, cái chậu đất bể của Mật Am, bánh sắt có nhân của Đông Sơn (đây là cơ xảo của chư Tổ).

Tăng hỏi Triệu Châu: Thế nào là Phật?

Triệu Châu đáp: Cây bách trước sân.

Có người hỏi Dương Kỳ: Thế nào là Phật?

Dương Kỳ đáp: Vòng kim cương.

Có người hỏi Mật Am: Thế nào là Phật?

Mật Am đáp: Chậu đất bể.

Có người hỏi Đông Sơn: Thế nào là Phật?

Đông Sơn đáp: Bánh sắt có nhân.

Lời đáp chẳng có ý nghĩa gì, nhưng chặn được dòng suy nghĩ của ý thức thì ngay đó ngộ. Nếu không chặn được hết dòng suy nghĩ của ý thức, thì mịt mù không hiểu gì, vẫn còn trôi lăn trong lục đạo.

Những công án như trên có rất nhiều, như:

Hỏi: Thế nào là Phật?

Đáp: Cục cúc khô.

Hỏi: Thế nào là Phật?

Đáp: Ba căn mè.

Nếu ngộ được bản thể Tự tánh cùng khắp không gian thời gian, thì biết rõ ý của Tổ sư. Nếu không ngộ thì ngờ ngốc còn vô minh; công phu đến mức là đến thoại đầu, điểm phá một cái ngộ liền. Có người gần đến thoại đầu, điểm phá cũng ngộ.

Có một người công phu đến thoại đầu, đi ngang chỗ bán thịt, nghe người mua thịt nói: Bán cho tôi một miếng thịt nạt.

Người bán thịt chặt mạnh con dao xuống bàn, nói gằn: Chỗ nào chẳng phải thịt nạt!

Người có công phu đến thoại đầu nghe liền ngộ.

Cũng có một người gặp người ta đánh lộn, bị đánh một bạt tai liền ngộ.

Nếu công phu đến thoại đầu, một ngày không ngộ, thì một tháng cũng phải ngộ; chẳng phải do gặp thiện tri thức rồi mới ngộ. Gặp thiện tri thức là chỉ để ấn chứng. Công phu đến thoại đầu gặp cảnh duyên nào cũng được khai ngộ).

Giống như dị đoan, cùng tà pháp sôi nổi; vậy thì lời nói “chí đạo” đã hiện hành rồi. Do đó thông suốt lý sự, dung thấu cổ kim, cho là “vô nan” đã thành lời thừa. Nhưng Thánh phàm, nhiễm tịnh, trước mắt toàn chân. Nếu sanh ra tình thức phân biệt, thì trái hẳn với chí thể, nên nói: “Duy hiềm gián trạch” vậy.

Tịch nghĩa giải:

Hình như giống nhau, giống mà chẳng đồng. Lại 2 chữ “chí đạo”, dấu cho ông dùng hết ý thức để giải thích, đối với tông chỉ “vô nan”, cần phải tương ứng mới được. Nếu chẳng phải tự tâm khai ngộ, âm thầm khế hợp bất khả tư nghì, dứt hẳn tri kiến, siêu việt ngữ ngôn danh tướng, muốn trông thấy tông chỉ “vô nan”, chẳng những cách xa như trời với đất. Ở nơi căn cảnh tương đối, đủ thứ sai biệt, nếu không thể ngay đó giải thoát, mà muốn đem đạo lý “vô nan” đó, tồn chứa trong lòng, thì chỉ là nhận giặc làm con mà thôi.

(Ngài Trung Phong thấy người ta đem Tín Tâm Minh để giải thích ra đạo lý; chính đạo lý đó nghịch với ý của Tổ sư. Những người đó cho mình là hay, giải thích rất kỹ càng giáo lý thâm sâu. Nhưng sự thật nói thì giống, phải thì chưa phải. Cho nên, cần phải tương ứng để khai ngộ mới được. Khai ngộ rồi âm thầm khế hợp, không thể suy nghĩ. Suy nghĩ còn không thể, làm sao nói và giải thích!

Hiểu biết đúng lý đều phải chấm dứt, vì đúng lý và không đúng lý là lọt vào tương đối nhị biên. Tự tâm là bất nhị, không thể cho đúng và không đúng. Cho nên, dứt hẳn tri kiến, siêu việt ngữ ngôn, lìa danh tướng.

Tâm không dính mắc với cảnh, thì ngay đó giải thoát; tức là cảnh vui mình không thấy vui, cảnh buồn mình không thấy buồn, cảnh sợ mình không thấy sợ)ĩ.

Kệ kết thúc:

Chí đạo không nên chê lựa chọn,
Chớ nói lựa chọn đọa phạm tình.
Cần phải đâm mù mắt mẹ đẻ,
Ban ngày đốt đèn đọc Minh này.

(Chí Đạo là bất nhị, lựa chọn hay không lựa chọn đều chẳng có. Mới nói: “Không nên chê lựa chọn”. Chí đạo đâu có khó dễ. Nên nói: “Chớ nói lựa chọn đọa phạm tình”. Theo nghĩa giải thì lựa chọn đọa vào phạm tình vô minh. Nhưng thật tế Chí Đạo không có đọa vào phạm tình được.

“Cần phải đâm mù mắt mẹ đẻ” là theo sự thấy của con mắt không thể thấy được Chí Đạo. Mà lại nói: “Ban ngày đốt đèn đọc Minh này”, nghĩa là không cần dùng con mắt, không cần dùng ánh sáng mặt trời; tức là đừng có tư tưởng đạo lý gì, thì mới có tư cách đọc Tín Tâm Minh này”.

---o0o---

2.ĐẢN MẠC TẮNG ÁI, ĐỒNG NHIÊN MINH BẠCH

Dịch

Chỉ đừng yêu ghét thì rõ ràng minh bạch.

Lời khai thị:

“Chỉ đừng yêu ghét thì rõ ràng minh bạch”. Theo ý chỉ Thiên tông thì không chỗ trụ; nên nói: Thẳng chẳng phải tùng (cũng không nhất định là thẳng), co chẳng phải gai (cũng không nhất định là co), thông chẳng phải hư không (hư không là trống rỗng chẳng có chướng ngại, cũng không có nhất định là thông), nghẽn chẳng phải vách tường (cũng không nhất định là nghẽn).

Đầu búa không lỗ ném ngay mặt (câu này là chuyển ngữ của Thiền tông. Đầu búa không lỗ thì không thể dùng được. Thiền tông không có chỗ để suy nghĩ, không có chỗ để mở miệng; cũng như đầu búa không lỗ vậy. Ai có đề ra ý kiến gì hay chơn lý gì, cũng giống như đầu búa không lỗ; không có ý nghĩa gì để dùng được).

Trái lại, thẳng vẫn là tưng, co vẫn là gai (co và thẳng, thông với nghẽn là đối đãi. Phạm đối đãi là tương đối, tương đối là sản phẩm của bộ não. Nó không phải thật tế, thật tế thì không có đối đãi. Cho nên, tương đối là vọng tưởng).

Kinh Lăng Già nói: Tụ tâm hiện lượng. Tụ tâm không có số lượng; hiện ra số lượng cao nhất đều là vọng, vì có số lượng. Phạm do bộ óc biết đều là tụ tâm hiện lượng; chẳng phải bản tâm của mình. Nên nói: Chẳng phải co, chẳng phải thẳng tức là thấy thẳng không trụ nơi thẳng, thấy co không trụ nơi co. Và chẳng co chẳng thẳng cũng không trụ. Ngược lại là co là thẳng; thông và nghẽn cũng vậy.

Bởi những cái đó đều là tương đối, phá hết tất cả tương đối hiện lượng, thì số lượng không nói được nữa).

Vậy “trời xanh nước rộng dính liền như cũ” (tức là không có thêm bớt ý kiến gì; thì trái cây vẫn là trái cây, cái đèn vẫn là cái đèn... đúng lý thì thêm, không đúng lý thì bớt. Cho nên Tâm Kinh nói: Bất tăng bất giảm).

Đêm qua người Ba Tư bắt được tên chánh tặc Tây Thiên trong Nam Hải, đợi trời sáng đốt đèn xem, thì ra bác hai Vương ở làng Đông (đoạn này nói kết thúc lời khai thị, ý nghĩa giống như đoạn trên; không có cái nào chân thật, không có cái nào huyền hóa).

Chân chẳng phải chân, giả chẳng phải giả, đúng chẳng phải đúng, sai chẳng phải sai. Cho nên, không thể dùng 2 chữ “cho là hay cho rằng”. Nếu cho là, cho rằng là sản phẩm của bộ óc, không phải bản tâm. Vì bản tâm không thể dùng bộ óc suy nghĩ, dùng hình tượng để tiếp xúc và văn tự lời nói đến được. Nên Thiền tông nói: “bất lập văn tự” vậy).

Lời nghĩa giải:

Chỉ đừng yêu ghét thì rõ ràng minh bạch (chữ “yêu ghét” này thuộc phạm vi tương đối, nếu có “chán, thích, lấy, bỏ” là niệm tương đối của bộ óc. Tương đối thì không rõ ràng minh bạch, chỉ có là tương đối, mới đạt đến cảnh giới tuyệt đối, thì thấy rõ ràng cùng tột)*.

Tịch nghĩa giải:

Ngài Trung Phong nói: “Dù ông chẳng yêu ghét và không màng đến cái TA. Vậy biết chẳng yêu ghét và ai biết cái TA” (chính cái biết này lọt vào nhị biên rồi. Như tham câu thoại đầu, mình còn thấy nghi tình thì chưa đến chân tham. Nghi tình liên tục, câu thoại đầu tự mất, không biết có nghi tình, thì có thể đến chỗ đứng của Tổ sư và đúng ý Tổ sư từ Tây Trúc sang)*. [đoạn văn trong (...)* của người thực hiện thêm vào, vì trong bản không có].

Kệ kết thúc:

Trời che đất chở khắp mọi nơi,
Mặt trời chiếu soi chẳng thiếu sót.
Lại muốn ngồi trong nghĩa minh bạch,
Chẳng biết hai chân dính đất sinh.

(Chánh biến tri là cái biết khắp không gian thời gian; vậy chỗ nào cũng biết thì không thiếu sót; lúc nào cũng biết, tức là vượt qua quá khứ, hiện tại và tương lai. Vậy cái biết của ý thức không thể so sánh được, vì nó bị hạn chế. Cho nên, Kinh Pháp Hoa nói: Tri kiến Như Lai không thể nghĩ bàn.

Hai câu đầu hình dung sức dụng cùng khắp của Tự tánh. Đã cùng khắp thì chỗ nào cũng minh bạch. Nếu minh bạch cùng khắp, thì minh bạch này không có chỗ.

Hai câu sau là trụ vào minh bạch thì lọt vào nhị biên, thuộc sản phẩm của bộ óc)*.

---o0o---

3.HÀO LY HỮU SAI, THIÊN ĐỊA HUYỀN CÁCH

Dịch

Xê xích mây may, cách xa trời đất.

Lời khai thị:

“Xê xích mây may, cách xa trời đất”. Lời khai thị của ngài Trung Phong, mục đích phá tan tình thức. Cho nên nói: Căn cứ nhất định lại không tiêu chuẩn phép tắc. Đem hư không lấp hư không, dùng mục đích phá mục đích (đều là những việc vô lý).

Lại nói thêm: “chẳng hội” của Lục Tổ, “chẳng biết” của Tổ Đạt Ma, đều là dòi hoa rữ bướm (như lấy thuốc giả để trị bệnh giả, nơi Tự tánh chẳng có bệnh thì cần chi đến thuốc; vì chúng sanh điên đảo), nên mới nói: “Chỉ hai đường dây dưa này, đã dẫn khởi gai góc đầy trời”. Hải Thần chẳng quý dạ minh châu, mà lại đem ném cho họ (đó cũng chẳng có ý nghĩa gì).

Lời nghĩa giải:

“Xê xích mây may, cách xa trời đất”. Người nghĩa giải cho rằng: Pháp môn rộng lớn (tức là pháp môn của Phật), dù nói mê và ngộ chẳng khác, nếu người còn mây may tình cảm yêu ghét, phân biệt chưa dứt sạch (theo Giáo môn phải dứt sạch tình cảm yêu ghét; không phải chỉ tình cảm yêu ghét mới sạch, mà tình cảm nào cũng phải dứt sạch; trên đây là cách tu của Giáo môn).

Nếu chưa dứt sạch, như trời đất cách xa (Giáo môn dùng cái biết để tu; biết xấu thì bỏ, biết tốt thì lấy. Thiền tông chẳng phải vậy, dùng cái không biết để tu, xấu tốt đều không biết. Đã không biết thì không bỏ mà nó tự bỏ nên không dính mắc yêu ghét. Lục Tổ nói “lấy vô trụ làm gốc”, tức chẳng trụ nơi yêu, chẳng trụ nơi ghét, chỉ lấy không biết là đủ thì cảm tình không nổi lên được).

Tịch nghĩa giải:

Giải nghĩa như thế, giống thì giống, phải thì chưa phải. Tại sao vậy? Vì còn thiếu một tiếng ồ (chữ ồ theo chữ Hán, thì chữ lục ở trong chữ khẩu. Chữ này trong tự điển không có, mà có trong ngữ lục của chư Tổ, để hình dung trong giây phút ngộ. Như trước kia mình chưa hiểu, khi hiểu rồi thì ồ lên).

Dẫu cho ông mỗi mỗi không sai, lý hợp với đạo, vẫn không khỏi cách xa như trời với đất (vì ông lọt vào nhị biên: Không sai đối với sai, hợp lý đối với không hợp lý).

Kệ kết thúc:

Nói chi có sai và không sai,
Đều thành dụi mắt thấy hoa đốm.
Muốn lia mảy may việc càng nhiều,
Trời đất xưa nay vẫn cách xa.

(Sai và không sai là pháp tương đối; trong hư không vốn không có hoa đốm, tại dụi mắt mới thấy hoa đốm. Nói sai và không sai giống như dụi mắt thấy hoa đốm. Tất cả sai và không sai đều là vọng. Muốn lia mảy may việc càng nhiều, thì trời đất xưa nay vẫn cách xa).

---o0o---

4. DỤC ĐẮC HIỆN TIỀN, MẠC TÔN THUẬN NGHỊCH

Dịch

Muốn đắc được Tự tánh hiện tiền, chớ còn tập khí thuận nghịch.

Lời khai thị:

Ngài Trung Phong phá tương đối, nên nói: Hai không là đôi, một không là chiếc; buông chẳng lia, nắm chẳng hợp (theo lý thường: Hai là đôi, một là chiếc, buông tức lia, nắm tức hợp).

Dương Kỳ 10 năm đúc thành vòng kim cang (Dương Kỳ là vị Tổ sư danh tiếng phái Lâm Tế; 10 năm Ngài thuyết pháp đều dùng vòng kim cang khám xét người học đạo. Vòng kim cang thì không có đầu đuôi, tính chất cứng nhất trong các thứ vật; nó phá hủy các thứ vật, chứ các thứ vật không phá hủy được nó).

Đạt Ma 9 năm nhìn vỡ vách tường sắt (Tổ Đạt Ma sang Trung Quốc gặp Lương Võ Đế ở miền nam, nhưng không thích hợp, mới vượt sông Dương Tử đi miền bắc, thời bấy giờ là nước Ngụy. Tổ Đạt Ma chưa tìm được người kế thừa, ngồi trong chùa Thiếu Lâm hướng mặt vào vách tường suốt 9 năm, sau này gặp Tổ Huệ Khả rồi truyền

pháp. Người ta hiểu làm Tổ Đạt Ma ngồi hướng vách để tu; thật ra Ngài đã kiến tánh rồi, còn gì để tu nữa! Chỉ đợi Tổ Huệ Khả để truyền pháp mà thôi).

Lúc cổ Phật chưa sanh, bóng trăng hiện khắp ngàn sông (những Tổ kiến tánh trong Thiền tông như: Triệu Châu, Dương Kỳ, người ta đều gọi là cổ Phật ra đời. Qua lò luyện của Thiền tông mới có cổ Phật ra đời. Nhưng chúng sanh cũng gọi là cổ Phật; tức là không có sự bắt đầu, vốn sẵn có).

Bóng trăng hiện khắp ngàn sông là để ví dụ, Phật tánh của mình đã sẵn sàng, khi vũ trụ chưa có thì Phật tánh đã sẵn có).

Khi vũ trụ đã thành, gió mát sung mãn mười phương. Nói thuận chẳng thuận, nói nghịch đâu nghịch. Quả giác Linh Dương ăn gậy sắt, trái cân bóp ra nước vàng ròng.

(Con Linh Dương lúc ngủ treo sừng trên cây, dưới đất không có dấu tích, thờ không ra tiếng, thợ săn khó tìm; dụ cho tự tánh không hình tướng, không số lượng. Tất cả năng lực đều sẵn có, nhưng người ta không tin mình có năng lực đó, cứ đi tìm bên ngoài).

Tất cả lời nói của chư Tổ đều vô lý, cũng như nói trái cân bóp ra nước là việc vô lý; Tự tánh ăn gậy sắt cũng là việc vô lý. Pháp nào dùng để giải thích đều không phải Tự tánh. Tại Tự tánh bất nhị, vì có lý đối với vô lý, cho nên lập ra lý là nhị).

Lời nghĩa giải:

“Muốn được Tự tánh hiện tiền, chớ còn thuận nghịch”. Người nghĩa giải cho rằng: Tổ sư nói đến đây, thành có mâu thuẫn; tại sao vậy? Vì việc này vốn đã hiện tiền, còn muốn đắc gì nữa! (Mình còn vô minh mới thành chúng sanh, không hiện ra thần thông được cho là không được hiện tiền. Nhưng việc này vốn đã hiện tiền. Cuộc sống hàng ngày, mặc áo ăn cơm, đi đứng nằm ngồi, đều là cái dụng của Tự tánh).

Kinh Lăng Nghiêm nói: “Chánh tánh vô bất thông, thuận nghịch giai phương tiện” (Tự tánh không có tương đối, nên chỗ nào cũng thông. Việc thuận việc nghịch đều là phương tiện. Chư Phật kiến tánh rồi

không có thêm, chúng sanh chưa kiến tánh thì không có bớt; vẫn y như cũ).

Ở đây, nếu bảo “mạt tồn” tức là chớ còn thuận nghịch thành ra đoạn diệt (tất cả đâu có mất!). Thật ra ý Tổ sư chẳng phải vậy, chỉ dùng phương tiện cho hàng sơ học. Như người ăn đã no, dụ cho người đã ngộ; người ăn đã no, đâu có thèm đồ ăn ngon (như người đã ngộ, biết mình đã sẵn có đầy đủ tất cả, mà còn muốn đắc gì nữa! Vì chưa ngộ, tưởng mình không có, nên phải tìm kiếm ở ngoài).

Tịch nghĩa giải:

Đoạn trên nói rất có lý, ngài Trung Phong còn phải phủ nhận: Im đi! Im đi! Tổ sư ở dưới gót chân người (bây giờ ông muốn biết Tổ sư không? Mình tham thiền được ngộ gọi là Tổ sư, nên nói Tổ sư ở dưới gót chân người. Vậy có ở chỗ khác đâu! Tức người là Tổ sư rồi).

Dẫu cho đập một cái tan nát, nhưng còn phải tham 30 năm nữa (tại sao? Vì còn chấp thật muốn đắc ở ngoài, làm sao phát hiện cái mình sẵn có! Chỉ cần mình phát hiện).

Kệ kết thúc:

Muốn được hiện tiền đuổi theo vọng,
Chẳng còn thuận nghịch trái với chân.
Sung sướng, đau khổ quên phân biệt,
Cũng là con mắt dính bụi trần.

(Tham thiền thì sung sướng và đau khổ đều không biết, tức là không phân biệt và phân biệt đều hết. Còn biết cho là quên phân biệt chẳng còn thuận nghịch, đều là con mắt dính bụi trần. Tự tánh vốn sẵn sàng, đâu cần phải “cho là” nữa.

Có người nói cái yêu ghét đâu phải cảnh ngoài, mà đều do tâm mình ra. Cho nên, cùng một việc, người này thấy yêu, người kia thấy ghét. Như người bị bắn chết thì người tình nhân thấy đau khổ, còn người tình địch thấy vui mừng. Vậy, chúng tỏ việc đó sanh ra vui buồn, mà do tâm người sanh ra vui buồn.

Nếu con dao đâm vào thịt mình, mình thấy đau đớn, mà đau đớn đó đâu phải người khác! Nhưng biết đau đớn là tự bảo vệ cơ thể của

mình. Nếu không biết đau đớn là bệnh và “cho là” cũng là bệnh).
Hỏi:

Có phải Tổ Đạt Ma sang Trung Quốc, ngồi quay mặt vào vách, để truyền pháp môn mới không?

Đáp:

Phải, khi Tổ Đạt Ma ngồi quay mặt vào vách ở chùa Thiếu Lâm, đợi Tổ Huệ Khả đến để truyền pháp. Trong khi đó các vị ở bên Giáo môn, chỉ có kiến giải, không tu chứng, sanh tâm đố kỵ; cố tâm đầu độc 5 lần, chất độc rất mạnh, Tổ uống vô không sao. Đến lần thứ 6, truyền pháp xong rồi, Tổ uống rồi thị tịch, chôn ở núi Hùng Nhĩ.

Có một hôm, người tuần biên giới, thấy Tổ quảy một chiếc giày, người ấy hỏi Tổ: Đại sư đi đâu vậy?

Tổ đáp: Đi về Thiên Trúc.

Rồi báo lên nhà vua, vua cho đào mộ, chỉ thấy trong mộ còn một chiếc giày. Người đời nói rằng, để cho Trung Quốc làm kỷ niệm.
Hỏi:

Tổ Đạt Ma sang Trung Quốc truyền pháp bằng ngôn ngữ nào?

Đáp:

Tổ Đạt Ma sang Trung Quốc truyền pháp bằng ngôn ngữ Trung Quốc hoặc không nói, vì Tổ đã kiến tánh có tha tâm thông, nên biết tâm niệm người đó nổi lên, thì dễ dàng độ họ. Dù có vô lượng chúng sanh có tâm niệm gì, Tổ vẫn biết.

Nếu ông muốn biết ý Tổ, thì Tổ cũng có cách làm cho ông biết, khỏi cần nói ra ông cũng biết được. Vì mọi chúng sanh đều có Phật tánh, có năng lực đầy đủ, do mình không tin nên không dùng được năng lực đó.

Trong kinh nói: A Nan phải nhờ oai thần của Phật, mới thấy được sơ thiên, nhị thiên. Vì tự A Nan không đủ sức để thấy, nên phải nhờ Phật.

Huệ Khả hỏi Đạt Ma: Tâm con chưa an, xin thầy an tâm cho con?

Đạt Ma hỏi lại: Ông đem tâm cho ta an?

Huệ Khả đáp: Con tìm tâm không ra.
Đạt Ma nói: Ta đã an tâm cho ngươi rồi.
Huệ Khả liền ngộ một cách dễ dàng.

Hỏi:

Nam tông cho là Xá lợi Phất đứng bên phải Phật, Mục Kiền Liên đứng bên trái Phật. Bắc tông cho là Văn Thù đứng bên phải Phật, Phổ Hiền đứng bên trái Phật. Vậy việc ấy như thế nào?
Đáp:

Nói sao cũng được. Vì sao? Vì Nam tông chỉ nhìn nhận kinh Pali, không nhìn nhận kinh Đại thừa. Kinh Đại thừa dịch từ tiếng phạn; còn kinh pali chỉ có âm chẳng có chữ. Người Ấn Độ dùng âm của Aán Độ gọi là thể tục. Tiếng phạn là văn ngôn. Người Thái Lan dùng chữ Thái Lan để ghi âm pali; người Tích Lan dùng chữ Tích Lan ghi âm pali. Chữ thì khác, tụng ra thì giống. Đại tạng Nam tông chỉ có kinh Tiểu thừa. Đại tạng Đại thừa gồm có kinh Đại thừa và Tiểu thừa.

Tư tưởng của Tiểu thừa còn chấp thật nhiều, đối với tư tưởng triết học Tây phương thì cao. Nhưng đối với tư tưởng Đại thừa thì thấp hơn nhiều. Tiểu thừa quan niệm tứ đại là thật, pháp Tứ Diệu Đế là thật. Kinh Đại thừa Bát nhã dùng chữ “vô” để phá chấp thật.

Ngày sanh nhật của Phật Thích Ca gồm có mấy chục thứ khác nhau. Trong Thiên tông các Tổ Ấn Độ nói ngày sanh của đức Phật cách đây 3022 năm. Theo hội nghị Quốc tế ở Nam Vang nói Phật đản 2538 năm. Bên Aán Độ không chú trọng lịch sử, mới có nhiều thứ ngày sanh của Phật. Vì vậy nên không thể căn cứ.

Kinh Pháp Hoa nói: Phật Thích Ca thành đạo từ hằng sa kiếp rồi. Lại có người hỏi: Cái nào đúng? Nói đúng thì tất cả đều đúng, nói sai tất cả đều sai. Tại sao? Phật Thích Ca nói: Tất cả không có sự bắt đầu, nghĩa là pháp vô sanh, cũng không có sự sanh khởi.

Đã không có sự sanh khởi, làm sao lại có ngày sanh của Phật, cho nên chứng quả là chứng pháp vô sanh hiển. Muốn truy cứu sự bắt đầu của vạn vật, thì không thể truy cứu được; rõ ràng chứng tỏ là nghĩa vô sanh.

Hỏi:

Văn Thù đại diện cho căn bản trí, Phổ Hiền đại diện cho sai biệt trí. Trong Tín Tâm Minh nói: “Chớ còn thuận nghịch”. Vậy, chớ Bồ tát làm sao biết thuận nghịch, mà vào thế giới chúng sanh để độ?

Đáp:

Giáo môn đem trí chia làm 2 phần: Thật trí và quyền trí.

Muốn độ chúng sanh phải dùng quyền trí; còn thật trí không có hình tướng, không thể tiếp xúc, không thể diễn tả, người nghe không tiếp nhận, người giảng không thể nói được, muốn nói phải dùng quyền trí. Văn Thù và Phổ Hiền đại diện đương cơ, giúp Phật Thích Ca hoằng pháp; chớ chẳng phải 2 vị đại diện cho căn bản trí và sai biệt trí. Người Giáo môn hay dùng ý mình để mò đoán Phật pháp. Tuy rất có lý, nhưng vẫn sai lầm.

Tông Lâm ở Trung Quốc, các tỉnh trưởng có quyền đề cử trụ trì hay thôi trụ trì.

Có một cái Đàm Không Đình ở giữa đường từ nhà dân đến chùa ở trên núi. Một hôm tỉnh trưởng gặp vị trụ trì chùa hỏi: Thế nào là Đàm Không Đình?

Vị trụ trì kiến tánh trả lời: Đàm Không Đình là Đàm Không Đình.

Nhưng Tỉnh Trưởng nghe không vừa ý, rồi hỏi một ông chưa kiến tánh: Thế nào là Đàm Không Đình?

Ông ấy trả lời: Chỉ cho Đình thuyết pháp, đâu để miệng đàm không!

Tỉnh Trưởng nghe xong đắc ý, bèn thôi vị trụ trì kiến tánh và mời ông chưa kiến tánh làm trụ trì.

Người thường hay các vị trí thức nghe như vậy lấy làm thỏa mãn; còn Thiền tông thì không phải vậy, việc nào cũng như cũ, không có thêm bớt. Ông chưa kiến tánh đã thêm ý kiến của mình vào, nên mới có 2 câu trên. Đã có thêm vào, làm sao nói là Đàm Không Đình được! Thật tế nghe thì lạt lẽo.

Hỏi:

Ngài Lai Quả nói: “Vô tham tức là chân tham”. Vậy người đó ôm nghi tình lớn mà không biết Phật pháp, rồi có cơ may kiến tánh không?

Đáp:

Sẽ kiến tánh, nói vô tham tức là chân tham, nghĩa là đang tham thiền có nghi tình, nhưng không biết có nghi tình. Ngày xưa chư Tổ dùng cơ xảo cho người tham học, phát lên nghi tình, nhưng người tham học không biết có nghi tình.

Lâm Tế hỏi Hoàng Bá: Thế nào là đại ý Phật pháp?

Hoàng Bá liền đánh và đuổi ra.

Qua 2 lần nữa cũng vậy, Lâm Tế phát lên nghi tình mà tự mình không biết, rồi đến Đại Ngu được ngộ đạo, thấu qua 3 quan (sơ quan, trung quan và mật hậu lao quan). Sự đánh đập là cơ xảo của Tổ; đánh đập một cách vô lý, thì mới phát nghi tình được.

Sau đời nhà Tống, có cuốn Cảnh Đức Truyền Đăng Lục ra đời, tất cả cơ xảo đánh đập, chửi mắng, những người tham học biết là cơ xảo, nên không phát nghi tình được. Chư Tổ bắt buộc dĩ phải dạy công án hay tham thoại đầu. Khi biết mình tham thiền thì dỡ rồi, phải trải qua nhiều năm mới được chân tham. Ngày xưa qua cơ xảo của chư Tổ, thì người tham học đến chân tham liền. Vì cơ xảo của Tổ dùng một cách vô lý, từ đây phát nghi tình. Có người hiểu lầm lại còn đánh lại.

Như chuyện thầy Đạo Ngộ và trò Thị Nguyên, cùng nhau đi viếng một đám tang.

Thị Nguyên hỏi Đạo Ngộ: Sanh ư? Tử ư?

Đạo Ngộ trả lời: Sanh cũng không nói, tử cũng không nói.

Thị Nguyên lại hỏi: Tại sao không nói?

Đạo Ngộ trả lời: Không nói, không nói.

Trên đường về được nửa đường, Thị Nguyên hỏi câu đó nữa.

Đạo Ngộ trả lời: Không nói, không nói.

Thị Nguyên nói: Không nói cũng không được, không nói thì tôi đánh.

Đạo Ngộ trả lời: Đánh cứ đánh, nói thì không.

Rồi Thị Nguyên đánh Đạo Ngộ. Khi về chùa bảo Thị Nguyên rằng: Bây giờ ông hãy đi đi, không đi thì người ta đánh chết. Sau khi đánh lễ thầy ra đi được 3 năm rồi ngộ đạo. Lúc đó Đạo Ngộ đã viên tịch, rồi tìm đệ tử lớn của Đạo Ngộ là Thạch Sương.

Thạch Sương hỏi Thị Nguyên: Ông biết chuyện thầy bị đánh không? Thị Nguyên nói ra chuyện ngữ, Thạch Sương liền ấn chứng.

Hỏi:

Người không có một tôn giáo nào, nhưng họ có nghi tình, rồi họ có cơ may kiến tánh không?

Đáp:

Có. Người đó kiếp trước đã có tham thiền rồi, kiếp này tiếp tục nên có nghi tình. Như trong Thiên tông có người nữ Thiền sư Diệu Tổng đã kiến tánh, mà không biết mình kiến tánh, là cháu nội của ông Tô Công Tụng làm Thừa Tướng đương thời ở Trung Quốc. Lúc 13 tuổi đã kiến tánh.

Trong tinh thần giới luật, Tỳ kheo ni dù có 100 tuổi hạ, cũng phải đánh lễ Tỳ kheo mới thọ giới. Nếu Tỳ kheo ni đã kiến tánh, thì Tỳ kheo bao nhiêu tuổi hạ cũng phải đánh lễ Tỳ kheo ni đã kiến tánh.

---o0o---

5.VI THUẬN TƯƠNG TRANH, THỊ VI TÂM BỆNH

Dịch

Thuận nghịch tranh nhau, ấy là Tâm bệnh.

Lời khai thị:

Bệnh chẳng phải tâm, tâm chẳng phải bệnh (tại sao nói thuận nghịch? Việc thuận xảy ra thì mình vui, việc nghịch xảy ra là mình buồn. Tâm mình không có thuận nghịch, thuận nghịch là tâm bệnh. Nhưng thật tế Tâm chẳng bệnh, nếu bệnh thì chẳng phải Tâm).

Chớ đem cây hàng rào hữu lậu (tức là cuộc sống hàng ngày, những tập khí phiền não, cho là cán gáo mức nước sông. Cây hàng rào không thể làm cán gáo mức nước sông được).

Nhưng Tâm chẳng phải bệnh, Tâm chẳng lìa thân, cũng chẳng phải thân (bây giờ mình có thân này nên nói có cái Tâm. Sau này chết, thân biến thành tro đất, Tâm không bị mất, mới nói Tâm không phải

thân. Nếu cho là khác nhau thì bệnh càng nặng. Tham thoại đầu có ý cho là, cho là đúng hay cho là không đúng, cho là khác hay cho là không khác... tất cả thứ ấy đều là bệnh).

Nếu giải thích công án của Mã Tổ: “Nhật diện Phật, nguyệt diện Phật” thì bệnh càng nặng thêm.

(Tăng hỏi Mã Tổ: Thế nào Tổ ở Tây Trúc đến?

Mã Tổ nói: Hãy đến Bá Trượng hỏi.

Tăng liền đến Bá Trượng hỏi: Thế nào Tổ ở Tây Trúc đến?

Bá Trượng nói: Nhức đầu quá, hãy đến Tây Đường hỏi.

Tăng hỏi Tây Đường: Thế nào Tổ ở Tây Trúc đến?

Tây Đường nói: Tôi không biết, hãy đến Mã Tổ hỏi.

Tăng đến Mã Tổ hỏi: Thế nào Tổ ở Tây Trúc đến?

Mã Tổ đáp: Nhật diện Phật, nguyệt diện Phật.

Tất cả hỏi và đáp để tìm hiểu là sai lầm, câu hỏi đã sai lầm thì câu đáp cũng sai lầm. Cho nên chư Tổ không muốn đáp và không muốn giải thích. Tại sao không muốn đáp? Vì đáp là giải thích làm cho người ta suy nghĩ ra nghĩa lý.

Vì vậy, Tổ Sư thiên dùng cái không hiểu không biết để tu, tức là phát khởi nghi tình; nuôi cái thắc mắc này, nhiều chừng nào tốt chừng nấy. Nếu giải thích thì hết thắc mắc, nghịch với Tổ Sư thiên. Cho nên hỏi chư Tổ, nếu không bị mắng thì phải bị đập, hay bị đá hoặc trả lời một cách vô lý.

Như có người hỏi: Thế nào là Phật?

Đáp: Cục cứt khô.

Hỏi: Thế nào là Phật?

Đáp: Ba căn mè.

Tức là hỏi mà đáp cho người ta không hiểu. Đó là cơ xảo của Tổ sư, không dùng lý giải để hiểu. Người nào dùng lý giải để hiểu, bị Tổ mắng là “con chó đuổi theo cục xương”. Vì thế Tổ sư làm ra Tín Tâm Minh Tịch Nghĩa Giải, nghĩa là phủ nhận nghĩa giải. Nếu có nghĩa giải là nghịch với Thiên tông.

Thiên tông muốn cho người ta nghi, mà từ nghi đến ngộ. Lời nói của chư Tổ là muốn dứt sạch tình chấp hợp lý và không hợp lý của mình. Tham thiên là dứt sạch tình chấp).

Như nói: Chỗ tình chấp chưa dứt sạch, thì dùng cam lồ cũng có thể giết người (tình chấp là thuốc độc mà đựng cam lồ để dùng, đương nhiên phải bị chết).

Khi cơ phong khế hợp (cơ phong tức cơ xảo của Tổ sư, khế hợp tức là kiến tánh), thì thuốc độc Tỳ Sương cũng cứu mạng được (ngài Nguyệt Khê nói “cuộc sống hàng ngày ở trong tương đối, dùng tư tưởng tương đối để diễn tả cảnh giới tuyệt đối, dù diễn tả rất có lý, nhưng vẫn ở trong tương đối”).

Như bình đựng thuốc độc rửa chưa sạch thuốc độc, mà đựng cam lồ vẫn còn thuốc độc. Khi nào kiến tánh thì tất cả tư tưởng tương đối dứt sạch mới đến quốc độ tuyệt đối, tất cả tương đối biến thành tuyệt đối, không có lý gì để giải thích nữa).

Từ khi phương thuốc đưa nhau truyền,
Đầu búa không lỗ sanh nhiều bệnh.

(Phương thuốc của Phật Thích Ca truyền cho Ma Ha Ca Diếp, rồi truyền đến sau này. Như ban đầu 100% là sữa, dần dần cứ thêm nước vào, cho đến chỉ có nước không còn sữa. Mang danh Thiên tông truyền khắp thiên hạ, như đầu búa không lỗ cũng vô dụng. Như những nơi lạm danh Tổ Sư thiên mà dạy cho người ta trì chú, giải thích công án thì nghịch với Tổ Sư thiên, đều là đầu búa không lỗ).

Lời nghĩa giải:

“Thuận nghịch tranh nhau, ấy là tâm bệnh”. Sanh tử vô thường là tâm bệnh (người nào cũng biết), kiến văn giác tri là tâm bệnh (thì người ta không chịu), tham thiền học đạo là tâm bệnh (thì càng không chịu, cho là vô lý. Tại sao? Nếu tin tự tâm đầy đủ thì đâu cần học đạo. Vì mình bị bệnh nên cần tham thiền học đạo. Làm Phật làm Tổ là tâm bệnh, vì Phật tánh vốn không giảm bớt, không gián đoạn, thì hiện giờ chúng ta làm Phật làm Tổ. Làm sao muốn làm Phật làm Tổ nữa!).

Cần phải quên cả thuận nghịch, bật cả thánh phàm, muôn niệm đều buông bỏ, chỉ còn một lối không tịch trống rỗng, chẳng nhờ thuốc thần diệu quý báu; gọi tâm bệnh đó thì không có chỗ đặt để rồi.

(Chỉ cần tin tự tâm đầy đủ mà thực hành, chớ tin suông bên miệng. Lấy thoại đầu làm mục đích để tham, chớ không phải lấy câu thoại để

tham. Vì thoát đầu là không có một niệm nào khởi lên, còn lấy câu thoát để niệm thì lọt vào thoát vĩ, nghịch với tham thoát đầu.

Ngài Hư Vân nói: “Nếu niệm câu thoát không bằng niệm Phật”, và giải thích rằng: Mình nói ra một lời nói, hay muốn nói một lời nói, mà chưa nói ra đều là thoát vĩ. Khi chưa khởi niệm muốn nói gọi là thoát đầu, tức chưa khởi niệm muốn nói câu thoát, còn gọi là đầu tiên câu thoát.

Thoạt đầu là chưa có niệm nào khởi lên, gọi là vô thi vô minh, cũng gọi là đầu sào trăm thước. Ví dụ cây viết cho ý thức, chỗ trên là thoát đầu, chỗ dưới là thoát vĩ. Bắt đầu tham thiền là rời thoát vĩ, đang đi đến thoát đầu. Công phu một thời gian, nhờ không biết của ý thức được liên tục, mới đưa đến thoát đầu. Chỗ thoát đầu là đường đi của ý thức đã hết, đến đường cùng không còn đường đi nữa, chỗ này còn tiến thêm một bước nữa, tức ra ngoài ý thức, gọi là kiến tánh.

Ngài Lai Quả nói: “Lìa khỏi ý thức, tức là từ trên núi cao lọt vào hư không, té cho tan nát rồi sống lại”. Tiếng Hán gọi là: “Tuyệt hậu tái tô”. Có 2 thứ:

Tiểu tử tiểu hoạt: Mặc dù té chết, nhưng còn cái xác tức chưa ngộ triệt để, còn ôm cái ngộ cho mình được ngộ.

Đại tử đại hoạt: Chết tan nát, như đã ngộ triệt để, cái ngộ không còn, không còn ôm cảnh giới ngộ. Cho nên nói “ngộ rồi đồng như chưa ngộ”. Tại sao? Do ngộ đối với nghi là mê, vì mê mới có ngộ; đã ngộ triệt để rồi hết mê thì không ngộ, nếu giữ cái ngộ là còn mê. Khi nổi lên niệm chấp thật thành bệnh mê ngộ. Tiểu ngộ còn cảnh giới ngộ tức còn mê.

Cao Phong phá trùng quan rồi, mà còn ôm cái ngộ. Nên, Kinh Sơn hỏi Cao Phong: Ban ngày náo nhiệt làm chủ được, ban đêm ngủ có chiêm bao làm chủ được không?

Cao Phong đáp: Được.

Kinh Sơn hỏi: Lúc ngủ quên, không có chiêm bao thì chủ ở đâu?

Cao Phong không trả lời được.

Kinh Sơn nói tiếp: Từ đây về sau, ông không cần làm gì hết; đói thì ăn mệt thì ngủ. Khi ngủ mới thức dậy, tự mình hỏi chủ ở đâu?

Trải qua năm năm, một hôm chợt nghe tiếng của cái gỏi rớt xuống đất liền ngộ triệt để, phá được mặt hậu lao quan, tức là cảnh giới ngộ tan rã, được cái dụng cùng khắp. Phá trùng quan còn ôm cảnh giới ngộ, thì cái dụng không cùng khắp.

Kinh Kim Cang nói: Chẳng phải ở nơi một Phật, hai Phật,... gieo trồng thiện căn, ở trong hằng hà sa số kiếp chư Phật đã gieo trồng thiện căn, thì hôm nay mới được lòng tin chân thật trong sạch.

Các vị nghe tôi thuyết pháp, không phải có nhân duyên 1 kiếp hay 2 kiếp, mà đã nhiều kiếp trước gieo trồng nhân duyên rồi. Như chúng ta biết tu, đâu phải chỉ một đời này gieo trồng Phật pháp thôi đâu, mà đã gieo trồng Phật pháp nhiều kiếp rồi, tại mình không biết. Nếu không có nhân duyên nhiều kiếp, thì bây giờ đâu có hội tụ được ở đây).

Tịch nghĩa giải:

Ở trên giải nghĩa rất có lý, nhưng ngài Trung Phong lại nói: Than ôi! Phật pháp suy đồi, Tổ Đình hoang vu. Những người mắc bệnh khắp thế gian, là những kẻ bị tri giải nhập tâm. Chấp thuốc thành bệnh, đó không phải là việc lạ; dẫu cho Kỳ Bà (thần y ngày xưa) tái thế cũng không cứu được bọn này.

(Kinh Lăng Nghiêm nói: “Tri kiến lập tri tức vô minh bản”, nghĩa là chấp thấy biết là nguồn gốc của vô minh. Chính vô minh làm chướng ngại sự giác ngộ. Chấp thật cái tri giải của bộ óc, dù hiểu biết lý lẽ cao siêu đến đâu, cũng là phạm vi của bộ óc. Hiểu biết của bộ óc đều do cảm giác sai lầm điên đảo, từ không có thật mà chấp cho là có thật.

Nên nói: Người khắp thiên hạ đều là tri giải nhập tâm; dẫu cho chư Phật chư Tổ ở bên cạnh, khó mà tháo gỡ những định kiến sai lầm đã lưu truyền lâu năm. Họ cho kinh điển của Phật là chân lý, nhưng không biết giáo lý như ngón tay để chỉ mặt trăng. Vì vậy nói: Chấp thuốc thành bệnh)*.

Kệ kết thúc:

Thuận nghịch tranh nhau tâm sanh bệnh,
Thuận nghịch đều quên bệnh sanh tâm.

Xưa nay tâm bệnh chết liên tiếp,
Lại khoe phương thuốc hay như thần.

(Ở nơi Tự tánh làm gì có thuận nghịch để tranh nhau, tranh nhau là chúng sanh điên đảo tạo ra. Đã nói thuận nghịch đều không có thật, mà lại nói quên là điều vô lý. Cũng như cái ly không có nước, mà nói là hết nước là vô lý. Như kinh Bát Nhã nói: “Vô lão tử diệt vô lão tử tận” nghĩa là: Không có già chết cũng không có hết già chết. Có tri giải thuyết pháp độ vô số chúng sanh, đều là việc mở mắt chiêm bao)*.

---o0o---

6. BÁT THỨC HUYỀN CHỈ, ĐỒ LAO NIỆM TỊNH

Dịch

Chẳng biết huyền chỉ, uổng công niệm tịnh.

Lời khai thị:

Cả đại địa là bánh xe sắt lửa hồng, cả đại địa là đại viên cảnh trí (hiện giờ, chúng ta đang ở trên quả đất, Phật nói khắp quả đất là nhà lửa, chúng sanh phải chịu khổ. Vì kinh tế đang phát triển, ai cũng chạy theo để kiếm tiền nên mới khổ).

Thật tế đang sống trên bánh sắt lửa hồng, bánh xe là trái đất đang quay. Người chưa ngộ đang sống trong bánh xe sắt lửa hồng, người đã ngộ sống trong đại viên cảnh trí. Thứ 8 là A lại da; khi ngộ chuyển thành đại viên cảnh trí, chiếu soi khắp nơi, không chỗ nào thiếu sót).

Con chồn con trâu nay vốn chẳng mê (theo lý đúng con chồn con trâu thì mê, nhưng ngài Trung Phong nói vốn chẳng mê, vì tất cả chúng Phật tánh bằng nhau, không mê cũng không ngộ). Thì Di Lặc, Thích Ca xưa đâu có chứng (bởi vì không thêm không bớt). Mây trắng lững lờ bay trên hư không (nó không có ý tưởng gì hết, tại mình thấy có tụ lại có rời ra).

Mặt trăng qua lại đâu động đâu tịnh (chúng ta thấy có động là do cảm giác của mình mà ra. Hiện tại mình ngồi trong Thiên đường này,

thấy không có động; nhưng Thiền đường ở trên mặt đất đang quay, mình cho là có động có tịnh. Thật tế trong động có tịnh, trong tịnh có động; chẳng phải động tịnh).

Gom trần sa trong vòng pháp giới, nhốt pháp giới trong hang thái hư (trần sa là hình dung số nhiều. Pháp giới bao gồm vũ trụ, gồm: pháp có và pháp không. Pháp giới không có phạm vi, sao nhốt được trong hang thái hư!

Lúc 1 người kiến tánh thì 10 phương không thấy đều tiêu mất là thế nào? Pháp giới ở trong hư không là tâm của mọi người. Khi đã chứng ngộ thì tâm trống rỗng, chẳng có hư không chẳng có pháp giới. Cho nên nói tiêu mất, tức là tánh không, cũng là thật tế của bản tâm chẳng có nghĩa lý). Mới nói:

Con tò vò nuốt mất núi Tu di,
Con khỉ giật mình xuất đại định.

(Con Tò Vò nhỏ xíu bằng hạt bụi, làm sao nuốt mất núi Tu di được! Vì không cho lấy nghĩa lý để giải thích. Tánh con khỉ hay chuyển động, không yên một chỗ. Làm sao nó giật mình xuất định! Đại định thì không có xuất nhập. Ngồi thiền có xuất định, có nhập định.

Trong lúc nhập định không biết có thời gian. Như ngài Huệ Trì em của sơ Tổ Tịnh Độ là ngài Huệ Viễn, nhập định hơn 700 năm. Khi Ngài xuất định có người hỏi nhập định được bao lâu rồi? Ông trả lời: Mới có một chút.

Gần đây có Hòa thượng Hư Vân đang nấu khoai mà nhập định. Bạn đạo đến thăm thấy ông đang nhập định, đánh thức cho ông xuất định. Ngài Hư Vân hỏi: Khoai chín chưa? khi coi lại nồi khoai, thấy đã lên mốc, tính ra đã 15 ngày rồi.

Lục Tổ nói: Lúc đại định, dù cầm kiếm ra trận vẫn định, chứ không phải ngồi một chỗ cho là định.

Mục đích Tham thoại đầu là đến chỗ không có niệm gì nổi lên, gọi là vô tử vô minh; khi phá tan vô tử vô minh tức là kiến tánh).

Lời nghĩa giải:

“Chẳng biết huyền chỉ, uổng công niệm tịnh”. Người nghĩa giải cho rằng: Huyền chỉ tức là chí đạo (thể đồng tên khác, đều cùng một bản tâm), nếu chẳng biết được (coi tên khác cho là khác); dấu cho niệm tịnh trải qua hàng sa kiếp, tu chứng đủ loại, cũng là ngoài tâm cầu pháp, chỉ tự thêm lao nhọc, Tổ sư cũng không chấp nhận.

(Ngồi thiền nhập định như ngài Huệ Trì nhập định hơn 700 năm không được kiến tánh. Ở trong cõi tứ không của vô sắc giới, cõi trời cao nhất là phi tưởng phi phi tưởng, nhập định 8 muôn đại kiếp [1 đại kiếp = 4 trung kiếp; 1 trung kiếp = 20 tiểu kiếp; 1 tiểu kiếp = 16 triệu năm], hết thời gian này cũng không khởi luân hồi. Vì sao? Còn có tâm cầu pháp, cho a lại da [thức thứ 8] là Ta; có Ta thì có hy vọng gọi là cầu, nên không được giải thoát. Vì thế Tổ sư không chấp nhận).

Tịch nghĩa giải:

Huyền chỉ như kiếm bén kim cương, kẻ chẳng biết cố nhiên là mất mạng, biết được cũng không khỏi chạm nhằm bị thương. Vậy có phương tiện nào tránh khỏi 2 lỗi này?

(Ý thức gồm có 2 mặt: Biết và không biết, đều là nhất niệm vô minh. Tu Như Lai thiền là dùng cái biết để tu. Tu Tổ Sư thiền là dùng không biết để tu. Nếu muốn kiến tánh, làm sao tránh khỏi biết và không biết?).

Kệ kết thúc:

Huyền chỉ có ai tự biết được,
Thích Ca, Di Lặc còn đang mơ.
Đáng thương cho kẻ chìm không tịch,
Cô đơn ở núi lạnh nhiều năm.
(Chỉ có tham thiền đến chứng ngộ mới tự biết được, chứ chẳng ai cho mình biết được.

Đức Phật Thích Ca đã thành Phật; Di Lặc sau này cũng thành Phật, Mặc dù ở cõi trời Đâu suất đã thành Phật. Chư Phật đã chứng ngộ rồi, tại sao nói còn đang mơ? Tại mình đang mơ nên không biết người khác. Đã không biết người khác, làm sao biết Phật Thích Ca đang mơ! Do mình đang mơ nên thấy tất cả đều đang mơ.

Mình chưa quên mình thì không thể kiến tánh được. Một mình khổ công tu ở trên núi lạnh trải qua nhiều năm, ham cái không tịch, tức là chìm nơi không tịch, mới đáng thương xót.

Như cõi trời phi tưởng phi phi tưởng chìm nơi không tịch 8 muôn đại kiếp, không giác ngộ được. Con người có mấy mươi năm, mà ở trên núi lạnh cô đơn, chìm đắm trong không tịch, có ích lợi gì! Cho nên, Thiền tông cần ngộ, chứ không cần ngồi yên một chỗ).

---o0o---

7.VIÊN ĐỒNG THÁI HƯ, VÔ KHIẾM VÔ DƯ

Dịch

Tròn đầy thái hư, không thiếu không dư.

Lời khai thị:

Bản tâm của mình vốn chẳng dư thiếu, nhưng cuộc sống của mình lại có tính toán nên có dư thiếu. “Trang Châu gọi vạn vật là con ngựa” (Trang Châu [Trang Tử] và Lão Tử là nhà triết học đông phương. Triết lý của họ chưa đến cùng tột, so với đạo Phật thì còn cách xa. Nhưng đối với triết học Tây phương thì họ cao hơn nhiều.

Tư tưởng của triết học tây phương cũng đến vô thi vô minh. Nhưng họ biết vô thi vô minh là suy lý để biết được, chưa phải kinh nghiệm trực tiếp. Còn triết học đông phương của Trang Tử, Lão Tử có kinh nghiệm trực tiếp tới vô thi vô minh).

Long Môn cho “mười phương là con lừa” (Phật pháp gọi 10 phương tức là không gian hay hư không. Mười phương là trên, dưới, đông, tây, đông nam, tây nam, đông bắc, tây bắc. Ai nói ngựa cho là ngựa, nói lừa cho là lừa, đó đều là ý của mình. Đem ý của mình vô trong vũ trụ vạn vật, thì không phải bản thể vũ trụ vạn vật.

Chư Tổ Thiền tông kiến tánh nói ra chuyển ngữ thì không trụ chỗ nào. Mọi vật vẫn y như cũ. Như cái tách vẫn là cái tách, cái bình vẫn là cái bình... không thêm ý của mình vô trong đó, nếu thêm ý của

mình vô trong đó, thì có kiến lập cái lý. Vậy không thể thí dụ cho là cái gì! Cho là con ngựa, con lừa đều sai lầm; không thể đặt tên, không có nghĩa lý gì hết, nhưng tất cả đều phải nhờ nó).

Giống như chung một đường, nhưng chẳng cùng lối (cũng như vạn vật trong vũ trụ cùng chung cái không, tức chung một đường, mà mỗi thứ thì khác nhau. Như thân của chúng ta mỗi người đều khác, nhưng cùng chung ngồi trong một Thiên đường.

Ví như ánh sáng đèn, đốt 100 cây đèn chỉ có một ánh sáng, chứ không phải nhiều ánh sáng, nhưng mỗi cây đèn đều được thắp sáng. Mặc dù chỉ có một ánh sáng, mà mỗi cây đèn lại khác nhau. Ánh sáng cùng khắp, không thể chỉ ra ánh sáng riêng của mỗi cây đèn).

Có nước mới có bóng trăng hiện (trên bầu trời chỉ có một mặt trăng; rồi để 100 thân nước, thấy trong đó đều có 100 mặt trăng. Như có cái không mà chúng ta đều ngồi trong đó).

Vô tâm mới đắc dạ minh châu (dạ minh châu thí dụ cho tâm mình, ban đêm nó sáng. Đắc dạ minh châu như phát hiện tâm mình. Nhưng dùng hữu tâm và vô tâm không thể phát hiện được. Tại sao dùng vô tâm không thể phát hiện bản tâm được? Bởi có câu: “Vô tâm còn cách một lớp rào”, vì vô tâm và hữu tâm là đối đãi nhau. Còn Diệu tâm là tuyệt đối không có tương đối).

Hỏi:

Thế nào là tọa vong?

Đáp:

Vong là quên, tức là ngồi đến vô tâm thì quên hết. Lão Tử và Trang Tử tu đến cao nhất là vô cực, tức là vô thi vô minh. Từ vô thi vô minh nổi lên một niệm, Trang Châu gọi là thái cực, rồi sanh tương đối âm dương. Khoa học cho tất cả sự vật đều có âm dương, như: Hoa cỏ, trái cây, con người, con vật... đều từ nhất niệm này sanh ra, nhà Phật gọi là “nhất thiết duy tâm tạo”. Trang Châu cho là con ngựa hay con lừa đều không phải bản thể, vì có “cho là” đều không phải bản lai diện mục. Bản lai diện mục thì không có thêm bớt.

Tổ Thiên tông nói: ‘Vì có nên có cái không’. Chấp không là đoạn kiến của ngoại đạo, chấp có là thường kiến của ngoại đạo. Trang Châu và Lão Tử đối với đạo Phật gọi là ngoại đạo. Vì họ có cái “không có”, không có tức là “có”. Bởi vậy, họ chấp có vô cực, tức là không có. Nếu không chấp có thì làm sao có cái không có để chấp! Đối với Thiên tông không dính dáng gì, vì không trụ tức là không chấp.

Lời nghĩa giải:

“Tròn đồng thái hư, không thiếu không dư”. Ở Tông Lâm bàn với nhau rằng: Tâm này nơi thánh chẳng thêm, nơi phàm chẳng bớt, tròn như hư không, mỗi mỗi đầy đủ.

(Đây là lời nói phân biệt của mình gọi là ý ngôn, tức là ngôn ngữ diễn bày ý của mình. Còn bản lai diện mục không có xen ý gì hết. Lời nói không thể thay thế được; cho nên không phải ở trong lời nói, không thể hiểu theo lời nói.

Ví dụ, tôi biết rõ mặt mũi ông Trương. Có người hỏi tôi: Ông Trương như thế nào? Tôi diễn tả rất tỉ mỉ, nhưng người ấy gặp ông Trương cũng không biết. Khi nào có ông Trương trước mặt người ấy, tôi giới thiệu thì người ấy sẽ thấy rõ.

Ông Trương là hình thể có số lượng; dù diễn tả cũng không biết được, huống là tâm của chúng sanh không hình tướng, không số lượng, thì làm sao biết được! Cho nên, dùng lời nói văn tự không phải bản tâm của mình. Bản tâm của mình phải tự ngộ mới được. Nếu giải theo lời nói, mỗi mỗi đều đầy đủ; đó là nghĩa giải, chứ không phải thật tế. Thật tế không có nghĩa giải).

Tịch nghĩa giải:

Ngài Trung Phong nói nghĩa giải trên, như thế khác chi người đi tham học các nơi, ngồi chưa ấm chiếu. Tức là đem những lời này chứa trong bụng, chỉ có thể dùng để đàm luận mà thôi. Hễ gặp một việc nào có dính chút lợi ích của mình, thì cái niệm so sánh đắc thốt nổi dậy ùn ùn, muốn khiến cho tròn thái hư đâu có thể được (cũng như các việc trong xã hội, nói thì hay lắm, nhưng đụng chạm một chút lợi ích của mình thì không được. Vậy làm sao nói đồng được!).

Cho nên việc này cần phải ngộ, ngộ rồi đâu có cảnh thứ hai để làm đối đãi ư! (Đối đãi là có và không có, đồng với không đồng. Bởi vậy, đồng là nhị, chẳng đồng cũng là nhị. Tại sao? Vì có nhị mới có đồng, tức là cái này đồng với cái kia; khác cũng là nhị, tại cái này khác với cái kia là chẳng đồng. Đồng với chẳng đồng là nhị. Tâm mình chẳng nhị, nên phải tự ngộ mới được).

Kệ kết thúc:

Tò vò làm ổ trên mi muối,
Muốn cùng đại bàng nổi cánh bay.
Muốn cho hư không chẳng thiếu kém,
Mở mắt bị nhốt trong chiêm bao.

(Tò vò sao làm ổ được trên mi muối? Tò vò nhỏ xíu, còn đại bàng quá lớn, làm sao nổi cánh bay được!

Hiện giờ, mình bị nhốt trong mở mắt chiêm bao. Nếu cho hư không là cái gì, đều chẳng phải. Vì hư không chẳng phải là cái gì, mà nói hư không chẳng thiếu kém, là đem ý của mình vô, thì phải ở trong mở mắt chiêm bao.

Ra ngoài mở mắt chiêm bao tức là kiến tánh. Chưa kiến tánh, có nói gì cũng chẳng đúng; vì ý của mình đã có hai chữ cho là)

---o0o---

8.LƯƠNG DO THỦ XẢ, SỞ DĨ BẤT NHƯ

Dịch

Bởi do thủ xả, cho nên bất như (như là đúng như tự tánh)

Lời khai thị:

Tổ Tiên Phước gặp người hỏi cái gì, thì trả lời: “Đừng có vọng tưởng”. Suốt đời Ngài, mấy chục năm gặp người hỏi, cũng trả lời: “Đừng có vọng tưởng”.
Có người hỏi Triệu Châu: Con chó Phật tánh không?
Triệu Châu trả lời: Vô (không).
Hiện giờ người học thiền ở Nhật Bản tham chữ “vô”.

Tuyết Phong ném con ba ba ở Nam sơn. Vân Môn đánh chết cá lý ngư Đông hải. Hưng Hóa đi dự trai tăng trong thôn làng, vào trong cổ miếu tránh gió bão. Đơn Hà thiêu Phật gỗ, làm cho Viện chủ rụng lông mày... những việc kể trên, đã nghi chết biết bao đại trượng phu (có ý cái nghi tình lên đến tột đỉnh).

Trời lạnh, Đơn Hà đem tượng gỗ đốt lấy hơi ấm, Viện chủ thấy vậy nói: Khùng điên sao đem Phật của tôi đốt?

Đơn Hà trả lời: Đốt tìm xá lợi.

Viện Chủ nói: Phật gỗ làm gì có xá lợi?

Đơn Hà nói: Phật này không có thì lấy Phật khác.

Viện Chủ đâu biết, đó là cơ xảo của Tổ, cho nên ngay đó lông mày rụng hết. Việc này làm cho thiên hạ phát nghi tình, nghi chết biết bao đại trượng phu thì mới được kiến tánh.

Chư Tổ làm việc gì cũng làm cho người ta phát nghi tình. Nghi là nhân, ngộ là quả. Nên nói: Đại nghi đại ngộ, tiểu nghi tiểu ngộ, bất nghi bất ngộ.

Lời nghĩa giải:

Tâm này đã tròn như hư không, thì không có thiếu tướng nào nên tất cả đều như. Nếu người ở trong các pháp dơ dáy, trong sạch; có tâm lấy dơ dáy, bỏ trong sạch hay lấy trong sạch, bỏ dơ dáy thì đã bất như; tức là có phân biệt lọt vào tương đối của nhất niệm vô minh, không phải đúng như bản lai bản tâm.

Tịch nghĩa giải:

Nếu bậc Tu sĩ tham học chơn chánh, thấy những người này liền phun nước miếng vào mặt, chẳng phải tánh nóng (tức là những người đó nói bậy, dù có lý cao siêu cùng tột, cũng phun nước miếng vào mặt họ).

Vì con rồng vẽ đâu có thể làm mưa được (tại sao? Chỉ có rồng chân thật mới làm mưa. Hành giả tham thiền muốn hiện ra tâm chân thật, mà chỉ nghe, suy nghĩ để nói ra, giống như con rồng vẽ làm mưa).

Kệ kết thúc:

Hai việc thủ xả đã bất như,
Con trâu ai dám con gọi lừa.
Bản thể kim cang khắp pháp giới,

Cũng là dưới hàm trồng lại râu.

(Bản thể diêu tâm cùng khắp pháp giới như kim cương cứng chắc, không có thể bị tổn thương lay động.

Râu tự mọc làm sao trồng được! Nếu cho bản tâm cứng như kim cương là trồng lại râu, hay nói lý cao nhất cũng là trồng lại râu).

---o0o---

9.MẠC TRỤ C HỮU DUYÊN, VẬT TRỤ KHÔNG NHÃN

Dịch

Đừng theo nơi có, chớ trụ nơi không.

Lời khai thị:

Vạn vật lăng xăng con người ngu độn, lìa tướng lìa danh, có ai không hiểu. Vì sao Đạt Ma phân da phân tủy, Lâm Tế lập chủ lập khách, làm cho con cháu lẫn lộn tìm!

(Tổ Đạt Ma muốn xét môn đồ, để biết trình độ của mỗi người đến mức nào. Tất cả môn đồ đều trình cái hiểu của mình. Có người trình xong Tổ cho là được da của tôi, thêm một bước nữa thì được thịt của tôi. Cuối cùng đến Huệ Khả đi ra không nói gì cả, thì Tổ nói “được cái tủy của tôi”. Rồi truyền pháp cho Huệ Khả làm nhị Tổ. Bởi vì không thể nói được, nói ra là không đúng).

Lời nghĩa giải:

“Đừng theo nơi có, chớ trụ nơi không”. Có với không đều như huyền, khởi tâm chấp trước thì thủ xả tranh nhau (chấp có là thủ, chấp không là xả; có thủ có xả đều không được). Một niệm chẳng sanh thường ở trung đạo là đạo nhân giải thoát (tức là không lấy không bỏ, không cho là có, không cho là không có, không sanh niệm nào thì ở trong trung đạo là đạo nhân giải thoát).

Tịch nghĩa giải:

Theo nghĩa giải ở trên, ngài Trung Phong cho là sai lầm. Đợi người biết là giải thoát đã lọt ngoan không rồi (vì cái biết “giải thoát” thuộc phạm vi tương đối của ý thức, mà ý thức do chúng sanh điên đảo tạo

ra. Như Phật đã phủ nhận trong kinh Bát Nhã rằng “vô nhãn, vô nhĩ, vô tỷ, vô thiệt, vô thân và vô ý thức”.

Nếu là bậc ngộ tâm chân thật, tức hiện ra bản thể trống rỗng, cùng khắp không gian thời gian, đâu có pháp đối đãi hữu và vô để dung nạp. Hữu duyên và không hẳn là do tình thức của chúng sanh bày đặt ra. Ở nơi Tự tánh bình đẳng, đã không có pháp hữu vô để phân biệt, thì hữu tức là vô vậy).

Kệ kết thúc:

Đừng theo nơi có, còn là dễ,
Chớ trụ nơi không mới thực khó.
Hai đầu khó dễ đều chấm dứt,
Tổ đình y xưa chẳng dính dáng.

(Ở nơi tình thức phân biệt, không lọt vào có thì cũng lọt vào không; không lọt vào không cũng lọt vào có, chỉ có nghi tình thì có và không đều chẳng biết. Đã chẳng biết thì không bị có và không dính mắc. Vậy làm gì có khó dễ ư! Đến đây gặp nhân duyên, ồ lên một tiếng thì tình thức tan rã, Tổ đình vẫn y xưa).

---o0o---

10. NHẤT CHỨNG BÌNH HOÀI, DÂN NHIÊN TỰ TẬN

Dịch

Trọn một bình đẳng, tuyệt nhiên tự sạch.

Lời khai thị:

Đạo tràng chẳng động, pháp vốn vô sanh (tất cả đều nói bản tâm. Bản tâm không có số lượng, không có hình tướng, giống như hư không nên nói chẳng động. Chẳng động là vô tử vô sanh, không có sự bắt đầu và không có sự cuối cùng; tức là vốn không có sanh khởi, tất cả đều tự nhiên), nên nói: Trăng sáng thấu song cửa, gió mát đầy bình phong (thì vũ trụ vạn vật y như cũ).

Chỗ có Phật chẳng được trụ (nghĩa chữ ‘Phật’ là giác ngộ, vì đối với mê. Tâm của mình không có tương đối, vốn không có mê ngộ. Nếu

còn ngộ tức là còn mê. Cho nên, ngộ cuối cùng thì cái ngộ cũng tan rã. Thiền tông gọi là đại tử đại hoạt, cũng nói là đồng như chưa ngộ. Nếu ngộ rồi còn ôm cái ngộ, thì vẫn còn mê. Thiền tông gọi là tiểu tử tiểu hoạt, tức chưa ngộ cuối cùng).

Chỗ có Phật chẳng được trụ (không trụ chỗ ngộ). Dùng sắt gói tim đèn (chuyện này không thể xảy ra). Chỗ không Phật chạy mau qua (không chấp có Phật, cũng không chấp không có Phật).

Bông đẹp trái gấm lụa (bông đẹp trái gấm lụa là việc thừa, tức là mọi việc sẵn sàng tự nhiên; không thêm không bớt, không xấu không đẹp; tất cả hình tướng, số lượng đều không thật có).

Ngoài ba ngàn dặm tìm bông hái, mười phương hư không đều tiêu mất (là hình dung bản tâm, không có số lượng, không có hình tướng, không thể tiếp xúc. Nói ba ngàn dặm tìm bông hái, làm sao có! Đã ngộ thì không chấp hư không, nên nói: Mười phương hư tiêu mất).

Dễ thương lượng, khó định chuẩn (nếu định chuẩn thì có lý, cao nhất là chân lý; đã lập chân lý thì có giả lý là có nhị, cũng là pháp tương đối. Bản thể diệu tâm không có tương đối, không có chân giả, không có tiêu chuẩn. Mặc dù nói dễ thương lượng, nói cái gì đó... thì nói được. Nhưng thật tế không có tiêu chuẩn, không có định chuẩn, không có số lượng, không có hình tướng. Vậy làm sao lục căn tiếp xúc được? Lấy cái gì tiêu chuẩn để làm chân lý?).

Trâu sắt ở đáy biển ăn roi sắt (chuyện này không thể có). Bên đầu trăm cỏ gió lạnh lòng (tức là mọi thứ đều như cũ, không đem ý mình vô mọi sự vật. Như cuộc sống hàng ngày, ăn cơm thì ăn cơm, mặc áo thì mặc áo, nói năng tiếp khách thì nói năng tiếp khách. Cái gì vẫn y như cũ, đừng lấy ý của mình cho là phải hay không phải, cho là hợp lý hay không hợp lý).

Mục đích tham Tổ Sư thiền là muốn mình chấm dứt 2 chữ “cho là”, tức ngưng tác dụng của bộ óc, để cho cái biết khắp không gian, khắp thời gian của tự tánh hiện ra).

Lời nghĩa giải:

Tổ sư nói: “Trọn một bình đẳng, tuyệt nhiên tự sạch”. Người nghĩa giải cho rằng: Tình chấp thủ xả đã sạch, tri kiến thánh phàm không nơi nương tựa, tự nhiên tất cả đều bình thường, tất cả chỗ tịch diệt.

(Nghiệp chướng, phiền não, đau khổ... những danh từ này là phàm phu. Bát nhã, bồ đề, giải thoát... những danh từ này là bậc Thánh. Tất cả những danh từ trên đều là những sợi dây trói buộc. Nghiệp chướng, phiền não, đau khổ... là sợi dây bằng bố. Bồ đề, bát nhã, giải thoát... là sợi dây bằng vàng. Dù vàng có quý, nếu chấp vào đó, cũng bị trói buộc. Tất cả tình chấp thủ xả đã sạch, tri kiến thánh phàm không nơi nương tựa, thì tự nhiên tất cả chỗ đều bình thường và tịch diệt).

Tịch nghĩa giải:

Dù nghĩa giải trên có cao tốt; nhưng ngài Trung Phong lại nói: Ban ngày không ngủ, đừng nói mớ. Như nay mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, gọi cái gì là bình thường!

(Tất cả vẫn y cũ; Thiền tông cần chứng ngộ, tiến đến chỗ thật tế. Chỗ thật tế không thể suy nghĩ đến. Suy nghĩ còn không đến, làm sao dùng danh tự lời nói để diễn tả được!)

Kệ kết thúc:

Tuyệt nhiên sạch hết chẳng ngăn mé,
Bên đầu trăm cỏ mở chánh nhãn.
Sanh tử Niết bàn đều bóp nát,
Chẳng biết bình thường đặt nơi nào.
(Không còn cái gì để trong tâm, tâm này như hư không, không ngăn mé. Không có ngăn mé làm sao lấy ý thức giải thích được!

Người chứng ngộ mở chánh nhãn, mở chánh nhãn thì không có nhãn. Thiền tông có câu: “Thường nghe khi chưa nghe” là đối với lỗ tai, “thường thấy khi chưa thấy” là đối với con mắt. Bởi vậy, Tự tánh như hư không, tất cả đều đang thấy đang nghe; không phải nghe thấy của lục căn.

Như cảm giác của lớp da, luôn luôn cảm giác khắp cơ thể; có tiếp xúc nó cũng có cảm giác, không tiếp xúc nó cũng có cảm giác. Đánh cho nó đau thì nó biết đau, làm cho nó ngứa thì nó cũng biết ngứa.

Lúc không tiếp xúc thì nó biết không tiếp xúc, lúc nóng nó biết nóng, lúc lạnh thì nó biết lạnh, lúc không nóng thì nó biết không nóng, lúc không lạnh thì nó biết không lạnh.

Cái biết lớp da luôn luôn biết; chẳng phải có tiếp xúc thì mới biết, không tiếp xúc thì không biết. Có tiếp xúc nó vẫn biết, không tiếp xúc nó vẫn biết. Nếu không biết làm sao biết không tiếp xúc!

Tâm mình cũng vậy, không phải thấy cho là thấy, nghe cho là nghe; cái dùng của nó, mình không dùng nó vẫn dùng. Như cảm giác lớp da, mình không dùng, nhưng nó vẫn dùng; chứ chẳng phải mình dùng nó mới dùng. Cho nên số lượng không hạn chế được. Như: Bên đầu trăm cỏ là số lượng.

Chánh nhãn không cần thấy mà thấy, vì cái thấy luôn luôn cùng khắp thời gian. Không phải dùng con mắt xem mới thấy. Vì thấy nghe đều sẵn sàng. Như cái biết lớp da luôn luôn sẵn sàng. Tiếp xúc một chỗ nó cũng biết, mười chỗ đồng thời tiếp xúc nó đồng thời biết mười chỗ, một trăm chỗ đồng tiếp xúc nó đồng thời biết một trăm chỗ. Nếu bớt đi một chỗ nó biết bớt đi một chỗ. Vì cái biết đó sẵn sàng, không phải không tiếp xúc mà bị gián đoạn. Cho nên, sự thấy nghe của Tự tánh không bao giờ ngưng dứt.

Như mặt trời lúc nào cũng chiếu sáng, chứ không có ngưng chiếu. Khi mây đen và quả đất che khuất, không thấy ánh sáng; không phải mặt trời không chiếu ánh sáng. Dụng của bản tâm cũng vậy, luôn luôn cùng khắp không gian thời gian, nó không bao giờ ngưng. Hiện giờ mình làm cho nó ngưng, nhưng sự thật nó không ngưng; mà người ta không biết, cứ cho mắt xem mới thấy, dùng tai mới nghe.

Nếu vậy, tất cả đã sẵn sàng rồi. Không phải có sanh tử rồi hết sanh tử mới chứng Niết Bàn. Sanh tử và Niết Bàn là pháp đối đãi. Bản tâm không có đối đãi, nên nói: Sanh tử và Niết Bàn đều bóp nát.

Do tâm mình chấp nên có sanh tử và Niết Bàn. Sanh tử và Niết Bàn đều bóp nát, gọi cái nào bình thường hay không bình thường! Vậy bình thường đặt ở nơi nào? Có bình thường thì có không bình thường cũng là pháp tương đối vậy.

Theo lời nói của Tam Tổ mà giải nghĩa thì xa với thật tế. Ý của Tam Tổ muốn mình chứng ngộ, cần phải tham thiền đến chỗ kiến tánh

được thấy chỗ thật tế. Nếu chưa ngộ mà đuổi theo lời nói, để giải thích là sai lầm, không đúng thật tế).

---o0o---

11. CHỈ ĐỘNG QUY CHỈ, CHỈ CÁNH DI ĐỘNG

Dịch

Ngăn động trở về tịnh, tịnh ấy càng động thêm.

Lời khai thị:

Nói quanh lao học danh tướng, nói thẳng chẳng có dài dòng (lời nói của mình không nói trực tiếp, nói từ xa đến gần gọi là nói quanh. Nhưng nói chuyện phải dùng danh tướng để nói, phàm có lời nói là lao nhọc danh tướng. Nếu nói thẳng chẳng có dài dòng, mặc dù chẳng có dài dòng cũng là lời nói. Nói quanh hay nói thẳng đều không có dính dáng đến thật tế).

Nói quanh tạm gác một bên, thế nào là nói thẳng? Trương Tam ăn gậy sắt, Lý Tứ chịu đòn đau (người này bị đánh, người kia chịu đòn đau, đâu có việc này!).

Người sống vào quan tài, người chết đi đưa đám; Quan Âm mất hết thần thông, lại bị con nít chọc ghẹo (những chuyện này không thể xảy ra). Nói thẳng tạm gác một bên, nói quanh là thế nào? (Người ta thường nói thẳng nói quanh, nên lao nhọc danh tướng là bị trói buộc).

Hoa giác ngộ phải trồng nơi Tụ tánh (tức là cần phải tu giác ngộ nơi Tụ tánh, mới đến chỗ thật tế. Chỗ thật tế không thể nói quanh nói thẳng được). Hạt giống Phật nên theo trên Tâm địa (Tâm giống như đất, muốn trồng hạt giống Phật, phải trồng trên Tâm địa; tức là do tâm mình tự chứng ngộ mới được).

Lời nghĩa giải:

Chân tâm trạm nhiên luôn luôn bất động, xưa nay lưu chuyển đều do vọng kiến (nghĩa là mình lưu chuyển trong lục đạo đều do vọng kiến mà ra). Vay động đã là vọng, tịnh cũng là vọng; nếu dùng vọng

để ngăn vọng, giống như ôm củi chữa lửa, chỉ thêm cháy mạnh (làm sao chữa cho nó tắt được!).

Lấy lời Pháp sư Tăng Triệu dẫn chứng rằng: “Muốn tìm chỗ bất động, đâu phải buông động để cầu tịnh, ắt phải cầu tịnh ở nơi động. Vì cầu tịnh ở nơi động, dù động mà thường tịnh, chẳng buông động để cầu tịnh, dù tịnh mà chẳng lìa động”.

(Sự thật sống trên đời, cái gì cũng động, chứ chẳng phải tịnh. Có nói tịnh thì tịnh đó cũng ở trong động; như bây giờ mình ngồi yên một chỗ thật tịnh trên quả đất, nhưng sự thật nó đang động của quả đất quay xung quanh mặt trời.

Nhà khoa học tính trái đất quay 180.000 km/g. Vậy làm sao thấy được tịnh! Nhưng mình lại thấy tịnh. Tất cả vật chất, như cái bàn đang tịnh tức không động; nếu dùng kính hiển vi gấp mấy ngàn lần, thấy các hạt nguyên tử đang chuyển động. Vì tất cả vật chất đều do các nguyên tử hợp thành; mỗi nguyên tử ở giữa có một trung tử, xung quanh có nhiều điện tử đang xoay ngày đêm không ngừng, không có sự bắt đầu và cuối cùng.

Như vậy cái bàn này đang tịnh, nhưng sự thật nó cũng đang động. Tất cả nói tịnh là tịnh ở trong động, mà nói động là động ở trong tịnh. Sự thật chẳng phải động tịnh; động tịnh là do cảm giác suy nghĩ của vọng tâm, tất cả đều là vọng. Thật tế bây giờ cũng vậy, động chẳng lìa tịnh, tịnh chẳng lìa động).

Thế thì, động chẳng tương động, tịnh chẳng tương tịnh (như thấy cái bàn đang tịnh, sự thật nó đang động. Vậy nói tương động không đúng, tương tịnh cũng không đúng).

Trong kinh nói hai tướng động tịnh rõ ràng không sanh (nhiều nguyên tử hợp tác thành cái bàn này, mỗi hạt nguyên tử, trung tử, điện tử, nó đang xoay ngày đêm không ngừng. Vậy sức động từ đâu ra? Tại sao nó có sức xoay hoài vậy?

Muốn chiếc hon da chạy cần phải có xăng đốt cho nóng, rồi nó chạy mới có sức động. Hạt nguyên tử rất nhỏ, con mắt mình không thấy được, phải dùng kính hiển vi mới thấy. Hiện nay nó đang động do sức ở đâu? Nhà khoa học không tin ở tâm, vì không tiếp xúc được. Phật nói “tất cả đều do tâm tạo”, là do sức của tâm.

Trong Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ nói rõ: “Chẳng phải gió động, chẳng phải phướn động, mà tâm của các ông động”. Mặc dù mình thấy gió động, phướn động; nhưng tâm của ông động gió mới động, tâm của ông động phướn mới động. Hiện nay người ta không tin như vậy. Phật pháp là tin tự tâm và hiện ra cái dụng của tâm.

Bởi vì rõ biết động tịnh đều là cảnh vọng, các vọng đã tiêu thì hai tướng đâu còn (đây cũng là lời nói, chứ thật tế thì chẳng phải vậy. Cho nên ngài Trung Phong phủ nhận dưới đây).

Tịch nghĩa giải:

Thôi thôi! Động là núi bạc, tịnh là vách sắt. Nếu chưa từng đập nát mà muốn kia không sanh thì còn cách xa quá (nay mình thấy rõ ràng, không thấy tịnh thì phải thấy động, không thấy động thì thấy tịnh. Cuộc sống hàng ngày bị chi phối, làm sao ngưng được?).

Kệ kết thúc:

Ngọn lửa đâu cho ruồi muỗi đậu,
Lưỡi kiếm đâu cho thân trần đụng.
Nhà kín Đạt Ma không cửa nẻo,
Nắm tay lôi kéo chẳng ai vào.
(Ngọn lửa làm sao ruồi muỗi đậu được! Là thí dụ động tịnh không rời khỏi nhau.
Lưỡi kiếm rất bén, nếu không mặc áo mà đụng nó thì phải bị thương.

Pháp môn tham thiền như nhà kín Đạt Ma. Tổ Đạt Ma từ Aán Độ sang Trung Quốc truyền pháp môn Thiền tông, rồi truyền sang Việt Nam, Hoa Kỳ. Nhà kín không cửa nẻo làm sao vào? Nếu người quyết tử muốn vào cũng không khó, có thể một sát na mà vào, nhưng người ta khó tin. Dẫu có tin, nhưng còn thực hành khổ cực, e chịu không nổi! Tuy nhà kín không cửa, trong đó rất tốt, nhưng nắm tay lôi kéo chẳng ai chịu vào).

---o0o---

12.DUY TRỆ LƯƠNG BIÊN, NINH TRI NHẤT CHỦNG

Dịch

Hễ kẹt hai bên, đâu biết vốn một.

Lời khai thị:

Nhìn thẳng nhìn trái, đông nổi tây lặn, ló ra đầu búa không lỗ, đập lũng đáy thùng sơn đen (hiện giờ ai cũng có Phật tánh, nhưng dùng không được, như đầu búa không lỗ. Thùng sơn đen trong đó đen tối mịt mù; người kiến tánh gọi là đập bể đáy thùng sơn đen. Thùng sơn đen bị đập bể thì ánh sáng lọt vào trong đó).

Chân nhân vô địa vị (là bản tâm của mình, không có số lượng, không hình tướng, không địa vị), bạt tai núi Tu di một cái, khiến cho Bồ tát Hư Không Tạng đứng giữa ngã tư đường chấp tay nói rằng: Cúi xin trân trọng! (Chư Tổ trong Thiền tông khai thị xong, cuối cùng nói 2 chữ trân trọng, như người ta gặp nhau nói mạnh giỏi).

Tại sao những việc trên như thế! (Chưa kiến tánh, những việc trên không thể biết được, đến khi kiến tánh mới biết được. Nếu dùng lục căn tiếp xúc để đoán mò, khác chi lấy vọng để trừ vọng, tìm được cũng là vọng. Vì sao? Bên mặt là vọng, bên trái cũng là vọng; dầu cho thành một cũng là vọng. Vì có một nên có hai có ba).

Lời nghĩa giải:

Lưỡng biên thì 2 tướng động tịnh, nhất chủng là toàn thể không khác. Đây là lời giải thích 2 câu trên, phải biết động tịnh nhị biên, vọng thì cùng vọng, chân thì cùng chân, đâu có 2 thứ.

(Theo thật tế hàng ngày, tất cả đang động tịnh, cũng không phân biệt động tịnh. Như mình ngồi đây nói là tịnh, nhưng quả đất đang xoay là động thì đâu có 2 thứ. Ở trên giải thích nghĩa rất cao tốt, nhưng lý cao cũng là danh từ lời nói, không phải thật tế. Cho nên, ngài Trung Phong còn phải phủ nhận).

Tịch nghĩa giải:

Im đi! Im đi! Đừng đem kiến giải vô dụng đã học được, để chôn vùi chân tâm của Tổ sư. (Tam Tổ làm Tín Tâm Minh này, ý là muốn chúng ta ngộ thật tế, chứ không phải đàm luận nghĩa lý. Đàm luận nghĩa lý cao siêu như đem kiến giải vô dụng, để chôn vùi chân tâm của Tổ vậy).

Kệ kết thúc:

Thị nhất chủng hay phi nhất chủng,

Thị phi hết chấp có ai biết.

Chớ đem đá rêu xanh trong tuyết,

Cho là cò trắng đứng dưới sông.

(Thị phi là tương đối, cho là nhất chủng hay là chẳng phải nhất chủng cũng là thị phi.

Phải kiến tánh mới biết, chưa kiến tánh thì không biết.

Tuyết là màu trắng không sanh ra đá rêu xanh được. Bởi vậy việc không có, nếu nói ra cũng là việc không có; giải thích lý cao tột cũng là việc không có, như cho là cò trắng đứng dưới sông).

---o0o---

13.NHẤT CHŨNG BẤT THÔNG, LƯƠNG XỬ THẤT CÔNG

Dịch

Vốn một chẳng thông, đặt ra hai chỗ là uổng công.

Lời khai thị:

Nhận nai là ngựa, nhận lu là chuông, xưa nay đem sai làm chiều theo sai làm (cuộc sống hàng ngày đều sai làm, vì qua bộ óc nhận biết đều sai làm. Cho nên Bát Nhã Tâm Kinh nói: “Vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý”. Không phải không có lục căn, lục căn nhận biết đều không thật; tức là đem sai làm chiều theo sai làm, chẳng khác nào đem hư không lấp hư không. Hư không trống rỗng đâu có nghĩa lý gì!).

Ngồi thiền rách năm ba cái bồ đoàn, khi ngộ vỗ tay cười to; đi tham vấn các nơi, gãy bảy tám cây tích trượng, mặt mày hớn hờ quét sạch bệnh chấp Phật, Tổ. Diệt mất Thiếu Lâm tông (tức là không chấp Thiền tông). Lò rèn lâu năm lửa vẫn hồng.

Lời nghĩa giải:

Tổ sư nói: “Vốn một chẳng thông, thì đặt ra chỗ là uổng công”. Một số Thiền giả bày đặt rằng: 2 câu này kết trước dẫn sau, nói kết trước

là hiển bày chân lý vốn 1; nói dẫn sau là trách cái vọng của có và không vậy.

(Nhưng thật tế không thể nói vốn 1. Nếu có 1 thì phải có 2, 3... cho đến muôn ngàn, 1 là số bắt đầu. Tâm mình vốn không có con số tức là không có số lượng. Cho nên vốn 1 cũng chẳng phải. 1 còn chẳng phải hướng là 2. Có và không là 2. Theo văn giải nghĩa rất cao siêu, nhưng ngài Trung Phong cũng phủ định).

Tịch nghĩa giải:

Nếu là Nạp Tăng chân thật (theo truyền thống xưa, Tu sĩ lượm các vải vụn rách kết thành chiếc áo để mặc gọi là nạp y, tự xưng là Nạp Tăng), dù nói 1 nói 2, câu nào cũng quy về Tự tánh, lời nào cũng ứng dụng (người đã chứng ngộ không chấp 1 không chấp 2. Vì theo thể lưu bố tưởng, nghĩa là theo thế gian đã lưu hành thì phải theo như vậy. Nhưng người thế gian nói 1 chấp 1 là thật, nói 2 chấp 2 là thật; tức là người chứng ngộ dùng lời nói để độ chúng sanh).

Nếu chẳng như thế nói 1 thì đã lọt vào hang ổ rồi, hướng là 2 ư! (Kinh Đại Niết Bàn nói “phàm phu ở trong thế lưu bố tưởng sanh ra trước tướng, bậc thánh chỉ có thể lưu bố tưởng không có trước tướng”. Trước tướng là điên đảo tướng, không trước tướng là không điên đảo tướng).

Kệ kết thúc:

Nói một xưa nay không chỗ để,
Nói hai đâu có chỗ lập công?
Chỉ vì bà mẹ dạy quá kỹ,
Liên lụy vợ tôi chấp thấy nghe.
(Nếu chấp thật thì 1 cũng không có chỗ để.

Nói hai đâu có chỗ lập công, có công gì để uổng đâu!

Hai câu cuối là diễn tả con dâu có hiếu đối với mẹ chồng. Bà mẹ dạy sao con dâu làm vậy. Chấp cái thấy nghe cho là thật. Sự thật cuộc sống hàng ngày, thấy là bị con mắt lừa gạt, nghe là bị tai lừa gạt. Tất cả đều không đúng với thật tế, là hiểu biết sai lầm của bộ óc, mà người nào cũng cho là thật. Cho nên cần phải tham thiền để chứng ngộ, rồi tự mình chứng tỏ).

---o0o---

14.KHIỂN HỮU MỘT HỮU, TÙNG KHÔNG BỘI KHÔNG

Dịch

Trừ bỏ có thì kẹt nơi có, đuổi theo không lại trái với không.

Lời khai thị:

Đầu chánh đuôi chánh, tâm không mắt không, gặp nhau trong đường hẹp chỗ nào nói bậy cũng trúng (lời nói 1 không chấp là 1, lời nói 2 không chấp là 2).

Cây bách trước sân của Triệu Châu cắt đứt một dòng suối thế gian (tức là các vọng tưởng của thế gian ngay đó cắt đứt thì được ngộ. Không cắt được mà theo nghĩa lý để giải thích, nên không thể chứng ngộ).

Cái bánh sắt có nhân của Đông Sơn, bóng nước bầu trời hiện cây tùng (lời của Tổ sư rất vô lý, vì nó vô lý không thể giải thích, tác dụng để cắt đứt nguồn suối ý thức vọng tưởng thế gian. Nói bánh sắt có nhân cũng là việc vô lý. Bóng nước bầu trời hiện cây tùng. Cây tùng ở dưới nước chỉ là cái bóng).

Voi lớn không đi đường con thỏ, sư tử đâu chịu giẫm dấu chồn (tức là người giác ngộ không đuổi theo lời nói của Phật, Tổ. Sư tử và voi lớn dụ cho tự tánh. Thiên tông có câu: “Hàn Lư trực khối, sư tử giáo nhân”. Nghĩa là chó mực ở nước Hàn rất thông minh, có người quăng ra cục xương, dù nó thông minh, nhưng vẫn chạy đuổi theo cục xương mà cắn. Còn con sư tử không màng đến cục xương, mà cắn ngay người quăng ra cục xương.

Người đó dụ cho Tự tánh, cục xương dụ cho lời nói của chư Phật chư Tổ. Nếu đuổi theo lời nói của chư Phật chư Tổ, bị mắc là con chó thông minh. Còn theo lời nói, mà phát hiện ngộ được Tự tánh mới là con sư tử. Đường con thỏ, dấu chồn cũng như cục xương vậy).

Lời nghĩa giải:

“Trừ bỏ có thì kẹt nơi có, đuổi theo không lại trái với không”. Những người đuổi theo lời nói giải rằng: Có là vọng có, mà trừ nó thì kẹt; không vốn tự không, do muốn đuổi theo nên trái. Có là cái có của nhà không; không là cái không của nhà có. Không nhờ có mới hiển, có nhờ không mà bày; vì hiển nên toàn không mà có, vì bày nên toàn có là không. Có và không dung nhiếp với nhau chẳng sai, tương đối lẫn nhau mà chẳng khác. Do đó được biết, trừ nó hay theo nó đều là vọng.

Nghĩa giải này, tuy là lý cao siêu, nhưng ngài Trung Phong cũng còn phủ nhận.

Tịch nghĩa giải:

Sư tử cắn người, đâu chịu đuổi theo cục xương (theo chuyện ở trên, con sư tử không chạy theo cục xương, mà lại cắn người. Con chó mới đuổi theo cục xương). Vậy người y văn giải nghĩa, còn không bằng con chó đuổi theo cục xương nữa, mà muốn nó rống lên chụp người ném cục xương ấy, thì đâu có thể được! (Tức là lời nói của chư Phật, Tổ là muốn mình không hiểu nghĩa lý, mà muốn nơi tự tâm chứng ngộ gọi là kiến tánh thành Phật).

Kệ kết thúc:

Chỉ vì lá bùa dán quá cao,
Giữ cửa vẫn bị quỷ thần vào.
Đâu bằng ở dưới thềm nhà lá,
Suối, mây, trăng, núi làm bạn nhau.
(Ở bên Tàu, mỗi nhà có dán lá bùa trên giữa cửa... vì dán cao nên bị quỷ thần vào.

Hai câu cuối là hình dung người đã kiến tánh ở đâu cũng được, ở nhà lá ở rừng núi có suối, có mây có trăng làm bạn, tự nhiên thông thả tự do tự tại; đâu có cần dán bùa giữ cửa làm chi! Hiện giờ mình sống lo này lo kia là tự mình làm khổ mình, cũng như dán bùa ở cửa thì đâu có được!).

15.ĐA NGÔN ĐA LỰ, CHUYỂN BẤT TƯƠNG ƯNG

Dịch

Nói nhiều lo nhiều, càng chẳng tương ứng.

Lời khai thị:

Như nước vào nước, như gương soi gương (đây là hình dung bản tâm của mình bất nhị). Tẩy được pháp trần lại kết thành kiến bệnh (vốn không có pháp trần để tẩy, vì chấp có pháp trần, nên dùng tâm để tẩy. Nếu có pháp trần để tẩy thì trở thành kiến bệnh tức là bị kiến giải. Diệu tâm vốn không có tri kiến, chấp có pháp trần, rồi sợ ô nhiễm mới tẩy sạch nó, thì trở thành kiến bệnh, không phải bỗng lai vốn không có tri kiến).

Làm cho chư Phật không nhà để về, lịch đại Tổ sư không có đạo để chứng (mục đích tu kiến tánh thành Phật, cứ chấp theo kiến giải thì thành kiến bệnh, làm cho tam thế chư Phật [tam thế là quá khứ, hiện tại, vị lai] không có nhà để về. Hiện giờ chúng sanh không biết đường về. Pháp tham thiền là đường về nhà. Muốn về quê nhà thì phải chứng ngộ).

Vì thương xót quan tuần mù mắt, phải xem số mạng cho Không Vương (Quan tuần phải có mắt, nếu mù mắt thì sao đi tuần được? Hiện tại chúng ta sống trong thế gian, làm chuyện này chuyện kia, giống như quan tuần mù mắt vậy. Tánh không chẳng có hình tướng chẳng có số lượng, gọi là Không Vương. Như số mạng Không Vương của mình bị mất, muốn hiện Không Vương phải tham thiền).

Đêm khuya lật bàn quẻ ra xem, hư minh lạnh lẽo tự soi nhau (xem số mạng cho Không Vương, như đêm khuya không có ai, mà lật bàn quẻ xem số mạng. Cho nên nói: Nói nhiều lo nhiều, càng chẳng tương ứng).

Lời Nghĩa giải:

Người nghĩa giải cho rằng: Nói nhiều cách đạo càng xa. Lại nói: “Diệu tâm rộng nhiên chiếu soi, lấy tịch lặng của bậc Thánh làm tông”. Còn dẫn chứng Tổ Đạt Ma dạy: “Ngoài dứt các duyên, trong

không nghĩ tưởng”. Ngoài dứt các duyên thì quên lời nói, trong không nghĩ tưởng thì hết niệm lo.

(Tịch lặng của bậc Thánh là lìa đối đãi động tịnh. Thanh tịnh tự tánh lìa nhị biên. Đã lìa nhị biên thì động tịnh hai tướng chẳng khác, thì diệu dụng của Diệu tâm rộng nhiên chiếu soi cùng khắp không gian và thời gian. Sở dĩ, sự chiếu soi của Diệu tâm bị mất hay không cùng khắp, đều do có sự chấp trước của lục căn, nên có câu: Nói nhiều lo nhiều, cách đạo càng xa.

“Ngoài dứt các duyên trong không nghĩ tưởng” của Tổ Đạt Ma. Đây quá trình tu đến mức cuối cùng, đến chỗ vô tâm tức là chân tham. Vô tâm không cho hữu tâm biết, cảnh giới này không có niệm nào khởi lên, thì đâu có nghĩ tưởng; trong Thiền tông gọi là thoát đầu, cũng là tận cùng của ý thức; cần phải tiến qua một bước nữa lìa khỏi ý thức, đưa đến kiến tánh thành Phật).

Tịch nghĩa giải:

Tuy kiến giải trên rất cao siêu, nhưng ngài Trung Phong lại phủ nhận rằng: Người dẫn chứng như thế rồi, vậy có tương ứng với Tự tánh hay chưa? (Bởi vì lời nói là lời nói, muốn tương ứng phải tự ngộ mới được. Lời nói làm sao tương ứng?) Nếu chưa, thì nói chi ngôn ngữ này nọ! (Nói cách nào cũng là lời nói, nói lý cao siêu cũng không có ích).

Kệ kết thúc:

Do lời hiển đạo, đạo quên lời,
Quên đến không lời cũng vọng truyền.
Thị phi thoát ra ngoài lời nói,
Hư không chẳng miệng biết nói thiền.

(Muốn hiển bày cái đạo thì phải có lời nói. Nhưng đạo đó phải quên lời nói, mới có đạo được; nếu có lời nói thì không có đạo. Quên đến không lời nói cũng vọng truyền, vì đâu có cái gì mà để quên; có cái gì để quên tức là có cái gì thật để quên, đã là có tâm chấp rồi. Dẫn cho quên hết không lời cũng là vọng.

Thị là đúng, phi là sai, thoát ra ngoài lời nói. Hư không đâu có miệng nhưng mà biết nói thiền. Hư không này chẳng có nghĩa lý gì, nhưng

tham thiền cũng phải nhờ cái hư không này. Vũ trụ vạn vật, núi sông, đất đai, nhà cửa, cây cối ... tất cả được ứng dụng đều nhờ cái không này. Nếu chẳng có cái không, thì chẳng thể hiển bày cái dụng.

Hiện tại chúng ta tham thiền cũng nhờ cái không này; tuy rằng hư không chẳng có nói thiền, nhưng tất cả đều do tâm mình. Hư không tức là tâm mình trống rỗng, tất cả đều phải nhờ nó. Cho nên Kinh Hoa Nghiêm nói “tất cả đều do tâm tạo”. Sự thật tâm không có tạo, nhưng vạn vật đều ở trong hư không, mà từ hư không sanh ra, tức là tâm sanh ra, nên nói là tâm tạo).

---o0o---

16. TUYỆT NGÔN TUYỆT LỰ, VÔ XỨ BẤT THÔNG

Dịch

Bật nói bật lo, chỗ nào cũng thông.

Lời khai thị:

Đạo Ngô là một Tổ sư danh tiếng múa hát, Ngài dùng cây hát để độ đồ chúng.

Có người hỏi Thạch Củng về vấn đề gì thì ngài dùng cung để giương ra, cũng là vị kiến tánh triệt để có danh tiếng.

Tây Hà Sư Tử là Tổ danh tiếng. Bây giờ, con cháu của Lâm Tế đều là con cháu của Tổ Tây Hà.

Trường Sa Mạnh Hồ... ở đây nói ra chư Tổ. Mỗi Tổ đều có cách đặt biệt riêng của mình, khiến cho người tham thiền ngay đó liền ngộ; ngộ không được thì không hiểu nên phải phát nghi. Sau này do cái nghi đó mà được ngộ. Cơ xảo của Tổ không dùng ý thức giải nghĩa; nếu giải nghĩa là nghịch ý của Tổ, cũng là phỉ báng Tổ.

Chẳng những bây giờ tiếng tăm lừng lẫy, cho đến ngày nay gia phong vẫn còn lưu truyền (chư Tổ kiến tánh, trong lịch sử Thiền tông Trung Hoa có ghi. Thiền tông truyền sang Việt Nam, Nhật Bản, Đại Hàn... ở Việt Nam, các cái tháp đều thuộc dòng Lâm Tế).

Đến dưới cửa Tổ sư phải khiến dẫu chuột diệt mất. Tại sao như thế? Há chẳng nói: “Dùng nia đong gạo, khác với cái lít, bàn ủi nấu trà không giống cái ấm”.

(Chư Tổ dùng cơ xảo đối với người tham học, khiến cho không còn dấu tích gì, bất cứ cái gì đều không có ý niệm. Tại sao như thế? Vì bản tâm không có ý niệm; nếu khởi lên ý niệm là khác với bản tâm).

Cho nên nói: “Bật nói bật lo, chỗ nào cũng thông” (không có ý niệm thì không có lời nói và không có suy nghĩ. Nếu được như vậy thì không có chướng ngại, tất cả có chướng ngại là do có suy nghĩ của mình).

Chúng ta thường nói: “Tôi có nghiệp chướng phiền não nhiều quá”. Sự thật nghiệp chướng phiền não cũng tại nơi mình; bản tâm mình không có nghiệp chướng phiền não.

Dùng 2 chân để ví dụ cho tâm của mình; còn nghiệp chướng phiền não ở ngoài tâm tức là cái sở. Tâm là năng suy nghĩ, con đường gai gốc cứt sinh là sở đi của 2 chân. Con đường gai gốc cứt sinh dụ cho nghiệp chướng phiền não, 2 chân dụ cho tâm mình là năng đi. Tại 2 chân của mình ham đi con đường đó mới dính cứt sinh, rồi cứt sinh thúi quá phải rửa cho sạch.

Như nói nghiệp chướng phiền não nhiều quá cần phải trừ. Cái đó ở ngoài tâm, tâm không có nghiệp chướng phiền não. Tại do suy nghĩ mới có. Nghiệp chướng phiền não là sở suy nghĩ, chứ không phải của tâm; như 2 chân là của mình, chứ con đường gai gốc cứt sinh là không phải của mình).

Lời nghĩa giải:

Hoặc có người y văn giải nghĩa rằng: Bật nói thì đường ngôn ngữ dứt, bật lo thì chỗ tâm hành diệt (Tâm của mình luôn luôn không ngưng nghỉ, ngày đêm suy nghĩ mãi. Ban đêm suy nghĩ thì biến hiện ra nhắm mắt chiêm bao, ban ngày thì hiện ra mở mắt chiêm bao. Tất cả đều do tâm hành diệt).

Nếu bật nói bật lo, thì tâm hành diệt, đường ngôn ngữ dứt, tịch mà chiếu; chỗ tâm hành diệt, chiếu mà tịch (đây là giải theo giáo môn).

Đến đây, Tổ Sư thiền và Như Lai thiền có thể xỏ chung một râu. Cũng có cổ nhân nói: “Thôi đi, để cho khoe miệng lên meo, trên lưỡi mọc cỏ” (tức là không dùng cái miệng để nói. Tất cả đều không ngoài lý này).

Mặc dù, giải thích có lý cao tốt, cũng là cái lý. Thật tế thì không có nghĩa lý. Cho nên ngài Trung Phong phủ nhận.

Tịch nghĩa giải:

Nếu đem lời Tam Tổ mà lãnh hội như thế! Như lời nghĩa giải trên đó, giống như đem nước đá để trên ngọn lửa hồng (nó tan hết). Như vậy không biết mắc cỡ!

Nếu quả thật như lời nói ấy, thì đâu cần Tổ sư từ Ấn Độ sang? (Mà cứ theo kinh thì được rồi, nhưng kinh là văn tự lời nói; Thiền tông là giáo ngoại biệt truyền bất lập văn tự, chỉ cần đến chỗ thật tế mới được).

Kệ kết thúc:

Bật nói bật lo đồng người gỗ,
“Khi nào thành Phật”, Vĩnh Gia chê.
Chưa ngộ trước lời thông huyền chỉ,
Đem một mảy lông ngăn thiết vi.

(Người gỗ thì không có nói. Người gỗ đâu thể thành Phật được, cho nên ngài Vĩnh Gia chê.

Nếu chưa chứng ngộ trước khi chưa lời nói. Như tham thiền là trước khi chưa có lời nói, nếu chưa ngộ được như đem một mảy lông ngăn núi thiết vi).

---o0o---

17. QUY CĂN ĐẮC CHỈ, TÙY CHIẾU THẮT TÔNG

Dịch

Trở về cội gốc thì được ý chỉ, đuổi theo chiếu soi thì mất bản tông.

Lời khai thị:

Như thế, như thế! Cho tây làm đông (tham thiền không thể cho là, cho là như thế, như thế, như cho phương tây làm phương đông, đều cách xa sự thật. Nếu cho là chẳng như thế, chẳng như thế, cũng là lấy có làm không, đều là trái ngược).

Chẳng thế ở nơi như thế, giống như dùng lưới để bắt gió (dùng lưới bắt gió làm sao được?). Như thế, ở nơi chẳng như thế, cũng như giấy ướt để nhốt cọp (làm sao giấy ướt mà nhốt cọp?).

Tại sao vậy? Há chẳng nghe nói: Quy căn đắc chỉ tùy chiếu thất tông ư! (Tức là Tam Tổ muốn hành giả tham thiền ngộ ngay, không ngộ thì nghỉ. Nói có nguồn gốc để trở về, tức là đuổi theo lời nói thì không được. Cứ cho là không được, cho là như thế không được, cho là chẳng như thế cũng không được, cho là như thế ở nơi chẳng như thế cũng không được, cho là chẳng như thế ở trong như thế cũng không được. Nghĩa là lia tứ cú, tuyệt bách phi).

Lời nghĩa giải:

Một số người khéo suy lường rằng: Bật nói bật lo là trở về cội, nơi nào cũng là đắc tông chỉ. Nếu người lãnh hội theo nghĩa: Về cội đắc chỉ thì đuổi theo chiếu soi, làm mất tông chỉ rồi.

(Tại sao? Cội vốn không chỗ về, vì tâm mình cùng khắp hư không; nếu có chỗ về thì tâm không cùng khắp. Mục đích tham thiền là hiện tâm khắp không gian thời gian. Tông chỉ cũng không thể đắc, tất cả đều sẵn sàng. Hư không chẳng có cái ngoài để đắc. Nếu chẳng rõ nghĩa này, tự sanh vọng chấp, cho là có tông chỉ để đắc, có chỗ cội gốc để trở về).

Nói là tùy chiếu, nếu còn dấu tích chữ chiếu, thì tâm tông của chư Phật chư Tổ đã lạc mất quá lâu rồi (vậy, nó không có chiếu mà vẫn còn chiếu. Như cảm giác lớp da không nói là “tôi có cảm giác”, vì cảm giác khắp không gian thời gian của cơ thể).

Nếu tiếp xúc, nó biết có tiếp xúc; không có tiếp xúc, nó biết không có tiếp xúc; đau nó biết đau, không đau nó biết không đau; ngứa nó biết ngứa, không ngứa nó biết không ngứa; lạnh nó biết lạnh, không lạnh nó biết không lạnh; nóng nó biết nóng, không nóng nó biết không nóng.

Mình muốn dùng nó cũng biết như vậy, mình không có ý dùng nó cũng biết như vậy. Không phải có tiếp xúc lớp da mới có cảm giác. Lớp da không bao giờ mất cái cảm giác, thì đâu có cần tiếp xúc mà mới là chiếu soi, nó luôn luôn như vậy.

Tâm mình cũng luôn luôn như vậy, nó đâu phải phát ra ánh sáng chiếu soi, rồi ngưng nói là không chiếu soi. Không bao giờ ngưng chiếu soi, làm sao đặt ra cái tên chiếu soi? Nó cùng khắp hư không thì không có chỗ để về; nếu có chỗ để về nên không cùng khắp, vì chỗ này có thì chỗ khác không có.

Giải nghĩa như thế này có lý cao tốt cũng là lời nói văn tự, chẳng phải thật tế của bản tâm, cho nên ngài Trung Phong phủ định.

Tịch nghĩa giải:

Quả có lời này ư! Nếu thật như thế, thì cũng như gọi Phật, Tổ xưa đến đây ăn gậy sắt của Diêm La Vương. Tại sao? Vì họ quy căn đặc chỉ vậy (chớ đâu có căn để quy, đâu có chỉ để đặc? Như Bát Nhã Tâm Kinh nói “vô trí diệc vô đắc”. Nếu có tông chỉ để đắc, có nguồn gốc để về thì không đúng, xa với thật tế).

Kệ kết thúc:

Tùy chiếu, quy căn đồng một việc,
Chẳng cần đặc biệt hiển gia phong.
Tâm trộm chưa chết trước cơ xảo,
“Đắc chỉ” đâu khác sự “Thất Tông”.

(Tùy chiếu và quy căn đều sai lầm. Bởi vậy, không cần chiếu cũng không có căn để quy.

Chẳng cần đặc biệt hiển gia phong, vì gia phong của chư Tổ đã sẵn như vậy.

Chư Tổ kiến tánh triệt để có cơ xảo khiến người tham thiền ngay đó liền ngộ. Muốn có cơ xảo đó thì phải chết tâm trộm cắp; trong Trung Phong Pháp Ngữ nói: “Có nổi niệm gì đều là tâm trộm cắp”, có cho là... tâm trộm cắp, cho là Phật cũng là tâm trộm cắp, cho là không Phật cũng là tâm trộm cắp, cho là đúng lý cũng là tâm trộm cắp, cho

là không đúng lý cũng là tâm trộm cắp. Thì “đắc chỉ” đâu có khác sự “thất tông”. Nếu mà đắc chỉ thì mất cái tông chỉ rồi).

---o0o---

18.TU DU PHẢN CHIẾU, THĂNG KHƯỚC TIỀN KHÔNG

Dịch

Phản chiếu chốc lát, hơn cả không kia.

Lời khai thị:

“Không kia” là tánh không; tánh không của nhà Phật là hiển bày cái dụng. Vì có cái không nên mới có cái dụng, cũng như cái tách này lấp bít hết thì không có thể đựng nước. Cái đĩa không có cái không thì không đựng đồ được. Cái nhà không có cái không thì không có ngồi đây được, tất cả dùng đều phải nhờ cái không này. Như nói: “Phản chiếu chốc lát hơn cả không kia”.

Thấy đến hành đến (tức là người đã kiến tánh thấy đến hành đến tới chỗ thật tế. Tông thông tức là tâm thông, thì thuyết gì cũng thông, nói gì cũng được).

Hiển lộ con mắt trời người, mở ra tấm lòng Phật, Tổ (con mắt trời người do bộ óc làm chủ thì có hại. Nếu kiến tánh rồi, Phật tánh làm chủ thì có lợi không có hại. Trong này nói hiển lộ con mắt trời người, mở ra tấm lòng Phật, Tổ là kiến tánh rồi).

Ngược với vật đuổi theo vật; giống như khác mà chẳng phải khác, giết người cứu người cũng chẳng khác, nói đồng chẳng đồng cũng chẳng khác, đều cho đè ngang xuống một lượt, nửa đêm cửa biển mặt trời hồng.

(Tức là không có ban đêm, mặt trời chiếu soi mãi mãi. Như ánh sáng của tự tánh không bao giờ ngưng. Bây giờ mặt trời không bao giờ ngưng chiếu soi; Mặc dù ban đêm không có ánh sáng, không phải mặt trời ngưng chiếu. Vì bị trái đất che khuất, nó luôn luôn chiếu soi cùng khắp mọi nơi.

Tâm mình cũng vậy, nó luôn luôn hiển bày cái dụng, không bao giờ ngưng nghỉ. Tại mình không thấy nên không tin. Dù mình không thấy không tin, nhưng nó vẫn luôn hiển lộ cái dụng. Tham thiền là hiển lộ cái dụng của tâm mình).

Lời nghĩa giải:

“Phản chiếu chốc lát, hơn cả không kia”. Hạng người nói đạo lý cho rằng: Đem sáng tối sắc không, dẫn nghĩa quy về tự kỷ gọi là phản chiếu.

(Sáng và tối không có thể cùng một lượt; khi sáng thì không có tối, lúc tối thì không có sáng. Sắc là vật chất, không là trống rỗng. Theo mình biết hai thứ thì khác nhau; nếu dẫn nghĩa quy về tự kỷ, tự kỷ thì không có khác, nên gọi là phản chiếu).

Nên phải biết, không chẳng tự cho là không bởi tâm nên không, có chẳng tự có bởi tâm nên có, chúng sanh xa với tự tâm, vọng thấy có và không, mà muốn theo nó hay bỏ nó, đều gọi là điên đảo.

(Bởi vậy, Diệu tâm không có bản thể, không có hình tướng, không có số lượng; nói có thì tìm không ra, không có gì để nắm lấy; còn nói không có thì cái dụng nó vô lượng vô biên, nó hiển bày trước mặt. Nếu muốn theo nó hay bỏ nó đều không được, gọi là điên đảo).

Tịch nghĩa giải:

Ở trên dù nói lý cao siêu, nhưng vẫn là lời nói, là lý, không đúng với thật tế của tâm. Cho nên, ngài Trung Phong phủ định rằng: Lời nói đoán sai. Tại sao? Vì dưới cửa Thiền tông tìm tâm chẳng thể được, do bản tâm không có hình tướng không có số lượng, đi đâu tìm! Bởi vậy, nói tất cả do tâm tạo là tâm điên đảo. Tâm đã tìm không ra thì ai là điên đảo?

Kệ kết thúc:

Vốn chẳng phải chiếu đâu cần chiếu,
Nói chi chốc lát với lâu dài.
Hễ được kiến tánh siêu danh tướng,
Hai việc lâu mau nghĩa đúng sai.

(Như cảm giác của lớp da luôn luôn có cảm giác. Nói cảm giác nhưng không phải cảm giác. Vì nó bất cứ lúc nào, đau, ngứa, nóng, lạnh, trơn, rít... thì cái biết vẫn bình thường, khỏi cần dùng; chiếu là dùng, không chiếu là không dùng. Vốn nó chẳng phải chiếu đâu cần chiếu, chẳng phải dùng đâu cần dùng.

Tự tánh không bị thời gian hạn chế, như cảm giác lớp da không có thời gian hạn chế. Chốc lát hay lâu dài đều không có dính dáng; đâu phải thời gian này mới có cảm giác, thời gian kia không có cảm giác. Như mình ngủ mê nó cũng biết, trong khi muỗi cắn nó cũng tự động dùng tay gãi chỗ đó.

Danh là tên gọi, tướng là hình tướng, thì tất cả hình tướng không dính dáng. Nếu hình tướng không dính dáng thì chiếu soi cái gì? Không có tên gọi làm sao gọi là chiếu soi?

Thời gian luôn luôn như vậy không có lâu mau, cho nên kinh Kim Cang nói “quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc”. Vậy làm sao có mau và lâu!).

---o0o---

19. TIỀN KHÔNG CHUYỂN BIẾN, GIAI DO VỌNG KIẾN

Dịch

Không kia chuyển biến, đều do vọng kiến.

Lời khai thị:

Lư hương chùa cổ, lụa trắng một sợi, ngay đó siêu sanh tử, đều là rơi vào phương tiện (lời của chư Tổ nói bất cứ cái gì, không phải muốn mình theo lời nói để tìm hiểu, là muốn chấm dứt tìm hiểu của mình, ngay đó được ngộ. Nếu không ngộ thì không hiểu, nên phải phát nghi. Giữ cái nghi đó sau này cũng được ngộ, ngộ rồi liền siêu việt sanh tử.

Nếu có sanh tử để siêu việt, đều là rơi vào phương tiện, vì vốn không có sanh tử để siêu việt. Ngộ là phát hiện không có sanh tử, là siêu việt sanh tử rồi. Chứ không phải thật có sanh tử để siêu việt).

Xưa nay chẳng tin tâm mình nên tự mê, lại nói Phật pháp không có linh nghiệm (tại tâm mình mê nên chấp mãi, làm sao được ngộ? Cứ nói tôi tu hoài không thấy chứng. Đổ thừa cho Phật pháp không có linh nghiệm, nói tu Tổ Sư thiền không có lợi ích gì.

Dù có linh nghiệm, ngay đó thành Phật đi! Nếu có Phật để thành thì cũng sai lầm. Ngộ là tâm mình hiện ra, không có chúng sanh để sanh tử, không có Phật để thành, không phải chứng mới đắc. Có thành có chứng cũng là kiến chấp, còn có kiến chấp thì vào địa ngục mau như tên bắn. Mục đích tham thiền là dứt tất cả kiến chấp. Không có một tri kiến gì, gọi là Phật tri kiến).

Lời nghĩa giải:

Tổ sư nói: “Không kia chuyển biến, đều do vọng kiến”. Người nghĩa giải cho rằng: Có là vọng, không cũng là vọng. Không và có theo duyên thay đổi chẳng nhất định. Muốn được lìa vọng thì phải bài trừ không và có.

(Nói thì có lý, nhưng không phải thật tế, thật tế không cần bài trừ có và không. Bởi vì tâm đã sẵn sàng, khỏi cần bài trừ. Cho nên ngài Trung Phong phủ định).

Tịch nghĩa giải:

Thôi thôi! Mặc tình cho y trừ. Nhưng chẳng biết cái vọng sở trừ và cái tâm năng trừ đều chẳng lìa vọng (tại sao? Vì vốn không có vọng để trừ, mà nổi tâm năng trừ để trừ cái vọng sở trừ, thì việc này, năng sở cũng đều là vọng. Cho nên không lìa được cái vọng).

Nếu luôn cái trừ đó, chẳng thể trừ sạch (tức là không có ý trừ), mà muốn thoát khỏi cảnh duyên vọng, khó mong có ngày (vì có tâm chấp thật cái vọng, mới dùng tâm để trừ. Vọng vốn không có, thì tại sao đem trừ nó! Chữ “trừ”, nếu không có thể thoát được, làm sao thoát khỏi cảnh duyên vọng).

Vậy có phương tiện nào để trừ luôn cái “trừ” không? (Chỉ có tham thiền, hỏi câu thoại và khán thoại đầu, thì trừ luôn được cái “trừ”).

Kệ kết thúc:

Không đâu có biển, biển phi không,
Trong mắt đừng có chứa núi sông.
Ba Tư đáy nước thổi đá lửa,
Mặt trời bay lên cửa biển đông.

(Con mắt là con mắt, núi sông là núi sông, tức là con mắt và núi sông không có dính dáng.

Ở đáy nước Ba Tư thổi đá lửa, làm sao cháy được!

Câu cuối cùng nghĩa là tất cả như thường, y như cũ, đừng đem ý mình vô, cho là có hay cho là không, cho là phải trừ cái có, phải trừ cái không. Nếu có “cho là” đều là vọng, mặc kệ cho nó có, cho nó không. Chẳng có dính dáng đến tâm mình, nên khỏi cần trừ).

---o0o---

20. BẤT DỤNG CẦU CHƠN, DUY TU TỨC KIẾN

Dịch

Chẳng cần cầu chơn, chỉ cần dứt kiến.

Lời khai thị:

Đựng đứng xương sống như sắt, cầm ngang cây kiếm dài như trời, trong lúc động tịnh nhàn rộn, tất cả nhồi thành một khối (tức là cảnh động, cảnh tịnh, lúc nhàn rỗi, lúc bận rộn đều không phân biệt, gọi là nhồi thành một khối).

Đã tinh chuyên lại dững mãnh, đối với sự thành Phật làm Tổ chẳng cách một hạt bụi (nếu không có ý mình xen vô, thì đã tinh chuyên dững mãnh, đối với thành Phật làm Tổ không cách một hạt bụi).

Đựng nhằm Tam Tổ nói nhỏ với Ngài rằng: “Khéo léo phương tiện, chẳng cần cầu chơn, chỉ cần dứt kiến”.

Lời nghĩa giải:

Người học giáo lý cho rằng: “Kiến chấp có 62 thứ” (Tâm có 62 kiến chấp là: Tứ cú (có, không, chẳng có chẳng không, cũng có cũng

không), nhân với ngũ uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức), rồi nhân với tam thể (quá khứ, hiện tại, vị lai) và cộng nguồn gốc: Có, không.

Thân này là thân ngũ uẩn, thịt xương gọi là sắc (vật chất). Chấp vật chất này là thật có, chấp thật không có, chấp thật chẳng có chẳng không, chấp thật cũng có cũng không, là 4 thứ kiến chấp. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Tất cả chấp cái gì đều ở trong 62 kiến chấp này.

Đoạn và thường cũng vậy, cú thứ nhất là thường, cú thứ nhì là đoạn, cú thứ ba là chẳng thường chẳng đoạn, cú thứ tư là cũng thường cũng đoạn).

Pháp số nêu ra đủ thứ (tứ cú và ngũ uẩn là pháp số), chẳng ra ngoài hai kiến: Đoạn và thường. Cầu chơn thì rơi vào đoạn kiến, theo vọng thì lọt vào thường kiến. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Nói vọng là hiển bày chơn, thật ra vọng với chơn là hai thứ vọng; phi chơn phi chẳng chơn, nói chi kiến sở kiến”.

(Bởi vì có chơn nên mới có vọng, nói vọng là hiển bày cái chơn; nhưng thật tế chơn với vọng là hai thứ vọng. Vì tự tánh bất nhị, chẳng phải chơn, chẳng phải vọng. Nói chi năng kiến và sở kiến. Kiến là thấy, có năng thấy và có sở thấy đều là vọng).

Hễ lia được tất cả kiến chấp, thì toàn thể là chơn, chẳng cần cầu vậy.

Tịch nghĩa giải:

Ngài Trung Phong phủ định nghĩa giải ở trên rằng: Phải thì cố nhiên là phải, nhưng Tổ sư nói: “Chỉ cần dứt kiến”. Vậy kiến làm sao dứt? Nếu như có cái lý để dứt kiến, thì cái lý đó cũng trở thành kiến rồi!

(Bởi vì lập ra lý thì thành nhị, tức là hợp lý và không hợp lý, đúng lý hay không đúng lý. Tự tánh là bất nhị, không lập ra lý và không lý. Nếu lập ra lý và không lý thì trở thành kiến chấp).

Kệ kết thúc:

Tác ý cầu chơn, chơn liền ần,
Tận tình dứt kiến, kiến càng sanh.

Ngay cửa dù chẳng trồng gai gổc,
Nhưng đã không ai có lối đi.

(Câu đầu nói không có chơn để cầu, nếu có cầu chơn thì chơn liền
ẩn.

Vì có ý dứt kiến cũng là kiến, tức là đã nổi ý, cho là có cái kiến để
dứt. Có “cho là” thì ý nổi lên, đã có cái kiến sanh khởi rồi.

Cái cửa để người ta đi ra vào, rồi đem mọi thứ để ngay trước cửa,
không thể đi ra vô được).

---o0o---

21.NHỊ KIẾN BẤT TRỤ, THẬN VẬT TRUY TÂM

Dịch

Nhị kiến đối đãi chẳng trụ, chớ nên đuổi theo để tìm.

Lời khai thị:

Dùng mũi kim gọt sắt, nơi mặt Phật cạo vàng, nói không thì mây
may chẳng cách, nói có thì bậc Thánh khó tìm.

(Lời khai thị của ngài Trung Phong đều diễn tả tâm, nhưng tâm
không thể diễn tả, vì không có số lượng, không có hình tướng. Thành
ra nói: Dùng mũi kim gọt sắt. Mũi kim làm sao gọt sắt! Như mặt Phật
màu vàng, làm sao ở nơi mặt Phật mà cạo để tìm vàng. Nói không
mây may chẳng cách, chứ không phải là không; nói có thì bậc Thánh
khó tìm, tìm không ra, nên nói không được).

Ban ngày không thấy đường, nửa đêm lại sáng tỏ (theo thường lệ
ban ngày thì thấy, mà nói ngược lại ban ngày không thấy đường,
nửa đêm lại sáng tỏ).

Tuyệt đối đãi là cỗ kim (cuộc sống hàng ngày sống trong tương đối,
đối đãi. Nhưng bản tâm thì tuyệt tương đối; nói về không gian thì
tuyệt đối đãi, về thời gian thì tuyệt cỗ kim tức là không có quá khứ,
hiện tại, vị lai).

Theo nhận thức người đời thì hồ hải rộng, nhưng ra ngoài mới thấy bùn đất sâu.

Lời nghĩa giải:

Tổ sư nói: “Nhị kiến đối đãi chẳng trụ, chớ nên đuổi theo để tìm”. Người nghĩa giải cho rằng: Đã chẳng trụ vọng, cũng chẳng trụ chơn (lìa đối đãi), luôn cái không trụ cũng không trụ, chính ngay ấy đủ thứ đại dụng, tất cả toàn chơn, đâu cần lìa cái này, tìm cái khác!

(Lời nghĩa giải rất cao siêu, nhưng cũng là lời nói danh tự, không phải thật tế, chỗ thật tế thì khác. Nên ngài Trung Phong mới phủ định).

Tịch nghĩa giải:

Yêu! Nhưng những lời nói tương tự này, có ai không chứa một bụng hay nửa bụng. Nhưng muốn gần bên cạnh Tổ sư thì chưa được (vì những điều trên đều là tri giải. Bên cạnh Tổ sư cần phải thật tế, thật tế thì phải chân tham thực ngộ).

Kệ kết thúc:

Các pháp bỗng lai vô sở trụ,
Nơi vô sở trụ bật truy tâm.
Đêm qua Tây Đỉnh mặt trời lặn,
Sáng nay y cũ chiếu rùng sâu.

(Bản thể là vô trụ, Lục Tổ nói “lấy vô trụ làm gốc”).

Đã vô sở trụ, còn gì để tìm?

Ban ngày mặt trời lặn ở phía tây, vẫn bình thường như mọi ngày, không có đem ý của mình vô để phân biệt).

---o0o---

22. TÀI HỮU THỊ PHI, PHÂN NHIÊN THẮT TÂM

Dịch

Vừa có thị phi, thì lảng xăng lạc mất bản tâm.

Lời khai thị:

Căn chẳng lợi độn (Phật tánh không có người trí hay kẻ ngu), đạo chẳng cạn sâu (Phật tánh không có thêm bớt). Thiền tông có câu “phi cổ phi kim” (khắp thời gian tức là không có quá khứ, hiện tại, vị lai), mò không đụng đáy.

Tĩnh tọa nơi Đại viên cảnh trí (Đại viên cảnh trí là thể dụng của Tự tánh), dù được đụng đáy lại sâu vào rừng rậm tà kiến (bởi vì Tự tánh không có đáy thì không thể đụng, có tà kiến mới có đụng đáy).

Di Lặc, Thích Ca tự biết chẳng có phần (mỗi mỗi đều đủ không có dính dáng với người khác, như tánh không của mình là cái hư không, cái dụng cùng khắp không gian thời gian; tất cả vũ trụ vạn vật đều nhờ cái không này. Vũ trụ vạn vật không có dính dáng đến cái không này; cho nên Di Lặc, Thích Ca đều chẳng có phần).

Con chồn con trâu ráng nín sự tức cười (nếu có cái này cái kia, mới có sự tức cười. Xảy ra chuyện này chuyện kia đều là vọng).

Đêm cười ngựa sắt chìm đáy biển,

Mò được mũi kim hồi năm xưa.

(Đây diễn tả việc không thể xảy ra).

Lời nghĩa giải:

Tổ sư nói: “Vừa có thị phi, thì lẳng xăng lạc mất bản tâm”. Người ở Tông Lâm thường nói: Khắp mười phương thế giới là Sa môn tự kỷ (xuất gia làm Tu sĩ gọi là Sa môn; khắp mười phương là khắp không gian đều là tự kỷ, không gian là hư không tức là tâm mình, không phải chỉ có Tu sĩ, mà còn có Cư sĩ,... đều là tánh không này).

Khắp mười phương thế giới là cổ Phật pháp thân (tâm của mọi người là Phật tánh, là cổ Phật pháp thân với chư Phật thì không có khác).

Cho nên, nói lẳng xăng chẳng phải vật khác (cuộc sống hàng ngày lẳng xăng lộn xộn, đều sanh diệt trong cái không này, chính là mình không phải vật khác, gọi là tự kỷ). Tung hoành đâu phải bụi trần (lục trần: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp), chẳng thị cũng chẳng phi (tại

mình có tâm ý nổi lên, cho là thị, cho là phi, là tại cho “cho là”, nếu không có “cho là” thì không có thị phi).

Thì mỗi mỗi tự tâm chảy ra (cảm giác lớp da khắp cơ thể; nó biết đau, biết ngứa, biết lạnh, biết nóng... thời gian nào nó cũng sẵn sàng có cái biết. Như tâm mình cũng vậy; mình có muốn dùng thì nó cũng dùng, mình không muốn dùng thì nó cũng dùng).

Tịch nghĩa giải:

Lời nghĩa giải rất cao siêu cũng là lời nói, văn tự; không đúng với thật tế của bản tâm. Nên ngài Trung Phong phủ nhận rằng: Những lời nói này Tông Lâm gọi là việc thương lượng bình thường (thương lượng phải qua suy nghĩ, có qua suy nghĩ thì không được).

Cũng gọi là câu nói chuyển thân (vô trụ), ai cũng dùng 2 câu này để dẫn chứng, xưa nay không biết đã làm ô nhiễm bao nhiêu tâm địa trong sạch, nên bậc đạo nhân chơn thật quở nó là tạp độc, mắng nó là nước miếng con chồn.

(Vừa có thị phi, lằng xằng lạc mất bản tâm. Người ta thường lấy 2 câu này để dẫn chứng. Dẫn chứng 2 câu này, đúng thì đúng, nhưng bị ô nhiễm trong sạch. Tâm địa trong sạch vốn không thị phi, không lằng xằng lạc mất bản tâm. Vì bản tâm là Phật tánh không giảm bớt, không gián đoạn; làm sao lạc mất được!).

Có người chịu sự ma mị ấy chằng? (Chỉ có người chân tu và bậc Thánh) người chân tu cần phải rửa hết cho mau.

Kệ kết thúc:

Nói có thị phi, không thị phi,
Nhà lớn cửa mở đợi ai vào.
Gai góc đầy trời ngang đường cái,
Đi qua ai chẳng bị vướng y.

(Thị phi và không thị phi thì không dính dáng với bản tâm. Bản tâm như cái nhà lớn, ngày đêm cửa mở ra hết, mà đợi người ta vào; nhưng ở trên nói: Lôi kéo chẳng ai vào! Cửa Thiên tông khó tin lắm!

Gai góc đầy trời ngang đường cái, là dụ cho tri kiến của mình.

Đi qua ai cũng bị vướng y, tức là ai cũng có tri kiến bị nó ràng buộc).

---o0o---

23.NHỊ DO NHẤT HỮU, NHẤT DIỆC MẠC THỦ

Dịch

Hai do một mà có, một cũng đừng nên giữ.

Lời khai thị:

Mặt trời mọc, mặt trăng lặn, trời đất lâu dài, chỉ có Châu Kim Cang (Đức Sơn) không việc làm (ngày thường ai cũng thấy mặt trời mọc, mặt trăng lặn, trời đất lâu dài chỉ như thế hoài).

Ngài Đức Sơn nghiên cứu kinh Kim Cang và giải thích tự cho mình hay lắm, cho là không có ai bằng. Nghe nói Thiền tông sát na kiến tánh, ông không phục, nói với những người tham thiền là việc ma quái. Muốn thành Phật phải trải qua muôn ngàn kiếp học hết tế hạnh của Phật, làm sao ở trong sát na mà kiến tánh được?

Lúc đó Đức Sơn ở miền bắc, đi xuống miền nam quét sạch các Thiền giả. Mang sớ giải kinh Kim Cang đi được nửa đường gặp bà già bán điểm tâm, rồi mua điểm tâm để dùng.

Bà già hỏi: Đại sư mang cái gì vậy?

Đức Sơn đáp: Sớ giải kinh Kim Cang.

Bà già nói: Nếu Đại sư trả lời được thì tôi cúng dường điểm tâm. Nếu không trả lời được thì tôi không bán và cũng không cúng dường.

Đức Sơn nói: Cứ hỏi đi!

Bà già hỏi: Trong kinh Kim Cang có câu: “Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc”. Vậy Đại sư muốn điểm tâm nào?

Đức Sơn trả lời không được, mặt đỏ mắc cở, mang sớ giải kinh đi về.

Bà già nói: Đại sư đứng lại! Sư đến Thiền sư Sùng Tín ở Long Đàm sẽ có lợi ích.

Sư thấy bà già này hay quá mới nghe lời. Ở đó được mấy năm, có lần đến phòng Sùng Tín, lúc ra về trời đã tối, Sùng Tín đốt đèn cho

Đức Sơn. Đức Sơn vừa đưa tay lấy thì Sùng Tín thổi tắt đèn. Lúc ấy Đức Sơn hoát nhiên ngộ đạo. Ngộ rồi mới biết tất cả chú giải đều sai lầm, rồi đốt bỏ hết).

Cầm ngang cây gậy đi dọc đường, có ai hỏi ý Tổ sư từ Tây Trúc sang, nếu chẳng vào sống lưng thì đập ngay ngực, rồi nói: “Ngậm miệng chó lại”, làm cho vạn tượng hí mắt cười ha hả. Muốn đến nơi phải đợi ba mươi năm nữa.

(Người đã ngộ rồi thì khác hẳn tất cả không có ý mình xen vô, nếu có ý mình xen vô là cái gì... đều không phải. Vì bản tâm trống rỗng như hư không.

Câu chuyện Nam Tuyền nấu cơm:
Mã Tổ hỏi: Trong thùng cơm có gì vậy?
Nam Tuyền trả lời: Ngậm miệng chó lại.

Mã Tổ không hỏi nữa, tất cả bạn đồng tham thấy vậy, không ai dám hỏi. Mã Tổ là thầy của Nam Tuyền hỏi mà trả lời như vậy, làm cho vạn tượng hí mắt cười ha hả, người chưa ngộ đạo muốn đến nơi phải đợi ba mươi năm sau, tức là ráng dụng công phu).

Lời nghĩa giải:

Tổ sư nói: “Hai do một mà có, một cũng đừng nên giữ”. Người nghĩa giải cho rằng: Vừa theo hai liền theo một, vừa giữ một liền sanh hai. Nên biết: Hai là chơn vọng, một là tự tâm; cái hai của chơn vọng đã trừ, cái một của tự tâm chẳng trụ, gọi là giải thoát trên đường đạo lớn vậy.

Kinh Lăng Nghiêm nói: “Chơn với vọng là hai thứ vọng”. Vì vọng chẳng phải thật vọng, chơn chẳng phải thật chơn, chơn vọng không có tự tánh, đều do ý thức kiến lập, nên chẳng giải thoát trên đường đạo lớn. Muốn giải thoát trên đường đạo lớn, thì không có kiến lập vọng chơn, tức là tâm chẳng trụ. Cho nên, tham thiền dùng nghi tình [không hiểu không biết] chấm dứt tất cả biết [học biết, tìm hiểu biết, ghi nhớ biết và tùy duyên biết].

Tịch nghĩa giải:

Ban đêm, Đức Sơn thăng tòa, nói với đại chúng rằng: Đêm nay tôi không trả lời, nếu người nào hỏi phải bị đánh 30 gậy.

Có Tăng từ bên trong đi ra định hỏi. Đức Sơn liền nói: Cho Ông 30 gậy.

Tăng trả lời: Bạch Thượng tọa, con chưa hỏi, sao cho con 30 gậy?

Đức Sơn hỏi: Ông là người nước nào đến đây?

Tăng trả lời: Ở nước Đại Hàn.

Đức Sơn nói: Ông là người nước Đại Hàn muốn qua Trung Quốc, thì phải đi bằng thuyền, khi ông bước một chân qua thuyền, ông đã bị đánh 30 gậy rồi, đâu đợi tới đây!

Các người tham học nhớ đầy bụng những lời nói này, không đủ tư cách ăn gậy của ngài Đức Sơn; mà lại ăn gậy sắt của Diêm La Vương, vì chưa ngộ; tức là nhớ tri giải đầy bụng nên không bao giờ giải thoát được, phải bị luân hồi sanh tử.

Kệ kết thúc:

Bảo Y một pháp cũng đừng giữ,
Chẳng biết “đừng giữ” chưa thật nghèo.
Đâu bằng say rượu nằm trên thảm,
Rải ném vàng ròng cho mọi người.

(Hai chữ “đừng giữ” đã là có cái ý nổi lên rồi. Tham thoại đầu là chưa có ý niệm nổi lên, nếu có ý niệm “đừng giữ” chưa phải là thật nghèo. Như công án nói chữ nghèo của ngài Hương Nghiêm, có bài kệ:

Năm xưa nghèo chẳng phải nghèo,
Vì còn có đất cắm dùi.
Năm nay nghèo mới thật nghèo,
Luôn cái dùi thì cũng không.

Quy Sơn nói Ngưỡng Sơn rằng: Hương Nghiêm đã ngộ đạo rồi.

Ngưỡng Sơn nói: Đề xem lại.

Ngưỡng Sơn gặp Hương Nghiêm nói: Nghe nói Hương Nghiêm đã ngộ đạo rồi phải không?

Hương Nghiêm đọc kệ bài trên, Ngưỡng Sơn nói: Bài kệ này nói ngộ Như Lai thiên thì được, chứ Tổ Sư thiên thì không được.

Hương Nghiêm làm bài kệ khác:

Ta có một cơ nháy mắt nhìn y,

Nếu mà chưa ngộ, đừng gọi Sa di.

Ngưỡng Sơn nói: Mừng cho sự đệ ngộ Tổ Sư thiên.

Nói thiệt nghèo, nhưng chưa phải thiệt nghèo, vì còn có nghĩa lý để giải thích. Còn bài kệ ngộ Tổ Sư thiên không có nghĩa lý để giải thích.

Như nói:

Đâu bằng say rượu nằm trên thảm,

Rãi ném vàng ròng cho mọi người).

---o0o---

24.NHẤT TÂM BẤT SANH, VẠN PHÁP VÔ CỬU

Dịch

Một tâm chẳng sanh khởi, muôn pháp chẳng đúng sai.

Lời khai thị:

Tô Châu có, Thường Châu có, sáu lần sáu là ba mươi sáu, bảy lần bảy là bốn mươi chín (đây là việc thường). Am chủ dựng lên nắm tay. Bá Trượng mở 2 bàn tay, sản xuất túi cơm (ám chỉ Tổ sư) một ngàn bảy (Cảnh Đức Truyền Đăng Lục có ghi 1700 công án của Tổ sư, sau này có tới 7000 Tổ, nhưng vẫn lấy phần đầu để nói).

Hiện ra đầu thần mặt quỷ, con tôm đâu từng ra khỏi lưới (ý của 1700 công án không có khác, cho đến 7000 công án, ý cũng không có khác. Cho nên nói: “Con tôm đâu từng ra khỏi lưới”).

Kỳ thật, mình đã ngộ rồi, thì cái gì cũng như cái nấy. Tất cả đều ở trong tâm này, tâm này là hư không, không có cái gì để ngoài tâm, tất cả đều là tự kỷ. Nếu chưa ngộ, mà cho là đúng, cái kia sai, cái này của ta, cái kia không phải của ta. Cho nên, mới sanh ra muôn thứ phiền não).

Lời nghĩa giải:

Tổ sư nói: “Một tâm chẳng sanh khởi, muôn pháp chẳng đúng sai”. Người nghĩa giải dẫn chứng kinh luận rằng: “Tâm sanh mỗi mỗi pháp sanh, tâm diệt mỗi mỗi pháp diệt. Các pháp chẳng tự sanh, các pháp chẳng tự diệt, đều một tâm biến hiện, một tâm không sanh, các pháp thường trụ”. Cho nên người xưa có nói: “Trâu sắt không sợ sư tử rống, giống như người gỗ thấy chim hoa”. Chính là nghĩa này vậy.

(Một tâm chẳng sanh khởi, thì muôn pháp chẳng có đúng sai, nói tất cả chỗ đúng sai, đều do tâm mình. Sự thật Diệu Tâm là hư không chẳng có đúng sai. Vì người giải nghĩa kinh luận ở trên, như Lục Tổ nói “chẳng phải phước động, chẳng phải gió động, mà tâm của các ông động, vì tâm của các ông động, nên phước động, đâu phải gió thổi phước động”! Nhưng người ta không tin, thấy rõ ràng gió thổi, nên phước động, đâu cho là tâm động.

Nói nghĩa giải thì có lý; tâm không sanh nên các pháp thường trụ. Như trong kinh Pháp Hoa nói: “Pháp đó trụ nơi pháp đó, tướng thế gian là thường trụ”. Theo tướng thế gian sanh diệt không thường trụ; nói thường trụ là thường trụ nơi pháp, tức là pháp nào thường trụ ngôi pháp đó.

Như miếng giấy thì trụ ở ngôi pháp giấy, đem giấy đốt thành tro thì trụ nơi ngôi pháp tro; gió thổi tro bay mất thì trụ nơi pháp không. Tất cả pháp nào trụ theo nơi pháp đó. Tướng thế gian thường trụ là như vậy.

Tức là không có ý nổi lên, như trâu sắt không có ý nổi lên, đâu có sợ sư tử rống, giống như người gỗ thấy chim hoa. Nghĩa là chúng ta thấy cái này cái kia không có ý xen vào cho là... như người gỗ thấy chim hoa cũng như không thấy, vì nó không có tâm niệm).

Tịch nghĩa giải:

Đúng thì đúng rồi! Nhưng ngài Vĩnh Gia lại nói:

“Ai vô niệm, ai vô sanh?
Thật vô sanh thì vô bất sanh.
Gọi người gỗ lên hỏi thử,
Dụng công cầu Phật lúc nào thành?”

(Bản tâm mình thì như như bất động, thì ai vô niệm, ai vô sanh, nếu thật vô sanh thì vô bất sanh. Nói tu để thành Phật, nhưng Phật không phải do tu mà thành, không phải do tu mà chứng đắc. Cho nên, dụng công cầu Phật lúc nào mới thành! Kỳ thật, Phật tánh của mình đã thành sẵn, chứ không phải cầu mới thành).

Vậy lời giải nghĩa trên, dường như trái ngược; xin hỏi: Bất sanh là phải, hay vô bất sanh là phải? Thử xác định xem!

Kệ kết thúc:

Vạn pháp xưa nay chẳng đúng sai,
Một tâm đâu có sanh, bất sanh.
Lòng từ dạn dò dù tha thiết,
Tiếng sáo chẵn trâu khó hợp đàn.

(Vạn pháp là do tâm tạo, vạn pháp sanh diệt trong hư không, vốn chẳng đúng sai. Nếu cho đúng hay cho sai là không phải bản lai diện mục của bản tâm.

Tâm là bất nhị, không phải sanh và không phải bất sanh, vì sanh nên có bất sanh, tức là nhị.

Tiếng sáo chẵn trâu không theo quy định của khung nhạc, nên khó hợp đàn, vì họ tự do thôi).

---o0o---

25.VÔ CỬU VÔ PHÁP, BẤT SANH BẤT TÂM

Dịch

Chẳng đúng sai thì chẳng phải pháp, cũng chẳng sanh cái Tâm chấp
“chẳng phải Tâm”

Lời khai thị:

Núi Thái Hoa không hiểm (ở Trung Quốc, cao mà không hiểm), biển mênh mông không sâu, bài thơ “Nguyệt Thực” của Lưu Đổng đầu khó đọc, khúc Thái Cổ Bá Nha thật khó tri âm (chỉ có Tử Kỳ là tri âm), chỉ có ám hiệu tử của Đông Sơn nắm không kẽ hở, buông thì rất khó tìm (ám hiệu tử của Đông Sơn Tổ sư bao gồm tất cả không kẽ hở, muốn tìm rất khó), làm phiền bao nhiêu người lạnh lợi, chen lẫn tranh dành đến ngày nay (người thông minh lạnh lợi, dùng ý thức tìm kiếm, thì sự giải thoát không bao giờ có).

Lời nghĩa giải:

Tổ sư nói: “Chẳng đúng sai thì chẳng phải pháp, cũng chẳng sanh cái Tâm chấp “chẳng phải Tâm”. Người nghĩa giải cho rằng: 2 câu này ngược với 2 câu trên. Nói: “Không đúng sai” thì muôn pháp tự tiêu (vì pháp phải có tương đối: Đúng, sai), “Không sanh” thì một tâm tự tịch (không có sanh khởi), pháp tiêu tâm tịch, bản thể của Chí đạo (Tự tánh) rõ ràng, chẳng đợi đắc mà đắc rồi.

Tịch nghĩa giải:

Lời nghĩa giải trên, tuy lý có cao siêu, nhưng cũng là lời nói của ý thức, không đúng thật tế của bản tâm, nên ngài Trung Phong phủ định dưới đây:

Xưa kia Tăng hỏi Triệu Châu: “Học nhân mới vào Tông Lâm, xin thầy chỉ dạy” Châu hỏi: “Ăn cháo rồi chưa?”, Tăng nói: “Ăn rồi”. Châu nói: “Rửa chén bát đi!” Tăng ấy ngộ liền. Vậy Tăng ấy ngộ chẳng đúng sai ư? Ngộ không sanh ư? Ngộ chẳng phải tâm ư? Ngộ chẳng phải pháp ư? Xin xác định xem! (Nếu mà ngộ những điều này, thì chẳng phải ngộ).

Kệ kết thúc:

Chỉ vì lỗi chấp chẳng đúng sai,
Sanh tâm đều bởi chấp “không sanh”.
Đêm lạnh vượn khóc trăng đỉnh núi,
Khách đường xưa nay không thể hành.

(Đúng sai là pháp tương đối, vì còn chấp nên không được ngộ.
Sanh tâm, không sanh là bệnh chấp, đều là sanh tâm rồi.
Hai câu cuối diễn tả không có niệm nào, sanh hay chẳng sanh).

---o0o---

26.NĂNG TÙY CẢNH DIỆT, CẢNH TRỤC NĂNG TRẦM

Dịch

Năng theo cảnh diệt, cảnh theo năng mất.

Lời khai thị:

Đem một lớp khử bỏ một lớp (theo hiểu biết của người thế gian, có năng và cảnh, tức là có tâm năng biết và cảnh sở biết. Cuộc sống hàng ngày đối cảnh, muốn lột bỏ cảnh này, mà phải nổi tâm để bỏ, thì cái tâm đó còn phải bỏ nữa.

Tham thoại đầu là tâm niệm chưa nổi lên, tâm niệm nổi lên không phải thoại đầu. Dù đến thoại đầu cũng là vô thủy vô minh, hướng là chưa đến thoại đầu. Cho nên nói: “Đem một lớp khử bỏ một lớp, cũng như đem vọng để trừ vọng, thì cái vọng đó đâu thể trừ được).

Nên nói, đường xa mới biết sức ngựa, chẳng đem một lớp khử bỏ một lớp, lâu ngày mới thấy lòng người (đem vọng để trừ vọng hay không đem vọng để trừ vọng. Bởi vì có đối với không, có mất rồi nên nói không. Không này do có mới thành lập [ở trên có nói]. Lục Tổ nói “hữu niệm là niệm tà, vô niệm là niệm chánh”. Vô niệm đối với hữu niệm cũng trong tương đối. Cho nên nói “chánh tà đều quét sạch”).

Công án 2 lớp; Chân đã duỗi thì không rút, ngoài ba ngàn dặm, ai là tri âm? (Cái gì vẫn y như cũ, không có ý mình vô, như công án: “Núi sông vẫn là núi sông”. Ban đầu cho núi sông thật núi sông, tu một thời gian sau, cho núi sông chẳng phải là núi sông. Khi chứng quả rồi thấy núi sông vẫn là núi sông. Chấp thật núi sông và chẳng phải núi sông đều là trước tướng. Chỉ có người chứng quả không đem ý niệm vào việc của thế gian đã lưu hành, tức là không có chấp trước.

Tri âm là thể lưu bố tướng [tư tướng của thế gian lưu hành], nghĩa là phải có lý. Như tiếng đàn của Bá Nha, chỉ có Tử Kỳ thưởng thức

ngân điệu cao thấp, mới tri âm với nhau. Thật tế, biết và không biết không có dính dáng gì hết, không có tri âm và cũng không có không tri âm.

Tại sao? Nếu mà có thật, thì phải có sự bắt đầu. Như người ta gọi tôi là thầy Duy Lực, tên Duy Lực này đâu phải của tôi. Thầy bỗ sư tôi đặt Duy Lực, rồi người ta gọi thầy Duy Lực, tôi cũng nhìn nhận là Duy Lực. Duy Lực là giả danh đặt ra, đâu phải thật tế của tôi. Rồi nhìn Duy Lực là tôi; người ta khen Duy Lực thì vui, chê Duy Lực thì buồn.

Biết và không có liên quan gì đến thật tế đâu! Như nói thân này, do cha mẹ tôi sanh ra; cha mẹ tôi không có bắt đầu, mà sao thân tôi bắt đầu từ cha mẹ của tôi được! Chỗ bắt đầu không có chỗ căn cứ, thì lấy cái gì nói là tôi! Mà nói ông là tri âm của tôi!).

Từ khi mùa đông người về,
Mấy đám mây xuân bọc núi xanh.

(Bốn mùa thay phiên đến rồi đi, đâu có sự bắt đầu mùa nào! Như thân tôi, do cha mẹ tôi sanh ra, cha mẹ tôi đâu phải bắt đầu. Khi tôi chưa sanh ra, vậy tôi ở đâu? Câu thoại đầu: “sanh từ đâu đến, chết đi về đâu?” Dẫu cho biết sanh từ đâu đến, chết đi về đâu, cũng không có đúng. Như nói sanh chỗ này, chỗ kia, chỗ khác... nhiều chỗ, nhưng chỉ chỗ bắt đầu thì không ra.

Chính thật tế là vậy, mà con người cứ hay tìm hiểu biết, rồi nói ông này tri âm, ông kia tự kỷ, có dính dáng gì đâu! Tại mình lập ra như vậy, không phải thật tế. Tham thiền là ngộ cái thật tế. Dù có hiểu biết truy tầm không đến chỗ thật tế).

Lời nghĩa giải:

Tổ sư nói: “Năng theo cảnh diệt, cảnh theo năng mất”. Người nghĩa giải dẫn chứng lời ngài Vĩnh Gia rằng: “Cảnh không trí thì không rõ, trí không cảnh thì chẳng sanh (trí tức tâm là trí huệ, nếu cảnh không có trí huệ làm sao biết cảnh đó? Không có tâm thì không có năng biết cảnh vui, cảnh buồn, cảnh đẹp, cảnh xấu; vậy ai biết? Thì phải có tâm năng biết. Còn trí không có cảnh thì chẳng sanh, vì có cảnh nên sanh tâm, cho cảnh này vui, buồn, đẹp, xấu. Buồn, vui, đẹp, xấu là tâm. Nếu không có cảnh thì tâm đâu có vui, buồn, đẹp, xấu). Trí sanh

do rõ cảnh mà sanh, cảnh rõ do trí sanh mà rõ” (hai cái đối đãi sanh nhau).

Nên biết năng là một tâm, cảnh là các pháp (vui, buồn, đẹp, xấu); năng tức tên khác của trí, cảnh tức biệt hiệu của pháp, cảnh diệt thì tâm năng rõ cũng diệt, tâm không thì cảnh sở hiện cũng mất (tức là tâm sanh cảnh, cảnh sanh tâm, hai cái sanh với nhau, như con gà sanh ra trứng gà, trứng gà nở ra con gà. Hai cái không lìa nhau mà độc lập được).

Năng và cảnh giúp nhau tồn tại (như con gà và trứng gà), nhiếp nhau dung thông (hai cái sanh nhau), vốn không có ngăn cách (không có lìa nhau được), người không rõ nghĩa này nên gọi là mê (dẫu cho biết nghĩa này vẫn là mê; vì thật tế không phải vậy, cho nên ngài Trung Phong dùng chữ “tịch” để quét sạch).

Tịch nghĩa giải:

Theo lời nói như vậy, gọi là liễu ngộ được chăng? Chẳng những không liễu ngộ, lại như người đói khát ăn muối, càng thêm đói khát mà thôi (hiểu theo nghĩa giải đâu có ích lợi gì! Như khát nước mà lại ăn muối).

Kệ kết thúc:

Đồng biết ánh sáng do đèn hiện,
Cùng nói làn sóng nhờ nước xanh.
Nước cạn, đèn tắt, sóng, ảnh hết,
Mới đáng ngoài cửa ăn roi Tổ.

(Tất cả tâm và cảnh đều diệt hết, mới đủ tư cách ăn roi Tổ, tức là đủ tư cách để cho Tổ dạy. Cho nên nói: Khó thì thật là khó, nói dễ thì thật là dễ. Ăn cơm cứ ăn cơm, mặc áo cứ mặc áo, đừng có sanh tâm đúng hay không đúng, cho là thế này, phải hay không phải, đối cảnh không có sanh tâm thôi).

---o0o---

27.CẢNH DO NĂNG CẢNH, NĂNG DO CẢNH NĂNG

Dịch

Cảnh do năng thành cảnh, năng do cảnh thành năng.

Lời khai thị:

Đại tạng kinh điển là giấy vụn năm xưa (bao nhiêu kinh điển đều không dùng được), 1700 công án là dây dưa mục nát (Cảnh Đức Truyền Đăng Lục của Thiền tông có ghi 1700 công án, đối với thật tế thì vô dụng), cũng như lá vàng gạt con nít nín khóc (lá cây màu vàng, đối với con nít là vàng, để con nít nín khóc; như tất cả kinh điển, công án lịch sử Thiền tông, giống như lá vàng để gạt con nít nín khóc).

Khác chi đốt ngọn đèn dưới ánh sáng mặt trời! (Dưới ánh sáng mặt trời đốt đèn có nhằm gì!) Đẹp qua lớp này, rồi lại có một lớp nữa, có mấy ông Tăng được thoát khỏi những sự lừa gạt này? (Tất cả những vị Tăng đâu có thoát những tri kiến, tìm hiểu nghiên cứu về Phật học).

Lời nghĩa giải:

Tổ sư nói: “Cảnh do năng thành cảnh, năng do cảnh thành năng”. Có người y văn giải nghĩa rằng: Cảnh chẳng tự cảnh, vì năng nên cảnh; năng chẳng tự năng, vì cảnh nên năng; năng nhờ cảnh mà sanh, cảnh nhờ năng mà khởi. Phải biết ngoài tâm chẳng pháp, sanh mà bất sanh; ngoài pháp chẳng tâm, khởi mà chẳng khởi. Tổ sư đến đây đem nhất tâm vạn pháp vào thành viên kẹo, chỉ muốn y vui vẻ nuốt vào.

(Nghĩa giải như vậy là cao tột lắm rồi, ý cao nhưng chưa đến thật tế, nên ngài Trung Phong phủ định).

Tịch nghĩa giải:

Hỏi ngược lại họ: “Ông đã đã từng nuốt được hay chưa? Nếu chưa, thì cả thế giới có ai nuốt được chẳng? E rằng sau này viên sắt lửa hồng, chắc có phần cho ông! (Bởi vì không giải thoát, phải chịu viên sắt lửa hồng của Diêm La Vương, cho nên nói hay chẳng có dùng được. Vậy cần có sự thật tế).

Kệ kết thúc:

Vì năng sanh sở, sở sanh năng,
Năng sở đều quên, sanh “bất sanh”.
Ốc trai hút cạn nước biển cả,
Trên nhánh san hô nửa đêm trăng.

(Hai câu cuối, việc đó không có thể xảy ra. Lời nói không có thật tế, nên cần phải thật tế. Vì vậy Thiền tông chú trọng thật tế, chứ không chú trọng hiểu biết và lời nói).

---o0o---

28.DỤC TRI LƯƠNG ĐOẠN, NGUYỄN THỊ NHẤT KHÔNG

Dịch

Muốn biết “hai đoạn”, vốn là “một không”.

Lời khai thị:

Không mà chẳng không, cây gậy sừng thỏ chống bể núi bạc vách sắt (thỏ không có sừng, mà nói cây gậy sừng thỏ, điều đó không thể có); chẳng không mà không, phát trần lông rùa, mở ra gió mát trăng thanh (rùa không có lông, làm gì có phát trần! Điều đó không thể xảy ra).

Động Sơn “ba căn mè”, dính da dính xương (có người hỏi Động Sơn: Thế nào là Phật? Động Sơn đáp: Ba căn mè).

Vân Môn “cục cứt khô”, kẹt vỏ kẹt ruột (có người hỏi Vân Môn: Thế nào là Phật? Vân Môn đáp: “Cục cứt khô”. Những câu trả lời của Tổ sư, mình không thể hiểu được).

Trước mặt Nạp Tăng thả qua không được, dưới cửa Tổ sư tái phạm khó tha (muốn được Tổ ấn chứng không phải dễ, phải qua sự khám xét, thiệt ngộ mới được. Nếu người chưa ngộ, không cho qua cửa ải, không có ấn chứng).

Thường khiến trong bụng như kim chích, quăng xuống trong biển rộng sóng to (tham thiền miên mật, khẩn thiết như cháy dầu, tất cả những tri giải đều quăng ra sạch hết).

Lời nghĩa giải:

Tổ sư nói: “Muốn biết hai đoạn, vốn là một không”. Người nghĩa giải cho rằng: Nói “hai đoạn” là chỉ tâm pháp của đoạn trên. Nói “một không” chẳng phải là cái ngoan không của thái hư (hư không chẳng có ý thức), cũng chẳng phải cái “không” đoạn diệt của Tiểu thừa (chấp cái không này chẳng có gì hết).

Là cái chơn không vô tướng của Linh giác. Không này là nguồn gốc của chư Phật, là mẹ của vạn linh. Chẳng tiếng chẳng mùi, rõ ràng ở trước các vật. Chẳng hữu chẳng vô, hiển bày bên ngoài lục trần (không này là tánh không của tâm mình, không phải cái không đoạn diệt của Tiểu thừa, không phải cái ngoan không chẳng có gì, cái không này là cái linh giác. Mặc dù, không có âm thanh, mùi vị, nhưng rõ ràng ở trong các vật, đều có cái tánh không này).

Lời nghĩa giải trên, lý thì cao siêu, như chưa phải thật tế.

Tịch nghĩa giải:

Đã là không thì chẳng nên có biết, đã có biết thì chẳng nên gọi là không. Nếu chưa từng nắm tay với Tổ sư (chứng ngộ), đích thân đến biển giác Chơn không. Nếu chưa ngộ thì nói chi ngôn ngữ này nọ! (Đều là lời nói, chẳng có dính dáng gì hết).

Kệ kết thúc :

Đào được kho tàng trong chiêm bao,
Lại cưỡi loan phụng lên bảo đài.
Suốt đêm vui mừng không kể xiết,
Sáng ngày tỉnh dậy dạ ngẩn ngơ.

(Mặc dù, đào được kho tàng và cưỡi chim loan phụng trong chiêm bao, nhưng vẫn ở trong chiêm bao, khi thức dậy thì không còn).

---o0o---

29.NHẤT KHÔNG ĐỒNG LƯƠNG, TỀ HÀM VẠN TƯỢNG

Dịch

Nói một cái không đã đồng với hai, một và hai cũng bao hàm vạn tượng.

Lời khai thị:

Một lời nói vô tư, muôn người đồng ngưỡng mộ, so bằng vai Tổ, cơ xảo qua bàn tay, Đại Điền đánh Thủ Tọa, gom tuyết để chôn vàng (một lời nói không có riêng tư, nhưng so bằng vai Tổ. Cơ xảo qua bàn tay thì lại khác. Như Đại Điền đánh Thủ Tọa, không hiện ra ý gì, gom tuyết để chôn vàng làm sao chôn được!).

Hưng Hóa phạt Duy Na, ra tiếng để ngưng âm thanh (làm sao ngưng âm thanh được! Lời nói của Tổ không có nghĩa lý gì).

Duy có Thạch Cảm Đương quanh năm suốt tháng, ló đầu ra trước trăm ngàn chúng, xưa nay chẳng ai biết tán thưởng (ở Việt Nam không thấy. Bên Trung Quốc, người ta có để bia đá Thái Sơn Thạch Cảm Đương để trị tà, nhưng đâu có ai để ý tới).

Lời nghĩa giải:

Tổ sư nói: “Nói một cái không đã đồng với hai, một và hai cũng bao hàm vạn tượng”. Người nghĩa giải cho rằng: Tâm chẳng khác với pháp, là một không đồng hai; pháp chẳng khác với tâm, là cùng hàm vạn tượng. Sở dĩ người xưa nói: “Thấy sắc liền thấy tâm, chẳng sắc, tâm chẳng hiện”, lại trong kinh nói “Sum la vạn tượng, do một pháp ấn định”. Nên Tổ sư sáng tỏ nơi đây.

(Pháp là tâm, sum la vạn tượng là vũ trụ vạn vật. Nếu không có tâm, ai biết vũ trụ vạn vật? Vì có một tâm mới hiện ra vũ trụ vạn vật. Nếu không có tâm thì không hiện ra vũ trụ vạn vật. Không có vạn vật thì tâm cũng không hiện. Vì tâm không có hình thể, do có vạn vật, nên nói có tâm biết. Tâm biết cho là tôi biết; tôi biết đâu phải là thân thể này. Nếu thân thể này chết thì đâu có biết! Vậy cái biết đó là tâm.

Tâm là cái gì? Chỉ là tên gọi, không có hình thể, mình chỉ biết tâm là tâm. Tâm có tướng mạo gì? Không biết tự nơi mình, mà lại muốn biết ở bên ngoài! Tức là mâu thuẫn.

Như tâm biết cái tách này, vì cái tách có hình tướng. Tâm tự không biết mình. Vậy cái gì để biết cái tách này? Phải mâu thuẫn không! Vì

có cái tách này, mới nói tâm biết cái tách. Cái tách là cảnh sanh ra tâm biết; Tâm biết mới biết cái tách là cảnh. Nhưng các pháp do tâm ấn định cái này cái kia... như ấn định cái này là cái tách, cái bình... nên Tổ sư sáng tỏ nơi này. Nói có lý, nhưng thật tế thì mâu thuẫn, nên ngài Trung Phong phủ định).

Tịch nghĩa giải:

Giảng kinh thì cho người giảng, nhưng muốn thấy ý Tổ sư, khác gì đi Trịn Châu ra cửa Tào Châu (Trịn châu và Tào Châu cách nhau rất xa).

Kệ kết thúc:

Một chảng phải chiếc, hai chảng đôi,
Trăng lạnh đêm khuya, bóng in sông.
Ánh sáng nuốt hết cả vũ trụ,
Còn dờ bóng mai lên cửa song.

(Theo lẽ thường, một là chiếc, hai là đôi. Nhưng thật tế thì chảng phải vậy.

Ở trên trời có một mặt trăng, thì bóng mặt trăng chỉ một. Nhưng đem để mười thau nước, thì thấy mười bóng mặt trăng; đem một ngàn thau nước, thì thấy một ngàn bóng mặt trăng... vậy một đầu phải là chiếc, hai cũng không phải là đôi. Mặt trăng ở trên không, bóng in dưới sông; nước bao nhiêu, thì mặt trăng hiện bấy nhiêu. Chứ không phải một mặt trăng hiện một cái bóng. Ánh sáng mặt trăng khắp cả vũ trụ, bóng mai dờ lên cửa song. Mặt trăng không có biến đổi, như thấy cảnh có biến đổi).

Hỏi:

Thế nào biệt nghiệp và cộng nghiệp?

Đáp:

Kinh tế của nước Mỹ bị sứt, thì tất cả người dân Mỹ chịu ảnh hưởng cộng nghiệp này. Có người trực tiếp chịu thất nghiệp; người chưa thất nghiệp lo sợ, cuộc sống cũng khó khăn; đáng lẽ làm 8 giờ, họ bắt làm 9 giờ, mà không có tăng lương... việc này là cộng nghiệp cùng chung trong kinh tế nước Mỹ.

Rồi mỗi người mỗi khác, có người bị sa thải, có người chưa bị sa thải thì tốt hơn, gọi là biệt nghiệp. Ở bất cứ nước nào cũng có biệt nghiệp và cộng nghiệp, vì mình đã tạo ở quá khứ, nên bây giờ phải chịu cái nghiệp này.

Hỏi:

Trong một gia đình, người cha đi ăn cướp, người con thì không. Như vậy người con có bị ảnh hưởng cộng nghiệp này không?

Đáp:

Người con đã sanh trong gia đình người cha đi ăn cướp. Như vậy người con kiếp trước gieo nghiệp không tốt.

Có câu chuyện:

Nhà vua có công chúa; công chúa nói với cha rằng: “Những gì con có đều là của kiếp trước con tạo ra”. Nhà vua nghe nói vậy thì giận lắm. Bèn mới gả công chúa cho một người thật nghèo, rồi đuổi đi chỗ hoang vu không nhà cửa.

Hai vợ chồng công chúa chọn đất, cất lên một túp lều che nắng mưa. Thật may, vợ chồng công chúa gặp một hũ vàng lớn, rồi xây cất nhà cửa to lớn, mua sắm ruộng vườn thật nhiều, phương tiện sinh sống dư dả.

Theo chuyện này, kiếp trước công chúa đã tạo nhiều phước, cho nên kiếp này, sinh bất nơi đâu, cũng có phước báo giàu sang. Vì vậy nói: Nhân nào quả nấy.

---o0o---

30. BẤT KIẾN TINH THÔ, NINH HỮU THIÊN ĐÀNG

Dịch

Chẳng thấy tinh tế thô sơ, đâu có thiên lệch một bên.

Lời khai thị:

Thiền gọi là quan ải (sơ quan, trùng quan, mặc hậu lao quan. Phá được sơ quan là ra khỏi sanh tử luân hồi, không bị Diêm La Vương bắt. Phá được trùng quan thì hơn quả A la hán. Phá được mặc hậu lao quan là đến chỗ giác ngộ hoàn toàn, thì diệu dụng cùng khắp không gian thời gian).

Giáo môn gọi là cương yếu, cứu vớt chúng sanh trong tam giới (tam giới là dục giới, sắc giới, vô sắc giới. Dục giới là có nam nữ dâm dục. Sắc giới là không có nam nữ dâm dục. Vô sắc giới là không có hình sắc, chỉ sống trong tưởng thức).

Thi đậu “Tâm không” là tiêu biểu, dụng nhằm thẳng không ý chí (Tự tánh), móc xiên xích mở thắt kết, muôn mắt nhìn thẳng, muốn mở mà chẳng mở (hàng ngày con người sống trong nhiều niệm suy nghĩ, sanh diệt luân phiên, do đó không được giải thoát. Muốn được giải thoát, phải tham thiền phát nghi tình, chấm dứt tất cả biết, rồi chấm dứt luôn cái không biết, không hiểu của nghi tình).

Trăm người giơ tay, muốn tát mà chẳng tát, đạo giả vô tâm vốn như thế, đâu phải khoe tài trước mặt mọi người (người kiến tánh triệt để là giải thoát hoàn toàn, hiện ra cái dụng cùng khắp không gian thời gian, không còn tâm chấp trước; làm việc gì cũng không dính mắc, nghĩa là ăn cơm cứ ăn cơm, uống nước cứ uống nước, không bị cảnh ràng buộc. Diệu dụng vốn như thế! Đâu có khoe tài, nên nói chẳng thấy có tinh tế và thô sơ, thì không lọt vào một bên).

Lời nghĩa giải:

Người nghĩa giải cho rằng: Tâm và pháp đã không, năng và sở đều bật (biết tốt, biết vui, biết buồn, gọi là tâm; còn yêu ghét, đúng sai... gọi là pháp. Tâm là năng biết, pháp là sở biết; Tâm là năng suy nghĩ, pháp là sở suy nghĩ. Nếu tâm không năng suy nghĩ pháp thì không có năng. Không có năng thì không có sở, làm sao có yêu ghét đúng sai?).

Thì chúng sanh, chư Phật đồng bản thể, mê ngộ chẳng khác (chúng sanh là mê, chư Phật là ngộ, mà chúng sanh và chư Phật cùng một bản thể. Vạy mê ngộ cũng không có khác).

Nên dẫn chứng lời “Tức Tâm Minh” (là ngưng nghĩ cái tâm) nói: “Đâu quý đâu tiện, đâu nhục đâu vinh, đâu đắc đâu thất, đâu trọng đâu

khinh, một đạo hư tịch, vạn vật bình đẳng” (không có tương đối, tốt xấu, đúng sai).

Tịch nghĩa giải:

Nói chúng cũng giống như được chúng, nhưng sự chúng quá giống nhau (nếu mà giống nhau thì đã là nhị rồi, vì Tự tánh bất nhị. Như cái hoa này, phải có hai cái mới nói giống nhau), lại trở thành không giống nhau rồi (không phải thật tế). Vậy chỗ nào không giống nhau? Thử xác định xem! (Tự Tánh bất nhị, không có hình tướng không có số lượng, lời nói không đến với thật tế. Cho nên tham thiền đích thân mới thấy được).

Kệ kết thúc:

Hét ra tiếng sét khó bịt tai,
Tò vò vác biển vào mi muối.
Heo bùn chó ghẻ cùng mở mắt,
Tam thế Như Lai trọn chẳng hay.

(Hét ra tiếng sét khó bịt tai, nếu bịt tai vẫn còn nghe.

Con tò vò thì nhỏ, biển thì quá lớn, làm sao vác để vào mi muối!
Chuyện này không có thể được. Vì lời nói không có thật tế.

Hai câu cuối diễn tả lời nói và suy nghĩ của bộ óc, không đúng với thật tế, không có lợi ích).

---o0o---

31. ĐẠI ĐẠO THỂ KHOAN, VÔ DỊ VÔ NAN

Dịch

Bản thể Đại Đạo rộng khắp hư không, chẳng có khó dễ để đối đãi.

Lời khai thị:

Trộm bát vào tay, biết nói: “Chẳng phải gió động, chẳng phải phước động” (câu này là của Lục Tổ, Ngài ngộ đạo mới biết tất cả đều do tâm tạo, tự tâm cùng khắp hư không. Người ta không tin tự tâm; như nhà khoa học đã biết mặt trăng xoay xung quanh quả đất, quả đất

xoay xung quanh mặt trời, mặt trời xoay xung quanh ngân hà, nó xoay hoài ngày đêm không ngừng.

Khoa học bắn vệ tinh vào quỹ đạo, nó ngày đêm xoay hoài; cho đến trái bom có bao nhiêu tỷ nguyên tử đang xoay; cái bàn này do các nguyên tử hợp thành, ở nguyên tử có trung tử, xung quanh có nhiều điện tử, ngày đêm nó đang xoay, dùng kính hiển vi mới thấy được. Vậy sức xoay đó từ đâu mà ra?

Tại sao từ hồi nào nó xoay không có bắt đầu và không có cuối cùng? Không biết cho là tự nhiên. Phật nói không phải tự nhiên, cũng không phải nhân duyên, mà là do tâm tạo. Lục Tổ nói: “Chẳng phải gió động, chẳng phải phướn động, mà tâm của các ông động. Tâm của các ông động, nên phướn động, Tâm của các ông động, nên gió động”. Nhưng tâm không thấy, mà thấy gió động, phướn động; sự thật, có sức của tâm, thì gió và phướn mới động.

Thân này từ trẻ đến già, luân hồi sanh tử từ đời này sang đời khác, đều do sức của tâm tạo ra. Nhưng người ta không tin, vì không thấy. Chỗ thật tế không thể dùng tai mắt được. Thời gian ngày đêm có 24 giờ, 1giờ có 60 phút, 1phút có 60 giây, 1giây nhà Phật chia bằng có 60 sát na. 1 sát na rất nhanh, nhưng bộ óc cũng có thể tưởng tượng được.

Chúng ta đang sống trong thời gian này. Nếu đem chia 1sát na làm 60 A, 1 A chia làm 60 B, 1 B chia làm 60 C, khi vừa nói ra, không biết bao nhiêu C rồi. Nếu đem chia 30 lần, 300 lần... con số vẫn còn, người toán học thì biết, nhưng thời gian thật tế mà bộ óc biết không nổi. Thời gian trước mắt, biết không nổi, mà muốn biết cái gì ở ngoài nữa!

Con sâu dếp cỏ còn gọi là con khoảnh, 1 ngày đêm nó tự tách ra làm 2 con, ngày đêm nữa nó tách ra 4 con, cứ như thế tăng dần lên mãi, cho đến ngày 90, nó thành 1 mét khối, trải 130 ngày nó bằng 1 quả đất, thêm 1 ngày nữa thì bằng 2 quả đất.

Ngược lại, nếu đem 1 quả đất chia làm 2 cho đến 130, thì khôi phục lại con sâu dếp cỏ; Theo toán học chia con sâu ra 130, thì thịt của nó có còn không? Mà thấy con số vẫn còn. Bộ óc biết được không? Bộ óc chỉ biết được con số, chứ thịt con sâu không biết nổi.

Nếu xẻ thêm 100 lần 1000 lần... thấy con số vẫn còn, nhưng thật tế con sâu, bộ óc không biết được. Tức là đem vật chất ở trong không gian, thời gian trước mắt phân tích cho thật nhỏ, bộ óc không thể hiểu nổi, huống là tâm mình không có hình tướng số lượng, bộ óc không có tư cách để biết.

Như thế, không phải là không có, cái dụng thì rõ ràng. Người chứng quả đều biết được, biết được không phải bộ óc biết, mà nó tự biết, nó tự hiện lên cái biết, gọi là chánh biến tri. Chánh biến tri là cái biết cùng khắp không gian thời gian, không chết mất, cái biết đó chân thật rất có giá trị.

Cái chân thật có giá trị không màng đến, mà cứ lo cho cái thân, sau này biến thành tro thành đất, lo mãi. Cho nên, Phật nói: Chúng sanh điên đảo, rất thương xót!).

Ngoài y kim lang còn có vật gì khác? Xô ngã cây nêu trước cửa, hai ông này vô sự sanh sự, dối người dối mình (Phật Thích Ca đem chiếc áo cà sa cho Ma Ha Ca Diếp. Ma Ha Ca Diếp hiện đang nhập thất ở núi Kê túc [Trung Quốc], đợi Phật Di Lặc ra đời, trợ duyên Phật Di Lặc hoằng pháp.

A Nan hỏi Ma Ha Ca Diếp: Phật truyền y kim lang, còn có truyền cái gì nữa không? Ma Ha Ca Diếp xô ngã cây nêu trước cửa.

Bản tâm không có hình tướng, không có số lượng; bộ óc nhận biết không được, làm sao có thể nói! Như con sâu dế cỏ có hình tướng, có con số, phân tích nhỏ mà mình không biết; có hỏi cũng mất công!).

Bỏ lai không kể hở, xuyên tạc không dính dáng (đã không có kể hở, mà lại chen vô, cứ tạo ra bậy bạ, không có dính dáng gì! Sau này, thân biến thành tro thành đất, vậy không chịu ngưng nghĩ).

Có hiểu chăng? (Khó hiểu lắm). Chỉ biết một lần gặp nhau một lần già (như năm ngoái gặp nhau thấy già, năm nay gặp lại thấy già thêm), một lần gió thổi một lần lạnh (trời lạnh, gió thổi qua thấy lạnh thêm. Chỉ biết là như vậy).

Hai ông này vô sự sanh sự, dối người dối mình, là ám chỉ Ma Ha Ca Diếp và Lục Tổ. Kỳ thật bản tâm đâu có cái gì để nói, mà nói là tâm

động, cây nêu ngã, nếu có nói cũng như không. Như người ta gọi tôi là Duy Lực, tôi cũng nhìn nhận là Duy Lực. Khen Duy Lực thì tôi vui, chê Duy Lực thì tôi buồn; nhưng Duy Lực đâu phải tôi! Duy Lực chỉ là tên mà thôi. Nhưng thật tế tôi không phải Duy Lực; nếu tôi nói, tôi không phải Duy Lực, thì người ta nói tôi khùng.

Bây giờ tôi họ La, nhưng ở thời xuân thu có nước tên là La. Trong nước Trung Quốc có trên 100 nước nhỏ; khi nước La bị mất, thì người dân lấy tên nước làm họ mình. Như vậy trước chưa mất nước, thì những người đó đâu phải họ La.

Phật Thích Ca là họ Thích, nhưng trong kinh nói là giòng họ Cam Giá, là con cháu của vua Cam Giá. Vậy Cam Giá đâu phải họ Thích. Nói đến thật tế thì không biết được, nên người ta không tin. Người ta chỉ tin cái giả, không tin cái thật.

Lời nghĩa giải:

Tổ sư nói: “Bản thể Đại Đạo rộng khắp hư không, chẳng có khó dễ để đối đãi”. Người nghĩa giải cho rằng: Việc này vốn bao trùm nhật nguyệt hư không, Phật Tổ chẳng biết tên (Phật Thích Ca không biết mình là gì? Đâu phải là Thích Ca! Trong kinh điển ghi là dòng họ của vua Cam Giá, trước Cam Giá không phải là Cam Giá, chính Phật tự mình không biết được).

Đại địa chử không nổi, như trời che khắp, như đất nâng khắp, mỗi mỗi viên mãn, người người đầy đủ, đâu còn khó dễ để nói! (Sự thật tâm mình khắp không gian khắp thời gian. Đã cùng khắp thì không có sự tương đối để nói khó và dễ).

Đây nói khó dễ là tại người chẳng tại pháp, hễ tin tự tâm là Phật thì dễ, chẳng tin tự tâm là Phật thì khó (kỳ thật, tin tự tâm và không tin tự tâm cũng như vậy).

Tịch nghĩa giải:

Theo sự thấy nghe của tôi lại khác; hễ tin tự tâm là Phật thì khó, chẳng tin tự tâm là Phật thì dễ; vậy cái lý cao tột ở chỗ nào? (Sự thật tin với không tin thì không dính dáng, tin thì tâm cũng vậy, không tin thì tâm cũng vậy. Không tin thì không có tu, việc khó dễ có liên quan

gì! Nếu tin để tu đến kiến tánh thì khó. Nói ngược lại cũng được, thật sự không phải khó dễ).

Lời này hãy gác lại, cũng như Bàng cư sĩ nói: “Khó khó, mười gạo hạt mè bày ra trên cây” (hạt mè nhỏ xíu, làm sao mười gạo bày trên cây được!) Bà Bàng nói: “Dễ dễ, ý Tổ sư trên đầu trăm cỏ” (nói là khác, ý là khác, cần hiểu ý của Tổ sư trăm cỏ thì dễ). Linh Chiếu nói: “Chẳng khó cũng chẳng dễ, đói thì ăn, mệt thì ngủ” (đâu có khó dễ, đói thì ăn cơm, mệt thì ngủ).

(Gia đình họ Bàng có 4 người: Ông Bàng, bà Bàng, con gái Linh Chiếu và con trai đều kiến tánh.

Một hôm ông Bàng nói: “Hôm nay mặt trời vừa đứng bóng tôi ra đi”, rồi sai con gái ra coi mặt trời đứng bóng chưa?

Con gái nói: “Mặt trời bị nhật thực”.

Ông Bàng nghe rồi ghé ngồi ra sân để xem, thì trong nhà, con gái lên ghé cửa cha mà ngồi tịch.

Ông Bàng Uẩn chậm lại một tuần lễ cho con gái đi trước. Trước khi tịch Tỉnh Trưởng đến thăm và hỏi: Ông là người kiến tánh cũng sắp đi, có để cái gì cho người sau này, theo đó mà tu hành?

Ông Bàng nói: “Cái gì mình có nên phải bỏ ra, cái gì mình không có đừng đem vào”.

Việc này ông đã thực hành rồi, ông là người tỷ phú, tất cả gia tài đều bỏ xuống biển hết, rồi tự mình đan rổ, sai con gái ra chợ bán, để mua gạo ăn.

Người ta nói: Gia tài đó, sao không cho những người nghèo?

Ông Bàng nói: Tôi đã bị hại, mà còn cho người khác sao!

Người ta nói: Sao không dành lại một chút mà sanh sống để tu?

Ông Bàng nói: Tôi đã nói bị hại rồi, còn hại tiếp nữa sao!

Bà Bàng nói với con trai đang cuốc ruộng: “Các người cứ dành đi”. Con trai nghe nói, rồi chống cày trên đầu cán cuốc cũng tịch luôn.

Bà Bàng nói: “Các người, người nào cũng như người nấy, cứ dành đi, tôi cũng đi”, rồi tự bà vô trong núi mất tích).

Nếu phân biệt được 3 cái lười hay dở của họ, thì sự khó dễ có thể lãnh hội (nếu mà phân biệt, thì ngay đó khó dễ rồi, chưa phải là lãnh hội. Tâm đâu có khó dễ, khó dễ tại phân biệt mới có).

Nếu không, dẫn cho người hiểu theo lời nói, nói “chẳng dễ chẳng khó”, đâu khác gì con lừa mù muốn đuổi kịp theo bầy, vừa bước chân đã không có đường để đi rồi (con lừa mù đã không thấy đường, làm sao đuổi kịp bầy được!).

Kệ kết thúc :

Bày mè trên cây mệt thì ngủ,
Nói “đầu trăm cổ” của ý Tổ.
Ba người đều là không có mắt,
Mò rào mò vách lúc nào thôi.

(Bất cứ nói cái gì cũng như mù, đoán mò. Tâm của mình đâu có nghĩa lý; nếu nói ra nghĩa lý, giống như người mù).

---o0o---

32. TIỂU KIẾN HỒ NGHI, CHUYỂN CẤP CHUYỂN TRÌ

Dịch

Sự thấy nhỏ hẹp có chút hồ nghi, muốn gấp lại càng trễ.

Lời khai thị:

Chuyển Tự kỷ vào sơn hà, trâu sắt chìm đầm to (trong Thiên tông có câu: “Chuyển tất cả vào tự kỷ, chuyển tự kỷ vào vạn vật”. Nghĩa là bất nhị của bản tâm khắp hư không, thì tất cả núi sông đất đai, bất cứ cái gì, đều ở trong hư không, mà hư không là cái tâm mình (tự kỷ), chuyển như vậy, thì trâu sắt ở trong đầm to).

Chuyển sơn hà vào tự kỷ, voi già lún bùn sâu (nghĩa là khỏi cần chuyển, tất cả đều ở trong hư không hiển bày ra cái dụng; hư không chẳng có nghĩa lý, dùng phải nhờ cái không; nếu không có cái không thì không thể dùng).

Như cái tách bít hết thì không thể đựng nước, nhà không có cái không thì không ở được. Mặt trăng, mặt trời, cây cối nhà cửa... tất cả đều nhờ cái không; cho đến chúng ta ngồi đây nói chuyện, cũng phải nhờ cái không. Nếu không có cái không, làm sao ngồi đây nói chuyện! Nhờ cái không hiện ra cái dụng, cái không này sẵn sàng.

Do con người thông minh đem cái không hạn chế. Như hạn chế cái không của tách, nhà, bàn, đĩa,... rồi giải thích cái không của tách, khác hơn cái không của nhà, bàn, đĩa... giải thích có lý. Nhưng chưa có nhà thì cái không đã sẵn rồi, không có cái không sẵn làm sao có cái không của tách?

Cái không sẵn sàng vốn bất nhị, nhưng tạo thành cái không của nhà, tách... đủ thứ sai biệt, đều do con người bày đặt ra; vốn từ không có nghĩa lý mà lập ra nghĩa lý, mặc dù không có nghĩa lý nhưng tất cả đều phải nhờ nó; cái không này chính là bản tâm).

Tự kỷ sơn hà ném bỏ một lượt, lò rèn các nơi không thể thiết lập. Có thiết lập, chẳng khác nắm tay dọa trẻ con (cái không đã sẵn sàng, nếu thiết lập cái không của cái nhà, cái tách, cái bàn... nói ra nghĩa lý rất đúng. Nhưng khác chi đem nắm tay để gạt con nít).

Lời nghĩa giải:

Tổ sư nói: “Sự thấy nhỏ hẹp có chút hồ nghi, muốn gấp lại càng trễ”. Người nghĩa giải cho rằng: Tất cả chúng sanh, từ trước kiếp không (chưa có trời đất) đã cùng tam thế chư Phật đồng thành chánh giác (tức là người nào cũng có Phật rồi; nhưng không tin được, cứ cho mình là chúng sanh).

Vốn chẳng thiếu kém, vì tâm này không rõ, tự rơi vào ngu mê mà tự chẳng biết. Thế nên, chư Phật chư Tổ dùng trăm ngàn phương tiện dẫn dắt khích lệ, khiến họ ngộ nhập.

(Tất cả chúng sanh đều đã thành Phật; trong kinh Viên Giác, Phật lấy vàng để thí dụ vàng thật đã thành sẵn, nhưng nó chưa có hiện lên,

nên mình không thấy, không thấy là do nó lộn với đất cát tạp chất. Dem quặng vàng luyện bỏ đất cát tạp chất, rồi vàng thật hiện ra.

Nếu trong quặng vàng không có vàng thật thành sẵn, làm sao luyện ra được? Phật tánh của chúng sanh cũng vậy, đã thành sẵn rồi đâu phải tu mà thành; chưa tu đã thành rồi, vì lộn với tạp chất vọng tưởng tham sân si, nên không hiện ra. Tu là luyện bỏ tạp chất vọng tưởng tham sân si, thì Phật tánh hiện ra. Như Phật Thích Ca đâu phải tu rồi thành? Đâu phải chứng mới đắc?).

Sở dĩ nói: “Vì một đại sự nhân duyên xuất hiện trên đời”, à việc này vậy. Bởi do người chẳng tin tự tâm là Phật, mà muốn tìm cầu ở ngoài tâm, cho nên bị quở là tiểu kiến (sự thấy nhỏ hẹp). Phải biết tâm này vốn sẵn đầy đủ, nói là “mau thành bồ đề” đã thành lời thừa, thật ra đâu có sự mau hay trễ ư! (Đã thành bồ đề đâu có mau trễ).

Lời giải thích trên rất có lý, nhưng chưa phải thật tế, thật tế không phải lời nói để nói được. Nên ngài Trung Phong phủ định.

Tịch nghĩa giải:

Thế thì hiện nay gọi cái gì là Phật? Nếu chỉ bày không ra, bệnh ở chỗ nào? (Nói phải, Phật ở đâu? Nói thì được, nhưng chỉ ra không được. Mà bệnh ở chỗ nào?).

Kệ kết thúc:

Trời há cho ngồi đáy giếng dòm,
Tận cùng sức thấy cũng thành nghi.
Trở mình nhảy ra ngoài hư không,
Nhướng mày mở mắt đã trễ rồi.

(Trang Tử có thí dụ: Con rùa từ nhỏ sống trong đáy giếng, nó dòm lên bầu trời thấy lớn hơn đáy giếng một chút. Có một ngày con rùa biển đi ngang té xuống giếng.

Rùa giếng hỏi: Anh ở đâu?

Rùa biển đáp: Tôi ở biển.

Rùa giếng hỏi tiếp: Biển lớn bao nhiêu?

Rùa biển đáp: Biển lớn lắm.

Rùa giếng hỏi: Biển lớn bằng cái giếng tôi ở không?

Rùa biển đáp: Lớn hơn nhiều.

Rùa giếng nói: Làm sao lớn hơn nhiều được? Rùa giếng lội 1/3 cái giếng hỏi tiếp: Có lớn bằng 1/3 cái giếng này không?

Rùa biển nói: Lớn hơn nhiều.

Rùa giếng hỏi: Biển có lớn bằng 2/3 giếng này không?

Rùa biển nói: Lớn hơn nhiều.

Rùa giếng nói: Vậy biển bằng cái giếng này sao?

Rùa biển nói: Lớn hơn nhiều.

Rùa giếng nói: Ông nói dối! Có phải cái biển của ông ở dưới bầu trời này không?

Rùa biển đáp: Phải.

Rùa giếng nói: Ông nhìn bầu trời này đi! Bầu trời chỉ lớn hơn cái giếng chút xíu, làm sao cái biển lớn hơn cái giếng này được? Ông nói cái biển lớn hơn cái giếng bao nhiêu? Nói đi!

Rùa biển nói: Nói không được.

Rùa giếng nói: Nói bậy, ông không nói được, lấy gì làm bằng chứng. Tôi có bằng chứng rõ ràng, 1/3, 2/3, có bầu trời ông cũng nhìn nhận, biển của ông cũng ở dưới bầu trời này. Bây giờ ông nhìn bầu trời này, đâu có lớn hơn cái giếng tôi bao nhiêu, mà ông nói cái biển lớn hơn cái giếng tôi, có phải ông nói bậy không? Ông không có bằng chứng, chỉ nói cái biển lớn hơn nhiều, thì lời của ông có ai tin đâu!

Tất cả ai cũng biết biển lớn hơn giếng nhiều lắm, nhưng con rùa giếng không tin nổi. Làm sao cho con rùa giếng tin biển lớn hơn?

Bản tâm không có hình tướng, mắt không thể thấy, tai không thể nghe. Phật Tổ đã dẫn chứng nhiều nhưng người có tâm rùa giếng không tin nổi bản tâm. Cho nên, ở dưới đáy giếng làm sao để nhìn bầu trời, cho thế này thế kia?).

Tận cùng sức thấy cũng thành nghi (dù rùa biển hết sức giải thích nói chân thật là biển lớn hơn cái giếng, nhưng rùa giếng không tin nổi, vì rùa biển không có bằng chứng, còn rùa giếng có bằng chứng).

Hai câu cuối diễn tả là chưa đập bể hư không thì tâm vọng chưa chết, sát na ý thức dính lú thì bản tâm chưa hiện).

33. CHẤP CHI THẤT ĐỘ, TẮT NHẬP TÀ LỘ

Dịch

Chấp thật thì lạc mất tông chỉ, ắt phải rơi vào đường tà.

Lời khai thị:

Núi vô trùng số (bất nhị), nước vô trùng số. Thiện Tài ở trong tiếng khảy móng tay, thấy lâu các cửa ngài Di Lạc cũng vô trùng số. Chơn Nhân Vô Địa Vị giữa đường gặp thấy việc bất bình, dùng cây gậy gạch một gạch trên không, mùi vạn tám ngàn đường lối nắm gom một lượt, rồi quay đầu lại hét to rằng:

“Tình xuyên lịch lịch Hán Dương thọ,
Phương thảo thê thê Anh Võ châu”.

(Cỏ non biên biết đảo Anh Võ,
Nắng dọi Trường Giang cây Hán Dương).

(Chơn Nhơn Vô Địa Vị là bản tâm mình, tại sao nói Vô Địa Vị? Vô Địa Vị là không có hình thể, không có số lượng, tất cả đều ở trong tâm mình, không có cái nào ở ngoài.

Trường Giang là con sông Dương Tử, Hán Dương là tên địa phương, sông Trường Giang có cù lao Anh Võ.

Trong lịch sử Thiên tông có một công án: Có một vị Tăng thông minh tài giỏi chưa kiến tánh, nhưng có tinh tấn tu tập, ở trong một ngôi chùa, gặp vị trụ trì đã kiến tánh, vị trụ trì muốn giúp đỡ vị Tăng đó, nói với vị Tăng rằng: Ông đến Võ Sơn gặp ông cư sĩ sẽ giúp ích cho ông.

Tăng đến gặp Cư sĩ, Cư sĩ hỏi: Cổ kiến chưa mài thì sao (cổ kiến là kiến xưa)?

Tăng trả lời: Đen như dầu hắc.

Cư sĩ hỏi: Cổ kiến mài rồi thì sao?

Tăng trả lời: Chiếu trời chiếu đất.

Cư sĩ mời Tăng về chùa. Khi về chùa kể lại cho Trụ trì.

Trụ trì nói: Bây giờ Ông hỏi tôi đi?

Tăng hỏi: Cổ kiến mài rồi thì sao?

Trụ trì nói: “Cỏ non biên biết đảo Anh Võ.

Tăng hỏi tiếp: Sau khi mài thì sao?

Trụ trì nói: Nắng dọi Trường Giang cây Hán Dương.

Tăng ấy ngộ liền.

Chưa ngộ cứ nói theo nghĩa lý, cổ kiến chưa mài thì đen thui, mài rồi thì chiếu soi được, việc đó ai cũng biết!

Còn người kiến tánh thì không theo nghĩa lý, nghĩa lý do con người lập ra, như hư không đâu có nghĩa lý!

Vì sao như thế? Há chẳng thấy Tổ sư nói: “Chấp thật thì lạc mất tông chỉ, ắt phải rơi vào đường tà” (vì có chấp thật, như chấp thật cổ kiến, làm sao ngộ được?).

Lời nghĩa giải:

Gần đây có một số người ở vào địa vị làm thầy, thấy người nói: “Khán thoại đầu của cổ nhân, công phu miên mật, chẳng uổng phí thời gian để tham cứu việc mình”, liền dẫn chứng hai câu này để bài xích, đối với “chấp chi thất độ”, cho là Phật pháp đâu có việc này, bởi tất cả sẵn sàng, sao chẳng tự nhận lấy? Lại cố làm điệu bộ của người chết làm chi!

(Có người nghe đến tham thiền là tìm cách bài xích, dẫn chứng thế này thế kia, đã đuổi theo lời nói bị mắng là con chó mà cũng không biết, chỉ biết bài xích, không biết cái thật tế).

Tịch nghĩa giải:

Nói thế cũng đúng nhưng không xét đến nguồn gốc, chẳng biết ý Tổ sư là trách cái chấp sau khi ngộ (nếu người đã ngộ cái lý, chấp cái lý ngộ đó, thì không hiện ra cái dùng được, vì kẹt cái lý nên bị trúng độc cái lý).

Há chẳng thấy Phật Nhãn nói: “Có một hạng người cưới lừa lại tìm lừa, có hạng người biết lừa rồi, mà cứ cưới mãi không chịu xuống” (cũng như nhờ chiếc đò qua sông, rồi không chịu xuống đò, làm sao lên bờ được?).

Chính là nói hạng người này, chấp lý đã ngộ mà chưa thể quên. Bên ngoài chấp pháp sở ngộ, bên trong chấp tâm năng ngộ, cổ nhân quở là pháp trần, cũng là gai gốc tri kiến. Cho nên Dược Sơn nói: Vừa có sở trọng liền thành hang ổ (bất cứ trọng cái lý ngộ gì) đều là chấp lý đã ngộ, khiến cho lý ngộ chẳng quên, cho là thật có việc này.

Do thấy pháp chẳng viên thông, thành sở chấp của ngoại đạo. Đang mê mà cầu ngộ thì dễ, đã ngộ muốn quên lý thì khó, nếu không gặp bậc đạo sư chân chánh, thẳng tay gõ cùm tay chân, đánh đập thống thiết, thì rốt cuộc đến chỗ thôi nghĩ. Đối với việc này, ông có vừa lòng chăng?

(Thiền tông muốn đến chỗ cứu kính, luôn cả cái ngộ cũng phải tan rã, cho nên nói “ngộ rồi, đồng như chưa ngộ”, nếu còn ôm cái ngộ, tức là còn mê, tại có mê nên có ngộ. Nếu hết mê không còn ngộ nữa. Vì vậy, nhờ chiếc bè đưa qua sông rồi phải bỏ bè. Nếu còn lưu luyến chiếc bè, thì bị chiếc bè làm chướng ngại, không lên bờ được).

Kệ kết thúc:

Chấp tâm chưa chết hoa thường rụng,
Thất kết đã trừ quả không xa.
Cứ theo đường tà đi như trước,
Quày đầu mới thấy mình trần truồng.

(Còn có sanh diệt, tức là hoa còn rụng. Phiền não nghiệp chướng là dây trói buộc bằng bố gai, còn Bồ đề, giải thoát là dây trói buộc bằng vàng. Vàng dù quý, nhưng buộc chắc chắn hơn, khó tuột hơn, nên cần phải bỏ luôn).

---o0o---

34. PHÓNG CHI TỰ NHIÊN, THỂ VÔ KHỨ TRỤ

Dịch

Buông thì Bản thể tự nhiên, vốn chẳng có đi và ở. (Buông: Vô trụ).

Lời khai thị:

Cơ xảo hướng thượng, câu chuyển ngữ này cuối cùng, cửa đã mở sẵn (chuyển ngữ là lời nói, chuyển là xoay chuyển không trụ, tức là nói không trụ chỗ nào. Nếu hành giả tham thiền đã ngộ, nói được một chuyển ngữ, thì Tổ ấn chứng cho người ấy đã ngộ).

Lòng từ của chư Tổ luôn luôn nhắc nhở hành giả tham thiền ngay đó liền ngộ (cơ xảo của chư Tổ, chỉ là mài giũa tập khí của mình. Ai cũng có tập khí kiến giải khó dứt).

Như Tăng định trình kệ cho Đại Huệ ẩn chứng.

Đại Huệ liền nói: Không phải, không phải, đi đi.

Tăng nói: Tôi chưa có trình mà!

Đại Huệ nói: Không phải, không phải, đi đi.

Bởi vì còn kiến giải làm sao ngộ? Còn kiến giải mới trình. Cho nên, chư Tổ dùng cơ xảo khiến cho hành giả tham thiền ngay đó được ngộ, nếu không ngộ thì không hiểu, phải phát nghi, giữ nghi đó sau này cũng được ngộ. Chứ không phải muốn cho người ta hiểu; nếu muốn cho người ta hiểu, thì chư Tổ giải thích còn dễ hơn. Vậy, có người dạy tham thiền, giải thích công án, tìm hiểu lời của Tổ, làm cho hành giả không thể ngộ được).

Trăng nửa đêm chiếu trên cành hoa mai; ngộ được cứ ngộ, rạng đông say rượu cưỡi chim loan (tâm không đuổi theo cảnh, mình mới làm chủ được. Nếu vì cảnh mà sanh tâm, tâm sanh cảnh. Trong cuộc sống hàng ngày, thì phải có tâm sanh cảnh cũng bị cảnh sanh tâm. Như thấy buồn thì tâm mình buồn, thấy vui thì tâm mình vui. Tâm mình vui thì cảnh vui là tâm sanh cảnh).

Không cho là một pháp cao siêu (kinh Kim Cang nói: “Đâu có cái gì gọi là Phật pháp, làm sao có cái pháp cao siêu”. Nhưng có người nói phải có giáo lý cao siêu để dạy Tăng Ni. Nếu theo thật tế của bản lai đâu có Phật pháp cao siêu).

Cũng không có phổ biến việc đời (Phật pháp hiện nay rất phổ biến, nhưng đối với thật tế thì không phải), vậy rốt cuộc như thế nào? Chẳng thấy Tổ sư nói: “Buông thì Bản thể tự nhiên, vốn chẳng có đi và ở” hay sao? (Không trọng và ham thích một pháp nào; nếu có một chút quý trọng ham thích là dính mắc là có chỗ trụ, nắm chắc không chịu buông; người ta dễ buông tài quả, còn kiến giải thì khó buông. Bản thể không có trụ và vô trụ).

Lời nghĩa giải:

Người nghĩa giải cho rằng: Tâm chấp đã trừ, tự nhiên tự do tự tại, chẳng chướng chẳng ngại mà động như bay, tịnh như cốc thần, đã vô tâm đối với việc này nọ, thì đâu có phân biệt đi và ở!

(Cốc thần là xung quanh toàn đồi núi, ở giữa thung lũng, khi nói ra tiếng thì âm thanh dội lại; tiếng dội lại cũng là tiếng của mình, không phải người khác; Không biết rồi đổ thừa cho là cốc thần. Nó vốn không có động, tại do mình nói có tiếng thì có tiếng trả lời, còn không nói ra tiếng thì không có tiếng).

Kinh Viên Giác nói: “Bất cứ lúc nào chẳng khởi vọng niệm, đối với vọng tâm cũng chẳng ngưng nghỉ (người ta thường nói ngưng nghỉ vọng tâm, nhưng kinh nói vọng tâm chẳng có ngưng nghỉ), trụ nơi cảnh vọng không cần biết (cái đó là cảnh vọng, nhưng “biết vọng liền bỏ”, làm sao được?), nơi không hiểu biết cũng không cho chơn thật không hiểu biết” (đối với không hiểu biết cũng không hiểu biết luôn).

Được như thế thì gần với đạo rồi, nghĩa là tình chấp thánh phàm đều sạch, thì bản thể chơn thường hiển lộ (bản thể chơn thường không có sanh diệt, không có bắt đầu và không có cuối cùng, khắp thời gian), tuyệt hẳn cảnh duyên hư vọng, tức là như như chơn Phật.

Tịch nghĩa giải:

Lúc chửi nhau thì tạt nước cũng được. Nếu đối với ý Tổ sư, dầu có tát cả đại tạng kinh điển đều cũng mưa ra, cũng chỉ thành nghiệp thức mênh mông mà thôi.

(Tất cả đại tạng kinh điển đều ở trong đó. Nếu mưa tất cả giáo lý ra, thì cũng không biết được, cho nên bị nghiệp thức xoay chuyển. Chử Hán gọi: “Nghiệp thức mênh man, vô bản khả cứ”, nghĩa là nghiệp thức mênh mông, không có chỗ căn cứ. Cuộc sống hàng ngày đều ở trong nghiệp thức mênh mông.

Tức là bộ óc phân biệt tốt xấu, có lý và không có lý gọi là thức phân biệt. Thức này là do cái nghiệp kiếp trước làm nhân. Đối phó với chuyện này chuyện kia, đi học, làm việc... tất cả đều do nghiệp thức này.

Nhưng lại cho cái nghiệp này là Ta, sự thật đằng sau làm chủ nghiệp thức mới là Ta, mới là căn bản. Nghiệp thức không có căn bản để

căn cứ, vì nghiệp thức sanh diệt, sau khi cái thân chôn thành đất thiêu thành tro.

Vậy ai làm ra nghiệp thức này? Người làm ra nghiệp thức không phải bộ óc, vì bộ óc sau chết biến thành tro thành đất. Người chủ làm ra nghiệp thức thì không biết, nên không có chỗ căn cứ, chỉ là nghiệp thức mênh mông mà thôi.

Mục đích tham thiền là muốn hiển lộ người chủ sanh ra nghiệp thức này. Người chủ hiện ra mới được tự do tự tại; Nếu cho nghiệp thức làm chủ thì điên đảo, cứ theo cảnh mà xoay chuyển, đối với cảnh vật thì có, cảnh diệt rồi thì nó cũng diệt luôn, vậy nó còn ở trong sanh diệt. Còn người chủ không có biến đổi, không bị cảnh lôi kéo sanh diệt, không có dính dáng gì hết).

Kệ kết thúc:

Kiến văn giác tri đều bỏ hết,
Vốn chẳng tự nhiên lại tự nhiên.
Ông đi nước Tần, ta nước Lỗ,
Đỉnh đầu ai chẳng đội trời xanh.

(Cuộc sống hàng ngày đều phải dùng kiến văn giác tri.

Kiến văn giác tri là do nghiệp thức làm chủ, nghiệp thức không thật, đâu cần bỏ nó, lấy bỏ đều không được. Cần phải tìm chủ sanh nghiệp thức.

Nước Tần ở bên bắc, nước Lỗ ở bên nam, tức là nghiệp thức là nghiệp thức, còn chủ thật là chủ thật, không có liên quan, như người ở bên nam, người ở bên bắc.

Mặc dù, không phát hiện nó được nhưng nó cũng không rời khỏi mình, như đi đến đâu cũng có trời xanh trên đỉnh đầu. Ông chủ nghiệp thức bản thân mình, không bao giờ rời mình, tại vì mình không tin, nên không phát hiện được. Cứ tin nghiệp thức, thành ra làm cho mình cực khổ, đi trong lục đạo luân hồi mãi).

35.NHỆM TÁNH HỢP ĐẠO, TIÊU ĐIỀU TUYỆT NẢO

Dịch

Tự Tánh là Đạo, vốn chẳng phiền não.

Lời khai thị:

Bùi Tường Quốc (Bùi Hưu) ôm Phật đến đặt tên (lời khai thị trong Truyền Tâm Pháp Yếu của ngài Hoàng Bá, do Bùi Hưu ghi lại. Phật đâu có tên, Tự tánh vốn là đạo).

Đường Trang Tông đắc được một báu vật ở Trung Quốc, vua chẳng bị địa vị cao cả dờn dỗi, thần chẳng bị việc khắp nước nhiễu loạn (Tự tánh là tự nhiên vậy, vốn là hợp đạo, vốn là tiêu điều tự do tự tại, không có phiền não. Phiền não là do vọng tâm tự chấp sanh ra. Thật tế bản thể không có phiền não; dù làm vua có địa vị cao cả, nhưng tự tánh không dờn dỗi, không có cao thấp. Thần chẳng bị khắp nước làm nhiễu loạn).

Nạp Tăng tham thiền giảm bước khắp mười phương, hình thể chẳng bị trời buộc (Tu sĩ đi hoằng pháp khắp mọi nơi, hình thể không bị cảnh gì lôi kéo, tức là không có những việc buồn, vui, yêu, ghét...).

Lâu ngày chày tháng ngồi tại chỗ vô sự, vì sao chẳng thể đúng như Tự tánh? Do cái gì làm chướng ngại?

Năm năm khô héo rừng Bát Nhã,
Năm năm tăng trưởng cỏ vô minh.

(Cuộc sống hàng ngày, cứ tăng trưởng cỏ vô minh, làm cho rừng Bát Nhã khô héo. Mặc dù, đối với việc nào không dính mắc, cho là vô sự, cũng không phải bản thể của Tự tánh).

Tại bản thể Tự tánh, không phải hữu sự hay vô sự, không có ý kiến của mình vô hay bớt ra. Nếu cho là vô sự tức là có sự rồi. Vì có ý cho là...thì không phải rồi, đều là cỏ vô minh).

Lời nghĩa giải:

Tổ sư nói: “Tự Tánh là Đạo, vốn chẳng phiền não”. Người nghĩa giải cho rằng: Người tâm không thi đậu tánh chẳng cần nhậm (mặc kệ) mà tự nhậm, đạo chẳng cần hợp mà tự hợp, tự do như mây bay trên núi, tự tại như trăng đi trên không.

(Không có ý tạo tác, nếu tâm mặc kệ nổi lên thì có ý đã xen vô. Khởi cần mặc kệ hay không mặc kệ. Nó vốn như vậy, tự nhiên hợp đạo, tự nhiên như mây bay trên không, chẳng có tác ý. Cũng như: Trăng đi trên bầu trời không có ý gì).

Trong đại viên cảnh có ai chẳng phải vậy? (Cho mình có vô minh nên phải làm phàm phu, nhưng Tự tánh không có vô minh. Nếu cho mình có vô minh phiền não, đó là do mình cho vậy thôi).

Lời nghĩa giải này lý cao tốt, nhưng thật tế còn xa lắm, nên ngài Trung Phong phủ định.

Tịch nghĩa giải:

Phật Ấn Nguyên Hòa Thượng nói: “Cái cảnh đã ngộ khó nói cho người chưa ngộ hiểu (tại vì ngộ Tự tánh không có hình thể không có số lượng, những người nghe dùng bộ óc để hiểu, nhưng ý thức không tiếp xúc được, tiếp xúc không được làm sao hiểu? Thành ra, người đã ngộ không thể đem cảnh ngộ cho người chưa ngộ nghe), như với người mù bẩm sanh, nói cho biết mặt trời sáng, họ dù nghe mà chẳng biết được”.

Hay người chưa từng buông tay xuống vực thẳm (chưa từng ngộ), lại dùng lời “Tự tánh là đạo” để dẫn chứng, thì cũng như người đói nói ăn mà không ăn, lại nói “đã no” há chẳng dối người ư!

(Bởi vì không có kinh nghiệm đó, như người mù bẩm sanh không có kinh nghiệm thấy được mặt trời, lại nghe nói của người thấy được mặt trời, mà theo lời nói diễn tả cho là đúng; nhưng sự thật không đúng, vì lời nói là lời nói, không phải chân thật, cần phải ngộ mới được.

Nếu theo nghĩa giải cho là đúng thì còn xa lắm, nhưng người học Phật đều giải lý theo lời nói, dù có nghĩa lý cao chừng nào, thì xa chừng nấy, đối với thật tế không dùng được; có khi so với người

chưa biết giáo lý, những tình cảm yêu, ghét, buồn, vui... còn nhiều hơn họ; cho nên tự dối người dối mình).

Kệ kết thúc:

Mặc cho pháp tánh tự hợp đạo,
Bệnh của Tâm vương càng khó lành.
Lại muốn cầu cho tuyệt phiền não,
Ba trăm roi sắt chưa phải nhiều.

(Pháp tánh thì tự hợp đạo. Sự hiểu biết của mình cứ giữ hoài, thành ra không ngộ được. Bệnh chấp chưa hết, làm sao hết phiền não?)

Đây là roi sắt của Diêm La Vương; cho nên cần phải trị bệnh chấp, chứ đừng theo lời nói của Phật, Tổ để giải nghĩa cho là đúng. Đúng thì phải rồi! Nhưng thật tế thì còn xa lắm. Cho nên Thiên tông “bất lập văn tự” là vậy.

Thiên tông muốn mỗi cá nhân, đều đạt đến chỗ chân thật. Không phải chỉ miệng nói, tâm nghĩ; lúc còn sống phải làm chủ, thì lúc lâm chung cũng làm chủ được. Nếu còn sống không làm chủ được, thì lúc lâm chung làm sao làm chủ!

Tổ Hương Nghiêm ngủ mê làm chủ được, mà còn bị quở. Có chiêm bao làm chủ được, không có chiêm bao còn không biết. Thường thường người ta có chiêm bao không làm chủ được.

Chúng ta cần thật tế là tham thiền đến chỗ giác ngộ. Nếu hiểu biết cho nhiều thì bị chướng ngại. Vì vậy, ngài Trung Phong thấy người ta đem Tín Tâm Minh để dẫn chứng, làm sao dẫn chứng được! Nên Ngài phủ nhận.

Giảng kinh thuyết pháp đối với sự tu chứng chẳng có ích lợi gì! Tức là đối với thật tế trở thành chướng ngại. Người ta cho đó là đúng, nhưng nghịch với thật tế. Như mặt trời là tròn với nóng thì đúng, nhưng cho tròn với nóng là mặt trời thì không đúng).

36.HỆ NIỆM QUAI CHÂN, HÔN TRẦM BẤT HẢO

Dịch

Nổi niệm thì bị niệm buộc, thành trái với chân, không niệm thì hôn trầm chẳng tốt.

Lời khai thị:

Đại tạng giáo điển là sợi dây xích chân, thân vàng trượng sáu (thân Phật) là một cọng cỏ. Một tiếng hét điếc tai ba ngày của Bá Trượng, một giỏ trầu trút ra của Ngưỡng Sơn. Những lời nói này là miếng ngói hay châu báu? Nếu ông nói câu phải cũng quét, câu chẳng phải cũng quét; chính là ăn táo mà nuốt hạt.

(Theo Thiền tông lời khai thị của Tổ, không dùng ý thức để hiểu được. Nếu nghe liền ngộ, còn không ngộ thì không hiểu phải phát nghi, tức là nghi tình. Giữ mãi nghi này liên tục, rồi sẽ đưa đến ngộ, nên gọi là Từ Nghi Đến Ngộ. Theo đại tạng giáo điển, chỗ thật tế thì không nói được; nếu đuổi theo đại tạng giáo điển thành sợi dây xích chân.

Bá Trượng nghe Mã Tổ hét bị điếc tai ba ngày, Ngài được ngộ cùng tột.

Một giỏ trầu trút ra của Ngưỡng Sơn cũng là diễn tả cái ngộ, nhưng dùng ý thức hiểu không nổi; khi nào ngộ thì tất cả công án, thoại đầu đều rõ ràng. Nếu ngộ là châu báu, không ngộ là miếng ngói).

Lời nghĩa giải:

Tổ sư nói:“Nổi niệm thì bị niệm buộc, thành trái với chân, không niệm thì hôn trầm chẳng tốt”. Người nghĩa giải trong kinh nói: “Tâm chẳng bị đạo trói, cũng chẳng bị gây nghiệp, ấy là người đắc đạo”. Hoặc dẫn chứng lời Đức Sơn nói: “Mấy may hệ niệm là nghiệp nhân của tam đồ” (nếu nổi lên một niệm là làm cái nhân của địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh).

Còn nói: “Hành giả tham cứu, vừa có mấy may tình chấp mê ngộ, thánh phàm, thì bị tri kiến mê ngộ thánh phàm làm mù” (tức là có phân biệt tương đối; người hành giả tham Tổ Sư thiền, vừa có một

chút may mắn sanh ra tình cảm chấp thật, chấp mê, chấp ngộ, chấp thánh, chấp phàm thì bị tri kiến mê ngộ thánh phàm làm cho mù).

Cần phải một vật chẳng dính mắc muôn duyên đều tẩy sạch, mới có thể hợp với chỗ thấy của cổ nhân (tất cả pháp tương đối không bị dính mắc).

Tất cả kiến giải cao nhất, cũng là lời nói của ý thức. Không đến chỗ thật tế. Nên ngài Trung Phong cần phủ định.

Tịch nghĩa giải:

Đừng phỉ báng cổ nhân nhé! Cổ nhân nói với ông: “Nổi niệm thì bị niệm buộc, thành trái với chân”, nhưng chính cái “một vật chẳng dính mắc” đã là trái với chân, tức là bị niệm trói ròi.

(Bởi vì một vật chẳng dính mắc cũng là niệm, có niệm thì trái với chân tức là bị niệm trói ròi).

Kệ kết thúc:

Hệ niệm quai chân, chân chẳng trái,
Hôn trầm chẳng tốt, tốt nơi nào?
Thùng sơn cứng chắc chưa lũng đáy,
Thai trâu bụng ngựa đợi ông vào.

(Thiền tông muốn mọi người ngộ chỗ thật tế là bản lai diện mục của tâm mình. Nếu dùng lời nói: Hệ niệm trái chân, chân chẳng trái sao? Hôn trầm chẳng tốt, vậy tốt nơi nào?

Tức là có tốt xấu tương đối do ý thức phân biệt là chướng ngại sự ngộ. Thùng sơn đen lũng đáy là tỏ sự ngộ. Nếu chưa ngộ thì thai trâu bụng ngựa đợi ông vào. Mặc dù ông giải thích có lý rất hay, nhưng vẫn còn ở trong lục đạo luân hồi).

---o0o---

37. BÁT HẢO LAO THẦN, HÀ DỤNG SƠ THÂN

Dịch

Tốt xấu không nên nhọc tinh thần, đâu cần phân biệt sơ hay thân.

Lời khai thị:

Triệu Châu khám phá rồi (có một bà già ở giữa đường đi Ngũ Đài Sơn, có ai đi ngang hỏi thăm, bà lão nói: “Cứ đi như vậy”. Ngài Triệu Châu nghe nói, để ta đi khám phá, rồi ngài Triệu Châu đến chỗ bà lão hỏi, bà lão ấy cũng nói: “Cứ đi như vậy”. Rồi ngài Triệu Châu nói với chúng Tăng rằng: Ta đã khám phá rồi).

Thủy ngân không giả, Vân Môn lỡ lời rồi. A nguyền (phân người) chẳng chơn. Tham thiền không linh nghiệm, đụng đầu mê đó (tại vì gặp cái gì cũng muốn hiểu, hướng theo lời nói của Phật, Tổ, nên Tổ mắng: “Con chó đuổi theo cục xương”).

Sự thấy là gai góc trong mắt (thấy vấn đề gì đều là gai góc trong mắt). Ủa! Có việc như thế ư? (Theo hiểu biết của mình có nghĩa gì đâu! Vậy, mình không thấy không nghe sao? Vì mình hiểu không nổi. Nếu ngộ thì hiểu, còn không ngộ thì không hiểu nên phải phát nghi tình, giữ nghi tình đó sau này sẽ được ngộ. Cứ dùng bộ óc đi tìm hiểu, hỏi là có việc như thế ư! Thì sai).

Chỉ cần nói với họ; ngẩng mặt ngó ngoài trời xem ai ló đầu ra? (Người nào ló đầu ra là ngộ, nếu không ngộ cứ giữ không hiểu không biết thì sau này sẽ được ngộ).

Lời nghĩa giải:

Tổ sư nói: “Tốt xấu không nên nhọc tinh thần, đâu cần phân biệt sơ hay thân”. Người nghĩa giải cho rằng: Do hệ niệm thì trái với chân, đã trái với chân thì lao nhọc tinh thần, vì nhọc tinh thần ắt phân biệt sơ thân. Phải biết hệ niệm là cái nhân của sơ thân, sơ thân là cái quả của hệ niệm (khởi một niệm thì khó phân biệt). Tổ sư nói hai chữ “không cần” cũng như việc cần rón vậy (tự mình không thể cần rón mình; ví dụ cho việc không thể làm được).

Tịch nghĩa giải:

Lời nghĩa giải trên tuy rất hay, cũng giống như theo hình mèo mà vẽ con mèo, đại khái vẽ ra giống, nhưng chuột chết còn chẳng bắt được, huống là chuột sống ư! Nếu chẳng đích thân một dao cắt đứt mạng căn (chơn tham thật ngộ), thì những lời nói trên chỉ giúp cho việc đàm luận mà thôi.

Kệ kết thúc:

Tốt xấu chẳng nhọc tinh thần,
Dùng hết tinh thần càng chẳng thân.

Đâu bằng kẻ ngốc nơi thôn dã,
Ăn no nằm dài hợp thiên chân.

(Việc tốt xấu đều nhọc tinh thần, tất cả chẳng nên. Nếu dùng hết tinh thần để luận bàn càng chẳng thân. Đâu bằng kẻ ngốc ở nơi thôn dã, ăn no nằm dài không có chuyện gì tự hợp thiên chân, tức là hoàn cảnh bản lai vốn như vậy, khỏi cần thêm bớt, khỏi cần phân biệt).

---o0o---

38. DỤC THỦ NHẤT THỪA, VẬT Ồ LỤC TRẦN

Dịch

Muốn chứng lấy nhất Phật thừa, chớ nên chán ghét lục trần.

Lời khai thị:

Lục căn đều là Pháp thân (kinh Lăng Nghiêm). Pháp thân không biến đổi, tồn tại vĩnh viễn, không bị chết mất; thân này bị chết mất, đem chôn biến thành đất, thiêu biến thành tro.

Trong này nói: Tánh nghe, tánh ngửi, tánh thấy, tánh xúc, tánh nếm, tánh biết đều tồn tại vĩnh viễn, không theo xác thân mà mất, không thể biến thành tro, biến thành đất. Cho nên gọi là Pháp thân.

Muốn chứng tỏ tánh thấy tồn tại vĩnh viễn. Phải chứng tỏ sự thấy không phải là con mắt. Ai cũng cho sự thấy là con mắt, nhưng thật tế sự thấy không phải là con mắt. Vậy làm sao chứng tỏ? Trong kinh Lăng Nghiêm, Phật đối đáp với Tôn Giả A Nan.

A Nan đại diện đương cơ cả triệu người nghe Phật thuyết pháp. Phật dùng cánh tay để thí dụ, nói với A Nan rằng: Ta có cánh tay mới làm ra nắm tay, người có con mắt thì thấy được ta, hai việc này có giống nhau không?

A Nan đáp: Giống nhau.

Phật nói: Không phải, tại sao? Ta có cánh tay nên mới làm nắm tay, không có cánh tay không thể làm nắm tay. Còn người không có con mắt vẫn thấy được.

A Nan hỏi: Người không có con mắt làm sao thấy được?

Phật nói với A Nan: Người đi hỏi người không có con mắt, trước mắt có thấy gì không? Thì người ấy sẽ trả lời rằng: Thấy trước mắt đen tối.

A Nan hỏi: Thấy trước mắt đen tối, làm sao gọi là thấy?

Phật muốn chứng tỏ thấy đen tối vẫn là thấy, nên thí dụ thêm. Một người có con mắt sáng ở trong phòng đen tối, không có ánh sáng nào cả, người có con mắt đó, phải thấy trước mắt đen tối không?

A Nan đáp: Phải.

Phật nói tiếp: Vậy người có con mắt trong phòng đen tối với người không có con mắt thấy đen tối, hai người đó thấy có khác không?

A Nan đáp: Không khác.

Phật hỏi: Vậy người không có con mắt, bỗng nhiên có con mắt sáng, phải con mắt thấy không?

A Nan đáp: Phải.

Phật nói: Vậy người có con mắt ở trong phòng đen tối, thỉnh linh được cây đèn đốt lên, thấy được cảnh tượng trước mắt. Vậy phải cây đèn thấy không?

A Nan không đáp được. Bởi vì được con mắt sáng thì nói con mắt thấy, còn được cây đèn sáng thì phải nói cây đèn thấy! Nếu cây đèn có tánh thấy, không gọi là cây đèn. Còn cây đèn thấy được, có dính dáng với con người đâu? Phật giải thích: Cây đèn thì hiển hiện sắc tướng, sự thấy là con mắt, không phải là cây đèn. Con mắt cũng tác dụng hiển hiện sắc tướng, sự thấy là tánh thấy. Kinh Lăng Nghiêm nói là “kiến tinh, chứ không phải con mắt”. Tác dụng con mắt và tác dụng cây đèn giống nhau, nó chỉ là hiển hiện sắc tướng, không phải kể thấy; kể thấy là kiến tinh hay tánh thấy, chứ không phải con mắt.

Thấy đen tối là do thiếu ánh sáng; người có con mắt cũng thấy đen tối vậy. Nếu nói thấy đen tối chẳng phải thấy, thì sáng cũng chẳng thấy; nếu là thấy hai cái đều là thấy; cũng như lúc sáng không thấy tối, lúc tối không thấy sáng, thì hai cái đều chẳng thấy. Bởi vì lúc tối không thấy sáng cũng là không thấy. Lúc sáng thì không thấy tối cũng là không thấy. Nếu thấy sáng cũng là thấy, thấy tối cũng là thấy, tại sao thấy sáng cho là thấy, mà thấy tối không cho là thấy? Vậy có đúng với sự thật không? Đã chứng tỏ sự thấy không phải con mắt, là do tánh thấy.

Phật chứng tỏ tánh thấy tồn tại vĩnh viễn. vua Ba Tư Nặc hỏi Phật: Có phải ngoại đạo nói “khi con người chết đi, không còn cái gì”, vậy có đúng không?

Phật nói: Không phải. Cái nào có lay động thì có biến đổi, có biến đổi thì có biến mất. Còn tánh thấy không có lay động thì không biến đổi, không biến đổi thì không chết mất, tồn tại vĩnh viễn.

Phật nói với Vua: Vua có tánh thấy tồn tại vĩnh viễn có biết không?

Vua nói: Không biết.

Phật nói: Để tôi chỉ cho biết.

Phật dùng tay nắm bông, rồi hỏi A Nan: Người có thấy tay ta nắm bông không?

A Nan đáp: Thấy.

Phật hỏi: Vậy tay ta nắm bông hay tánh thấy của người nắm bông?

A Nan nói: Tay của Phật nắm bông, chứ tánh thấy của con đâu có nhúc nhích, mà nói nắm bông!

Vậy, tay của Phật lay động nắm bông, sau khi chết cũng tiêu mất. Còn tánh thấy không lay động làm sao chết mất!

Phật nói thí dụ chưa chính xác, vì thân của Phật và thân của A Nan là hai thân khác nhau.

Phật phóng hào quang vào vai bên phải của A Nan, thì A Nan xoay ngó bên phải; Phật phóng hào quang vào vai trái của A Nan, thì A Nan xoay ngó bên trái.

Phật hỏi A Nan: Tại sao cái đầu của người lay động ngó qua ngó lại vậy?

A Nan nói: Vì con muốn nhìn hào quang của Phật, nên ngó qua ngó lại, cái đầu mới lay động.

Phật hỏi: Đầu của người lay động hay là tánh thấy của người lay động?

A Nan nói: Đầu của con lay động, tánh thấy của con tịnh còn không có, làm sao lay động!

Vậy đầu của A Nan lay động, sau này biến thành tro, biến thành đất; còn tánh thấy, tánh nghe, tánh ngửi, tánh xúc, tánh nếm, tánh biết tồn tại vĩnh viễn, vì không lay động thì không biến đổi nên không chết mất.

Có Phật tử ở nước Úc hỏi: Sau khi con chết tánh thấy con ở đâu? Tôi (Duy Lực) nói: Bây giờ ông chưa chết, tôi chưa chết, làm sao nói chuyện sau khi chết được? Hiện tại ông còn sống, ngồi đây! Tất cả tượng Phật, trái cây, bàn, tủ do tánh thấy của ông thấy được phải không?

Người ấy đáp: Phải.

Ông còn sống, nói tánh thấy của ông, hãy chỉ ra ở đâu? Ông ấy suy nghĩ chỉ không ra. Tại sao chỉ không ra? Vì tất cả đều thấy một lượt. Nếu chỉ tánh thấy chỗ này chỗ kia thì tánh thấy không thể thấy một lượt. Do cùng khắp nên không có chỗ để chỉ. Bởi, Pháp thân cùng khắp không gian thời gian, khắp không gian thì không có chỗ để chỉ; khắp thời gian thì không có lúc để chỉ. Tại có chỗ thì không cùng khắp.

Phật ở trong kinh Lăng Nghiêm đã chứng tỏ: Tánh thấy, tánh nghe, tánh ngửi, tánh xúc, tánh nếm, tánh biết tồn tại vĩnh viễn; vì không lay động thì không biến đổi, nên không chết mất.

Lục căn là dụng của tâm mình, ai cũng có sẵn sàng. Phật dạy tham thiền là đạt được Bản lai diện mục của tâm mình; muốn hiện tâm mình không phải do lời nói, lời nói là chướng ngại chỗ thật tế, chỗ thật tế cần phải ngộ. Cho nên, muốn thành tựu nhất thiết chủng trí thì phải ngộ.

Nếu chưa ngộ, chấp chặt xác thân, khi lúc tứ đại phân tán, xương thịt tan rã, lục căn đều biến diệt, pháp thân đặt ở chỗ nào? Pháp thân không có liên quan xác thân; nếu chấp chặt xác thân thì pháp thân bị ẩn, không hiện ra được. Cho nên, cần phải tham thiền cho đến ngộ, tự hiện pháp thân của mình).

Việc buồn chớ kể người buồn,

Kể với người buồn, buồn chết đi!

(Ai cũng ôm chặt cái thân này cho là ta không chịu buông, cái thân này phải có phiền não, nếu người cứ chấp thân này thì phải khổ).

Lời nghĩa giải:

Tổ sư nói: “Muốn chứng lấy nhất Phật thừa, chớ nên chán ghét lục trần”. Người nghĩa giải cho rằng: Nhất thừa là biệt danh của tự tâm. Lục trần, lục thức, lục căn là biệt hiệu của tự tâm; đâu có thể chứng nhất thừa mà ghét lục trần! Thế thì giống như yêu tay chân mà bỏ vai lưng vậy. Phải biết, ngộ tâm này thì lục trần tức là nhất thừa, mê tâm này thì nhất thừa tức là lục trần. Bùi Tường Quốc nói: “Nghịch nó tức phàm, thuận nó tức thánh”.

Kinh Lăng Nghiêm nói: “A Nan, người muốn biết cái câu sinh vô minh, là gốc thắt kết khiến người luân hồi trong sanh tử; ấy, chính là lục căn của người chứ chẳng phải vật khác. Người lại muốn biết đạo Vô Thượng Bồ Đề khiến người mau chứng quả tự tại giải thoát, tịch lặng thường trụ, cũng chính là lục căn của người chứ chẳng phải vật khác”.

(Lời nghĩa giải chấp theo thật tế, là ở trong mở mắt chiêm bao. Nếu đuổi theo thì chướng ngại sự ngộ; mặc dù nói rất có lý, như những người giảng kinh thuyết pháp, học giáo lý đều theo lời nói văn tự để tìm hiểu. Nếu như vậy không đến chỗ ngộ được.

Ngài Trung Phong là Tổ thứ 18 của phái Lâm Tế thuộc Thiền tông, là muốn mọi người đến chỗ chân tham thật ngộ, cho nên quét sạch kiến giải. Tuy giải thích có lý rất hay, nhưng không phải chỗ thật tế. Pháp thân cũng xuyên qua lục căn, các căn hiện sắc tướng; kẻ thấy là tánh thấy, không phải con mắt; thì những căn còn lại cũng vậy, chứ đừng chấp cái căn đó. Các căn sau khi chết tan rã biến thành tro đất. Còn tánh nghe tánh thấy... tồn tại vĩnh viễn, chấp và không chấp vẫn vậy. Nếu chấp thì không thấy được).

Tịch nghĩa giải:

Lý giải cũng giống như rất đúng, nhưng cần phải biết: Nhất thừa là hư vọng, lục trần là phỉ báng; ngoài hai lỗi này còn tránh khỏi được vọng và báng hay không?

(Ngài Trung Phong muốn sạch kiến giải, mặc dù kiến giải cao nhất, rất có lý; nhưng chướng ngại sự ngộ, cho nên nói ở trên. Vậy chỉ có ngộ mới được. Nếu chưa ngộ cứ dùng lục căn đuổi theo lục trần để hiểu biết, thì phải chìm nổi trong biển khổ sanh tử luân hồi).

Kệ kết thúc:

Sắc, thanh, hương, vị, và xúc pháp,
Lục trần xưa nay hợp nhất thừa.
Tình chấp lấy bỏ còn chưa dứt,
Lại nơi đất bằng nổi sóng to.

(Lục trần là sắc, thanh, hương, vị, và xúc pháp. Từ xưa nay, lục trần đều hợp với nhất thừa, chỉ cần không trụ. Nếu có tình chấp tức là có sở trụ. Hoặc lấy, bỏ chưa dứt, thì lại nơi đất bằng nổi sóng to, tức là đều chướng ngại, nên chư Tổ cần mình ngộ mới được. Nếu chưa ngộ mà dùng lục căn tìm hiểu là sai lầm).

---o0o---

39.LỤC TRẦN BẤT Ổ, HOÀN ĐỒNG CHÁNH GIÁC

Dịch

Chẳng cho lục trần là tốt hay xấu, thì đồng như chánh giác.

Lời khai thị:

“Ông chủ!” Dạ, dạ, dạ! Có đường chẳng đi, không dây tự trói. Nói “lục trần là phải thì trái với chân; nói lục trần chẳng phải, lại thành lỗi lầm lớn”. Làm thì làm, một cọng cỏ hiện thân vàng ròng, đảo ngược cưỡi hạc bay lên trời.

(Có vị Thiền sư mỗi ngày tự mình hỏi: “Ông chủ”, rồi tự mình trả lời: “Dạ, dạ, dạ”. Ông chủ của mình là bản tâm, không có số lượng, không có hình tướng, đang dùng mà mình chẳng thấy. Ngài Long Thọ lấy hư không vô sở hữu để biểu thị tâm mình. Vô sở hữu nghĩa là không có, như hư không vô sở hữu thì không có hư không; mà thật tế hư không là tâm mình, tức là do tâm tạo.

Kinh Lăng Nghiêm nói: Hư không là bọt nước ở trong biển giác (Tâm), thế giới ở trong hư không tức là ở trong bọt nước. Nếu bọt nước bể thì hư không tan nát nên thế giới cũng tiêu, mình ở trong thế giới cũng mất.

Hư không có thể đập bể tan nát, nhưng tâm mình tồn tại vĩnh viễn, là vô sở hữu nhưng tất cả đều nhờ nó mà dùng. Như mặt trời, mặt trăng, nhà cửa, đất nước... đều ở trong vô sở hữu này.

Chúng ta đang nói chuyện và nhìn thấy nhau, ăn cơm, mặc áo... đều phải nhờ vô sở hữu này, mình mới hiển bày được. Đang dùng tâm này mà mình không tự biết. Nếu không có vô sở hữu này thì cuộc sống hàng ngày không thể có.

Tánh thấy không thay đổi, nhưng chúng ta không thấy tánh thấy. Tánh thấy là dụng của tâm mình, cũng là thể của tâm mình. Người ta thường nói tâm là bộ óc. Bộ óc suy nghĩ hiểu biết, sau này biến thành tro biến thành đất; chứ không phải chân tâm, chân tâm không chết mất, là vô sở hữu mà mình đang dùng.

Kinh Lăng Nghiêm nói: “Tự tâm buộc tự tâm”. Tự tâm mình vốn vô sở hữu, mà mình lại muốn có sở hữu; như tiền, nhà cửa... đã kiến lập sở hữu thì bị chướng ngại, trói buộc mình. Cho nên nói: Lục trần chẳng phải là lỗi lầm lớn, lục trần phải là trái với chơn. Phải và chẳng phải là tương đối là chướng ngại, sai lầm.

Tham thiền là phát hiện ông chủ của mình, tức là tự ngộ bản tâm. Nếu ngộ là một cọng cỏ hiện thân sắc vàng ròng, cũng như đảo ngược cưỡi hạc bay lên trời, tức là chỉ cần mình ngộ, thì dụng bản lai diện mục không chỗ nào và lúc nào thiếu sót).

Lời nghĩa giải:

Tổ sư nói: “Chẳng cho lục trần là tốt hay xấu, thì đồng như chánh giác”. Người nghĩa giải cho rằng: Chẳng có lục trần, cũng chẳng có chánh giác, đều chỉ là Diệu tâm sáng tỏ. Gọi là lục trần cũng được, gọi là chánh giác cũng được. Ông nếu ở nơi Diệu tâm sáng tỏ này, có chỗ không rõ, thì gọi là chánh giác không rõ, đâu có việc gì khác? Chỉ cái rõ và không rõ này, khiến Phật, Tổ nhọc lười mỗi miệng phân ra những điều hơn kém, đều do chẳng tin tự tâm mà ra.

Lời nghĩa giải tuy rất đúng, nhưng ngài Trung Phong còn phủ nhận. Tịch nghĩa giải:

Xưa có một Tú Tài, thi cử nhiều lần không đậu, bèn đốt bỏ bút mực, làm bài thơ “Trở về quê”, chê bai công danh như đám dãi. Nhưng đến kỳ thi năm tới, vẫn đi vào trường thi cũ. Người nói lời này chẳng khác như vậy.

(Ngài Trung Phong dùng chuyện này để thí dụ, như những người trên giải thích rất hay, đâu khác gì người Tú Tài này, tức là nói khác mà lại làm khác).

Kệ kết thúc:

Chẳng ghét lục trần đồng chánh giác,
Đường vào cửa Thiền vẫn xa xôi.
Cần phải ra tay bắt hư không,
Phật cùng chúng sanh chôn một hầm.

(Nói: “Chẳng ghét lục trần đồng chánh giác”, nói thì được; nếu muốn vào chỗ ngộ, đường vào cửa Thiền thì vẫn cách xa xôi. Cửa Thiền vẫn xa, hướng là chỗ ngộ. Cần phải ra tay bắt hư không, thì Phật cùng chúng sanh chôn một hầm.

Tại sao? Vì người ngộ thấy chúng sanh và Phật đều không có. Tại có chúng sanh là mê, nên có Phật là ngộ. Nếu ngộ rồi thì hết mê, hết mê

thì không có chúng sanh; hết mê thì không có ngộ, hết mê thì không có Phật. Cho nên, Thiền tông nói: “Ngộ rồi đồng như chưa ngộ”, nếu còn chấp ngộ vẫn đồng mê. Vì vậy, Phật và chúng sanh cùng chôn một hầm).

---o0o---

40. TRÍ GIẢ VÔ VI, NGU NHÂN TỰ PHƯỢC

Dịch

Người trí tự tại vô tác, kẻ ngu dụng tâm tự trói.

Lời khai thị:

“Dời chỗ gồ để lấp chỗ trũng, cắt cái dài nối cái ngắn”, Trang Tử nói lời này, tự cho là đúng. Nhưng kiểm điểm lại, chỉ là sự sanh tính toán, so đo phân biệt. Duy có Mộc thượng tọa (tích trượng) chẳng tốt chẳng xấu, chẳng đúng chẳng sai, toàn thân chỉ là đen thùi lùì, suốt năm dựa bên gốc thiền sàng.

“Dời chỗ gồ để lấp chỗ trũng, cắt cái dài nối cái ngắn”, Trang Tử nói lời này, tự cho là đúng, nhưng đúng trong tương đối của phạm vi của ý thức, vì phạm vi của ý thức có phân biệt tốt xấu, ngắn dài, cao thấp, lớn nhỏ... là pháp đối đãi nhau.

Vì có đối đãi nên bị sanh diệt, không tồn tại vĩnh viễn, không phải chỗ thật tế. Chỗ thật tế không có sanh diệt, không có pháp đối đãi, mà ý thức của bộ não không thể đến được. Bởi vậy, ngài Trung Phong dùng cây tích trượng, để thí dụ cho chỗ thật tế, cũng là bản tâm của chúng ta.

Lời nghĩa giải:

Tổ sư nói: “Người trí tự tại vô tác, kẻ ngu dụng tâm tự trói”. Người nghĩa giải cho rằng: Trí chẳng tự trí, do ngộ mà trí; ngu chẳng tự ngu, do mê mà ngu. Người trí ngộ tự tâm, tâm ngộ vốn vô tác. (Vi dụng của tự tâm vốn tự động, không khởi niệm, không tác ý. Làm tất cả công việc không cần qua sự tác ý. Hiện nay có một số Phật tử tham thiền, làm việc tay chân khỏi cần qua bộ óc, làm việc bằng bộ

óc mà không cần qua bộ óc; chúng tỏ cái dùng của tự tâm tự động, bản tánh là vô vi; khởi cần qua tác ý, suy nghĩ).

Tại người ngu si không biết tự tâm, cho nên không làm chủ được tự tâm, mới làm người ngu si. Vì tâm mê muội tự mình buộc mình. Phải biết người ngộ cái vô vi; cái vô vi là bản tánh sẵn sàng như thế!

Mặc dù lực lượng lớn của quỷ thần, không thể biến nó thành hữu vi. Người mê mới tự buộc mình; dù có muôn ngàn Thánh hiền, Phật, Bồ Tát có sức lực lớn, cũng không giải thoát được sự ràng buộc của người đó. Vậy trí huệ và ngu si đều do tự tâm biến hiện ra, chứ không phải do cái gì ở ngoài tâm, làm cho ngu si, trí huệ. Tự tâm mê là ngu si, tự tâm ngộ là trí huệ.

Tịch nghĩa giải:

Tuy lời giải trên rất cao siêu, nhưng ngài Trung Phong còn phủ nhận.

Nếu nói như thế chỉ thấy cái nhọn của đầu dùi, chứ chẳng thấy cái vuông của đầu đục. Tức thấy một bên, lọt vào biên kiến có đối đãi. Tại sao? Cần phải biết vô vi cũng là tự buộc mình, thì lọt vào tứ cú. Như: Hữu vi là cú thứ nhất, vô vi là cú thứ nhì, chẳng hữu vi chẳng vô vi là cú thứ ba, cũng hữu vi cũng vô vi là cú thứ tư. Như: Bó buộc là cú thứ nhất, giải thoát là cú thứ nhì, chẳng bó buộc chẳng giải thoát là cú thứ ba, cũng bó buộc cũng giải thoát là cú thứ tư.

Nếu mình chấp thật thì lọt vào tứ cú, chứ không phải dụng tự động của Tự tánh, cho nên cần phải quét.

Quả thật có hai đường này, tự buộc và vô vi, thì cách Tổ quá xa rồi. Vậy muốn gần được Tổ sư, chỉ có tham thiền, đề câu thoại đầu, khởi nghi tình. Chính nghi tình đó không lọt vào tứ cú, ngoài ra tất cả đều phải lọt vào tứ cú. Nói đạo lý cao siêu, cũng lọt vào tứ cú, là càng nói càng xa với Tổ sư.

Kệ kết thúc:

Kẻ ngu tự trói cần phải mở,
Người trí vô vi trói chặt thêm.
Chẳng dùng dao kiếm để cắt đứt,
Vì thương đồng tử mắt thiên chơn.

(Người ngu tự bó buộc mình, nhưng cũng cần phải giải thoát. Nếu không giải thoát bó buộc, thì bó buộc đến chừng nào hết, như đi vào thai trâu bụng ngựa, không biết bao giờ khỏi. Mặc dù, tự mình bó buộc mình, nhưng phải cần nhờ người ta dạy cách giải thoát bó buộc đó.

Người trí huệ mà trụ nơi vô vi, thì cái vô vi đó trở thành bó buộc, mà rất lợi hại như “sát nhân”. Chữ “sát nhân” là hình dung hết sức cùng cực. Nếu có trụ thì lọt vào tứ cú, không được tự do tự tại. Nếu mình muốn tự do tự tại thì không trụ ở một nơi nào cả.

Bó buộc với giải thoát, hữu vi và vô vi đều cắt đứt; cắt đứt không có tâm tạo tác, vì nó tự động không lọt vào tứ cú.

Bản tánh thiên chơn (Tự tánh) ai cũng có, không bị bó buộc, giải thoát, hữu vi và vô vi làm chướng ngại. Bỗng nhiên, tự mình tạo sự bó buộc, giải thoát, hữu vi và vô vi, không được tự do tự tại. Nên Phật, Tổ dùng biết bao nhiêu lời nói để giải bày, làm cho khô hết nước miếng, vì để độ chúng sanh.

---o0o---

41. PHÁP VÔ DỊ PHÁP, VỌNG TỰ CHẤP TRƯỚC

Dịch

Pháp chẳng là pháp, vọng tự chấp trước cho là pháp.

Lời khai thị:

Toàn thân là bệnh, toàn thân là thuốc. Tại sao vậy? Bệnh cũng do tâm mình tạo, thuốc cũng do tâm mình tạo. Đoạn trên có nói: “Tâm mê là bệnh, tâm ngộ là thuốc”. Sự thật do vọng tâm chấp trước mà ra. Cho nên, mình có khởi tâm động niệm sắp đặt thì không được, đã trái ngược thật tế. Vậy thuốc tức là bệnh, bệnh tức là thuốc. Như ở trong hư không nhào lộn cũng dễ.

Có người hỏi Triệu Châu: Thế nào là Phật? Triệu Châu trả lời: “Tôi ở Thanh Châu có chiếc áo nặng 7 cân” (để cho mình tham). Chiếc áo 7 cân của Triệu Châu khó mặc lắm. Người nào mặc được thì thành Phật. Mình mặc được nó thì phải có công phu thành khối, ngày đêm

24 giờ, nghi tình không có giây phút nào gián đoạn, gọi là lạc đường tự tại, thì mới mặc được chiếc áo này, gặp nhân duyên liền ngộ.

Nếu công phu chưa thành khối thì khó mặc, còn phải tham nữa, chứ không lấy kiến giải mình để cho là...

Tại sao trả lời chiếc áo nặng 7 cân? Trả lời cái áo với thế nào là Phật? Đâu có liên quan gì! Nếu lấy tâm để giải thích thì sai lầm, nghịch với ý Tổ sư. Kỳ thật tự tâm của mình không có bệnh không có thuốc. Vì mình mê chấp nên có thuốc. Tất cả vạn tượng thế giới không thể chia hai được, toàn thể tự tâm là bất nhị.

Có người hỏi Dương Kỳ: Thế nào là Phật?

Dương Kỳ trả lời: Con lừa đi cà nhắc.

Nếu người có công phu thành khối nghe được liền ngộ. Người công phu chưa thành khối, nghe chẳng hiểu thì phải nghi. Chứ không lấy ý thức của mình để giải thích, thì nghịch với ý Tổ sư.

Lời nghĩa giải:

Tổ sư nói: “Pháp chẳng là pháp, vọng tự chấp trước cho là pháp”. Người nghĩa giải cho rằng: Trúc xanh biêng biếc đều là chơn như,

Hoa vàng ngào ngạt đều là bát nhã.

Tất cả thanh sắc trong hư không pháp giới, tìm một tướng đồng nhau không thể được, tìm một tướng khác nhau cũng không thể được, là 2 lối đồng và khác chẳng thể được.

Nếu không hiểu thấu cái nghĩa này, thì bệnh chấp thật Phật, bị Phật làm chướng ngại, chấp pháp thì bị pháp làm chướng ngại. Phật và pháp còn bị chướng ngại, huống chi những thứ chấp trước thấp hơn, làm sao khỏi bị chướng ngại?

Tuy ở trên giải thích rất cao siêu, nhưng ngài Trung Phong còn phải phủ định.

Tịch nghĩa giải:

Pháp nếu có khác thì chấp trước mới có khác, pháp đã chẳng khác thì chấp trước cũng chẳng khác, vì sao lại nói vọng tự chấp trước? Chỗ này nhìn Tổ sư không ra, thì những lời trước đây là hý luận.

Kệ kết thúc:

Pháp chẳng có khác, thể vốn đồng,
Thể đồng đâu có pháp để hồng dương?
Đạt Ma chín năm chỉ hướng vách,
Chẳng biết lấy gì truyền gia phong.

(Pháp không có khác nhau thì thể đồng, nhưng đồng thể làm sao mở rộng hóa công (hồng dương). Tổ Đạt Ma ở chùa Thiếu Lâm (Trung Quốc), 9 năm ngồi quay mặt vào vách, chờ Huệ Khả để truyền pháp. Tất cả Phật quá khứ, hiện tại, vị lai đều tham thiền ngộ đạo. Vì căn bản của Tổ Sư thiền là nghi tình. Nghi là nhân, ngộ là quả. Ngộ tức là Phật.

Muốn thành Phật phải có nhân “nghi” mới ngộ được. Tổ Sư thiền có câu: “Đại nghi đại ngộ, tiểu nghi tiểu ngộ, bất nghi bất ngộ”, nghĩa là: Nghi lớn thì ngộ lớn, nghi nhỏ thì ngộ nhỏ, không nghi thì không ngộ. Mình muốn tự do tự tại thì phải giác ngộ; muốn giác ngộ thì phải tham thiền. Cho nên, Tổ Sư thiền gọi là chân phong, chân phong này phải có Phật, Tổ giáo hóa, chúng sanh được giáo hóa.

Vì vậy không được chấp đồng hay chấp khác; nếu là chấp đồng thì ai giáo hóa ai? Ai được ai giáo hóa? Nếu là khác không phải Tự tánh. Vì Tự tánh là bất nhị, tức là không khác. Nếu chấp đồng chấp khác, thì lọt vào tứ cú. Đồng là cú thứ nhất, khác là cú thứ nhì, chẳng đồng chẳng khác là cú thứ ba, cũng đồng cũng khác là cú thứ tư.

Muốn không lọt vào tứ cú, thì phải làm bằng cách nào? Chỉ có tham thiền, hỏi câu thoại và nhìn thoại đầu, tức là có nghi tình thì không lọt vào tứ cú, ấy gọi là chân phong).

---o0o---

42. TƯƠNG TÂM DỤNG TÂM, KHỞI PHI ĐẠI THỔ

Dịch

Đem Tâm dụng Tâm, há chẳng phải làm lớn.

Lời khai thị:

Tâm, tâm, tâm, khó tìm khó giải. Ông già Thích Ca 49 năm nói vuông nói tròn, hoặc tiểu hoặc đại, chú giải chẳng được. sau cùng cầm cành hoa lên khai thị đại chúng, ngài Ma Ha Ca Diếp nhìn thấy mỉm cười. Phật ấn chứng cho ngài Ma Ha Ca Diếp được ngộ. Chính là “đem tâm dụng tâm”, khó tránh khỏi người ta nói “há chẳng khỏi làm lớn”. Đến đây đã là việc bất đắc dĩ, tạm đem cái “chánh pháp nhãn tạng, niết bàn diệu tâm” để che lấp lỗi sai lầm.

(Tại sao Phật truyền sang Trung Quốc, được 7000 Tổ sư giác ngộ, mà Thiền sư Trung Phong nói là việc sai lầm rất lớn? Vì Ngài muốn cho mình không chấp thật, nên nói ngược lại. Tại sao? Vì Tự tánh là hoạt bát vạn năng; nếu trụ ở nơi nào là chướng ngại cái dụng hoạt bát vạn năng Tự tánh.

Lấy tay thí dụ cho cái dụng hoạt bát vạn năng Tự tánh. Nếu tay nắm chặt các pháp có như: bàn, ghế, tách, khăn,... thì tác dụng của tay không còn, muốn lấy vật khác không được; nên cần phải buông ra, thì cái dụng của cái tay bình thường không bị chướng ngại, nắm lấy được mọi thứ.

Tay đã không nắm vật gì, mà lại tự làm nắm tay, tức là chấp pháp không, thì tác dụng của tay cũng không sử dụng được, muốn lấy vật gì không được; muốn sử dụng tay bình thường, thì cần buông nắm tay ra, mới nắm được mọi thứ.

Ở nơi tâm mình chấp chặt pháp có nào, như: Buồn, vui, yêu, ghét,... mà không buông, tức là có sở trụ, thì sức dụng của Tự tánh không còn hoạt bát vạn năng. Muốn có hoạt bát vạn năng của Tự tánh hiện ra, cần phải tự tâm không trụ một pháp nào, như: Buồn, vui, yêu, ghét,...

Nếu ở nơi Tự tâm không còn trụ pháp có nào, mà trở lại trụ pháp không, tức là trong tâm chẳng có niệm gì, thì dụng của Tự tánh không còn hoạt bát vạn năng nữa. Tức là sự linh hoạt của tự tánh không rộng rãi cùng khắp không gian thời gian.

Cho nên, trụ ở nơi nào cũng không được, nếu chấp ở nơi Phật truyền nhánh hoa, trụ nơi đó cũng không được, nếu có trụ là sai lầm lớn; ở trên có nói: Chấp Phật là bị Phật làm chướng ngại, chấp pháp là bị pháp làm chướng ngại, chấp cái gì cũng không được. Vì vậy, kinh Kim Cang nói: “Ứng vô sở trụ”, tức là giữ cái hoạt bát vạn năng của Tự tánh, “nhi sanh kỳ tâm” là cái dụng của Tự tánh.

Mình phải luôn luôn ở nơi nào không có trụ, thì không lọt vào tứ cú, cái dụng tự động hoạt bát vạn năng của tự tánh hiện ra. Nếu có trụ ở bất cứ nơi nào thì bị chướng ngại. Như mình đề câu thoại đầu, mà nói: “Ta là người tham thiền, ta là người học đạo, ta phải thành Phật”, tức là tâm bệnh. Vì mình còn chấp tham thiền, nên bị chướng ngại gọi là tâm bệnh.

Lời nghĩa giải:

Người nghĩa giải cho rằng: Ông muốn thành Phật là đem tâm dụng tâm, muốn làm Tổ là đem tâm dụng tâm, cho đến giải thoát, trụ Niết bàn, chứng Bồ đề, dứt phiền não... đều chẳng ra ngoài đem tâm dụng tâm.

(Lấy tâm dụng tâm là sai lầm lớn, muốn thành Phật là sai lầm, muốn làm Tổ cũng sai lầm, muốn giải thoát sanh tử cũng sai lầm, muốn trụ nơi Niết bàn cũng sai lầm, muốn chứng Bồ đề và dứt phiền não cũng sai lầm.

Vậy tại sao sai lầm? Vì có sở trụ tức chấp thật, bị sự chấp thật làm chướng ngại sức dụng của Tự tánh. Dụng của Tự tánh là hoạt bát vạn năng, không trụ nơi nào).

Lý giải trên rất đúng, nhưng ngài Trung Phong còn phủ nhận.

Tịch nghĩa giải:

Tuy vậy, ở trên chỉ đúng một nửa. Tại sao vậy? Bản thể của tâm rộng lớn không có hạn lượng, không có số lượng. Chữ ma ha của tiếng Ấn Độ, trong kinh Phật siêu việt số lượng, nếu còn nằm trong số lượng không gọi là lớn được.

Nếu viết ra con số lớn nhất thì không được; ở sau số đó thêm số 0, thì đã lớn hơn 10 lần; nếu thêm tiếp theo số 0, lại lớn hơn 10 lần nữa. Cho nên, có số lượng là không phải lớn nhất.

Bản thể của tâm siêu việt số lượng; nếu không có hạng lượng, làm sao diễn tả được! Cho nên Phật nói: “49 năm Ta chưa từng nói một chữ”, như Tổ sư nói: “Người nào tiếp xúc thì bị cháy”.

Dẫu cho ông không muốn làm Phật làm Tổ, cũng không ra khỏi “đem tâm dụng tâm”, vì muốn là cú thứ nhất, không muốn là cú thứ nhì, chẳng muốn và chẳng không muốn là cú thứ ba, cũng muốn và cũng không muốn là cú thứ tư, đều lọt vào tứ cú.

Muốn không lọt vào tứ cú, chỉ có khởi lên nghi tình, thì gieo nhân Phật mới có quả Phật.

Kệ kết thúc:

Tức Phật là tâm, tâm là Phật,
Ngay chỗ thừa nhận đã trái xa.
Ca Diếp mỉm cười trước niêm hoa,
Vô sự khi không bày đặt ra.

“Tức Phật là tâm, tâm là Phật”. Nếu theo lời nói đó mà chấp thật, thì trái ngược ý của Tổ sư, tức là “chấp lời nghịch ý”. Thí dụ của Tổ sư: Có người quăng ra cục xương, thì con chó đuổi theo cục xương mà cắn; còn con sư tử hướng vào người quăng cục xương mà cắn. Cục xương là gì? Là lời nói của Phật của Tổ. Nếu hướng vào lời của Phật của Tổ mà ngộ, bị mắng là con chó, hướng vào Tự tánh mà ngộ là con sư tử.

Phật, Tổ muốn mình làm con sư tử, chứ không muốn mình làm con chó. Mặc dù, Tổ nói: “Tức Phật tức tâm, tâm là Phật”, nếu hướng vào lời nói đó để ngộ, chỉ là con chó, tức là ngộ ở ngoài. Câu nói ấy để cho mình ngộ tự tâm, chứ không cho chấp lời nói đó để ngộ.

Trong Thiên tông, từ sơ tổ Ma Ha Ca Diếp cho đến bây giờ, chỉ có Mã Tổ là Tổ danh tiếng nhất, ở dưới của Mã Tổ có 139 người ngộ đạo, nhiều nhất so với các Tổ khác.

Có người hỏi Mã Tổ: Tại sao Tổ nói ‘tức tâm tức Phật’?

Mã Tổ nói: Vì ta gạt con nít cho nó nín khóc.

Người ấy hỏi: Khóc đã nín rồi làm sao?

Mã Tổ nói: Chẳng phải tâm chẳng phải Phật.

Phải hiểu ý Tổ, chứ không phải hiểu trên lời nói; lời nói là phương tiện để phá chấp của mình, chứ không phải chấp lời nói đó. Nếu chấp lời nói đó cũng là bệnh chấp. Cho nên, hướng vào lời nói của Tổ mà nhận lấy là xa với ý Tổ.

Ma Ha Ca Diếp nhìn thấy Phật đưa cành hoa, miệng mỉm cười. Phật ấn chứng cho Ma Ha Ca Diếp ngộ đạo, làm mô phạm cho người đời sau. Vì Tổ thấy cành hoa, không chấp cành hoa nên ngộ đạo. Nếu chấp cành hoa thì không ngộ đạo, cũng không làm mô phạm cho đời sau.

---o0o---

43.MÊ SANH TỊCH LOẠN, NGỘ VÔ HẢO Ồ

Dịch

Mê sanh tịch lặng và tán loạn, ngộ chẳng tốt, xấu, yêu, ghét.

Lời khai thị:

Lúc mê là mê cái ngộ, lúc ngộ là ngộ cái mê; vì mê mới có ngộ là đối đãi, cũng như con gà với trứng gà. Con gà sanh ra trứng gà, trứng gà nở ra con gà. Nếu nói con gà có trước tiên thì không được, nói trứng gà có trước tiên cũng không được. Vì nó là đối đãi sanh nhau, chứ không thể cái nào trước.

Mê với ngộ cũng vậy; lúc mê là mê cái ngộ, lúc ngộ là ngộ cái mê. Tham thiền thì mê với ngộ đều quên hết, gọi là đã phá cái xác linh qui (con rùa). Người cho con rùa là linh và dùng xác để bói. Khi xác linh qui đã phá trừ, thì mê với ngộ đều quét sạch. Vì có mê có ngộ, mới nói xác linh qui là linh. Mê với ngộ đã quét sạch rồi, thì mê với ngộ đặt ở chỗ nào?

Dùng ngói gạch để gõ cửa, mặc cho ông suy lường; suy lường khi nào được? Như vậy chỉ có tham thiền, đề lên câu thoại đầu và khởi nghi tình; sau đó đưa đến ngộ, chứ không dùng ý thức để suy đoán.

Lời nghĩa giải:

Tổ sư nói: “Mê sanh tịch lặng và tán loạn, ngộ chẳng tốt, xấu, yêu, ghét”. Người nghĩa giải cho rằng: Bản thể chơn tịch, tất cả chẳng còn. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Vô lậu chơn tịch”. Tịch là sạch đối với dơ; nếu còn cái sạch thì còn cái dơ để đối đãi, không được gọi là chơn tịch; chơn tịch thì luôn cả cái tịch cũng quét sạch, gọi là vô lậu chơn tịch, là hình dung Tự tánh.

Trong Tự tánh làm sao dung nạp vật khác được? Nếu chưa ngộ thì trước mặt, không thấy tịch, cũng phải thấy loạn; không thấy động thì phải thấy tịch. Không biết động cũng là mê, cái loạn cũng là mê, cái tịch cũng là mê, cái tịch cũng là mê. Cho đến thấy mình tức khắc thành Phật cũng là mê. Hễ thấu rõ được cái tâm mê này, thì ngay đó giải thoát. Chỗ nào cũng thiên chơn, chỗ nào cũng minh diệu.

Thiên chơn và minh diệu là biệt danh của Tự tánh. Tất cả kinh sách của Phật nói chữ “diệu” là bất khả tư nghì, không lấy ý thức của mình suy nghĩ đến được, không lấy tâm mình tiếp xúc nó được, gọi là “diệu”.

Chữ “minh”, nếu có đối đãi năng minh và sở minh, thì không phải là minh diệu. Tức là cái minh đó không có diệu. Ánh sáng mặt trời, mặt trăng, đèn... thì có năng có sở. Ánh sáng mặt trời là năng chiếu, chiếu đến chỗ nào là sở chiếu. Mặt trăng, đèn cũng vậy.

Còn cái minh (ánh sáng) của Tự tánh, không có năng sở; nếu có năng sở không gọi là diệu. Cho nên, cái minh của Tự tánh không có năng minh và sở minh, gọi là minh diệu, không có đối đãi, gọi là thiên chơn, nó tự nhiên, cái dụng Tự tánh tự động, không có tác ý.

Nếu được như vậy, thì không thấy loạn cũng không thấy tịch. Hai đầu loạn với tịch đều quét sạch, thì trung đạo không có kiến lập. Vì 2 đầu không có, nên chính giữa cũng không thành lập được. Vậy làm sao còn cái thích và chán! Cái thích và chán làm chướng ngại cho mình, nên Tự tánh không hiện ra cái dụng. Nếu 2 đầu đều quét sạch, trung đạo không lập, thì đối đãi thích và chán, làm sao chướng ngại được!

Đoạn trên giải thích rất cao siêu, nhưng ngài Trung Phong còn phải phủ nhận.

Tịch nghĩa giải:

Nói lời này rất gần rồi, nhưng mê từ đâu đến, ngộ từ đâu khởi? Nếu biết được cái mê, cái ngộ mà đến, thì không cần trừ mà nó tự hết. Cái mê đã hết, còn cái ngộ không chỗ đặt để; nếu không ngộ, cứ đem cái mê cái ngộ phân biệt khác nhau; phân biệt khác nhau không phải bất nhị của Tự tánh. Rốt cuộc chỉ tăng kiến bệnh mà thôi, làm sao đạt đến tự do tự tại cứu cánh giải thoát được!

Kệ kết thúc:

Xưa nay thiên hạ ai từng ngộ?
Không ngộ làm sao nói có mê?
Bỗng nhớ Ôn Châu ngài Vĩnh Gia,
Có gì một đêm ngủ Tào Khê.

(Từ xưa đến nay có ai từng ngộ đâu? Nếu không có ngộ, làm sao có mê? Bởi vì ngộ đối với mê, có mê nên mới có ngộ; như con gà với trứng gà vậy. Nếu không có con gà, thì không có trứng gà; nếu không có trứng gà, thì không có con gà. Vì con gà và trứng gà là tương đối, đối đãi sanh ra. Nếu một thứ không có thì thứ kia cũng không có. Cái mê và cái ngộ cũng vậy.

Phật ở trong kinh Lăng Già có thí dụ để giải thích: Cái mê là sanh tử luân hồi, ngộ là sanh tử luân hồi ngưng, tức là cứu cánh Niết bàn. Bát Nhã Tâm Kinh có 2 thứ đều quét: “Vô lão tử, vô lão tử tận”, tức là quét sanh tử luân hồi và “viễn ly điên đảo” tức là quét cứu cánh Niết bàn.

Tại sao? Phật nói trong kinh Lăng Già: “Khi thân mình xoay thì thấy căn nhà xoay. Căn nhà xoay là dụ cho sanh tử luân hồi. Căn nhà ngưng xoay dụ cho cứu cánh Niết bàn. Thân xoay là dụ cho tâm mình hoạt động, ngày đêm thấy có sanh tử luân hồi rõ ràng”.

Khi thân xoay tròn hoàn thì thấy căn nhà xoay. Muốn căn nhà ngưng xoay, phải có cách nào? Vọng tâm mình hoạt động thấy có sanh tử. Như tôi (Duy Lực) hiện nay già, rồi sẽ chết. Tại sao nói không già không chết? Già chết là do cảm giác sai lầm sanh ra, như thân xoay

có cảm giác sai lầm, thấy có căn nhà xoay. Vọng tâm mình ngưng hoạt động, thì sanh tử ngưng, gọi là cứu cánh Niết bàn.

Thân ngưng xoay thì căn nhà ngưng xoay; căn nhà ngưng xoay là sai lầm. Tại sao? Căn nhà có xoay hồi nào! Mà nói là ngưng xoay? Chừng nào căn nhà thật có xoay, mới nói căn nhà ngưng xoay thì đúng. Căn nhà xoay là do cảm giác sai lầm mà ra, căn nhà ngưng xoay cũng là do cảm giác sai lầm mà ra. Căn nhà có xoay và ngưng xoay đâu? Thì cái mê và cái ngộ cũng vậy. Do cảm giác sai lầm nên có mê ngộ. Nếu biết được thì ai ngộ? Không có ngộ thì không có mê.

Không có ngộ, tại sao Lục Tổ muốn Vĩnh Gia ở lại Tào Khê một đêm để ấn chứng? Cũng là do cảm giác sai lầm mà ra. Cho nên lời của Phật, Tổ mà chấp thật cũng không được. Vậy cần phải ngộ mới được.

Nếu hướng trên lời nói của Phật, Tổ để ngộ, Tổ gọi là con chó, chứ không phải con sư tử. Phải ngộ vào Tự tánh gọi là con sư tử; lúc đó không có mê có ngộ. Bây giờ nói không mê, không ngộ thì còn sớm lắm, chưa được.

---o0o---

44.NHẤT THIẾT NHỊ BIÊN, LƯƠNG DO CHÂM CHƯỚC

Dịch

Tất cả nhị biên đối đãi, đều do đo lường suy đoán.

Lời khai thị:

Mở miệng nói nhằm, cất bước đạp phải, tất cả đều sẵn sàng. Bởi vì tự tánh khắp hư không pháp giới; mình mở miệng thì đặng Tự tánh, động chân cũng đạp nhằm Tự tánh. Nếu một chỗ không có Tự tánh, thì Tự tánh không có cùng khắp. Chưa ngộ mà nói đặng nhằm, đạp phải chỉ ra cho xem? chỗ nào là Tự tánh? Thì chỉ không ra. Chỉ không ra thì làm sao tin nổi! Không tin thì phải đi hành cước tham học.

(Đời xưa không có xe, đi hành cước tham học phải đi bộ, đi đến đường cùng chẳng có chỗ dừng, lúc đó áo đã rách, đôi giày cũng lũng. Như xỏ mũi con trâu kéo quày đầu; cái này hình dung ngộ. Như

tham thiền tới cùng cực là công phu thành khối tức đến đầu sào trăm thước thành linh ngộ. Ngộ rồi mới tin rằng: Từ xưa đến nay uổng công tìm).

Lời nghĩa giải:

Tổ sư nói: “Tất cả nhị biên đối đãi, đều do đo lường suy đoán”. Có người bày đặt chú giải rằng: Vừa thấy có loạn liền thấy có tịch, phải biết loạn chẳng tự loạn, vì tịch nên loạn; tịch chẳng tự tịch, vì loạn nên tịch. Do đó các pháp lằng xằng, mới có sự đối đãi nhau sanh khởi. Nói hai chữ “châm chước” nghĩa giống như hai chữ “giản trạch” chưa tiêu, thì đối với nhị biên tịch loạn... kết thành niệm “châm chước”. Nếu chưa trừ niệm này thì tất cả chẳng được bất nhị.

Nói vậy rất đúng, nhưng ngài Trung Phong còn phủ nhận.

Tịch nghĩa giải:

Cái niệm “châm chước” là chướng ngại, sanh ra nhị biên, tức là biên kiến ở trong năm ác kiến. Vậy có phương tiện nào để khiêu trừ cái niệm “châm chước” đó? Nếu không biết cái phương tiện này, dầu cho nói lý cao siêu nhất, cũng là do châm chước mà sanh, thì lọt vào nhị biên, lọt vào tứ cú.

Vậy phương tiện duy nhất đó là hỏi câu thoại đầu, khởi nghi tình, mới quét sạch nhị biên tương đối.

Kệ kết thúc:

Nhị biên vốn chẳng cần châm chước,
Một đạo bình đẳng cũng vọng truyền.
Gặp việc chưa thoát ngoài ngôn ngữ,
Kiến đồng Phật Tổ cũng xót thương.

(Tất cả nhị biên không cần châm chước, quét sạch rồi gọi là một đạo bình đẳng, thì bản thể Tự tánh hiện ra. Lời nói cũng chưa có siêu việt ngôn ngữ, vẫn tự thuộc về tri kiến. Dù tri kiến cao siêu bằng Phật, Tổ cũng không đúng. Nếu chấp vào đó, nên đáng xót thương!

Tự tánh là do tâm mình ngộ, như uống nước nóng lạnh tự biết; nói ra thành tri kiến. Cho nên, Phật Thích Ca sau khi ngộ, thuyết pháp 49

năm mà nói rằng: “Chưa từng nói một chữ ”. Lịch đại Tổ sư ngộ cũng không nói được; có nói ra cũng là văn tự lời nói, với bản thể Tự tánh thì rất khác xa.

Vậy muốn thấy Tự tánh phải tham thiền, tự ngộ; nếu học theo lời Phật, Tổ để nghiên cứu sâu xa cũng vô ích, gọi là sở tri chướng, chướng ngại sự ngộ của mình.

---o0o---

GIẢNG GIẢI
TÍN TÂM MINH TỊCH NGHĨA GIẢI
Hòa Thượng Thích Duy Lực
Thích Đồng Thường Ghi Thành Văn Tự

45.MỘNG HUYỀN KHÔNG HOA, HÀ LAO BẢ TRÓC

Dịch

Việc mộng huyền như hoa đốm trên không, đâu cần nắm bắt cho một nhọc!

Lời khai thị:

Mai rùa đen (vô minh), người ta dùng mai rùa để bói. Ở đây dùng ý thức để suy tìm, có tìm ra được cũng như trống rỗng. Không phải như trái cân thật cứng chắc. Nếu dùng ý thức để đi tìm, học hỏi có kiến giải cao siêu cho là chân lý cũng vô dụng.

Chỉ có Mộc thượng tọa tức là cây tích trượng của Tu sĩ, chẳng có cảm tình phân biệt. Không có phân biệt thì không bị xuyên tạc của người khác. Xuyên tạc là lấy tâm đi tìm giải thích. Người kiến tánh thì tự do tự tại, làm gì cũng được.

Người thường hay ham giàu có để hưởng thụ, muốn sống lâu. Nếu ở trong rừng lầy gì để hưởng thụ? Tuy có nhiều tiền đi đến Dương Châu, Thượng Hải... để hưởng thụ đầy đủ. Nhưng tạm thời không có cứu cánh. Tự tánh của mình có tất cả đầy đủ, hưởng không hết. Còn người đời giàu sang phú quý hưởng bao nhiêu, rồi cũng có giới hạn.

“Sáng cưới trâu Thiểm Phủ, chiều cưới hạt Dương Châu”. Có ý người đời dù có hưởng thụ bao nhiêu, thì người kiến tánh đều có hết. Người kiến tánh được tự do tự tại, mà người đời không bằng được. Vì người đời giàu sang bao nhiêu, có thể lực bao nhiêu đều bị hạn chế. Như có thể lực bằng vua, có tiền nhiều hơn cả nước, thì cũng không được tự do tự tại, vì không muốn già nó cũng già, không muốn bệnh nhưng cũng phải bệnh, không muốn chết rồi cũng phải chết. Tự mình làm chủ cho mình không được. Nếu làm chủ không được, làm sao được tự do tự tại!

Người kiến tánh biết mình là cái gì, thì làm chủ được mình, nên được tự do tự tại, không còn các khổ, ở trong tâm sẵn sàng có đầy đủ tất cả, muốn đi đâu đều được. Người kiến tánh là đã về quê nhà, còn gọi là đã đập bể hư không; tức là hưởng thụ công đức của mình, chứ không cần người khác. Nếu còn cần người khác thì còn có ý lại, nên không được tự do tự tại.

Nếu chưa kiến tánh tức là chưa về quê hương, như mây bay trên trời, ngôi sao lặn đối với mình đâu có liên quan. Cho nên, ngài Trung Phong muốn mình kiến tánh, làm cái gì cũng được. Nếu chưa kiến tánh dù có kiến giải cao siêu cũng là vô dụng.

Lời nghĩa giải:

Tổ sư nói: “Việc mộng huyền như hoa đốm trên không, đâu cần nắm bắt cho mệt nhọc”! Người nghĩa giải dẫn trong kinh nói: “Tất cả pháp hữu vi, như mộng huyền bọt bóng, sương, lộ, điện chớp, nên tác quán như thế”. Sáu thứ này ở trong kinh Kim Cang không có tự thể, không có thật, chỉ tạm thời hiện ra, nếu chấp thật là sai lầm.

Lại dẫn chứng ngài Vĩnh Gia nói: “Buông tứ đại, chớ nắm bắt, trong tánh tịch diệt cứ ăn uống, các hạnh vô thường tất cả không, tức là Như Lai đại viên giác”. Tứ đại gồm địa, thủy, hỏa, phong là bốn thứ hợp thành thân thể của mình, cũng không phải thật, cho nên phải buông bỏ.

Tự tánh của mình thì tịch diệt; tịch diệt này không phải là đoạn diệt. Đây hình dung không có bản thể, nhưng cái dụng thì tự động, như đói ăn, mệt ngủ. Lúc ăn cơm không thấy mình ăn, lúc ngủ không thấy mình ngủ, gọi là tánh tịch diệt, chứ không phải không có gì! Chỉ vì các pháp là vô thường.

Chữ “hành” là biến đổi, như thân thể này do tứ đại hợp thành tức là từ nhỏ biến thành lớn rồi lớn biến thành già cho đến biến thành đất; nó mỗi phút mỗi giây đều biến mãi, không có giây phút nào không biến đổi. Mặc dù mình ngủ nó vẫn biến đổi, thì tất cả đều như thế!

Nói đến không là hiện ra cái dụng, chứ không phải không có gì cả. Cái dụng đó là Như Lai Đại Viên Giác. Đại Viên Giác là hình dung cái dụng tự động của Tự tánh. Viên là tròn, thêm không được, bớt cũng không được. Nếu thêm được là dư, bớt được là thiếu, không phải là viên giác.

Giác là gì? Là biệt danh của Tự tánh. Như Lai cũng là biệt danh của Tự tánh. Nếu tất cả không có chấp Phật, tức là quét sạch trống rỗng, thì tự nhiên hiện ra cái dụng của Tự tánh. Nhưng những người chưa kiến tánh, không hiểu ý Phật, không hiểu ý Tổ, lấy hai lời này ở trong kinh Kim Cang của Phật, lời của Tổ ở trong Chứng Đạo Ca, để dẫn chứng rằng: “Tất cả đều không có”, làm ác, phá giới đều không sợ, chấp vào cái không, thì lọt vào cú thứ nhì, đã làm tội địa ngục mà tự mình không hay biết.

Tịch nghĩa giải:

Nhưng lời nói trên chưa được, ngài Trung Phong còn phủ nhận.

Nhưng chẳng biết ngay lúc buông lung tình ý, làm bậy. Quả thật thấy cảnh sở duyên như mộng huyễn không hoa hay không? Nếu thấy là không hoa, thì chẳng nên đeo đuổi để hưởng thụ. Nếu trong tâm mình còn chút tìm kiếm để hưởng thụ, cũng không gọi là mộng huyễn không hoa. Phải biết, muốn làm Phật làm Tổ cũng là mộng huyễn không hoa; làm Phật, làm Tổ còn mộng huyễn không hoa, huống là những việc khác thấp hơn ư!

Ngay cái thuyết “đâu cần nắm bắt cho mệt nhọc”! Đã rơi vào mộng huyễn rồi. Vậy việc này phải làm sao mới được? Nếu chẳng đích thân chứng ngộ, mà theo lời Phật lời Tổ để giải thích thì chẳng phải ngu si là gì! Cho nên, lời nói cao siêu là vô dụng, lý giải cao siêu cũng là vô dụng, nên phải thân chứng mới được.

Kệ kết thúc:

Thích Ca nửa đêm thấy ngôi sao,
Cùng hiện bóng nghiệp trước gương đài.
Làm thành một thứ mộng điên đảo,
Chẳng biết ai là đắc tiện nghi.

(Hai câu trên nói sự tích Phật Thích Ca. Phật Thích Ca ở núi Tuyết Sơn tu hết sáu năm, ngồi dưới gốc cây bồ đề 49 ngày, đến nửa đêm thấy sao mai mà ngộ đạo; sau khi ngộ đạo, biết mình là cái gì rồi.

Nếu không biết cái gì thì tùy nghiệp xoay chuyển; trước gương nghiệp đã biết mình là cái gì tức là đã thành Phật, làm chủ được chính mình, được tự do tự tại, vĩnh viễn giải thoát tất cả khổ. Nếu bị thời gian, số lượng hạn chế thì không gọi là tự do tự tại. Khi đã thành Phật mới biết trước kia tất cả đều là mộng tưởng điên đảo.

Không những ban đêm nhắm mắt chiêm bao, mà ban ngày cũng là mở mắt chiêm bao, đều là điên đảo mộng tưởng. Nhắm mắt chiêm bao có lúc phải tỉnh giấc, còn mở mắt chiêm bao không biết bao giờ thức tỉnh! Đến chừng nào kiến tánh rồi, thì mở mắt chiêm bao được thức tỉnh.

Vì do bệnh chấp thật nên có chiêm bao, làm cho mình không biết là cái gì, nên không làm chủ được mình. Đã không biết mình là cái gì, mà còn ai biết tiện nghi! Nói được tiện nghi là do lòng tham của mình mới có tiện nghi. Sau khi chết chôn thành đất thiêu thành tro, vậy ai được tiện nghi? Vì mình chấp thật là do ba độc của tham, sân, si.

Cho nên, ý Tổ muốn mình biết mình là cái gì, thì phải tham thiền; nghi tình thành khối sẽ có ngày biết mình là cái gì, mới làm chủ cho mình. Lúc đó biết ai đã được tiện nghi).

---o0o---

46. ĐẮC THẤT THỊ PHI, NHẤT THỜI PHÓNG KHƯỞC

Dịch

Đắc, thất, thị, phi, đồng thời buông bỏ.

Lời khai thị:

Đạo tràng của Ngưỡng Sơn có 1500 người tham thiền. Tuyết Phong giữ nhiệm vụ vo gạo nấu cơm.

Một hôm Tuyết Phong đang vo gạo, Quy Sơn gặp hỏi Tuyết Phong: Vo gạo bỏ đất cát hay bỏ gạo?

Tuyết Phong đáp: Gạo và đất cát đều bỏ.

Quy Sơn nói: Vậy, đại chúng ăn cái gì?

Tuyết Phong lật úp thúng gạo.

Quy Sơn nói: Căn cơ của ông đến Đức Sơn mới thích hợp.

Tuyết Phong gặp Đức Sơn hỏi: Sự kiến tánh thành Phật, người học Phật là tôi có phần hay không?

Câu nói vừa dứt, thì cây phản của Đức Sơn liền đập trên đầu của Tuyết Phong, ngay đó Tuyết Phong ngộ đạo, phá được sơ quan. Cây phản của Đức Sơn có tiếng bên Tổ Sư thiền gọi là Đức Sơn phản. Có người đến hỏi đạo, thì Tuyết Phong dùng trái cầu bằng gỗ, có cột sợi dây rồi quăng ra; đây là thủ đoạn của Tuyết Phong.

Phổ Hóa giúp cho Lâm Tế để hoằng dương Tổ Sư thiền. Đến khi Ngài gần nhập tịch, Phổ Hóa nói: Tôi cần một chiếc áo. Mọi người đem áo lại cho, Sư nói không phải. Chỉ có Lâm Tế làm cho một cái hòm, rồi Phổ Hóa nhận và vác cái hòm ra thành Trấn Châu có bốn cửa: Đông, nam, tây, bắc.

Ngày đầu tự mình vác hòm đến cửa đông và nói với mọi người đi theo coi rằng: Đến cửa đông, tôi tự mình vào cái hòm nhập diệt. Khi đến nơi, Tổ nói: Hôm nay chưa được, đợi đến ngày mai vào đến cửa nam rồi nhập diệt.

Sáng ngày mai, Tổ vác hòm đi, cũng có số người đi theo, khi đến nơi, Tổ lại nói: Hôm nay cũng không được, đợi đến ngày mai đi cửa tây mới được.

Sáng mai đó, Tổ vác hòm đi chỉ có vài người theo đến nơi, Tổ nói: Cũng chưa được, chưa có tốt; đợi ngày mai nữa mới được.

Rồi ngày mai ấy chỉ có một mình Tổ vác cái hòm đi đến cửa bắc, chẳng có ai theo. Khi đến nơi, rồi tự mình vô hòm mà thị tịch. Mọi người xung quanh thấy Tổ cầm chuông sắt đi ở trên không mà rung, đi đến lúc không còn thấy.

Hai Tổ ở trên là đại cơ đại dụng, mục đích độ chúng sanh được ngộ ngay. Nếu không ngộ cũng phải phát khởi lên nghi tình, sau này sẽ

được ngộ. Mặc dù Tổ làm như thế không có gì, nhưng đó là cơ dụng của Tổ. Tuy là đại dụng đại cơ, nhưng mà kết quả là tạo tác, tức là có ý muốn làm như vậy.

Đâu bằng Nam Tuyền là Vương Lão Sư còn gọi là Vương Thái Phó. Ngài dạy học cho thái tử và tự xưng là Vương Lão Sư. Ngài ngộ triệt để là vô sanh vô diệt. Vô sanh thì không có thiện không có ác.

Người ta hỏi: Thế nào là đạo?

Tổ đáp: Tâm bình thường là đạo.

Không có gì lạ, chỉ là đói bụng thì ăn cơm, ăn no buồn ngủ thì ngủ, đó là tánh của người ta vậy. Cứ ăn no rồi ngủ, khoái lạc tiêu điều tự do tự tại.

Có một ông Quan hỏi Thiền sư: Cách tu hành của Ngài như thế nào, nói cho tôi biết, đừng tôi học theo?

Thiền sư nói: Đói bụng thì ăn cơm, buồn ngủ thì ngủ.

Ông quan nói: Như vậy, người nào cũng tu hành hết, vì ai cũng đói bụng thì ăn cơm, buồn ngủ mà ngủ.

Thiền sư nói: Không phải! Khác. Tôi ăn cơm chỉ ăn cơm, còn các vị ăn cơm thì phân biệt đủ thứ. Tôi ngủ cứ ngủ, còn các vị ngủ mà suy nghĩ đủ thứ, đâu có giống.

Nếu mình đã kiến tánh thì vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ, lúc đói ăn cơm buồn ngủ thì ngủ. Có ai đến hỏi Tổ Sư thiền, bảo họ xem Huỳnh Phan Xước.

Huỳnh Phan Xước là cố vấn cao cấp của nhà vua Đường Minh Hoàng. Lúc An Lộc Sơn phản loạn, vua Đường Minh Hoàng sợ bỏ lánh nạn ở Tứ Xuyên cùng với Huỳnh Phan Xước.

Khi lúc trời mưa có cái Linh rung kêu, nhà vua có tâm trạng chán nản hỏi Huỳnh Phan Xước: Cái linh nói gì vậy?

Huỳnh Phan Xước trả lời: Tam Lang đừng thổi chí.

Qua câu chuyện trên, ý muốn mình chưa kiến tánh đừng thôi chí. Như Đường Minh Hoàng bị đánh bại không còn tinh thần, chán nản. Mình phải có chí khí dũng mãnh tiến lên tham cứu khi nào ngộ mới thôi.

Lời nghĩa giải:

Tổ sư nói: “Đắc, thất, thị, phi, đồng thời buông bỏ”. Người nghĩa giải rằng: Trong nhất chân Pháp giới (pháp giới rộng hơn vũ trụ, vũ trụ thì vạn hữu, pháp giới thì vạn hữu và vạn vô) thì ở trong tự tánh của mình bao gồm pháp giới tức là Phật tánh. Vậy tất cả ở trong pháp giới đâu có cái gì ở ngoài pháp giới.

Cho nên Phật pháp thường nói: “Ngoài tâm không có Phật, ngoài tâm không có pháp”. Không có trong, không có ngoài thì đâu có đắc đâu có thất, chẳng có thị chẳng có phi, chỉ vì do vọng tình sanh lên. Vọng tâm khởi lên mới có phân biệt đắc thất, thị phi, cho là khác nhau gọi là dị kiến. Đáng lẽ không có đồng không có khác, vì vọng tâm khởi lên phân biệt, khi không sanh ra đủ thứ khác nhau. Ở trong không có đắc thất mà sanh ra đắc thất, ở trong không có thị phi mà sanh ra thị phi.

Do đó Tổ sư bảo chúng ta buông bỏ hết đã là không đúng rồi. Như mình trần đụng vào mặt bén của con dao, tự mình làm đứt mình, chứ không phải người khác. Tâm mình cũng vậy, khi không vọng tâm mình làm ra tự bó buộc, đâu có ai làm cho mình đắc, thất, thị, phi!

Đã vốn không có đắc, thất, thị, phi mà còn buông bỏ cái gì? Cho nên buông bỏ là không đúng. Nếu nói có lý do để buông bỏ, thì đắc, thất, thị, phi buông bỏ ở chỗ nào?

Phật pháp là phá ngã chấp, nếu ngã chấp không có thì ai đắc, thất, thị, phi? Nói vậy đúng lắm, rất có lý; nhưng ngài Trung Phong còn phải phủ nhận.

Tịch nghĩa giải:

Hử! Có thể buông bỏ cũng đáng ăn gậy, nói không thể buông bỏ cũng đáng ăn gậy. Tại sao? Vì ông chưa thoát được đắc, thất, thị, phi. Vậy, đã lọt vào tứ cú rồi.

Đắc là cú thứ nhất, thất là cú thứ nhì, chẳng đắc chẳng thất là cú thứ ba, cũng đắc cũng thất là cú thứ tư. Thị phi và buông bỏ cũng vậy. Vì vậy có buông bỏ cũng đánh gậy, không buông bỏ cũng đánh gậy.

Vậy thế nào để khỏi bị đánh gậy? Chỉ có tham thiền, khởi nghi tình miên mật thì không lọt vào tứ cú, mới đưa đến chỗ giác ngộ triệt để.

Kệ kết thúc:

Hai tay xòe ra chẳng một việc,
Thị, phi, đắc, thất thả đều quăng.
Muốn đem cái này thoát sanh tử,
Con rắn siết chặt đôi chân ông.

(Hai bàn tay buông ra không có việc gì, tại mình nắm chặt là do chấp thật, nên có đắc, thất, thị, phi. Nếu thị, phi, đắc, thất đều bỏ hết, vậy đúng hay không? Cũng chưa đúng. Tại sao? Muốn lấy buông bỏ để siêu việt sanh tử, như bị rắn quấn siết đôi chân thì không thể đi.

Bởi vậy, không có đắc, thất, thị, phi, tại vọng tâm mình chấp thật mới có. Nếu nói buông bỏ thì buông bỏ cái gì? Sự thật không có cái gì để cho mình buông bỏ. Nếu khởi niệm buông bỏ là sai lầm, như tự mình lấy dây bó buộc mình vậy.

---o0o---

47.NHÃN NHƯỢC BẤT THÙY, CHƯ MỘNG TỰ TRỪ

Dịch

Mắt nếu không ngủ, chiêm bao tự dứt.

Lời khai thị:

Quanh năm ngồi kiết già, suốt ngày miệng như câm, hai mắt ngó trên vách, chẳng biết mong muốn gì? Tham cứu tự kỷ; tham thiền phải quyết tử mà tham, đặt tham thiền trên đời sống, trên tất cả mới hy vọng kiến tánh. Nếu có nửa nghi nửa tin, thì nghi tình không được nặng; mà thấy lời cổ nhân, câu thoại đầu hình như có hình như không có; tháng ngày trôi qua, năm cùng khí tận, lần quần qua ngày, giống như leo cây bắt cá.

Bắt cá phải xuống nước, leo cây làm sao bắt được! Đâu bằng quét cho nó sạch, muốn quét sạch phải dùng nghi tình nặng. Nghi tình là cái chổi automatic quét sạch hết. Gặp ma quét ma, gặp Bồ tát quét Bồ tát, gặp Phật quét Phật, rồi dạ minh châu Tự tánh của mình hiện ra.

Hạt dạ minh châu ở trong đêm tối hiện ra ánh sáng thấy được mọi thứ. Như Tự tánh mình hiện ra, thì biết mình là cái gì, tất cả vũ trụ vạn vật đều biết rõ hết. Lúc đó đạt được tự do tự tại, không còn tất cả khổ nữa.

Lời nghĩa giải:

Tổ sư nói: “Mắt nếu chẳng ngủ, chiêm bao tự trừ”. Người nghĩa giải cho rằng: Hai câu này là lấy con mắt để thí dụ, câu sau để hợp câu trước. Nếu vọng tâm không có chấp thật, thì bình yên vô sự, chẳng có việc gì, tại do tâm mình chấp thật, mới có phân biệt đủ thứ. Ở đây thí dụ, nếu hai con mắt mở lớn không ngủ, thì thấy rõ ràng, hôn trầm làm sao có! Vì thế nó tự trừ. Đã không có hôn trầm thì chiêm bao cũng không có.

Theo nghĩa giải thì đúng, nhưng ngài Trung Phong còn phải phủ nhận.

Tịch nghĩa giải:

Nếu có thí dụ không bằng không có thí dụ. Có thí dụ như thế, thì Tổ Tăng Xán cũng đáng ăn phẫn. Tại sao? Nói nhắm mắt có chiêm bao, còn mở mắt cũng là chiêm bao. Hiện nay tôi đang thuyết pháp, các vị đang nghe pháp, cũng là chiêm bao vậy. Vì sao?

Giáo môn có độc đầu ý thức biến hiện là một mình ý thức biến hiện chiêm bao, thì nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân ngưng hoạt động, chỉ có thức thứ sáu luôn luôn hoạt động, ngủ quên nó vẫn hoạt động hiện ra thân chiêm bao. Nhân vật trong chiêm bao có người quen có người không quen, thế giới trong chiêm bao, như: Nhà, cửa, xe cộ đều có. Người trong chiêm bao gặp nhau cùng nói chuyện, người chiêm bao bị đánh cũng biết đau, biết vui biết khổ, ăn uống đều biết ngon, khóc trong chiêm bao cũng ra nước mắt, trong chiêm bao sợ, lúc thức dậy, trái tim thấy đập mạnh.

Vì chấp nhầm mắt chiêm bao là thật, nên khổ vui đều có, giống như khổ vui bây giờ không có chiêm bao vậy. Trong chiêm bao không cần cái thân, đưng nóng lạnh đều biết nóng lạnh, tất cả là do thức thứ 6 hiện ra.

Bây giờ, không có nhắm mắt chiêm bao, nhưng có mở mắt chiêm bao, gọi là đồng thời ý thức biến hiện. Tại sao gọi là đồng thời ý thức biến hiện? Như tiền ngũ thức: Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân đang hoạt động bình thường. Con mắt thấy cái gì thì thức thứ 6 đồng thời nổi lên. Nhĩ thức nghe được tiếng, nhưng không biết tiếng gì, tiếng người hay tiếng chim... phải có thức thứ 6 đồng thời khởi lên, mới biết được tiếng người hay tiếng chim; lại phân biệt được tiếng đàn ông, đàn bà hay trẻ con... đều phân biệt rõ ràng.

Nếu không có nhĩ thức, thì thức thứ 6 không nghe tiếng, nên không phân biệt được. Nếu có nhĩ thức không có thức thứ 6 đồng thời khởi lên, chỉ nghe được tiếng không biết tiếng gì. Cho nên phải có 2 thức đồng thời khởi lên, gọi là đồng thời ý thức biến hiện.

Độc đầu ý thức và đồng thời ý thức đều là chiêm bao. Cho nên, kinh Hoa Nghiêm nói: “Nhất thiết duy tâm tạo”. Tức là nhắm mắt chiêm bao và mở mắt chiêm bao đều do tâm tạo, cũng là do ý thức tạo ra. Chẳng qua nhắm mắt chiêm bao là chỉ một mình ý thức tạo. Mở mắt chiêm bao là 2 thức cùng tạo, đều do tâm tạo cả, chứ không có khác. Biết rằng nhắm mắt chiêm bao và mở mắt chiêm bao là 2 thí dụ, nếu Tổ Tăng Xán chấp cho là thật, thì Tổ cũng đáng ăn gậy.

Kệ kết thúc:

Kim cang chánh nhãn chưa từng ngủ,
Chẳng biết mộng lớn bao giờ thức.
Gởi lời Thiên khách cửa Tổ sư,
Chớ cho hạt hột là oanh ca.

(Kim cang chánh nhãn cũng là một biệt danh của Tự tánh. 2 chữ “kim cang” là vật ở thế gian cứng nhất, phá hoại tất cả vật, nhưng không bị tất cả vật phá hoại. Dùng cái đó để hình dung Tự tánh. Ở đây chánh nhãn là phân biệt tà nhãn.

Tà nhãn coi cái gì cũng sai lầm, không phải thật mà chấp là thật, không phải giả nhưng chấp là giả. Không phải có mà chấp là có,

không phải không nhưng chấp là không. Chánh nhãn thì ngược lại, phân biệt rõ ràng, không lọt vào tà kiến. Như kim cương phá hư được tất cả, nên gọi là kim cương chánh nhãn.

Tự tánh của mình không khi nào ngủ, vậy mình nói ngủ là không đúng. Nhắm mắt chiêm bao, khi ngủ đã thức dậy thì hết chiêm bao. Còn mở mắt chiêm bao, không biết bao giờ thức tỉnh; chỉ có tham thiền đến kiến tánh mới thức tỉnh, ngoài ra không bao giờ thức tỉnh.

Cho nên, lời của Thiền sư Trung Phong cách đây gần 1000 năm, nhắc nhở cho đại chúng biết: Đừng cho tiếng hạt là tiếng hoàng oanh.

Thức tỉnh nhắm mắt chiêm bao như là hoàng oanh kêu. Thức tỉnh mở mắt chiêm bao như là tiếng con hạt kêu. Thức tỉnh nhắm mắt chiêm bao vẫn còn cái khổ, còn thức tỉnh mở mắt chiêm bao thì hết khổ. Ấy là khác rất xa, nên đừng có lầm.

---o0o---

48. TÂM NHƯỢC BẤT DI, VẠN PHÁP NHẤT NHƯ

Dịch

Nếu tâm chẳng cho là có khác, thì muôn pháp chỉ là một “Như”.

Lời khai thị:

Chỗ hành của đạo nhân như lửa tan băng (nghi tình tự động quét sạch, gặp ma quét ma, gạt Phật quét Phật, như lửa tiêu băng). Trái lại, trước mặt Nạp Tăng như băng tiêu lửa (tại sao gọi là Nạp Tăng? Nạp là cái áo từ vải vụn ở các nơi khâu thành tấm vải gọi là nạp y, không phải lấy vải nguyên cắt ra mà khâu lại).

Phong tục an táng đám ma của Ấn Độ thời xưa gồm có 4 thứ: Thổ táng, thủy táng, hỏa táng và điều táng. Ở Việt Nam chỉ có thổ táng và hỏa táng, không có thủy táng và điều táng.

Thủy táng là bỏ xác chết xuống nước cho cá ăn. Điều táng là đem xác chết lên núi, chỗ có xây bốn bức tường, để cho cầm thú ăn thịt, còn lại quần áo rách, rồi Tu sĩ lượm vải đó về khâu lại làm nạp y. Cho

nên, cái tên vẫn còn gọi là Nạp Tăng, chỉ cho người xuất gia, nhưng đây chỉ cho người tham thiền xuất gia).

Bỏ hết băng và lửa, buông bỏ phàm thánh (tức là không phân biệt phàm thánh, lửa băng. Tham thiền đề câu thoại đầu, khởi lên nghi tình. Nghi tình là cái chỗi tự động quét sạch), như Đạo sĩ không tay vẽ bùa quỷ (vì nó tự động). Xà Lê mù mắt đọc kinh Phật (cũng là tự động khởi cần coi, 2 câu này là hình dung tham thiền, nghi tình tự động, khởi cần quét mà tự quét. Vọng tưởng lên bao nhiêu mặc kệ, nghi tình tự động quét sạch).

Lại còn một chỗ đáng tin cậy. Tò vò nuốt cả hồ Động Đình (Tò vò là con trùng rất nhỏ, còn hồ Động Đình thì rất lớn. Trong Thiền Thất Khai Thị Lục, ngài Lai Quả thí dụ: Nghi tình thành khối, dù khối này rất nhỏ, nhưng tất cả vật, núi, sông, đất, nước... đều ở trong đó).

Lời nghĩa giải:

Tổ sư nói: “Nếu tâm chẳng cho là có khác, thì muôn pháp chỉ là một Như”. Người nghĩa giải cho rằng: Vạn pháp vốn như, do tâm mới thành khác. Ví như núi chẳng tự cao, tâm cho là cao; nước chẳng tự sâu, tâm cho là sâu. Tâm này cho là khác thì muôn ngàn sự vật đều thành khác. Cổ và lụng vốn cùng một thân mà xem nó như nước Sở và Việt, anh em cùng giống nòi mà coi như trời với đất. Vì sự khác nên tình chí thân còn phải khác, huống là phàm với thánh, người với vật. Muốn dung hợp thành một, chẳng sanh yêu ghét này nọ, đâu có thể được.

Kinh nói: “Chưa đạt cảnh duy tâm, khởi đủ thứ phân biệt” (tức là chưa đạt tất cả cảnh, như vũ trụ vạn vật đều do tâm tạo. Nếu thấu được rồi thì không có phân biệt).

Như bọn mù mò voi (mỗi người mù sờ voi mỗi chỗ khác nhau, rồi cho con voi là thế này thế kia, chẳng biết mới chỉ sờ một bộ phận của con voi, mà cho là toàn thể con voi, thì sao đồng được!).

Như thấy bóng cung trong nước nghi là rắn... (người khách Quảng Đông uống nước trà, trong nhà có treo cây cung, ánh sáng đèn chiếu cây cung vào tách trà của người khách, hình giống như con rắn. Khi uống trà xong, người khách tưởng mình uống con rắn vào bụng. Từ cảm giác đó cái bụng mỗi ngày lớn lên, không có thầy thuốc nào

chữa được. Người chủ biết người khách bệnh là do hiểu lầm bóng cây cung cho là con rắn.

Lại một hôm, người chủ mời người khách đến uống trà, cây cung và tách trà vẫn chỗ cũ, cũng thấy bóng cây cung trong tách trà, ánh đèn chiếu vào. Người chủ chỉ cho người khách thấy, rồi lấy cây cung đem đi chỗ khác, người khách thấy trong tách trà không còn bóng cây cung cho là con rắn nữa, thì biết mình đã hiểu lầm cây cung cho là con rắn. Từ đó bệnh không còn nữa. Câu chuyện đó gọi là Quảng Khách Nghi Xà).

Như vậy, chứng tỏ là do tâm tạo, ở trong không có đồng không có khác, mà sanh ra có đồng có khác. Như mắt bệnh mới thấy hoa đốm trên không, nếu trị lành bệnh mắt, thì hoa đốm trên không đâu còn nữa.

Sơn hà đại địa vạn vật đủ thứ trong pháp giới bao la, làm sao dung hợp nhất như được? Nếu có dung hợp được như gương soi gương, cũng còn là gương. Nếu chuyển sơn hà nhập vào tự kỷ, như không hợp với không cũng là không. Đến đây các duyên đều tịch lặng, thì nhị kiến không sanh như: Sáng tối, có không, thông nghẽn... tất cả đối đãi đều không sanh khởi, nên nhất pháp ấn định. Vậy mới phù hợp cái định của Tổ sư và kế hợp tâm của Phật.

Giải thích trên rất có lý, nhưng ngài Trung Phong còn phủ nhận.

Tịch nghĩa giải:

Lời này tạm gát qua một bên. Nay trước mắt sáng, tối, thông, nghẽn, thành, trụ, hoại, không, gọi cái gì là tâm bất dị? Như sắc tượng có gọi là thành, tồn tại một thời gian gọi là trụ, bắt đầu hư gọi là hoại, tiêu mất không còn gì gọi là không.

Động vật có sanh lão bệnh tử, tất cả cảnh vũ trụ pháp giới hiện ra đủ thứ sai biệt, gọi cái gì là tâm không sai biệt? Nếu chỉ không ra thì làm sao được? Nói có lý mà chỉ không ra thì có lý gì? Hoặc có người nói: “Mặc cho các pháp bày ra trước mặt, ta chỉ dùng cái lý “bất dị” để chiếu soi thì được rồi”. Thì ngài Trung Phong nói: Ớ! Nếu mà như thế, chiếu chừng nào sai biệt chừng nấy.

Vậy làm sao không có sai biệt? Chỉ có nghi tình khởi lên mới không có đủ thứ sai biệt nổi lên.

Kệ kết thúc:

Tâm chẳng khác biệt đồng vạn pháp,
Nắm tay chỉ thể dọa trẻ con.
Cứ theo hình vẽ đồ cho giống,
Lừa gạt người đời khi nào thôi.

(Nếu tâm không khác thì vạn pháp đồng nhất. Nói như thế, cũng như trong nắm tay không có gì, lại gạt con nít ở trong đó có cục kẹo. Nếu như thế mà dạy người ta, tuy nói có lý, nhưng sự thật chẳng có ích cho người và mình. Cứ mãi mãi gạt người ta chừng nào thôi! Tức là thầy gạt trò, đời này sang đời khác, liên tiếp khi nào hết.

Nói ăn mà chẳng ăn thì không no, nói ăn mà ăn thì no. Như mình nghiên cứu chén cơm, trong đó có bao nhiêu chất bổ, biết rõ ràng không sót chút nào. Nhưng sự nghiên cứu biết đó, không thể nào no được, không bằng người ngu si không biết nghiên cứu, mà chỉ ăn cơm là được no.

Tham thiền đề lên câu thoại đầu, khởi lên nghi tình thì tự nhiên đạt đến chỗ tự do tự tại, giải thoát tất cả khổ. Nếu không, chỉ nghiên cứu giáo lý cao siêu, nói hay thì đối với việc giải thoát sanh tử không có liên quan.

---o0o---

49.NHẤT NHƯ THỂ HUYỀN, NGỌT NHĨ VONG DUYÊN

Dịch

Một chữ “Như” thể tánh huyền diệu, cùng tột bình đẳng, bật nhân duyên đối đãi.

Lời khai thị:

“Thiền thiền thiền, lìa lý giải”. Nói đến thiền thì không thể lý giải, dùng lời nói không thể lý giải, vì cần lìa lý giải. Hiện giờ có một số sách

thiền phổ biến, họ lại giải thích công án là nghịch ý Tổ sư, vì giải thích thì hết nghi, tham thiền là cần nghi.

Nếu lấy thiền để giải thích, theo giới luật thì người đó phải đọa địa ngục, tức là làm lấp bít cửa ngộ của người tham thiền, tức là không cho người tham thiền được ngộ. Ngộ là Phật, độ vô lượng chúng sanh.

Có người hỏi tôi (Duy Lực): Thiền là cái gì vậy?

Tôi nói: Thiền không phải là cái gì; nếu thiền là cái gì thì không phải thiền. Vậy làm sao để giải thích?

Ông già Thích Ca truyền pháp cho Ma Ha Ca Diếp chưa được một nửa. Tổ Đạt Ma đem thiền này truyền qua Trung Quốc, một vạn thì còn thiếu tám ngàn. Ngài Lâm Tế danh tiếng hét, dù hét cho đến muốn bể miệng, ngài Đức Sơn đánh phản cho đến tay phỏng lên... những cơ xảo này rất hay, nhưng đối với thật tế vẫn cách xa như trời với đất.

Tại sao? Dù Phật, Tổ hay như thế nào cũng không truyền cái ngộ cho mình được. Người ta nói truyền tâm ấn, vậy làm sao truyền? Không thể truyền được, mà chỉ truyền cách thực hành tham thiền, rồi tự mình ngộ.

Câu chuyện người thợ mộc đẽo bánh xe và Tề Hoàng Công:

Tề Hoàng Công ở thời xuân thu (Trung Quốc). Tề Hoàng Công ở nhà trên, còn thợ mộc ở nhà dưới đang đẽo bánh xe. Thời xưa dùng cây để làm bánh xe.

Thợ mộc đẽo bánh xe rất giỏi hỏi Tề Hoàng Công: Ngài coi sách gì vậy?

Tề Hoàng Công đáp: Coi sách Thánh hiền.

Thợ mộc hỏi: Thánh hiền nói gì vậy?

Tề Hoàng Công nói: Thánh hiền lấy cái kinh nghiệm dạy cho mình

Thợ mộc hỏi: Thánh hiền ở đâu?

Tề Hoàng Công nói: Thánh hiền đã chết.

Thợ mộc nói: Thánh hiền đã chết, thì lời nói của Thánh hiền như mây khói, vậy có dùng gì được!

Tề Hoàng Công phát giận nói: Sao ông dám nói vậy? Dám phỉ báng

Thánh hiền! Vậy ông phải cắt nghĩa cho tôi nghe, nếu có lý thì ta tha, còn vô lý phải bị chém đầu.

Thợ mộc nói: Tôi đẽo bánh xe, tôi ngộ được cách đẽo bánh xe, nếu đẽo bánh xe lỏng một chút, bánh xe dễ sút ra nên rất nguy hiểm; nếu chặt quá thì bánh xe quay không được. Tâm tôi đã ngộ, dùng tay cầm búa đẽo vào bánh xe cho vừa vặn không lỏng không chặt. Tôi đã ngộ nghề này, muốn truyền cho con tôi; con tôi cũng là thợ mộc khéo, nhưng truyền không được. Tôi chưa chết, cầm búa dạy cho con tôi đẽo, tôi cầm tay con tôi cũng đẽo không được; huống là lời Thánh hiền, mà Thánh hiền đã chết từ lâu thì có ích gì! Tôi còn sống, búa và bánh xe còn đó truyền không được, chẳng phải lời của Thánh hiền là mây khói sao!

Tề Hoàng Công nói: Có lý. Thôi! Tha chém đầu.

Bánh xe có hình tướng còn truyền không được, huống chi Tự tánh không hình tướng, làm sao truyền được? Cho nên Phật, Tổ rất hay chỉ được phân nửa, Tổ còn thiếu tám ngàn.

Nếu mình tiến tới trước trước mắt, như vạch sóng tìm nước; nếu thối lui như cuốc đất kiếm trời. Nếu không tới lui muốn cầu tương ứng với Tự tánh, thì cần tham 30 năm nữa mới được.

Lời nghĩa giải:

Tổ sư nói: “Một chữ Như thể tánh huyền diệu, cùng tột bình đẳng, bật nhân duyên đối đãi”. Người nghĩa giải cho rằng: Thể Tánh của chữ Như, huyền diệu lại thêm huyền diệu. Chẳng do nhân duyên mà có, chẳng phải tự nhiên mà thành.

Như: Con gà và trứng gà. Nếu nói con gà và trứng gà do nhân duyên mà có. Nhân duyên thì phải có sự bắt đầu nhân thứ nhất. Nhân thứ nhất con gà hay nhân thứ nhất trứng gà? Nếu nhân thứ nhất là con gà, thì không có trứng gà, làm sao nở ra con gà? Nếu nhân thứ nhất là trứng gà, thì không có con gà, làm sao đẻ ra trứng gà? Thì vô lý! Lý nhân duyên không đủ lý do, nên không đúng.

Nếu cho tự nhiên mà thành; nói nhân thứ nhất là tự nhiên sanh ra. Nếu tự nhiên thì không cần nhân duyên, thì tự nhiên ở trên trời rớt xuống con gà hoặc trứng gà. Tại sao bây giờ con gà do trứng gà nở

ra và trứng gà do con gà đẻ? Vậy tự nhiên cũng vô lý, lý này không thành lập được.

Cho nên, Phật dạy mình lìa tứ cú tuyệt bách phi. Vì tất cả đều không đúng, có đối đãi là tứ cú. Như tôi thuyết pháp cũng lọt vào tứ cú. Tham thiền cũng lọt vào tứ cú, còn cái gì không lọt vào tứ cú? Chỉ có khởi lên nghi tình thì không lọt vào tứ cú, lìa tứ cú và tuyệt được bách phi.

Vậy con mắt của Phật cũng không thấy được, tâm của Phật không thể suy lường. Nên quăng đại thiên thế giới ra ngoài hư không, cuốn pháp giới thành sợi lông, tức là một không thì tất cả đều không, chẳng cần mổ xẻ; Nếu một có thì tất cả đều có, đâu cần tạo tác mới có. Chẳng thể lấy số cát sông Hằng cho là nhiều và cũng không cho một sợi lông là ít.

Nói “tuyệt nhân duyên, bất đối đãi”, tức là thể tánh huyền diệu của một chữ “Như” vậy. Nói như thế, thì lý cao siêu nhưng ngài Trung Phong còn phải phủ nhận.

Tịch nghĩa giải:

Nói thì nói gần giống, người chứa lời này trong lòng, muốn tương ứng với thể tánh huyền diệu của chữ Như, chẳng khác nào ôm lửa trong lòng mà cầu cho đừng cháy, vậy làm sao được? Tức là đạo lý cao siêu hơn Phật cũng vô dụng, chỉ cần mình tự tham tự ngộ mới được.

Kệ kết thúc:

Nói Như ngoài Như đâu còn Như?
Núi khe trùng điệp ẩn nhà xưa.
Mặt trời lên cao ngủ mới dậy,
Nhàn thấy mục đồng cưỡi ngược lừa.

(Nếu không có cái Như thì đâu cần Như, cũng như mình cất nhà lá ở trên núi, có suốt có khe. Một chùm núi thì có một dòng nước, mình muốn ngủ cho đến mặt trời lên 3 sào, đâu có ai đánh thức dậy. Có ý là mình muốn nghiên cứu giáo lý cao siêu hơn Phật, cũng không làm chủ được thân mình.

Muốn đạt tự do tự tại thì phải làm chủ. Muốn làm chủ thân phải biết mình là cái gì? Cần phải tham thiền, hỏi câu thoại đầu khởi lên nghi tình sẽ đưa đến chỗ ngộ, thì làm chủ cho mình được tự do tự tại.

Hiện nay không biết mình là cái gì? Không làm chủ cho mình, mình không muốn già cũng phải già, không muốn chết cũng phải chết, bị sanh tử nên không được tự do. Nếu nói vậy, có người lại hỏi: Tại sao Phật Thích Ca, lịch đại Tổ sư, chứng ngộ rồi cũng phải chết? Sao nói là sanh tử tự do?

Thí dụ có 2 loại người:

Người phạm tội ở trong tù; người làm việc ở trong tù. Người phạm tội ở trong tù không được tự do đi ra vô; người làm việc trong tù tự do đi ra vô. Hai hạng người này dụ cho sanh tử vậy.

Người ngộ đạo được tự do, người chưa ngộ đạo không được tự do. Nếu người làm việc ở trong tù không thích làm việc nữa, thì xin nghỉ việc rời khỏi nhà tù. Như sự chết của Phật, Tổ khác hơn người thường, vì được tự do. Mình chưa ngộ không được tự do, thấy thì giống, nhưng sự thật lại khác; như 2 loại người ở trong tù thì giống, nhưng sự tự do có khác.

Nếu được tự do tự tại, như cất căn nhà lá ở trên núi sâu, mình ngủ mặt trời lên 3 sào, cũng không có ai nói đến; dù thế lực nhà vua cũng không có ảnh hưởng đến mình. Vậy mình tự do tự tại, xem thần tiên cười ngược lù.

Tự do ai cũng muốn, nhưng phải có cách? Phật và Tổ sư dạy mình tham thiền rất công hiệu đạt đến tự do tự tại.

---o0o---

50. VẠN PHÁP TỀ QUÁN, QUI PHỤC TỰ NHIÊN

Dịch

Muôn pháp cùng quán một lượt, tất cả trở về Tự Tánh.

Lời khai thị:

Phật pháp khởi cần trừ vọng tâm, tham thiền đầu lìa trung đạo và nhị biên. Vì không có nhị biên để lìa và cũng không có trung đạo để lìa. Do tâm chấp thật nên có nhị biên và trung đạo để lìa. Nếu khởi lên tâm tìm cầu thì xa cách Tự tánh mình 10 vạn 8 ngàn dặm, tức là rất xa, mà tìm chừng nào xa chừng nấy. Cho nên nói: “Vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ”. Nếu lấy tâm đi tìm hiểu là hồ nghi, chứ không phải chánh nghi, không phải tham thiền.

Tông Lâm Tế nói: “Một câu đủ tam quyền, một quyền đủ tam yếu, gọi là tam quyền tam yếu”. Nhưng Thiền sư Trung Phong là con cháu của Lâm Tế, ở đây quét tam quyền tam yếu. Nói có gì đâu mà tam quyền tam yếu! Tự tánh của mình không có hình tướng, cả bóng cũng không có nữa. Vì bản thể Tự tánh còn lìa ngôn ngữ giải thích. Nếu lấy ngôn ngữ để giải thích thì lọt vào tứ cú, làm sao Tự tánh hiện ra được?

Vậy người tham thiền làm sao còn cầu tương ứng? Tương ứng là cú thứ nhất, không tương ứng là cú thứ nhì, chẳng tương ứng chẳng không tương ứng là cú thứ ba, cũng tương ứng cũng không tương ứng là cú thứ tư. Nếu cầu tương ứng thì lọt vào tứ cú. Như vậy, không được cầu; từ xưa đến nay Tự tánh đâu có mất! Nếu Tự tánh mất thì bị sanh diệt. Vì Tự tánh chẳng sanh chẳng diệt, nên hiện tiền, do vọng tâm chấp thật mình không thấy.

Lời nghĩa giải:

Tổ sư nói: “Muôn pháp cùng quán một lượt, tất cả trở về Tự Tánh”. Người nghĩa giải dẫn chứng Giáo môn nói: “Tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên”. Bởi vì tùy duyên, chơn như là vạn pháp; bởi vì bất biến, vạn pháp là chơn như.

Lại nói: “Ngoài tâm không có pháp”, kinh Hoa Nghiêm nói: “Nhất thiết duy tâm tạo”, nghĩa là tất cả đều do tâm tạo ra, làm sao ngoài tâm có pháp được? Ngoài tâm không có pháp, thì đâu có pháp nào để làm duyên cho tâm? Tất cả nhân duyên do pháp có pháp không đều do tự tâm sanh ra, lại làm tướng cho tâm. Nếu tâm chấp tướng có thì hiện ra tướng có; nếu tâm chấp tướng không thì hiện ra tướng không.

Lời này so với cái lý “vạn pháp tề quán” của Tổ sư cũng chẳng cách xa vậy; hoặc nói “tề quán” cũng là cái bóng của “chẳng lựa chọn”, nếu còn lựa chọn thì chẳng thể cùng quán.

Tuy lời giải thích rất có lý, như ngài Trung Phong còn phải phủ nhận.

Tịch nghĩa giải:

Dẫn chứng thì chẳng phải không đúng. Như mặt trời mọc, mặt trăng lặn, ban đêm tối, ban ngày sáng, rõ ràng chẳng thể lẫn lộn. Vậy có cái gì để nói tề quán? Lìa khỏi lời này, xin cho một tin tức tốt hơn thử xem?

Vậy Tổ sư muốn mình tề quán còn cách nào nữa? Ngoài ra câu thoại đầu khởi nghi tình thì không biết tối, không biết sáng, không biết mặt trời mọc, không biết mặt trăng lặn, thì đã tề quán rồi.

Kệ kết thúc:

Vạn pháp làm sao khiến cho bằng?

Đâu thể trở về lúc tự nhiên.

Xưa nay tri âm rất khó gặp,

Bá Nha, Tử Kỳ đi đâu tìm?

(Người tham thiền thì tri âm rất ít, không những tri âm ít, mà không chịu tri âm, lại muốn phá hoại phỉ báng. Sự tham thiền rất cần cho mình, vì mình đã ở trong sanh tử luân hồi, đã chịu biết bao khổ cực. Nay gặp được chánh pháp tham thiền, như Cổ Đức nói: “Gặp được chánh pháp thì kiếp này phải độ thân này, chứ đợi kiếp nào nữa”!

Tham thiền là tự độ cho mình và độ cho người, để đạt đến tự do tự tại, vĩnh viễn hết tất cả khổ. Bây giờ đề câu thoại đầu, khởi nghi tình, cứ tham! Tri âm có hay không cũng không biết, vạn pháp bằng nhau hay không cũng không biết, tự nhiên hay không tự nhiên cũng không biết; khi nghi tình vỡ thì ngộ đạo. Không tự nhiên nó cũng tự nhiên, không tề quán nó cũng tề quán, không có tri âm thì tất cả đều tri âm. Ý của ngài Trung Phong là vậy.

51. DẪN KỶ SỜ DĨ, BẤT KHẢ PHƯƠNG TỶ

Dịch

Bật hết lý giải, chẳng thể thí dụ.

Lời khai thị:

Có người hỏi Triệu Châu: Thế nào là Phật?

Triệu Châu trả lời: Ở trong điện ở ngoài vách tường.

Ở trong điện là phải, vì tượng Phật ở trong điện. Tại sao nói ở ngoài vách tường? Cái đó mâu thuẫn là công án.

“Đánh xe đánh bò” là công án của Mã Tổ. Lúc Mã Tổ chưa kiến tánh, thích tọa thiền. Thầy của Mã Tổ là Thiền sư Hoài Nhượng. Biết Mã Tổ là nhân tài xuất sắc, người nào lại Mã Tổ không mãn tới. Vậy làm sao độ được?

Hoài Nhượng mới lấy cục gạch trước mặt Mã Tổ mà mài từ sáng đến chiều, qua thời gian lâu Mã Tổ hỏi Hoài Nhượng: Sư phụ mài gạch để làm chi?

Hoài Nhượng nói: Mài gạch để làm gương.

Mã Tổ nói: Mài gạch làm sao thành gương được?

Hoài Nhượng hỏi: Ông tọa thiền để làm gì?

Mã Tổ trả lời: Để thành Phật.

Hoài Nhượng nói: Ông biết mài gạch không thành gương được! Tại sao tọa thiền thành Phật được?

Mã Tổ hỏi: Vậy làm sao mới được?

Hoài Nhượng hỏi: Giả sử chiếc xe bò không chạy, nên đánh bò hay đánh thùng xe?

Lúc ấy Mã Tổ liền ngộ. Trong khi Tổ Hoài Nhượng mài gạch, Mã Tổ thấy nên trong tâm có nghi tình, nhưng không biết mình nghi tức là chân nghi. Gặp nhân duyên nghi căn chấm dứt, thì đưa đến ngộ đạo.

“Giơ nắm tay, giơ ngón tay” của Câu Chi (Thiền sư Cụ ĐỂ). Có một ngày, Sư cô đội nón lá vào trong chùa không lấy nón xuống.

Cụ ĐỂ nói với Sư cô: Sư cô lấy nón lá xuống.

Sư cô nói với Cụ ĐỂ: Nói đi! Thì tôi mới lấy nón xuống.

Cụ ĐỂ nói không ra tự thấy mắc cở. Trời gần tối Sư cô ở lại một đêm hỏi pháp.

Sư cô nói: Nói đi! Nói được thì tôi ở lại.

Cụ ĐỂ nói không được, Sư cô quay đầu đi ra. Tự mình thấy mắc cở quá, rồi tính bỏ chùa đi tham học, kiến tánh mới về. Còn không kiến tánh thì không về. Rồi sửa soạn hành lý để đi. Trong đêm ấy chiêm bao thấy Hộ pháp thần báo khởi cần đi, vài bữa sẽ có Thiện tri thức đến chùa. Cụ ĐỂ chờ vài ngày sau, thấy Thiền sư Thiên Long đến. Cụ ĐỂ ân cần tiếp đãi, rồi trình lại chuyện Sư cô đến và nhờ Thiền sư Thiên Long khai thị.

Thiền sư Thiên Long không nói, chỉ giơ ngón tay lên. Cụ ĐỂ liền ngộ.

Rồi từ đó về sau, ai đến hỏi đạo với Cụ ĐỂ, Cụ ĐỂ chỉ giơ ngón tay lên.

Có chú tiểu Sa di bắt chước, có ai hỏi gì Sa di thì cũng giơ ngón tay. Có người báo lại chú tiểu Sa di giơ tay cho Cụ ĐỂ nghe. Cụ ĐỂ nghe rồi không nói, mài con dao thật bén để trong mình.

Một hôm chú tiểu Sa di rót trà cho Cụ ĐỂ, Cụ ĐỂ hỏi: Thế nào là Phật? Chú tiểu quen giơ tay, rồi giơ tay lên, sẵn đó Cụ ĐỂ lấy dao chặt đứt ngón tay. Chú tiểu hoảng sợ bỏ chạy. Cụ ĐỂ rượt theo nói: “Đứng lại, đứng lại!”.

Chú tiểu đứng lại, Cụ ĐỂ lại hỏi: Thế nào là Phật?

Chú tiểu cũng giơ ngón tay lên, thấy ngón tay không còn nữa, liền ngay đó chú tiểu Sa di liền ngộ. Đây là công án của Cụ ĐỂ.

“Ném ba trái banh gỗ” của Tuyết Phong. Có ai đến hỏi thì ngài Tuyết Phong dùng ba trái cầu bằng gỗ, có dây buộc nhau, rồi quăng ra. Đây là công án của Tuyết Phong.

“Gởi ba tờ giấy trắng” của Huyền Sa. Thủ đoạn của Huyền Sa hay hơn thủ đoạn của Tuyết Phong.

Có một hôm, Huyền Sa tặng cho một Tổ sư ba lu tượng, kèm theo ba tờ giấy trắng ở trong mỗi phong thư. Tổ sư ấy nhận và hỏi đại chúng rằng: Có ai biết ba cái thư này nói gì không? Chẳng ai nói được thì ta đập bể ba lu tượng, còn nói được thì không đập. Rồi không có ai nói được. Huyền Sa liền đập bể ba cái lu tượng.

Nói tánh nói tâm ở Linh Sơn của Phật Thích Ca.

Nói da nói tủy nơi Thiếu Thất của Tổ Đạt Ma. Tổ Đạt Ma tụ họp các đệ tử, rồi hỏi từng người để xem trình độ của mỗi vị ra sao! Trong đó có 4 vị đệ tử xuất sắc ra trình:

Người kể ra đầu tiên, Tổ nói: Ông được da của tôi.

Người kể ra thứ nhì, Tổ nói: Ông được thịt của tôi.

Người kể ra thứ ba, Tổ nói: Ông được xương của tôi.

Người thứ tư là Huệ Khả đi ra chẳng nói gì, Tổ nói: Ông được tủy của tôi.

Qui Ngưỡng lập cửa thiền cha con. Qui Sơn làm cha, Ngưỡng Sơn làm con. Hai vị đó họp thành Qui Ngưỡng tông, thường hỏi và đối đáp nhau. Những người khác nghe chẳng hiểu gì. Người có công phu nghe thì được ngộ, nếu không ngộ cũng phải nghi.

“Đầy mắt núi xanh” của Đức Thiệu Quốc Sư. Ngài là pháp tử của tông Pháp Nhãn. Thầy của ông là Thiền sư Pháp Nhãn Văn Ích. Ở trong pháp hội của Pháp Nhãn, Đức Thiệu Quốc Sư không có hỏi gì, đứng một bên thầy. Người ta đến hỏi pháp, ông đều có mặt ở đó.

Có Tăng hỏi Pháp Nhãn: Thế nào là một giọt nước của Tào Khê? (Tào Khê là chỗ chùa Nam Hoa, tỉnh Quảng Đông. Hiện giờ 3 tượng nhục thân: Lục Tổ, Tổ Đơn Điền, Tổ Hám Sơn ở nơi đó. Trước đây Lục Tổ thuyết pháp nơi này).

Pháp Nhãn trả lời: Là một giọt nước của Tào Khê.

Người hỏi không biết cái gì, nhưng Đức Thiệu Quốc Sư đứng một bên nghe liền kiến tánh. Vậy Pháp Nhãn trả lời cũng như không trả lời; nếu nói không trả lời làm sao Đức Thiệu Quốc Sư nghe liền kiến tánh?

“Nước hồ trước cửa” của Vĩnh Minh. Có người hỏi: Thế nào là Phật? Ngài trả lời: Nước hồ trước cửa.

Thủ đoạn của các Tổ đều khác nhau, người có công phu thành khối (như trái cây chín mùi còn ở trên cây), nghe được liền ngộ. Người công phu chưa tới thành khối, thì không thể ngộ được, phải khởi lên nghi tình. Nghi tình là làm nhân cho ngộ, rồi sau này sẽ ngộ. Tất cả đều do thủ đoạn của Tổ sư.

Cho nên thủ đoạn của Tổ sư hình dung rất mạnh, như nói: “Thả đi thì sáng khắp bầu trời, chặn lại thì gió bay muôn dặm”. Tức là sức mạnh của Tổ sư dùng thủ đoạn làm cho người tham thiền lúc đó phát nghi, sau này sẽ ngộ.

Lời của Tổ chưa dứt, mình phải ngộ liền. Nếu lời của Tổ vừa dứt mà mình ngưng lại một chút thì không được ngộ.

Như chuyện của vua Ung Chính và Thiền sư Thiên Tuệ.

Thiền sư Thiên Tuệ có công phu rất sâu, vua Ung Chính gặp hỏi: Khi cha mẹ chưa sanh, thế nào là mặt mũi bỗng lai của ông?

Thiền sư Thiên Tuệ ngưng một chút, rồi mới giờ nắm tay.

Vua Ung Chính lắc đầu tức là biểu thị Thiền sư chưa ngộ. Vua từ bi nói với Thiền sư Thiên Tuệ: Ông hỏi lại tôi đi!

Thiền sư Thiên Tuệ hỏi: Khi cha mẹ chưa sanh, thế nào là mặt mũi bỗng lai của ông?

Câu hỏi vừa dứt, thì vua Ung Chính đưa nắm tay lên, Thiên Tuệ liền ngộ.

Vậy biết, ngưng lại (đình cơ) một chút thì không được. Đây là tiếng nói không cho mở miệng. Vậy không có tiếng nói được không? Cũng không được, vì thủ đoạn của Tổ sư không cho mình suy nghĩ để nói. Nếu ngộ được thì ngộ, còn không ngộ thì phải nghi, mở miệng nói là sai lầm.

Cứ bắt chước hành động thủ đoạn của Tổ; Tổ gọi là mở mắt mà đáí trên giường. Như Phật tử đốt hương lạy Phật, đối với những người này thì đốt hương dẫn quỷ vào nhà để phá. Tại sao? Vì những người này không chịu tham thiền khởi nghi tình chỉ thích làm theo hành động của chư Tổ để khoe tài, nên không thể ngộ được.

Lời nghĩa giải:

Tổ sư nói: “Bật hết lý giải, chẳng thể thí dụ”. Người nghĩa giải cho rằng: Kinh Bát Nhã dùng 100 thí dụ để dụ Bát Nhã, có kinh khác cũng dùng 100 thí dụ để dụ giải thoát, còn có người dùng 100 thí dụ dụ tâm Bồ Đề, ghi đủ trong kinh sách, đâu có cái lý “chẳng thể thí dụ”? Phải biết, Bát Nhã, Giải Thoát, Bồ Đề thì có thể thí dụ. Giả sử bỏ hết tất cả danh tướng, thì nhất tâm đều bật. Ngay khi ấy còn lập được thí dụ gì chẳng? Hoặc theo người xưa nói: “Cò trắng với tuyết chẳng đồng sắc, ánh trăng và hoa lâu chẳng giống nhau”. Lời này há chẳng thí dụ ư!

Tịch nghĩa giải:

Ông muốn ở nơi tuyết trắng, hoa lâu tìm đạo lý, chẳng khác gì nhận màu đỏ của vỏ quít cho là lửa!

Kệ kết thúc:

Diễn tả sừng thỏ dài ba thước,
So với lông rùa ngắn một phân.
Lại cho hạng người tánh hàm hồ,
Tai mắt dường như chẳng thấy nghe.

(Thỏ không có sừng mà lấy để thí dụ, thật vô lý! Rùa không có lông mà nói ngắn hơn một phân, cũng vô lý! Tức là mình không tham

thiền không ngộ, cứ đuổi theo lời Phật, Tổ, tự xưng ngộ rồi. Sự thật chưa ngộ.

Như lúc trước có một Ni sư nói với tôi đã chứng ngộ triệt để rồi.

Tôi hỏi: Tham câu nào mà ngộ?

Ni sư nói: Tham câu “muôn pháp về một, một quy về đâu”?

Tôi hỏi: Một quy về đâu?

Ni sư nói: Không trả lời được, rồi sau đó nói: Thiền không trả lời được, nếu nói ra thì lọt vào tứ cú.

Tôi nói: Người chưa ngộ nói thì lọt vào tứ cú, còn người ngộ rồi nói thế nào cũng không lọt vào tứ cú.

Ni sư nói: Như công án vô môn quan, làm sao nói được?

Tôi nói: Thôi để thiền qua một bên đi! Lấy vô môn quan của Giáo môn để nói.

Ni sư cũng không nói được, vậy làm sao gọi là chứng ngộ? Theo giới luật của Phật nói: Người chưa chứng quả mà nói đã chứng quả là đại vọng ngữ, bị tội ba la di, đọa vào địa ngục thời gian 921 ức năm.

Tự tánh thì con mắt đâu thể thấy được, lỗ tai không nghe được. Con mắt thấy, tai nghe đều là hư vọng. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Tại vì con mắt bệnh từ vô thủy, nên thấy vũ trụ, vạn vật”, đều không thật. Tự Tánh phải ngộ, chứ không phải dùng tai nghe, mắt thấy.

Phải dụng công tham thiền, khởi nghi tình miên mật, mới đưa đến chỗ ngộ.

---o0o---

52. CHỈ ĐỘNG VÔ ĐỘNG, ĐỘNG CHỈ VÔ CHỈ

Dịch

Ngưng động chẳng phải tịnh, động ngưng chẳng phải ngưng.

Lời khai thị:

Muôn toa đồng một đường (đường rày), muôn sự việc đồng một lý, muôn dụng cụ đồng kim loại, như: Bông tai, vòng, dây chuyền, nhẫn,... cùng làm bằng vàng. Muôn làn sóng đồng chất nước. Vạn tượng sum la thấy đều là ông. Ông nếu không tin, hãy vào bụng

Thích Ca, Đạt Ma đi hành cước trăm ngàn vòng, thì bắt đầu tham thiền mới hy vọng kiến tánh.

(Nếu không như vậy, mà lấy tai nghe, mắt thấy để đọc kinh điển, ngữ lục của Phật, Tổ thì đối với việc sanh tử không có liên quan. Bởi vì ở ngoài bụng của Phật, Tổ, nên không biết ý của Phật, Tổ. Vậy không được tìm kiếm ở bên ngoài).

Lời nghĩa giải:

Tổ sư nói: “Ngưng động chẳng phải tịnh, động ngưng chẳng phải ngưng”. Người nghĩa giải cho rằng: Lòng từ bi thống thiết của Tổ sư, đem hai bên động tịnh vào thành một khối, nói trắng cho nghe, đại khái đồng ý chỉ của Pháp sư Tăng Triệu nói: “Tức tịnh mà động, tức động mà tịnh” cũng là ý chỉ “vạn pháp tề quán”. Chẳng những động tịnh như thế, mà tất cả cảnh duyên cũng đều như thế. Tức tịnh là động. Hoa rụng là gió xuân đưa; tức động là tịnh, băng tan cũng do mặt trời soi.

Người trí quán pháp chẳng sai biệt,
Kẻ mê do đây khởi điên đảo.

Tịch nghĩa giải:

Lời này tạm gác một bên! Nếu như chẳng động, ngay khi ấy còn có lý lẽ gì để thảo luận hay không? Nói mau! Nói mau!

(Trả lời không được, vì biết là do sự học, chứ không phải tự ngộ. Nếu học bao nhiêu lý lẽ cao siêu, đều là vô dụng. Phải do mình tự ngộ, muốn ngộ thì phải tham thiền, phát khởi nghi tình miên mật ngày đêm không gián đoạn thì có thể ngộ được. Nếu không ngộ mà lấy ý thức phân biệt cho đúng cũng là sai, đối với việc giải thoát sanh tử chẳng có liên quan gì).

Kệ kết thúc:

Động tịnh mong khởi bệnh liền sanh,
Nắm tay kéo nhau vào lửa hồng.
Con voi xưa nay vẫn y cũ,
Bọn mù mò mẫm thấy đều sai.

(Nếu động khởi lên thì trần cũng khởi lên, trần là bụi sanh diệt. Tịnh khởi lên mới có băng (nước đá) sanh. Tất cả đều do bệnh chấp thật. Nếu vậy chấp thật mãi, thấy động chấp động, thấy tịnh chấp tịnh, như nắm tay nhau vào hố lửa, thì phải bị chết thiêu. Những người ấy đáng thương xót! Đi sai lầm đường, vào trong hố lửa mà cho là tốt.

Bản thể Tự tánh từ xưa nay, đâu có bị che lấp, vì bệnh chấp thật của mình che lấp, làm cho mình không được kiến tánh. Không được kiến tánh thì không biết mình là cái gì? Nên không làm chủ được mình, thì không được tự do tự tại, phải chịu khổ. Cho nên, phải tham thiền phát nghi tình miên mật đưa đến giác ngộ, thì không còn khổ nữa.

Nếu không ngộ thấy cái gì, chấp thật gọi là điên đảo tưởng, như người mù bẩm sinh, chỉ sờ một bộ phận con voi cho là con voi. Trong Thiền Thất Khai Thị Lục, ngài Lai Quả nói: Người chưa kiến tánh giống như những người mù, đập cứt chó tưởng cho là tốt, không biết là cứt chó. Nếu mắt sáng thì biết nó là cứt chó thì không có đập nó).

---o0o---

53.LƯƠNG KÝ BẤT THÀNH, NHẤT HÀ HỮU NHĨ

Dịch

Hai đã chẳng thành, một làm sao có.

Lời khai thị:

Biển Phật không bờ, sông thiền không đáy (Giáo môn có thể giải thích. Thiền môn thì siêu việt số lượng, nên nói sông không có đáy). Nước một thước, sóng một trượng chảy mãi không thôi (Bàng Uẩn lúc chưa kiến tánh hỏi Mã Tổ: Không cùng với vạn pháp làm bạn, người ấy là gì?

Mã Tổ đáp: Đợi khi ông một hớp hết nước Tây giang, ta sẽ nói cho ông nghe.

Bàng Uẩn nghe liền ngộ triệt để.

Một miệng mà hớp hết nước Tây giang làm sao được? Vì nói đến thiền thì không có nghĩa lý được, mà hiểu theo nghĩa lý là sai lầm. Tổ sư gọi là con chó đuổi theo cục xương mà cắn.

Cũng vậy, có Tăng hỏi Pháp Nhãn: Thế nào một giọt nước của Tào Nguyên?

Pháp Nhãn trả lời: Là một giọt nước của Tào Nguyên.

Người hỏi không ngộ, mà người đứng một bên là Thiều Quốc Sư nghe liền ngộ. Pháp nhãn có trả lời hay không? Có trả lời cũng là trả lời lại câu hỏi, nếu không có trả lời làm sao người ta ngộ? Tuy nói nghĩa lý mà chẳng có nghĩa lý gì.

Thiều Quốc Sư ngộ rồi, ở trên núi phong quyền làm kệ:

Phong quyền phong đỉnh,
Bất thị nhân gian.
Tâm ngại vô pháp,
Mãn mục thanh sơn.

Pháp Nhãn nghe được bài kệ này, nói: “Chỉ bốn câu này, có đủ tư cách nói truyền tông phái của Pháp Nhãn”. Thiều Quốc Sư là Tổ thứ nhì của tông phái Pháp Nhãn.

Thuyền Tử tánh tình thích dùng ghe đi đây đó, trôi nổi ở dưới sông. Ngài có sư đệ là Đạo Ngô, cùng chung một thầy, 2 người đã kiến tánh. Thuyền Tử có dặn Đạo Ngô: Khi nào gặp Pháp sư lanh lợi, hãy giới thiệu cho tôi, để tôi có người nối pháp.

Đạo Ngô đi ngang Giáp Sơn đang thuyết pháp, rồi ghé lại nghe.

Tăng hỏi Giáp Sơn: Thế nào là Pháp thân?

Giáp sơn trả lời: Pháp thân vô tướng.

Tăng hỏi: Thế nào là Pháp Nhãn?

Giáp Sơn trả lời: Pháp Nhãn vô hà (vô hà là không có tí vết).

Đạo Ngô nghe vậy, rồi cười.

Khi giảng xong, Giáp Sơn đến hỏi Đạo Ngô: Vừa rồi tôi giảng có chỗ nào không đúng, sao Thượng tọa cười, xin Thượng tọa chỉ bảo?

Đạo Ngô nói: Không phải là không đúng, nhưng Hòa thượng giảng chưa có thầy.

Giáp Sơn nói: Tôi xin đánh lễ Thượng tọa làm thầy.

Đạo Ngô nói tôi không phải thầy của Hòa thượng. Thầy của Hòa thượng là Thuyền Tử ở Hoa Đình.

Giáp Sơn hỏi: Vậy Thuyền Tử thế nào?

Đạo Ngô nói: Thuyền Tử trên không có một miếng ngói, dưới không có chỗ cắm dùi. (tức tả cảnh giới vô trụ là cảnh giới cao nhất).

Giáp Sơn không thuyết pháp nữa, tìm đến Hoa Đình gặp Thuyền Tử; vừa muốn hỏi thì bị Thuyền Tử đánh lộn xuống sông.

Khi góc đầu lên, thì Thuyền Tử nói: Nói đi, nói đi!

Giáp Sơn định mở miệng muốn nói, thì bị Giáp Sơn nhận chìm.

Khi góc đầu lên, thì Thuyền Tử nói: Nói đi, nói đi!

Lúc ấy, Giáp Sơn ngộ đạo, không hỏi nữa. Thuyền Tử biết ngộ đạo rồi, kéo Giáp Sơn lên bờ.

Sau khi Giáp Sơn ngộ đạo liền từ giả đi; đi được vài bước ngoảnh đầu ngó lại.

Thuyền Tử nói: Ông còn muốn thấy có cái gì nữa sao? Rồi tự mình nhận chìm chiếc ghe, chết trước mặt Giáp Sơn, chứng tỏ là không còn cái gì nữa.

Giáp Sơn về chùa vẫn thuyết pháp y như cũ. Đạo Ngô sai một vị

Tăng hỏi: Thế nào là Pháp thân?

Giáp Sơn trả lời: Pháp thân vô tướng.

Tăng hỏi: Thế nào là Pháp Nhãn?

Giáp Sơn trả lời: Pháp Nhãn vô hà.

Vị Tăng trở về nói cho Đạo Ngô biết. Đạo Ngô nói: Được rồi, ông ấy đã ngộ. Lúc trước nói như vậy lắc đầu cười, nói là không được vì chưa có thầy. Bây giờ hỏi như vậy và trả lời cũng như vậy. Nhưng Đạo Ngô lại tán thán ngộ rồi. Nếu mình theo nghĩa lý để hiểu là sai lầm, vì không có nghĩa lý cho mình hiểu.

Cho nên, tham thiền dùng chánh nghi, không cho tâm tìm hiểu. Còn hồ nghi là lấy tâm đi tìm hiểu, giải thích. Tổ gọi là con chó không phải con sư tử.

Hứa Do là vị ẩn sĩ nghe người ta tán thán, còn đi rửa lỗ tai, vì nghe làm cho dơ lỗ tai. Thị phi như nước lớn ngập đầy trời muôn dặm. Nếu lọt vào đó thì bị chết chìm, vì có nghĩa lý mới có thị phi. Thị phi là tương đối nằm trong tứ cú. Phật, Tổ muốn mình lìa tứ cú. Nhưng mọi người trên quả đất đều có thị phi hết, nên chẳng biết, lại lấp bít nguồn tâm, khiến đất bằng phải nổi sóng to.

Lời nghĩa giải:

Tổ sư nói: “Hai đã chẳng thành, một làm sao có”. Người nghĩa giải cho rằng: Thị chẳng phi thì không thị, phi chẳng thị thì không phi. Vừa đã có thị trước đã có phi, vừa thấy có phi trước đã có thị. Cho nên, thị chẳng tự lập, phi chẳng độc tồn. Phi là cội của thị, thị là gốc của phi. Cho đến ngộ mê chơn vọng... tất cả đều như vậy. Thế thì cái hai của thị phi đã trừ, thì cái nhất của trung đạo đâu còn! Tổ sư đến đây thật là mổ bụng thấy tâm, từ bi quá lắm rồi!

Tịch nghĩa giải:

Nếu hai đã chẳng thành, một cũng không có. Vậy còn có kẻ biết “chẳng thành”, “không có” chẳng? Nếu nói không, thì ai biết sự chẳng thành, không có? Nếu nói có, lại gọi là không có được không? Tổ sư đến chỗ này chỉ có phần đờ lưỡi.

Vậy có nghĩa lý cao siêu là vô dụng, vì có đối đãi thì lọt vào tứ cú. Cho nên bị hỏi thì trả lời không được.

Kệ kết thúc:

Chẳng thả xuân về xuân tự về,
Vườn cây mỗi mỗi hiện xanh tươi.
Bông tím bông hồng biết đâu kẻ,
Bướm bướm từng đôi bay khắp nơi.

(Miền nam Việt Nam không có bốn mùa (xuân, hạ, thu, đông), miền bắc Việt Nam và Trung Quốc có bốn mùa. Mùa đông cây cối lá rụng hết, tuyết phủ trắng. Mùa đông qua thì mùa xuân trở về. Xuân về

không có ai thả nó về. Mặc dù không thả nó về, nhưng nó tự về, không có ai ngăn cản được.

Khi xuân về thì vườn nào, cây cối ra lá xanh tươi, bông tím bông hồng ở đâu lại? Lúc nó hết thì đi về đâu? Lúc nó có thì ở đâu lại? Có bông ra thì bướm bướm đến, chỉ thấy từng đôi bướm bướm bay trên cành hoa.

Tất cả hiện tượng trên biết từ đâu đến? Nếu mình lấy ý thức để giải thích được chỗ đến chỗ đi, thì chẳng có nghĩa lý gì! Vì nó chẳng có chỗ đi và cũng chẳng có chỗ đến. Cho nên, Phật pháp nói: “Tất cả đều do tâm tạo”, nghĩa là do vọng tâm mình biến hiện mà thôi.

Kinh Lăng Nghiêm nói: “Thấy tất cả vũ trụ vạn vật là do kiến bệnh từ vô thì”. Nếu muốn biết cứu kính của vạn vật là chỉ có tham thiền, khởi nghi tình; khi nghi tình bùng nổ, mới biết nguồn gốc của mình là tâm, biết tâm rồi thì tất cả đều biết hết.

Không biết nguồn gốc của tâm lại nghiên cứu nhánh lá, thì không thể tìm ra được! Bởi vậy, cách tham thiền chỉ cho tâm nghi, chứ không cho tâm đi tìm hiểu. Tâm tìm hiểu là hồ nghi chứ không phải chánh nghi. Chánh nghi sẽ trở về bản tâm, hồ nghi là hướng ngoài đi tìm, tìm chừng nào xa chừng nấy.

---o0o---

54. CỨU KÍNH CÙNG CỰC, BẤT TỒN QUY TẮC

Dịch

Cùng tột cứu cánh, chẳng còn quy tắc.

Lời khai thị:

Mười tắc là một thước, mười thước là một trượng. Bên đông mặt trời mọc, bên tây là mặt trời lặn, hỏi khắp mọi người trong vô số quốc độ, có ai chẳng biết? Tại sao nói đến Tổ Sư Thiên, mỗi người ngơ ngác như vách sắt? Còn có câu “mạc hậu lao quan” rất khó hiểu, chẳng ai che dấu cùng đưa một lượt. Ấy là cái gì? Thật oan uổng!

(Bát Nhã Tâm Kinh nói: “Sanh tử không phải thật”. Ai cũng biết sanh tử không phải thật, nhưng không tránh khỏi cái khổ sanh tử. Vậy cái biết của mình không phải thật. Ai không biết mười tác là một thước, mười thước là một trượng, bên đông mặt trời mọc, bên tây là mặt trời lặn.

Sự biết đó đâu có giải thoát sanh tử! Bây giờ là cái gì? Muốn hiểu thì phải tham thiền, câu thoại đầu tối ngày sáng đêm, mình phải tự hỏi, có thắc mắc không biết, có ngày sẽ ngộ. Ngộ rồi thì sanh tử tự mình giải quyết, được thoát khỏi cái khổ sanh tử luân hồi.

Nếu không ngộ, mặc dù cái khổ sanh tử không phải thật, cũng bị cái khổ sanh tử làm oan uổng! Vì tự tâm mình buộc tâm mình phải chịu cái khổ đó. Tự tâm buộc tự tâm, thì tự tâm giải thoát, chứ không phải người khác giải thoát cho mình được.

Lời nghĩa giải:

Tổ sư nói: “Cùng tột cứu cánh, chẳng còn quy tắc”. Người nghĩa giải cho rằng: Hư không, sắc tướng, lớn nhỏ, dài ngắn trong mười phương pháp giới, tất cả đều là tự kỷ (tại sao? Vì tất cả do tâm tạo, tức là do vọng tâm của mình biến hiện ra, không phải người khác).

Tùy chân bước, chẳng rời Địa Địa Tổ Tông (bốn chữ: Địa Địa Tổ Tông là biệt danh của Tự tánh). Tùy miệng nói ra là Chơn Thiên Cổ Phật (Chơn Thiên Cổ Phật cũng là biệt danh của Tự tánh, tất cả không ngoài tự kỷ).

Cho đến ôm vợ mắng Phật Thích Ca, uống rượu say đánh Phật Di Lặc, đều là nhất hạnh tam muội, còn nói chi khai giá trì phạm... (tại sao vậy? Vì tất cả do tâm tạo không ngoài Tự tánh. Nói đến Tự tánh làm sao có khai giá trì phạm! Ở trong giới luật có 3 cấp trì giới:

1. Bình thường nửa tháng bố tát có tụng giới để biết rồi giữ giới.
2. Thiên giới, muốn đạt thiên giới, nghi tình phải thành khối, 24 giờ ngày đêm không giây phút nào gián đoạn. Lúc đó vọng tưởng khởi lên không được, thì không có khai giá trì phạm. Nếu chưa đến cảnh giới đó, chỉ có giây phút gián đoạn, thì giây phút đó mình có thể phạm giới, không được gọi là thiên giới, thì cần phải khai giá trì phạm.

3. Lậu tận giới là người đã chứng quả, không trì giới mà nó tự trì giới).

Nên ngài Vĩnh Gia nói: “Đại ngộ bất câu ư tiểu tiết”, nghĩa là đại ngộ chẳng kẹt nơi tiểu tiết. Nếu được đại ngộ rồi thì tất cả đều là Tự tánh, thì lúc đó làm gì cũng được. Nếu mình chưa tới đó thì không được, nói bậy phải đọa địa ngục. Như tội ba la di phải bị đọa địa ngục 921 ức năm, cấp thấp phải đọa mấy chục hoặc mấy trăm vạn năm.

Tịch nghĩa giải:

Thôi, thôi! Nói cũng nói được rõ ràng, nhưng Diêm La Vương cũng muốn bắt bọn nói những lời này cho đến ăn gậy sắt. Việc này lợi hại ở chỗ nào? Mọi người về nhà tự mình kiểm điểm xem!

(Tham thiền cho đến ngộ là đã về nhà, lúc đó mới biết rõ ràng. Nếu chưa ngộ mà bắt chước lời Phật, Tổ, thì Diêm La Vương dùng gậy sắt đánh, lúc đó kêu trời kêu đất cũng không ai nghe).

Kệ kết thúc:

Tùy tâm đem ra tùy miệng bâng,
Phóng túng tung hoành kim chỉ nam.
“Chẳng còn quy tắc” lại giữ niệm,
Tự tánh bất nhị thành hai ba.

(Tùy tay làm động tác để biểu thị, tùy miệng luận bâng để cho người ta hiểu.

Tàu thủy hay máy bay đều có kim chỉ nam để làm tiêu chuẩn. Nếu có chỉ nam thì lọt vào hai, vì có nam thì phải có bắc. Như vậy nói “chẳng còn qui tắc” sao được?

Chẳng còn qui tắc là còn nghĩa lý, không còn nghĩa lý thì không có nam bắc. Nếu “chẳng còn qui tắc” mà còn lưu lại trong tâm, lấy tay ra dấu, dùng miệng nói ra, thì cũng lọt vào hai, ba tức là lọt vào tứ cú, chứ không phải bản tâm tự tánh của mình.

Chỉ có một cách tham thiền khởi nghi tình, mới không lọt vào tứ cú, không lọt vào hai, ba. Tổ sư khuyến khích mình cần tâm ngộ, muốn

tâm ngộ phải tham thiền. Nếu dùng miệng để biện tài nói khéo, thì càng thêm hư vọng.

Bắt chước Tổ sư đưa ngón tay, đưa nắm tay; nói đưa ngón tay là nhất chỉ thiền, thì hư vọng, nên Tổ sư nói: “Con chó ăn cứt người ta, không phải là con chó tốt”. Ngộ là do tâm mình, để người khác thay không thể được. Nếu không ngộ, mà bắt chước động tác, lời nói của Tổ, chỉ làm thêm tội địa ngục, chứ không có ích cho mình).

---o0o---

55.KHẾ TÂM BÌNH ĐẲNG, SỞ TÁC CÂU TỨC

Dịch

Khế hợp Bản Tâm thì tất cả bình đẳng, năng tác sở tác đều dứt.

Lời khai thị:

Người tham thiền phải học tượng vương và sư tử, đừng có hướng ngoại, phải hướng trong Tự tánh của mình. Lời của Tổ sư có thí dụ: Một người liệng ra cục xương, con chó đuổi theo cục xương mà cắn; còn con sư tử không ngó cục xương, hướng vào người quăng cục xương mà cắn. Người quăng cục xương là gì? Là dụ cho Tự tánh. Cục xương là gì? Cục xương là lời nói của Phật, Tổ. Nếu hướng vào lời nói để tìm hiểu hay để ngộ, Tổ nói là con chó. Nếu hướng vào Tự tánh mà ngộ là tượng vương, sư tử.

Chơn không che được nguy, co không dấu được trục; cho nên chơn không sợ nguy, trục không sợ co. Chỉ có tôn giả Kiều Trần Như suốt năm tinh tọa, tinh tỉnh tịch tịch trong khám làm bằng cây tùng. Người ta đến cúng, hay không cúng, làm thiện hay làm ác đều không biết tới. Ngày qua ngày, tháng thiếu là 29, tháng đủ là 30 cũng không màng đến.

Cũng vậy, người tham thiền, khởi nghi tình thì tất cả đều không biết đến. Như vọng tưởng nổi lên bao nhiêu mình cũng mặc kệ. Bởi vì cái nghi tình là tự động quét sạch tất cả, không những quét có vọng tưởng mà không có vọng tưởng cũng quét. Chân lý cao hơn Phật, mà biết tới là hư vọng sai lầm.

Chỉ cần đề câu thoại đầu, khởi lên nghi tình, cho đến khi đầu tâm không (kiến tánh). Kiến tánh rồi thấu qua sự chướng ngại đầy trời chấp thật của vọng tâm mình. Thiền sư Lai Quả nói: “Mình chưa kiến tánh là con mắt mù, không thấy đường đạp nhằm cút chó cho là tốt. Người kiến tánh là con mắt sáng”. Muốn mắt sáng thì phải tham thiền. Khi mắt sáng rồi thấy rõ ràng tất cả, không bị nhầm lẫn.

Cho nên Tổ sư nói: “Nếu mình không trải qua một phen thấm lạnh thấu xương tủy, làm sao được mùi thơm của hoa mai”. Người tham thiền cũng vậy, không trải qua một phen cực khổ quyết tử để tham, thì mới có ngày kiến tánh. Cũng như hoa mai, trời càng lạnh mùi thơm càng nồng.

Lời nghĩa giải:

Tổ sư nói: “Khế hợp Bản Tâm thì tất cả bình đẳng, năng tác sở tác đều dứt”. Người nghĩa giải dẫn chứng trong kinh nói: “Pháp ấy bình đẳng, chẳng có cao thấp, ví như thủy ngân rơi xuống đất, giọt nước viên tròn lớn, giọt nhỏ viên tròn nhỏ, cả đại địa không có pháp nào mà chẳng tương ứng với tự tâm. Lúc Như Lai thành đạo, quán lại hạnh nghiệp tu hành, nhiều kiếp đều như mộng huyễn, chẳng có kẻ làm cũng chẳng có kẻ không làm. Cho nên nói: “Tu tập phạm hạnh như hoa đốm trên không, tọa nơi đạo tràng như bóng trắng dưới nước, hàng phục ma quân trong gương, thành tựu Phật sự trong mộng”.

Tại sao như thế? Tâm mình chưa ngộ triệt để, thì vọng tâm hoạt động thì tạo ra vũ trụ, vạn vật đủ thứ sanh tử luân hồi. Tự tánh không có mấy cái đó. Vì không bình đẳng nên có tất cả pháp sai biệt, nên có pháp bình đẳng và không bình đẳng.

Nói như trên rất có lý, nhưng ngài Trung Phong còn phủ nhận.

Tịch nghĩa giải:

Kinh Viên Giác nói: “Tự tánh vốn bình đẳng”. Người đạt bình đẳng, nói là bình đẳng, đã đáng ăn 30 gậy.

Vì trong tâm hoạt động nên có cảm giác sai lầm, thấy có vũ trụ vạn vật, thấy có sanh tử luân hồi. Như do thân mình xoay có cảm giác sai lầm mới thấy căn nhà xoay. Thân mình ngưng xoay thì căn nhà

ngưng xoay. Căn nhà xoay là không bình đẳng, căn nhà ngưng xoay là bình đẳng. Nói căn nhà xoay và ngưng xoay đều là sai lầm. Căn nhà có xoay hồi nào đâu mà nói ngưng xoay. Vậy nói bình đẳng là sai lầm, cũng đáng ăn gậy.

Nói bình đẳng còn không được, mà lại dẫn chứng bao nhiêu tri giải, giải thích cho nhiều lại thêm không bình đẳng, thì ăn thêm gậy nữa mới được!

Kệ kết thúc:

Đã đến quê nhà còn về đâu?
Nằm dài trong am nắng gội cao.
Trăm ngàn huyền diệu đều quên hết,
Suốt ngày cửa mở chẳng ai vào.

(Sau khi kiến tánh thì đường đi đã hết, khỏi cần hỏi nữa; lúc đó đã về nhà tự do tự tại. Tất cả chấp tâm đều sạch, huyền diệu hay không huyền diệu đều quên hết, vì Tự tánh bất nhị không có huyền diệu hay không huyền diệu thì không có bị huyền diệu hay không huyền diệu làm chướng ngại.

Bài kệ trên là hình dung người đã kiến tánh, được tự do tự tại trong mọi hoàn cảnh động hay tịnh, không bị cảnh ràng buộc).

---o0o---

56.HỒ NGHI TỊNH TẬN, CHÁNH TÍN ĐIỀU TRỰC

Dịch

Hồ nghi dứt sạch, chánh tín vững chắc.

Lời khai thị:

Theo tiếng phổ thông Trung Quốc, một con Trâu gọi là nhất đầu, một con chó gọi là nhất chiếc, một con mèo gọi là nhất cá, một con ngựa gọi là nhất thất. Tại thói quen từ xưa tới nay đều gọi như vậy, ai ai cũng biết.

Thấy lửa biết cháy, thấy nước biết ướt. Ai ai cũng biết, người lớn con nít, người trí, người ngu đều biết hết. Nhưng một chút xíu trong tâm tại mê muội, tối tâm chẳng biết gì cả. Cái ở ngoài đều biết, cái ở trong của mình một chút cũng không biết. Tại sao? Vì bệnh chấp thật của mình che lấp mất cái biết Bát Nhã làm cho tối tâm không biết một chút gì về tâm.

Như vậy, không hiểu tâm mình, làm cho mình nghi, không hiểu lại thêm không hiểu, chấp lại thêm chấp. Biết tham thiền rồi cứ tham, không hiểu và chấp không thêm biết tới các thứ sai biệt và vọng chấp của tâm mình ra. Tự tánh không có sai biệt. Vì có tâm chấp nên có chúng sanh, có chúng sanh nên có Phật. Nếu không có chúng sanh thì ai thành Phật? Nếu không có chấp thì không làm chúng sanh, không có chúng sanh thì không có Phật.

Bởi vậy tất cả Hiền thánh từ ở trong cái chấp này mà nhập. Bây giờ mình đang chấp thì đã nhập rồi, sau này hết chấp cũng thành Phật thành Tổ, tất cả Hiền thánh đều qua con đường này, cũng phải từ đây mà nhập đạo để đạt đến giác ngộ thành Phật.

Lời nghĩa giải:

Tổ sư nói: “Hồ nghi dứt sạch, chánh tín vững chắc”. Người nghĩa giải cho rằng: Tín có hai thứ: Chánh tín và tà tín. Tin tự tâm là Phật chẳng cầu bên ngoài là chánh tín. Chẳng tin tự tâm là Phật khởi tâm tìm cầu bên ngoài, dù có làm việc lớn, đều gọi là tà tín.

Phải biết, chánh tín cũng có chỗ không hiểu có nghi. Nhưng ở trong chánh tín chưa có chúng được, cho nên mình sinh ra cái không hiểu, có nghi. Cách thực hành tham thiền, đề câu thoại đầu, khởi nghi tình ngày đêm miên mật, có ngày khối nghi tan rã, thì được kiến tánh thành Phật, thấy biết rõ ràng mọi vật.

Vậy đại nghi thì đại ngộ, nghi nhiều chừng nào ngộ triệt để chừng nấy. Phải biết cái ngộ là cái quả của tín. Nghi là nhân, ngộ là quả. Tại sao nói tín? Tổ sư nói: Lòng tin có mười phần, thì nghi cũng được mười phần; nghi được mười phần thì ngộ cũng được mười phần. Trước tiên mình phải ở trong tín mà nhập, nếu không tin làm sao đến đây nghe Pháp, học tham thiền, vậy trước phải tin, rồi đề câu thoại đầu khởi lên nghi tình.

Pháp sư Tăng Triệu nói: “Quả chẳng có nhân, vì nhân thành quả” cũng như đã ngộ, thì không còn nghi. Nhưng bây giờ phải có cái nghi; tham thiền rất chú trọng cái nghi, gọi là nghi tình. Như vậy ở trong ngộ không có nghi (tức là không có nhân), nhưng vì có cái nhân (cái nghi) mới thành quả (ngộ), mình biết như vậy, lúc có tin là lúc ngộ, lúc ngộ không khác gì lúc tin. Không những đã tin mà đang thực hành tham thiền thì một ngày nào sẽ đạt đến ngộ.

Như có đi thì phải có đến, ví dụ: Đường đi đến đích là 100 bước, đi được một bước còn lại 99 bước, đi được hai bước còn lại 98 bước, cứ như thế mà đi có ngày sẽ đến đích. Đi mau thì mau đến, đi chậm thì chậm đến, có đi sẽ có đến. Tín Tâm Minh của Tam Tổ chính là ý như vậy, phải tin tự tâm.

Cho nên, người tham thiền tin Pháp môn 100% thì chưa đầy phân nửa. Tại sao? Vì chỉ tin pháp môn, chưa tin tự tâm. Cần nhất là phải tin tự tâm mới là chánh tín. Nếu không tin tự tâm thì lọt vào tà tín, tà tín chỉ được tà ngộ, chứ không được chánh ngộ, tà ngộ không được giải thoát thành Phật, cho nên tin tự tâm rất cần, Tổ mới đặt tên Tín Tâm Minh.

Phải biết, người có căn khí lớn vừa nghe liền biết mình đã sẵn có vật từ xưa, thì Tự tánh của mình từ vô thi đâu có mất; nhưng bị vọng tâm mình chấp thật, thành bụi bặm che lấp, mình không phát hiện cái dụng tự động Tự tánh của mình. Phải bị cái khổ sanh tử làm oan cho tới ngày nay. Đã biết tham thiền tin tự tâm là Phật rồi, là đồ vật của mình từ xưa có sẵn, cần phải quyết chí mới được, thì phải quyết tử tham thiền.

Bây giờ chưa được giác ngộ, nhưng đã có tin tâm mình là Phật rõ ràng, lúc lạnh quên mặc thêm áo, tính mạng có thể bỏ cũng được, nhưng chánh tín một chút cũng không được bỏ. Nên Cổ Nhân nói: “Giả sử bánh xe lửa chuyển trên đỉnh đầu tôi, cũng chẳng vì khổ này, làm mất tâm Bồ Đề”. Cái niệm chánh tín nếu thật vững chắc như thế. Đâu có lẽ nào chẳng được thân chứng!

Ngoài ra, nếu do tà tín mà sanh nghi, nghi mãi không thôi thì phải sanh khởi kiến chấp điên đảo, đuổi theo cảnh duyên hy vọng ác đọa địa ngục vô gián.

Tịch nghĩa giải:

Phải thì phải, nếu như tin tức là ngộ, thì ngộ lộn vào nguồn linh (Tự tánh). Nếu nguồn linh có xuất có nhập là hai, thì không phải linh nguyên. Thì chữ tín này còn đặt để ở chỗ nào? Bởi vì tự tánh đâu có bản thể mà an lập! Để đặt để chữ tin. Nếu nói có chỗ khác để đặt được, thì chỉ ra cho tôi xem! Nếu không có chỗ đặt, thì lời Tổ sư là lời thừa rồi. Cho nên, nói cái đạo lý cao là vô dụng, cần phải tự tâm tham cho đến tự ngộ mới được.

Kệ kết thúc:

Gốc tin chẳng chánh khởi hồ nghi,
Niệm nghi tan rã chánh tín khởi.
Lời nói rõ ràng được tương tự,
Cách xa tổ đình như chân trời.

(Niệm nghi như lửa tiêu băng, tiêu được rồi cái tin được duy trì. Nhưng nói thì giống như thật, mà giống không phải chân thật, có nói lý cao siêu đều vô dụng, đối với Tổ đình Thiên tông cách xa như nhìn thấy chân trời.

Làm sao gần Tổ đình Thiên tông? Thì phải chân tham thật ngộ, phải quyết tử ôm chặt câu thoại đầu mà tham, tham đến chừng nào kiến tánh mới thôi, nếu không phải, cứ lấy ý thức kiến giải thì vô dụng, đối với việc sanh tử chẳng có liên quan gì.

Như người đói, chỉ nói tên cơm, hay phân tích các chất trong cơm có đủ thứ... dù có phân tích kỹ lưỡng nói hay, nhưng không ăn cơm, rồi cũng bị chết đói. Bằng như người không biết gì, chỉ cần ăn cơm thì được no.

---o0o---

57.NHẤT THIẾT BẤT LƯU, VÔ KHẢ KÝ ỨC

Dịch

Tất cả chẳng lưu giữ, thì không thể ghi nhớ.

Lời khai thị:

Đại tâm rộng như hư không. Lời của Phật, lời của Tổ nói chữ Đại (lớn) là siêu việt số lượng. Đại trí là trí huệ của tự tâm, cũng là siêu việt số lượng, cũng như ánh sáng mặt trời chiếu khắp tất cả nơi không có chỗ nào thiếu sót.

Muốn đạt đến đại trí, ngộ được đại tâm, thì phải tham thiền, tham thiền cần đại nghi, đại nghi thì mới đại ngộ. Đại nghi như đóng lửa lớn; lớn này cũng siêu việt số lượng. Nghi tình là cái chỗi tự động quét sạch tất cả, gặp cái gì cũng quét, gặp ma quét ma, gặp Phật quét Phật, cũng như lửa gặp cái gì cũng đốt cháy.

Đại pháp như vách bằng sắt, không có cửa để vào. Pháp môn tham thiền cũng vậy, phải ở tự tâm mà ngộ, chứ không phải ở ngoài tâm mà được. Tự tâm của mình từ vô thủy đến nay, nó vẫn như vậy. Sức hét của Lâm Tế cũng không thối lui. Cây phản của Đức Sơn danh tiếng trong Thiền tông, dù đánh nó nhưng không bể, nó vẫn còn nguyên vẹn. Dù có bị luân hồi sinh tử từ thai trâu bụng ngựa... nhưng nó vẫn y như vậy.

Vọng tâm mình nghĩ này nghĩ kia, như lo chuyện gia đình lo chuyện con cái... là tự tâm buộc tự tâm, giống như sợi dây leo quấn trên cây bó buộc chặt, không thôi dứt. Người còn vọng tâm nói rằng: Cát đằng đó (sợi dây leo) hôm qua tôi đã nhổ ra hết rồi, hiện giờ ở trong nắm tay của tôi. Vậy hỏi người ấy: Đã nắm trong tay thì đặt ở chỗ nào?

Thoại đầu thì ở ngoài lời nói, không phải ở trong lời nói. Mà ngộ được mới là triệt để, thì hết cát đằng. Nếu nói có cát đằng để nhổ từ nắm tay, thì bệnh chấp thật vẫn còn; bệnh chấp thật còn thì chưa biết về nhà. Có cái nhà tự do tự tại mà chưa biết về thì ở nơi đất bằng sanh ra nhiều chướng ngại; có cái này cái kia làm chướng ngại đường đi của mình, càng thêm khó khăn nữa.

Vì có tri kiến nhiều chướng ngại nhiều chướng ngại này, gọi là sở tri chướng. Cái nghi tình là cây chỗi tự động, nếu có khởi niệm muốn quét cũng là chướng ngại, khởi niệm không muốn quét cũng là chướng ngại.

Tham thiền không được trừ vọng tưởng, không được buông bỏ vọng tưởng, không được đè nén vọng tưởng. Không biết đến có vọng tưởng, tức là có vọng tưởng cũng quét, không vọng tưởng cũng quét, mới hợp với Tổ Sư thiền. Nếu nói “có cái vọng tâm tôi nắm ra

rồi” gọi là hư vọng, làm chướng ngại đường đi của mình không được kiến tánh.

Lời nghĩa giải:

Tổ sư nói: “Tất cả chẳng lưu giữ, thì không thể ghi nhớ”. Người nghĩa giải cho rằng: “Chỗ tâm hành diệt là tất cả chẳng lưu”. Đường ngôn ngữ dứt là “không thể ghi nhớ”. Ngoài không có pháp để bỏ là tất cả chẳng lưu, trong không có tâm để giữ là không thể ghi nhớ. Ngài Vĩnh Gia nói: “Kiến tánh thấy không một vật, chẳng phải người, chẳng phải Phật, hằng sa thế giới như bọt biển, tất cả Thánh hiền như điện chớp”. Tức là sau khi kiến tánh, tất cả đều biết rõ ràng, không còn có người, không còn có Phật, tam thiên đại thiên thế giới như bọt nước ở trong biển. Tất cả Phật, tất cả Tổ sư như điện chớp gọi là tất cả chẳng ghi nhớ. Tổ sư khi ngộ làm bốn câu kệ:

Đốt hương tỉnh tọa ở Nam Đài,
Suốt ngày tỉnh lặng muôn niệm quên.
Chẳng phải dứt tâm trừ vọng tưởng,
Chỉ vì chẳng việc để suy lường.

Lúc đã kiến tánh rồi không có việc để suy nghĩ, tất cả đều là cái dụng của Tự tánh, khỏi cần suy nghĩ mà nó hiện ra cái dùng. Định của Thiền tông là na giả định, tức là định ở trong động, không phải ngồi yên một chỗ cho là định. Định ở trong động thì lúc ăn cơm, mặc áo, đi tắm, làm việc, đi cầu, ... đều là định, ấy là cái dụng tự động của Tự tánh, cũng là không thể ghi nhớ.

Lời giải trên rất có lý, nhưng chẳng phải nên ngài Trung Phong còn phải phủ nhận.

Tịch nghĩa giải:

Vậy, dẫn chứng cũng được tương tự, dẫn cho ông đem hết ngữ ngôn của Phật, Tổ dẫn chứng như cái thùng đựng nước không chảy, chỉ là càng ghi nhớ thêm nhiều mà thôi. Muốn tất cả chẳng giữ, há có thể được ư!

Cho nên nói thì đúng, dẫn chứng giống hệt chỉ thêm tri kiến, đối với việc sanh tử chẳng có liên quan gì; mình phải tự tham tự ngộ mới được.

Kệ kết thúc:

Tất cả chẳng giữ càng sanh kiến (giải),
Trọn không ghi nhớ vẫn còn tri.
Nếu chẳng đích thân về quê nhà,
Bệnh đói, bánh vẽ làm sao trị.

(Tất cả chẳng ghi nhớ thì ai biết có chẳng ghi nhớ? Nếu có tất cả chẳng ghi nhớ thì còn tri kiến. Tri kiến còn làm sao nói chẳng ghi nhớ, nói như thế nào dẫn chứng lời của Phật, lời của Tổ đều là ghi nhớ. Nếu không đích thân về quê nhà Tụ tánh, có dẫn chứng nhiều chừng nào là chứng ngại nhiều chừng nấy, cũng như bánh vẽ để trị bệnh đói, làm sao được! Sự ngộ thì phải đích thân mình tự ngộ mới được).

---o0o---

58.HƯ MINH TỰ CHIẾU, BẤT LAO TÂM LỰC

Dịch

Rỗng sáng tự chiếu soi, chẳng lao nhọc tâm lực.

Lời khai thị:

Đạo cần mỗi ngày một bớt, như bữa nay 100, ngày mai còn 99, ngày mốt còn 98, phải giảm lần lần. Tham thiền là cây chổi tự động quét bớt, không còn cái gì để quét thì quăng luôn cái chổi nữa, cái đó là hành đạo.

Học bên giáo môn thì khác, mỗi ngày lại thêm, nay học câu kinh này, mai học câu kinh khác. Một tháng, hai, ba tháng học một cuốn kinh, học cuốn kinh này hết đến cuốn kinh khác, thì phải từ ngày học thêm. Tham thiền mỗi ngày bớt tri kiến, bớt đến như bông trên cây rơi xuống, chấp trước tiêu mất.

Học cần mỗi ngày một thêm, thêm đến đầy bụng tức ngực, bỗng nhiên thêm và bớt đều quên hết. Tới lúc đó buông tay về đây học tham thiền.

Diện không bích (ngó vào vách) là cách giáo hóa của Tổ Đạt Ma. Chứ không phải bảo mình đối diện với vách tường mà ngồi như chết. Tham thiền là ôm chặt câu thoại đầu khởi lên nghi tình, ngày đêm không mất tức là hướng vào không bích.

Không là trống rỗng, như không tướng của Bát Nhã Tâm Kinh. Không chấp thật có gọi là không tướng, không chấp thật không gọi là không tướng, không chấp thật chơn gọi là không tướng, không chấp thật giả gọi là không tướng, tức là không chấp gì cả gọi là không tướng. Tối ngày sáng đêm giữ nghi tình, không có tướng gì gọi là không bích.

Nam Tuyền tục gia họ Vương gọi là Vương Lão Sư là đệ tử của Mã Tổ. Mã Tổ là Thiền sư xuất sắc gọi là đại cơ đại dụng, độ được 139 người kiến tánh; từ xưa đến nay chỉ có Mã Tổ được như vậy.

Nam Tuyền làm hành đường lấy cơm cho đại chúng ăn.

Mã Tổ hỏi: Trong thùng cơm có gì vậy?

Nam Tuyền đáp: Bịt miệng con chó lại!

Cùng tham học với nhau, người nào cũng sợ Nam Tuyền trả lời một câu rất xuất sắc. Mặc dù đối với thầy mình, nhưng trong Thiền tông có câu: "Đương cơ bất nhượng". Lúc đương cơ chẳng nhượng, pháp là pháp, chẳng có nhân tình.

Thủ đoạn của Nam Tuyền, người ta rất sợ, nhưng trong tâm rất nhớ.

Tham thiền thì không có ghi nhớ, ghi nhớ là chướng ngại. Rỗng sáng tự chiếu soi là cái dụng tự động của Tự tánh, chẳng phải do tâm lực. Ghi nhớ là bộ óc, không được rỗng sáng chiếu soi. Nghi tình của tham thiền quét sạch tất cả ghi nhớ. Vậy thì ghi nhớ đâu còn. Lời nghĩa giải:

Tổ sư nói: "Rỗng sáng tự chiếu soi, chẳng lao nhọc tâm lực". Người nghĩa giải cho rằng: Tự tánh thanh tịnh khắp nơi, ở trong đó không dung nạp vật khác thì gọi là hư. Hạt châu tự hiện ra ánh sáng chiếu soi gọi là minh; đã hư mà minh, như cái gương, vật gì đến sẽ thấy, nó sẽ chiếu. Người lớn lại thì hiện hình người lớn, con nít lại thì hiện hình con nít, người nam lại thì hiện hình người nam, người nữ đến

thì hiện hình người nữ. Cái gương không muốn hiện hình ai hết, ai đến thì nó hiện gọi là tự chiếu. Công dụng tự chiếu không cho lời nói. Ở đây nếu có may mắn tâm lực thì không gọi là hư minh tự chiếu.

Như trên rất có lý, nhưng ngài Trung Phong còn phủ nhận.

Tịch nghĩa giải:

Dẫn dụ rất là đúng lý, vậy ông thấy hư không chẳng tướng mạo chẳng? Ai cũng thấy thấy hư không chẳng tướng mạo, mà có người nào nghe hư không nói: “Ta chẳng tướng mạo” không? Giả sử hư không nói: “Ta chẳng tướng mạo” thì hư không đó chẳng phải hư không. Vậy Tổ sư biết thí dụ này, cũng không phải là Tổ sư. Cũng như xe tứ mã chạy nhanh nhất đuổi theo không kịp. Tức là dù có nói cao siêu, ở đây cũng là sai lầm. Vì sao? Vì Tự tánh mình phải tự ngộ. Muốn tự ngộ thì phải tự tham. Tham đến ngày nghi tình bùng nổ, thì như người uống nước nóng lạnh tự biết. Nếu theo lời Phật, Tổ để giải thích đều là vô dụng.

Kệ kết thúc:

Con dấu vàng ròng tâm ấn tâm,
Cần phải chừa Tổ truyền thọ nhau.
Lén lút lượm được cũng vô dụng,
Đâu thể bắt chước nói diệu hiền.

(Tất cả chỗ từ vua đến quan, rồi đến những cơ sở thương mại, đều có con dấu riêng của mình, dùng để đóng dấu để biểu thị cho người khác, giá trị của mình. Nếu của người khác mặc dù làm bằng vàng, như con dấu của quan, mình lượm được không phải con dấu đúng tư cách của mình, mà đem ra dùng thì không được, có thể bị ở tù.

Nghĩa là mình phải tự ngộ mới là của mình. Nếu mình lượm lời nói của Phật, lời nói của Tổ đều vô dụng. Giống như lượm được con dấu của quan, khác chi cây kim vá áo không có lỗ, chẳng có tác dụng gì. Cho nên, chừa Phật chừa Tổ muốn mình tự tham tự ngộ mới là của mình, còn ngộ trên lời nói của Phật, Tổ là của người khác thì không được).

59. PHI TƯ LƯỢNG XỨ, THỨC TÌNH NAN TRẮC

Dịch

Chỗ lìa suy nghĩ, tình thức khó lường.

Lời khai thị:

Bột trắng trong tuyết dễ phân, thức tức duy tâm. Mực đen trong than khó biện biệt, duy tâm tức là thức (bình thường người ta nói tâm thức hay tâm ý thức. Ở trong Duy Thức gồm có 8 thức: Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, năm thức này gọi là tiền ngũ thức. Thức thứ 6 là ý thức. Thức thứ 7 là mạt na thức. Thức thứ tám gọi là a lại da thức. Thường gọi thức thứ 6 là thức. Thức thứ 7 là ý. Thức thứ 8 là tâm.

Tất cả 8 thứ thức đều bao gồm thức thứ 8, gọi là tạng thức. Tâm nghĩa rộng, thức thứ 6 thức thứ 7 thức thứ 8 đều là tâm. Thức nghĩa hẹp, thường gọi là lục thức. Thức thứ 6 có phân biệt tốt xấu. Thức thứ 8 không có phân biệt. Cho nên, nói thức không phải tâm, nói tâm không phải thức. Nhưng thức cũng bao gồm ở trong tâm. Như Thần Tú có bài kệ:

Thân như cây bồ đề,
Tâm như đài gương sáng.
Hàng ngày phải lau chùi,
Chớ để dính bụi trần.

Bài kệ này còn phân biệt của thức thứ 6).

Dưới ánh mặt trời xem trắng đen, trước đài gương sáng hiện xấu đẹp (nếu có trắng đen, tốt xấu thì còn phân biệt lọt vào thức thứ 6). Lời nói như thế, giống như lời giảng Duy Thức Luận của Pháp sư, trước mặt Nạp Tăng làm sao hiển lộ tin tức thật? (Theo Thiền môn quét hết, thì chẳng phải tâm, chẳng phải thức; nếu quét trống bao nhiêu hiện ra cái dụng tự động của Tự tánh bấy nhiêu).

Chẳng phải tâm, chẳng phải thức, ban đêm chó sủa thôn Hoa, mùa xuân oanh hót bờ liễu (những việc đó là lẽ tự nhiên, không có gì lạ!), cá kình hút cạn sóng đáy biển (sự thật nước biển làm sao hút hết

được?), con rồng chạy vào vô sanh quốc (vô sanh quốc là biệt danh của Tụ tánh, tức là không sanh không diệt).

Khiến cho Đại Phạm Vương giựt mình thức dậy, thẳng lên đỉnh trời sắc cứu cánh, tát cho hư không một bạt tai, rải xuống long châu trăm ngàn hạt, tia sáng lấp lánh rọi áo đẹp.

(Tất cả cái này hình dung đều không có thật, nên đều quét sạch. Nếu hư không là thật, làm sao đánh hư không một bạt tai được? Hư không còn không phải thật, vậy còn cái gì là thật nữa! Tất cả đều là cái dụng của Tụ tánh mà hiện ra. Cho nên, không phải thật thì không cho bộ óc suy nghĩ hay thức phân biệt đoán ra được).

Lời nghĩa giải:

Tổ sư nói: "Chỗ lìa suy nghĩ, tình thức khó lường". Người nghĩa giải cho rằng: Thức là thức của nhà tâm, tâm là tâm của nhà thức, hai thứ này như nước với sữa khó phân biệt. Phải biết, thức là nước, tâm là sữa trong nước; nên Giáo môn nói: " Vua ngỗng chọn sữa, đâu đồng loài vịt". Trong nước đều có sữa, chỉ có vua ngỗng mới biết phân biệt, ngoài ra các thứ thủy tộc khác đều chẳng biết. Việc này dụ cho trong tất cả đều có chân tâm, chỉ có Phật, Tổ mới rõ.

Cái giác chiếu soi của linh tri gọi là tâm, những suy tư, ghi nhớ, thủ xả, phân biệt... gọi là thức. Thức có tám thứ: Mỗi căn của lục căn đều có một thức. Thức thứ bảy gọi là mặt na, thức thứ tám gọi là a lại da, cũng gọi là Như Lai Tạng, bảy thức trước là nhánh lá, thức thứ tám là căn bản.

Trong kinh nói: "Lúc đầu thai thì đến trước, lúc chết thì đi sau, ngộ là Như Lai Tạng, mê là a lại da". Thức này nơi mê thì gìn giữ tất cả nghiệp thiện ác vô ký, xả thân thọ thân từ vô lượng kiếp; nơi ngộ thì gìn giữ tất cả hạt giống Bồ Đề, giải thoát, trí huệ từ lúc vô thủy. Thức này từ mê vào ngộ. Chuyển thành Đại Viên Cảnh Trí, đổi tên mà chẳng đổi thể.

(Tức là cái gương tròn, nếu cái gương không tròn thì cái dụng bị hạn chế, bên đây chiếu được, bên kia chiếu không được. Cái gương tròn thì cái dụng chiếu khắp mười phương, hình nào đến thì hiện hình đó, tự nhiên tự động chiếu soi. Đại Viên Cảnh Trí là biệt danh của tự

tánh thì cái dụng vô lượng vô biên không hạn chế. Còn a lại da thức thì cái dụng bị hạn chế).

Hiện nay ở trong tứ đại, ngũ uẩn, các pháp thánh phàm, ghi nhớ rõ ràng, tác dụng phân biệt, cho đến kiến văn giác tri, tam giới rợn rùng, vạn pháp thăng trầm, mỗi niệm khởi diệt, đều nương nơi thức này mà sanh. Cho nên nói “Vạn pháp duy thức”. Khuê Phong nói: “Pháp sanh vốn không, tất cả do duy thức”.

(Phật nói các pháp là vô thi, vô thi là không có sự bắt đầu, không có sự bắt đầu là vô sanh, thì tất cả vạn pháp là không có sanh; do thức phân biệt có cảm giác sai lầm, nên có sanh diệt; như do cái thân xoay mới thấy căn nhà xoay. Thân ngưng xoay rồi, thì thấy căn nhà ngưng xoay. Thân này ví dụ cho thức; thức hoạt động nên thấy có phân biệt.

Căn nhà xoay và căn nhà ngưng xoay đều do cảm giác phân biệt sai lầm sanh ra. Căn nhà vốn không có xoay và không có ngưng xoay, đều do thức biến hiện gọi là tất cả do thức. Như căn nhà xoay thì thấy sanh, căn nhà ngưng xoay thì thấy diệt. Căn nhà có xoay hồi nào, mà nói xoay và ngưng xoay! Pháp sanh vốn không là không có sanh. Như căn nhà không có xoay, tất cả đều do thức biến hiện có cảm giác sai lầm vậy).

Học giả ngày nay, chẳng thể đem mạng căn một dao cắt đứt, đi khắp tông lâm, chỉ biết đem cái thông minh của mình dùng để dẫn thể tình thức, ôm những huyền giải ghi nhớ trong lòng, gặp duyên móng khởi, chẳng biết huyền giải này là thuộc về “tình thức y không”, lại chấp cho là khai ngộ.

Hoặc làm nhận cái cảm giác linh động rõ ràng trước mắt này, biện luận thao thao cho là tự kỷ. Giống như kinh Lăng Nghiêm nói: “Bỏ trăm ngàn biển lớn, chỉ nhận một bọt cho là nước cả biển”.

(Chúng sanh cũng vậy, chỉ chấp cái thân này là thật; không biết cái thân này là một bọt nước của biển. Bọt nước đó sanh rồi diệt, sanh cũng từ nước biển mà sanh, diệt cũng trở về nước biển. Chỉ là một bọt nước biển, nhưng ai cũng chấp thân này là thật, cho bọt nước là cả nước biển, ấy là sai lầm).

Kinh Viên Giác nói: “Tất cả đều là tập khí vọng tưởng phan duyên lục trần, chẳng phải tâm thể chân thật”. Hòa thượng Trường Sa nói: “Những người học đạo chẳng biết chơn, chỉ vì xưa nay nhận thức thần”.

(Tức là người học đạo Phật, không biết chơn tâm của mình. Chỉ vì trước đây nhận thức thần, thức thần người thế gian cho là linh hồn. Linh hồn không phải Tự Tánh, Tự Tánh không có biến đổi. Linh hồn luôn biến đổi, cũng như con nít có linh hồn con nít, người lớn có linh hồn người lớn, người già có linh hồn người già, tất cả đều biến đổi.

Nhưng người học đạo Phật chưa được kiến tánh chỉ biết nhận thức thần cho là của mình, là sai lầm. Cứ chấp chặt linh hồn phải bị sanh tử luân hồi, mà người ngu si gọi nó là bản lai của mình).

Vĩnh Gia nói: “Tồn pháp tài, diệt công đức, tất cả đều do tâm ý thức”... (Pháp tài là gì? Pháp tài là cái dụng vô lượng vô biên của Tự tánh. Tài sản của người thế gian là tiền bạc, gia tài.... tài của Tự tánh là pháp tài. Pháp tài gồm có hư không pháp giới, biến hiện gì cũng được, khỏi cần qua tác ý của bộ óc mà dùng được. Công đức của Tự tánh cũng vậy, là cái dụng của Tự tánh tự động, chẳng phải công đức của người thế gian; cũng như nói tụng kinh có công đức, đó là không phải.

Pháp tài và công đức là cái dụng tự động của Tự tánh, không bị hạn chế, dụng vô lượng vô biên. Nhưng mình bị tổn bị diệt là do ý thức chấp thật che lấp, làm cho pháp tài công đức của Tự tánh không hiện ra được. Nếu tham thiền triệt ngộ thì năng lực của mình không kém hơn Phật, Tổ, tức là bằng với tất cả chư Phật. Người không tin thì không tham thiền nên không có ngộ).

Chư Phật chư Tổ đã có chỉ bày rõ ràng, mà trong mạt pháp bệnh này càng ngày càng nhiều thêm! (Theo Phật pháp có chia: Chánh pháp có 1000 năm, tượng pháp có 1000 năm, mạt pháp có 10000 năm, hiện nay là thời kỳ mạt pháp, ở trong thời kỳ này, bệnh chấp thật của chúng sanh càng nhiều, bị bệnh này làm cho mình không có chí học đạo chân chính. Căn bản không chánh thì quả phải co khúc. Nếu tham thiền giải thoát sanh tử, phải có chí hướng cương quyết mới được, thì cái khổ sanh tử không còn.

Giải thoát cái khổ sanh tử không được lấy thức tình phân biệt để giải thích. Chánh nghi chỉ cho tâm nghi, lấy tâm đi tìm hiểu gọi là hồ nghi không được ngộ đạo. Quyết chỉ ôm chặt câu thoại đầu, khởi lên nghi tình miên mật đến lúc bùng vỡ. Chứ không đem tâm đi tìm hiểu. Tại sao không được kiến tánh? Tại vì một niệm đầu tiên muốn hiểu thiên, hiểu đạo, hiểu pháp, mới thành bệnh này.

Thức này như núi thiết vi rộng lớn, bao vây họ từ vô thủy, cũng như thiên binh vạn mã ngày đêm ở trước cửa lục căn, rình sơ hở của họ. Nếu không đủ chí quyết định liễu sanh tử, thì đầu cũng vào đó.

(Nếu tham thiên ngày đêm không gián đoạn, thì tình thức thiên quân vạn mã không thể làm hại được; nhưng có giây phút gián đoạn thì nó đi vào, sanh tử ở chỗ này sanh khởi. Cho nên, mình phải có chí liễu thoát sanh tử, quyết tử thì tự nhiên sẽ được kiến tánh, đi tới đâu đều được hết).

Tổ sư làm bài Tín Tâm Minh này, là mở rộng cửa thiên cho kẻ hậu học thoát bỏ tình thức, chỉ tin tự tâm, cất bước liền vào. Nếu tình thức của học giả còn mảy may chưa sạch, đọc bài minh này trở thành thuốc độc. Sự lợi hại như thế! (Lời của Tổ muốn mình ngộ, chứ không phải muốn mình hiểu).

Nên 2 câu đầu nói: “Chí Đạo vô nan, duy hiềm giản trạch”. Chỉ 2 câu này, đem tâm với thức phân giải rõ ràng. Vì sao? Nói “Chí Đạo vô nan” tức là chỉ chân tâm; “Duy hiềm giản trạch” tức là tình thức, kẻ tình thức chưa quên, thấy người nói lời này, bèn nói: “Tôi chẳng lựa chọn”. Đâu biết chỉ cái “chẳng lựa chọn” này đã theo tình thức rồi, huống là kẻ chấp có, gặp cảnh sanh tình ư! (“chẳng lựa chọn” thì đã lựa chọn rồi, đã lấy tình thức giải thích thì lọt vào tứ cú, lựa chọn là cú thứ nhất, không lựa chọn là cú thứ nhì,...).

Nên ý bài Minh này từ đầu đến cuối, nói đi nói lại chẳng rời Bản tâm, chẳng qua vì giúp người học biện rõ tâm với thức mà thôi. Cho nên nói: “Phi tư lượng xứ, thức tình nan trắc”. (“Phi tư lượng xứ, thức tình nan trắc” và “Chí Đạo vô nan, duy hiềm giản trạch” ý giống nhau. Ý Tam Tổ muốn cho người học phân biệt được tâm và thức, cho nên nói: “Phi tư lượng xứ, thức tình nan trắc”).

Tịch nghĩa giải:

Theo lời nói “duy hiềm giản trạch”, nay lại ở trong pháp một tâm, chỉ ra tình và thức, ấy là lựa chọn hay chẳng lựa chọn? Nhưng tình và thức với một tâm quả là khác hay đồng ư! Người chân thật học đạo, ở đây nếu chẳng thể xác định, mà muốn thấy ý chỉ Tín Tâm Minh của Tổ sư, chẳng phải còn xa xôi ư!

(Vây, ở trong một tâm làm sao có chia lựa chọn hay chẳng lựa chọn, chia ra khác nhau hay không khác nhau, mà muốn phân biệt tâm với thức thì đã sai lầm rồi, tức là có khác nhau là hai. Tự tánh không có khác biệt, không có hai. Vây nói lý cao siêu cũng vô dụng, không phải là Tự tánh. Tự tánh là do tự mình tham, tự ngộ).

Kệ kết thúc:

Chỗ lìa suy nghĩ rất khó lường,
Môn đồ học Phật đều nên rõ.
Ngay đó chẳng thiếu vật gì?
Thông minh lanh lợi lại bị lừa.

(Chỗ suy nghĩ không thể đến, thì ý thức không thể đoán ra được. 2 câu này, người học Phật pháp thâm sâu đều phải biết. Vây đến chỗ này chẳng biết cái gì? Nếu theo lời của Phật, Tổ sanh ra tình giải, giải thích đạo lý cao siêu, cũng như mình mở mắt thấy rõ ràng, mà bị người ta gạt không hay; nói thiếu là như vậy đó! Cho nên, phải ôm chặt câu thoại đầu, khởi nghi tình miên mật, cho đến kiến tánh thì không còn thiếu và không bị gạt).

---o0o---

60.CHÂN NHƯ PHÁP GIỚI, VÔ THA VÔ TỰ

Dịch

Chân như pháp giới, chẳng người chẳng mình.

Lời nghĩa giải:

Sư Khoáng không lỗi tai (Sư Khoáng là nhà âm nhạc rất hay, có thần hóa không do nhĩ thức phân biệt, rất hay không có ai bằng được), chí thần (Tự tánh) không bản thể (nếu có thể thì có hạn chế, không đến cực điểm được của cái dụng Tự tánh), nguồn linh vô đáy (cũng là cái

dụng của Tự tánh, không có bản thể, cái dụng vô lượng vô biên. “Không lỗ tai, không bản thể, không có đáy” thí dụ cho Tự tánh).

Đạt Ma truyền tùy đâu thể được! Xưa kia ở chung chẳng biết tên, hôm nay gặp nhau chẳng phải người (đã không có bản thể thì lấy cái gì để truyền? Như Tổ Đạt Ma nói “ông được cái tùy của ta”. Tự tánh của mình từ xưa tới giờ, chưa rời khỏi thân mình một chút, mình đi đâu nó theo đó, mà mình không biết nó là ai? Không biết tên gì? Miễn cưỡng đặt cho nó là Phật tánh, Như lai, Thật tướng, Pháp thân... đều là giả danh. Cho nên, ở đây nói ở chung chẳng biết tên? Không biết nó là ai? Mà ngày nay nói là mày, nếu có mày thì có ta. Tự tánh làm sao có ta và có mày?).

Bóng trăng đẹp mà xuống nước chẳng chìm, gió lạnh lẽo mà sáu cửa tự mở (như mặt trăng ở trên trời rọi xuống sông, ao, hồ... thấy mặt trăng ở trong nước, chứ không phải mặt trăng chìm ở dưới nước. Sáu cửa mở là hình dung cho lục căn, cái dùng tự nó mở, không phải do sự tác ý, tác ý là do vọng tâm, không phải dụng của chân tâm, dụng của chân tâm tự động không qua tác ý).

Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, dây dưa mục quán kiếp không; gió chẳng động, phước chẳng động”, Huệ Năng đắc chí nơi phòng giã gạo (nói là tâm chẳng phải tâm, nói là Phật chẳng phải Phật. Chư Phật dùng phương tiện, phương tiện cũng là dây trói buộc; nói trước kia chưa có trời đất làm sao chúng tỏ được?

Như Lục Tổ nói: “Chẳng phải gió động, chẳng phải phước động, mà tâm của các ông động”. Nếu chấp thật “Tâm của ông động” là sai lầm. Ở đây nói chẳng phải tâm, làm sao chấp tâm là thật? Nếu chấp tâm là thật thì cũng là bệnh chấp thật. Lời của Tổ là phương tiện lúc đó thôi. Mục đích phá tâm chấp thật của mình, như phá tâm chấp gió động, phước động, nên Lục Tổ dùng tâm phá chấp của 2 người. Lời Lục Tổ nói như cái xác xương khô, nên không được chấp thật).

Linh chiếu rõ ràng ta chẳng biết,
Mây trắng khe núi tự quen nhau.

(Tự tánh của mình chiếu rõ ràng, nhưng mà ta không biết. Mây ở trên trời, mặt trăng ở trên trời, dưới đất có sông có núi; mây không biết trăng, trăng cũng không biết mây; sông cũng không biết núi, núi cũng

không biết sông. Mây tự biết mây, trăng tự biết trăng, sông núi cũng vậy, tuy không biết nhau, nhưng nó tự biết.

Còn mình tự biết được không? Không được. Mình không biết mình là cái gì? Bây giờ có mắt thấy tai nghe, đều thấy nghe ở ngoài. Tự mình là cái gì mà mình không biết! Không biết mình là cái gì thì sao làm chủ mình được? Không làm chủ thì không được tự do tự tại.

Cho nên, chư Phật chư Tổ dạy cách tham thiền, muốn mình ôm chặt câu thoại đầu cho đến khi ngộ. Lúc ngộ mới biết mình là cái gì, gọi là thành Phật, được tự do tự tại, giải thoát tất cả khổ. Dù mình thấy ở ngoài rõ ràng, nhưng không có liên quan đến tâm mình).

Lời nghĩa giải:

Tổ sư nói: “Chân như pháp giới, chẳng người chẳng mình”. Người nghĩa giải cho rằng: Chân như pháp giới là tổng danh của một tâm. Ngoài tâm chẳng pháp thì đâu có tên gọi tự tha? Không những tự tha chẳng lập, cho đến núi sông, đất đai, hữu tình, vô tình đều chẳng thể đắc lại thành có.

Dù nói chẳng thể đắc mà có, cũng chẳng ngại an lập tự tha. Vì sao? Chân như pháp giới dụ cho vàng, vật tượng tự tha dụ cho bông tai, cà rá, dây chuyền... phải biết vàng là thật thể, các đồ trang sức là quyền danh (tên gọi tạm). Thật chiều theo quyền thì vật tượng tự tha chẳng ngại an lập, dung quyền về thật thì chỉ thấy chí thể của nhất chân pháp giới.

Vậy, giả danh các thứ trang sức chẳng cần trừ mà tự mất rồi. Kẻ mê muội chẳng thông đạt ý chỉ viên dung của Tổ sư, cho là đoạn diệt, đọa nơi rỗng không, lập cái thuyết “vô tha vô tự”, ở đây cần phải biện bạch cho rõ.

Giải như ở trên cho là đúng, nhưng ngài Trung Phong không chấp nhận, nên mới phủ định.

Tịch nghĩa giải:

Biện thì cứ biện, như trong chân như pháp giới còn dung nạp được lời biện bạch này chăng?

(Nếu còn dung nạp cái biện bạch này thì không phải là Tự tánh, không phải chân như pháp giới. Cho nên, dù giải nghĩa lý cao siêu, nhưng chưa được, không phải chơn như pháp giới (Tự tánh). Vì Tự tánh không phải do lời giải nghĩa được, phải do mình tham thiền tự ngộ).

Kệ kết thúc:

Trong chẳng tự kỷ, ngoài chẳng tha,
Cả gan nuốt trọn trái bí kia.
Thẳng tay tặng người chẳng nhận,
Rải cát quăng bùn vẫn y xưa.

(Ở trong chẳng có tự kỷ, ở ngoài chẳng có người khác, cũng như nguyên trái bí vậy, chứ ở ngoài không có cái khác. Như đoạn thứ 2 nói rất có lý; nhưng nói như vậy, người ta không hiểu được. Tự tánh là gì? Chân như pháp giới là gì?)

Đừng có nói Tự tánh vô hình vô tướng, nói không được, diễn tả không được; còn chén cơm có hình có tướng, ăn thì no. Nếu chỉ lấy lời nói diễn tả trong cơm có bao nhiêu chất bổ... đều diễn tả hết, nhưng cũng không no, chỉ là cái lý chứ không phải thật ăn cơm; thật ăn cơm khỏi cần giải thích chất bổ trong cơm, chỉ cần ăn cơm thì được no.

Chén cơm có hình có tướng không thể lấy lời nói để thay thế, huống chi Tự tánh không có hình tướng, mà muốn người ta lấy lời nói để hiểu làm sao được? Muốn hiểu được chỉ có cách tham thiền, đề câu thoại đầu khởi lên nghi tình, tham đến chùng nào nghi tình bùng vỡ, thì Tự tánh hiện ra rõ ràng, giải quyết được khổ sanh tử luân hồi).

---o0o---

61. YẾU CẤP TƯƠNG ƯNG, DUY NGÔN BẤT NHỊ

Dịch

Muốn gặp tương ứng, chỉ nói bất nhị.

Lời khai thị:

Tự tánh dụ cho biển lớn, tâm dụ cho đất lớn; tất cả không ở ngoài tâm, không ở ngoài Tự tánh. Cũng như biển lớn không thấy bờ; như trời không thấy biên giới của trời. Dung nạp tất cả không gian, tức là 10 phương (đông nam, tây nam, đông bắc, tây bắc, đông, nam, tây, bắc, trên, dưới).

Mười phương thế giới làm sao biết hết? Biên giới thông suốt tam thế (tam thế là quá khứ, hiện tại, vị lai). Tự tánh (Tâm địa) bao gồm không gian thời gian, không có cái nào ở ngoài không gian thời gian, thì tất cả vũ trụ vạn vật, không có cái nào ở ngoài tâm.

Trước nói “bất lạc”, sau nói “bất muội”, hồ ly đâu phải 2 con. Đây công án của Tổ Bá Trượng. Thiền sư Bá Trượng mỗi ngày lên hội thuyết pháp. Có một ông già nghe pháp; mỗi bữa thuyết pháp xong mọi người đi về, ông già cũng đi về. Có một bữa người ta đã về hết, nhưng ông già không về.

Bá Trượng hỏi ông: Ông có chuyện gì?

Ông già nói: Tôi không phải người là con hồ ly tinh (con chồn). Trước Phật Ca Diếp, tôi cũng ở núi này, làm trụ trì hoàng pháp. Có vị Tăng hỏi tôi: Người đại tu hành có lọt vào nhân quả hay không?

Tôi trả lời: Không lọt vào nhân quả.

Cho nên bị đọa làm chồn 500 đời, đến bây giờ là đời thứ 500. Vậy xin Ngài thuyết pháp cho tôi được thoát khỏi thân chồn này.

Bá Trượng nói: Cứ hỏi đi.

Ông già hỏi: Người đại tu hành có lọt vào nhân quả hay không?

Bá Trượng nói: Nhân quả rõ ràng.

Ông già nói: Tôi đã ngộ và thoát được thân chồn. Xin Ngài đem tôi chôn như một Tăng sĩ.

Bá Trượng chấp nhận và nói với đại chúng: Sau khi ăn cơm xong, xin đại chúng đưa đám tang của một vị Tăng. Các người ở trong chùa nghe ngạc nhiên. Bá Trượng không nói gì, ăn cơm xong, Bá

Trượng đi trước và các vị trong chùa đi sau, phía sau chùa có một cái hang, có một con chồn chết, theo lễ tang của Tăng sĩ mà chôn.

Vậy trả lời một chữ mà bị đọa 500 đời con chồn. Nói đến thuyết pháp không phải dễ đâu! Nếu Tôi (Duy Lực) nói sai cũng có tội. Phật pháp không phải để nói chơi!

Hôm qua nói “định”, hôm nay nói chẳng định”. Đây công án của Phật Thích Ca. Có một ngoại đạo hỏi Phật: Hôm qua Phật thuyết pháp gì?

Phật trả lời: Thuyết pháp định.

Ngoại đạo hỏi: Hôm nay thuyết pháp gì?

Phật trả lời: Thuyết pháp bất định.

Ngoại đạo hỏi: Tại sao hôm qua định, hôm nay bất định?

Phật trả lời: Phải, hôm qua thì định, hôm nay bất định.

Tại sao người ngoại đạo hỏi, mà Phật trả lời như thế? Phật nói trong kinh Kim Cang “không có pháp định mà Như Lai thuyết, vậy Phật pháp là pháp bất định”.

Phật trả lời cho ngoại đạo như thế! Vậy ý của Phật ở chỗ nào, sao lại có mâu thuẫn? Nhưng hiểu thì không có mâu thuẫn, mà lại thiệt bất định. Nếu hôm qua bất định, hôm nay cũng bất định thì vĩnh viễn bất định, thì pháp đã định rồi, không gọi là bất định pháp.

Hôm qua định, hôm nay bất định, tức là muốn định là định, bất định là bất định, mới chân thật là bất định. Nếu vĩnh viễn bất định là định rồi; định cũng được, bất định cũng được, mới là bất định.

Người ta hỏi: Thế nào là Phật?

Động Sơn trả lời: Cục cứt khô.

Vậy cục cứt khô là Phật sao? Tổ sư kiến tánh triệt để! Đây là công án của Động Sơn.

Trong kinh Duy Ma Cát, Phật sai các đệ tử đi thăm Duy Ma Cát bệnh ở trong thành Tỳ Da Ly, ai cũng từ chối. Cuối cùng, Phật sai Văn Thù đi và đại chúng cùng theo sau.

Duy Ma Cật hỏi: Thế nào là nhập pháp môn bất nhị của Bồ tát?

Mỗi vị đều trình sở ngộ của mình, rồi đến ngài Văn Thù đáp: Theo ý tôi, nơi tất cả pháp vô ngôn vô thuyết, vô thị vô thức, là nơi vấn đáp, ấy là nhập pháp môn bất nhị.

Ngài Văn Thù hỏi rằng: Chúng tôi mỗi mỗi đã tự nói xong, nay đến lượt hơn giả nói: Thế nào là nhập pháp môn bất nhị của Bồ tát?

Duy Ma Cật im lặng, Văn Thù tán thán rằng: Lành thay, lành thay! Cho đến chẳng có văn tự, lời nói mới là chân nhập pháp môn bất nhị.

Tất cả A la hán và Bồ tát đều biện tài không bằng Duy Ma Cật. Biện tài của Duy Ma Cật như cái dùi nhọn. Văn Thù xưa kia làm thầy 7 Phật, biện tài như kiếm bén. Chỉ có Văn Thù và Duy Ma Cật mới tương ưng với nhau.

Nhưng công án trên rất hay, đối với Thiền tông coi là những phương tiện bó buộc, không có ích cho sự giải thoát. Tại sao? Mặc dù nói có chí lý, nhưng Tổ Sư thiền quét hết chí lý. Chí lý đó làm sao có bia đá để ghi? Cũng như cái mộ có cái bia để ghi ngày sanh ngày chết. Chùa cũng có tấm bia để ghi lại người sáng lập, gọi là bia ký.

Tự tánh là chí lý đâu cần có bia để ghi! Chỉ cần tham thiền phát hiện Tự tánh gọi là kiến tánh thành Phật. Lời của Phật, Tổ, những công án tuy rất hay; nếu chấp thật chỉ là dây trói buộc, đối với mình vô ích. Cho nên Thiền tông có hai câu:

Tiếng sóng ngàn sông chìm biển rộng,
Muôn núi hùng vĩ kém đỉnh cao.

Tán thán Thiền tông không có pháp môn nào bằng. Nên ngài Lai Quả nói: “Phật quá khứ, Phật hiện tại, Phật vị lai đều từ cửa Thiền tông này thành Phật; không có vị Phật nào không do tham thiền mà thành Phật” bây giờ chúng ta gặp được pháp môn tham thiền rồi, cứ ôm chặt câu thoại đầu quyết tử tham đến kiến tánh thì tự do tự tại.

Lời nghĩa giải:

Tổ sư nói: "Muốn gặp tương ưng, chỉ nói bất nhị". Người nghĩa giải cho rằng: Tổ sư phí sức phân biệt, trước nói “chỉ chê lựa chọn”, kể

nói “một cũng đừng giữ”, “muôn pháp cùng quán”, “muôn pháp nhất như”... đều là lý của hai chữ “chỉ nói”. Nhưng chư Phật và chúng sanh, bản thể bất nhị, nói “thành Phật” đã là lời thừa.

Bởi vì, Phật và chúng sanh không khác, vậy ai thành Phật? Trong kinh Viên Giác nói: “Tất cả chúng sanh đều chứng Viên Giác”. Kỳ thật, bản thể của mình không phải là Phật, không phải là chúng sanh. Vì phân biệt mới có Phật và chúng sanh.

Vậy nói: “Muốn gặp tương ứng”, dường như thành hai đoạn. Nếu quả thật có cái lý tương ứng và bất tương ứng thì rõ ràng là hai rồi. Vì tương ứng là cú thứ nhất, bất tương ứng là cú thứ nhì, là tương đối. Nói “duy ngôn bất nhị” thì làm cho người ta không nghi cũng không được!

Như trên rất có lý, nhưng ngài Trung Phong còn phủ nhận.

Tịch nghĩa giải:

Chỉ e cái nghi này chẳng chân thật, chẳng vững chắc, thì cái nghi này sẽ có ngày tự bùng nổ. Nghi này nếu vỡ, thì nhị và bất nhị của tương ứng hay bất tương ứng đã thấu rõ trước cơ xảo, lãnh hội ngoài ngôn ngữ, mới biết ơn lớn của Tổ sư khó đáp đền.

Xưa Duy Ma Cật bảo chúng Bồ tát nói pháp môn bất nhị, mỗi mỗi nói xong, lại bị chúng Bồ tát hỏi ngược lại thì im lặng chẳng đáp. Lúc ấy Văn Thù tán thán rằng: “Chân nhập pháp môn bất nhị”. Vậy lời tán thán của Văn Thù sanh khởi từ chỗ nào? Nếu cho im lặng là pháp môn bất nhị, thì ngữ ngôn cũng có thể gọi là pháp môn bất nhị, cho đến đùa giỡn đều gọi là bất nhị, thì tại sao chỉ khen một mình Duy Ma Cật?

Ở đây cần phải thấu rõ ý chỉ mũi kim đụng nhau đúng khớp của hai vị đại sĩ Văn Thù và Duy Ma Cật, thì lời nói tương ứng hay chẳng tương ứng trong một tiếng cười đã tẩy sạch rồi.

Nếu không đích thân thấy tông chỉ đó, nói có lý gì đều là hư vọng, đối với việc sanh tử không có liên quan gì. Muốn đích thân thấy tông chỉ của Văn Thù và Duy Ma Cật, chỉ có tham thiền đến kiến tánh mới thấy, ngoài ra không thể thấy được.

Kệ kết thúc:

Cửa thiền Tổ sư tuyệt chi ly,
Đá lửa, điện chớp vẫn chậm trì.
Muốn gấp tương ứng nói bất nhị,
Bà lão nhai cơm, mớm tiểu nhi.

(Tổ Sư thiền này quét sạch tất cả, cũng như Bát Nhã Tâm Kinh quét sạch từ phàm phu, Tiểu thừa, Trung thừa, Đại thừa cho đến Phật thừa. Điện chớp của đá lửa rất nhanh, nhưng ở đây vẫn chậm trễ. Câu: “Muốn gấp tương ứng chỉ nói bất nhị”, giống như bà lão không có răng nhai cơm mà mớm con nít, thì chuyện này làm sao có! Cũng như tất cả lời nói của Phật, Tổ, dù giải nghĩa ra có lý cao siêu, đối với Thiền môn đều vô dụng. Thiền môn muốn mình kiến tánh thành Phật, thì phải đề câu thoại đầu, phát khởi nghi tình, ngày đêm miên mật, sẽ kiến tánh thành Phật).

---o0o---

62. BẤT NHỊ GIAI ĐỒNG, VÔ BẤT BAO DUNG

Dịch

Bất nhị chẳng phải đồng, nhị mới có bao gồm.

Lời khai thị:

Tổ Tổ tâm không, Phật Phật đạo đồng. Chư Tổ Thiền tông đều do tham thiền kiến tánh. Nghi tình là cái chỗi tự động quét tất cả cho trống rỗng, gọi là kiến tánh thành Phật. Thiền tông là “tâm không cập đệ” tức là “tâm không thi đậu”.

Chư Phật cũng do tham thiền mà thành Phật. Cho nên, ngài Lai Quả nói: “Phật quá khứ, Phật hiện tại, Phật vị lai đều từ cửa Thiền tông mà thành Phật”. Tâm không cũng như các ngôi sao cùng hướng về ngôi sao bắc đẩu. Đạo đồng cũng như muôn dòng nước chảy về biển đông.

Hưng Hóa là Tổ thứ 2 tông Lâm Tế. Một hôm có người mời Tổ đi dự cúng dường ở trong làng, gặp mưa gió lớn, phải ẩn tránh trong miếu. Đây là công án của Tổ Hưng Hóa.

“Đạo ta nhất quán” là công án của Khổng Tử. Học trò của Khổng Tử là Trang tử, hỏi đạo với Khổng Tử. Khổng tử nói: “Đạo ta là nhất quán”. Trang Tử nghe ngộ liền, nói: “Dạ, phải”.

Học trò Trang Tử hỏi Trang Tử: Thế nào Khổng Tử nói Đạo ta nhất quán?

Trang Tử biết người ấy chưa ngộ, mới nói cửa thứ hai, rằng: Đạo của Khổng Tử chỉ có trung với thứ mà thôi.

Nói trung với thứ thì đã lọt vào hai, ba. Còn một phải tự ngộ, chứ nói không được. Đạo của Khổng Tử còn như vậy, hướng chi Thiền môn muốn lấy lời nói làm sao được? Chỉ cần mình ngộ, nếu nói là không phải rồi. Đạo của Khổng Tử chỉ có Trang Tử ngộ, về sau không có ai ngộ nữa.

Cây phản của Đức Sơn có tiếng, Tuyết Phong đến hỏi đạo thì bị cây phản của Đức Sơn đánh liền ngộ đạo. Đức Sơn đêm nay không trả lời. Đây là công án của Đức Sơn (đã kể ở trên).

Sau đây là hình dung thủ đoạn của Tổ sư rất mãnh liệt. Bắt con cọp rất hung dữ. Muốn phân biệt con rỗng hay con rắn. Như người chân thật tham thiền là con rỗng, người tu lời thôi là con rắn. Con mắt của Hải Thần chẳng phí chút sức đã biết hạng người nào là rỗng hay rắn.

Sức lực của Tổ làm nổ sấm sét, phủ mây mù, làm tiêu mất bao nhiêu gió của Long Vương. Tổ dùng mũi kim gạt sắt đè chìm đại địa, vắt sợi chỉ mảnh ra nước, làm ngập khắp cả hư không.

Còn nói lý do thì không có cán nắm, tức là không có lý để nói. Ở trên nói con sông không đáy, chỗ này nói con sông không dò để đưa. Như Tịnh Độ thì có đò để mình qua sông, còn Thiền thì không đò để cho mình qua, phải tự mình qua.

Như vách sắt không cửa nẻo, nhưng mình phải tự qua. Tự tánh của mình lúc nào cũng theo mình ngồi, nằm, ngủ,... nhưng mình không biết Tự tánh; chỉ có tham thiền đến kiến tánh mới biết, muốn nhờ sức lực của ai cũng không được. Cho nên, không có ghe để chở, chỉ có tự mình đi. Tuy vách sắt không có cửa, nếu sức mạnh của mình tham đến mức đó thì sẽ qua được.

Lời nghĩa giải:

Tổ sư nói: "Bất nhị chẳng phải đồng, nhị mới có bao gồm". Hạng người hiểu theo văn tự cho rằng kinh Pháp Hoa nói: "Chỉ một sự thật này, ngoài ra đều chẳng chân", còn nói: "Tất cả chư Phật chỉ một Phật thừa, chẳng hai, chẳng ba".

Nói một là Diệu tâm sáng tròn, thể lìa tu chứng, dọc gồm tam thể, ngang thấu mười phương; sắc không, sáng tối, lấy đó làm nguồn; thánh phàm, mê ngộ lấy đó làm gốc. Cho đến cùng khắp pháp giới, nếu thấy có mảy may chẳng do đó sanh khởi, đều là sở chấp của ngoại đạo.

Cho nên nói: "Sum la và vạn tượng do một pháp ấn định" và lời "bất nhị giai đồng, vô bất bao dung" chẳng thể ở ngoài nghĩa này. Như trên rất có lý, nhưng ngài Trung Phong còn phủ nhận.

Tịch nghĩa giải:

Nói như thế, tất cả ngôn giáo đã ghi đầy đủ, đâu cần Tổ sư từ Tây Trúc sang! Phải biết, ngôn giáo như bức tranh họa của Triệu Sưong, cao thấp xa gần, búp nở đậm nhạt, xem rất đẹp mắt, nhưng chẳng phải hoa thật vậy.

Nếu chưa thể nơi gót chân một dao cắt đứt cuộn chỉ rối, thì đối với tông chỉ "bất nhị giai đồng" đâu thể chỉ miệng nói tai nghe mà đắc được ư!

Bây giờ nghe tôi (Duy Lực) giảng là tăng cường niềm tin để tham thiền, chứ không có giáo lý cao siêu có ích cho mình. Cũng như bánh xe xẹp không chạy được cần phải bơm, như mỗi tuần lễ giảng để khích lệ tu giải thoát, chứ không nhờ giáo lý cao siêu để giải thoát.

Kệ kết thúc:

Vàng ròng đúc thành trứng gà trống,
Đập nát y xưa vẫn còn nguyên.
Chẳng biết có gì bao trong đó,
Suốt đêm khuya sáng gọi càn khôn.

(Gà mái mới đẻ trứng, nhưng ở đây trứng gà trống lấy vàng đúc thành. Vậy làm sao đập bể nó? Đập bể thì không được, nó vẫn như cũ, chẳng biết trong đó bao cái gì? Nhưng ánh sáng chiếu khắp trời đất; cái này hình dung, Tự tánh mình thấy không được.

Nhưng cái dụng Tự tánh khắp mười phương vũ trụ. Ý của ngài Trung Phong muốn mình đừng theo đuổi lời của Tổ; cũng như chấp lời thì nghịch ý, dù giải lý cao siêu hơn Phật đối với việc sanh tử chẳng có liên quan gì.

Cho nên Phật thuyết pháp 49 năm, tự nói chẳng có nói một chữ. Tự tánh không có thể dùng lời nói để diễn tả, chỉ y theo thực hành của Phật dạy hay Tổ dạy, thì sẽ phát huy cái dụng khắp mười phương, nếu mình được ngộ).

---o0o---

63. THẬP PHƯƠNG TRÍ GIẢ, GIAI NHẬP THỦ TÔNG

Dịch

Người trí mười phương, đều vào tông này.

Lời khai thị:

Chí thần vô công dụng, chí thể chẳng hỗn dung; chí thần và chí thể là biệt danh của Tự tánh, công dụng của Tự tánh là vô công dụng, vì nó tự động không qua bộ óc tức là không tác ý. Thường thường Thiên tông nói: “Vô công dụng đạo”. Cũng như dụng của Bát Nhã không cần qua bộ óc, nhưng cái dụng khắp mười phương thế giới.

Bản thể của Tự tánh hỗn dung, nó không được chỉ ra ở chỗ nào. Không được chỉ ra chỗ nào là Tự tánh, cũng không được chỉ ra chỗ nào không Tự tánh. Nghĩa này trong kinh Lăng Nghiêm giải thích rất kỹ.

Trong kinh Lăng Nghiêm thí dụ bằng cây, tôi thí dụ bằng cái tách. Nếu cái tách này là kiến tinh, thì cái tên tách phải bỏ, vì tách này là kiến tinh thì không gọi là tách nữa. Nếu cái tách không phải kiến tinh, vì sao thấy cái tách? Kiến tinh dụ cho Tự tánh, nếu Tự tánh ở chỗ

tách thì cái bàn không có Tự tánh, cái khăn không có Tự tánh. Làm sao khắp mười phương được?

Phật nói từ trên trời, thảo mộc, sơn hà... tất cả chỉ ra cái kiến tinh ở chỗ nào? Kiến tinh ở chỗ nào chỉ không ra. Phật nói bất cứ ở chỗ nào cũng không phải là kiến tinh. Phật hỏi A Nan phát minh chẳng phải kiến tinh phải không?

A Nan nói: Không phải.

Cái này chẳng phải kiến tinh, cái kia chẳng phải kiến tinh. Như vậy, tại sao còn gọi là kiến tinh? Nếu có chỗ chỉ ra là không phải. Cho nên, ở đây gọi là hỗn dung là cái nghĩa như vậy. Không được chỉ nó là phải hay không phải, không được chỉ ở nơi nào. Chí thể Tự tánh hỗn dung là như thế!

Như chuông nơi chánh điện, lỗ tai chẳng nghe động tịnh, giống như cái nghĩa hỗn dung, không thể chỉ ra thật tế. Như mùa xuân đến vườn, nhánh hoa tự trắng tự hồng. Nghĩa trong kinh Pháp Hoa có câu “ngôi pháp đó trụ nơi pháp đó, là thường trụ của tướng thế gian”. Thì bông trắng trụ nơi pháp của bông trắng, bông đỏ trụ nơi pháp bông đỏ, tướng thế gian thường trụ là thế. Cũng là hình dung cái dụng của Tự tánh.

Ngũ vị quân thân là thủ đoạn của Động Sơn. Trước kia Thiên tông chỉ có một phái, tại sao chia ra làm năm phái? Vì chia ra làm năm phái là thủ đoạn khác nhau, nhưng làm cho người tham ngộ giống nhau, chứ không có khác.

Thủ đoạn của Tổ Động Sơn rất hay, như Tổ dùng sợi tơ làm ra tiếng, khảy lên thì âm vận nổi lên. Âm vận hiện ra lúc chưa hiện ra, cũng như Tổ thường nói: “Thường nghe khi chưa nghe”. Thủ đoạn của Tổ không thể suy nghĩ được.

Lâm Tế tứ chiếu dụng, cũng là thủ đoạn của Lâm Tế rất hay. Như dùng roi sắt điều khiển ngựa hay để chạy, không xe nào chạy theo kịp. Cũng là hình dung thủ đoạn của Tổ.

Như hạt ngọc hạt châu chuyển trước cơ xảo của Tổ, con đường sống chứ không phải đường chết. Thường làm cho người tham thiền mau chóng được kiến tánh, mà kiến tánh thành linh. Gia phong của

Tổ như gió bay sấm sét con mắt thì ở trên đầu rất lợi hại, tức là thủ đoạn của Tổ không có ai bằng được, không có ai suy nghĩ ra được. Nếu mình muốn gặp thì không thể dễ gặp.

Theo bệnh chúng sanh hay chấp thật, không lọt vào chỗ này thì lọt vào chỗ kia, tư tưởng của chúng sanh không lọt vào cái cối thì lọt vào cái ổ. Chư Phật lia cái ổ, lia cái cối. Lia thì phải rồi; nếu lấy ý của mình để suy xét tỏ bày, nói rằng: “Chư Phật lia cái cối, lia cái ổ, rắn chết hóa thành rồng”. Nếu mình lấy ý thức để so sánh giải thích, nói Phật lia cái này lia cái kia, mặc dù nói thì đúng, nhưng làm cho mình không được kiến tánh. Vì mình lấy thức đi tìm, đó là hồ nghi chứ không phải chánh nghi.

Bây giờ, có một số sách thiền lấy ý thức đi tìm hiểu công án hay thoại đầu, thì làm bít cửa ngộ của người tham thiền, vì không có nghi nên không có ngộ.

Lời nghĩa giải:

Tổ sư nói: "Người trí mười phương, đều vào tông này". Người nghĩa giải dẫn chứng kinh Hoa Nghiêm nói: “Cảnh giới của Như Lai, vô lượng bằng hư không (hư không chẳng có số lượng, tức là siêu việt số lượng. Nếu còn nằm trong số lượng thì không phải bằng hư không) tất cả chúng sanh vào, kỳ thực chẳng chỗ vào”. (Nếu có chỗ nhập thì nhập sâu nhập cạn, nên có số lượng rồi).

Kinh Viên Giác nói: “Những người năng nhập thì chẳng phải giác nhập”, vì Tự tánh khắp mười phương, nếu có nhập thì không phải Tự tánh. Phải biết, tông này tất cả chúng sanh vốn thâm nhập, đâu có lý nào lại nhập nữa! Chúng sanh đã như vậy, thì người trí không nên lại có sở nhập, ngài Vĩnh Gia nói: “Tâm chân như vốn chẳng thể lia”, nhưng kẻ mê dụ là xuất, người ngộ gọi là nhập, làm cho mê ngộ tương đối, thật đâu có xuất nhập ư!

Tịch nghĩa giải:

Hãy gác lời này lại, ông có từng ngộ chưa? Đợi ông chân thật có chỗ ngộ, mới thấy lời Tổ sư không dối (biết ý của Tổ đừng chấp lời của Tổ. Cái bệnh chúng sanh hay chấp Phật, nên có luân hồi trong lục đạo, bị khổ tới ngày nay. Lời của Tổ không có ý gạt mình, nhưng mình không thấu được thì bị Tổ gạt. Tổ có thí dụ, sông biển không có

ý làm chướng ngại mình, tại mình qua không được thì bị nó làm chướng ngại. Sau khi kiến tánh, Tổ có nói về sau tôi không bị gạt nữa).

Kệ kết thúc:

Đồng nói tông này khó được diệu,
Người trí mười phương cứ bàn nhau.
Nếu chưa buông tay nơi vực thẳm,
Chỗ nhập đâu khác địa ngục môn.

(Cái huyền diệu của Thiền tông rất khó hiểu, dù người trí mười phương dùng ý thức để bàn đến, cũng không thể hiểu được, càng thêm khó khăn. Vậy làm sao được diệu dụng của Thiền tông? Chư Phật, Tổ dạy cách tham thiền, ôm chặt câu thoại đầu, phát khởi nghi tình, ngày đêm miên mật, sẽ có ngày đến thoại đầu.

Ví dụ như cây sào 100 thước, cây sào này là đường đi ý thức. Dùng ý thức để tham, tham đến đầu sào tức đến thoại đầu là đến chỗ cuối cùng của tham thiền, cũng như đến cuối cùng của đỉnh núi cao, cần phải buông hai tay để rơi xuống vực sâu, cái xác cần phải tan nát không còn chút gì.

Ngài Lai Quả nói: Đến đầu sào 100 thước cần tiến lên một bước thì lọt vào hư không, té xuống cho chết tan nát; tan nát rồi sống lại, Thiền tông gọi là: “Đại tử đại hoạt”. Nếu tiểu tử tiểu hoạt thì còn chưa được, tức là chết chưa có tan nát. Đại tử đại hoạt thì diệu dụng của Tự tánh hiển bày ra hết. Nếu chưa ngộ mà muốn hiểu, không tu tập, thì có ngày vô cửa địa ngục hay bị sinh tử luân hồi trong sáu đường).

---o0o---

64. TÔNG PHI XÚC DIỄN, NHẤT NIỆM VẠN NIÊN

Dịch

Tông chỉ chẳng có ngắn dài, muôn năm một niệm, niệm muôn năm.
Lời khai thị:

Càn là trời, khôn là đất, thiên chẳng khác giáo, dương là kỳ, âm là ngẫu; giáo đâu lia thiên, thì tất cả tương đối đều như vậy.

Cũng như con gà và trứng gà không lia nhau được; nói trước có trứng gà không có con gà thì không được, vì không có con gà làm gì đẻ ra trứng gà. Nếu nói trước có con gà không có trứng gà thì cũng không được, vì không có trứng gà làm sao nở ra con gà. Con gà không lia trứng gà mà sanh được, trứng gà không lia con gà mà có được.

Vậy thiền với giáo cũng vậy, Phật từ thiền mà ngộ, rồi nói ra thành giáo. Bây giờ thiền và giáo có khác là do vọng tâm phân biệt so sánh. Ý thức phân biệt là vọng tâm hoạt động, như con rắn bó buộc mình. Như kinh Lăng Nghiêm nói: "Tự tâm buộc tự tâm". Kỳ thật không có sự khác biệt.

Người chuyên nhất tâm tam quán của tông Thiên thai. Tam quán là không quán, giả quán, trung quán. Tam quán không phải là ba thứ là do nhất tâm. Người chuyên trực chỉ đơn truyền tức là Thiền môn trực chỉ nhân tâm kiến tánh thành Phật.

Nín như cách núi, không thấy nhau được, nếu nói ra thì xa cách như trời. Tổ nói: "Nói là phỉ báng, im lặng là điên cuồng, chẳng ngữ chẳng mặc là thêm hư vọng".

Vô Diện Mục Hán là biệt danh của Tự tánh, Tự tánh không có bản thể, không có diện mục. Thiền tông gọi là Vô Diện Mục Hán.

Thiền môn với Giáo môn tranh chấp nhau, bị Vô Diện Mục Hán chặn ngang hét một tiếng, thì không còn tranh chấp, mới thõng tay vào thành để giáo hóa chúng sanh.

Ngài Trung Phong muốn chúng ta, ai tu Thiên Thai tông thì nhất tâm tam quán, còn ai tu thiền thì theo tông chỉ Thiền tông mà tu. Mỗi bên cứ theo pháp môn của mình mà tu, chứ không tranh chấp với nhau. Không đem phân vô minh tưới vào ruộng thức, thì không thêm khổ.

Lời nghĩa giải:

Tổ sư nói: "Tông chỉ chẳng có ngắn dài, muôn năm một niệm, niệm muôn năm". Người nghĩa giải cho rằng: Tổ sư lấy nhất tâm làm tông, trong pháp giới nhất tâm, cho kiếp là ngày mà chẳng rút ngắn, cho ngày là kiếp mà chẳng dài thêm. Nên xem một niệm là muôn năm,

chuyển muôn năm là một niệm, chẳng dài chẳng ngắn, chẳng ít chẳng nhiều, đâu phải thần thông mà ra; chỉ vì pháp vốn như thế!

Như trên rất có lý, nhưng ngài Trung Phong còn phủ nhận.

Tịch nghĩa giải:

Xưa kia có người trí nhà nhỏ, cho bài “thọ yếu bằng nhau” là vọng tác, cho “tử sanh như một” là hư dối. Nếu họ biết có cái thuyết “một niệm muôn năm” lại càng kinh ngạc. Ấy cũng chẳng lạ gì, bởi chân tục chẳng cùng lối mà thôi. Người xưa (Tăng Triệu) nói: “Nói chân thì nghịch với tục, thuận tục thì trái với chân”, há chẳng đúng ư! Làm sao khiến cho họ xé rách lưới tục, cắt đứt căn trần.

(Bát Nhã Tâm Kinh nói: “Vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý” là cắt đứt lục căn; “Vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp” là cắt đứt lục trần. Ý cắt đứt là phá chấp tâm của mình chấp lục căn là thật, chấp lục trần là thật. Nếu bệnh chấp thật hết thì được kiến tánh).

Trở lại xem cái cơ xảo viên thường tự tại, ngắn dài giúp nhau của Tổ sư, thì cái lối lờ lởi của nhà nhỏ nói sai, không tránh khỏi được. Dù vậy muốn chẳng kẹt nơi ngắn dài, thử nói một câu xem!

(Nếu chưa kiến tánh thì nói ra không được. muốn nói được thì phải quyết tử tham thiền, trị xong bệnh chấp thật, thì được kiến tánh, nói sao cũng được).

Kệ kết thúc:

Sát na muôn kiếp chẳng ngắn dài,
Đo lường hư không nói tròn vuông.
Cứ ngay khi ấy chấp là thật,
Đứng xa ngoài cửa giành đúng sai.

(Thời gian sát na là 1/60 giây với thời gian muôn kiếp chẳng phải ngắn dài. Nếu mình phân biệt dài và ngắn thì không đúng. Hư không chẳng có bản thể thì sao nói dài ngắn, tròn vuông? Thời gian cũng vậy, đâu có bản thể mà nói dài ngắn? Lúc nghi tình vỡ thì nói ngắn nói dài cũng được, nếu chưa thì không được phân biệt ngắn dài, tròn vuông, vì tất cả đều là hư vọng).

---o0o---

65.VÔ TẠI BẤT TẠI, THẬP PHƯƠNG MỤC TIỀN

Dịch

Chẳng phải có chỗ, chẳng phải không chỗ, mười phương hư không, chính là trước mắt.

Lời khai thị:

Cảnh thanh sáu cửa, là thủ đoạn quét lục căn, quét lục trần, quét lục thức.

Lâm Tế tam huyền, có tam huyền tam yếu là thủ đoạn của Lâm Tế.

Thiên Long giơ ngón tay là thủ đoạn của Thiền sư Thiên Long, người ôm nên ngón tay cũng ôm (chuyện tích đã kể trước).

Am Chủ dựng ngón tay là thủ đoạn của Tổ sư, như có người hỏi thì Tổ sư đưa nắm tay lên.

Chỗ không Phật mau chạy qua, chỗ có Phật không được trụ. Đây là lời khai thị của Tổ sư. Chỗ có Phật không được trụ, xóa hết Tây Thiên (Án Độ) và Đông Độ (Trung Quốc); chỗ không Phật mau chạy qua, đánh bên nam thì động bên bắc. Diệu dụng và thủ đoạn của Tổ sư không thể lấy ý thức để suy đoán.

Chứng chỉ lãnh xong, để cho 6 cửa vắng lặng. Tham thiền đề thoại đầu, khởi nghi tình là cây chổi automatic quét sạch hết; mặc dù, thủ đoạn huyền diệu của Tổ cũng quét luôn.

Mở cửa thả ra hạt Dương Châu,

Chẳng cần đem theo mười vạn tiền.

Hai câu này cũng có hai câu thơ:

Yêu tiền thập vạn quán,
Kỳ hạt thượng Dương châu.

Đây là dục vọng của người thế gian, muốn phát tài làm triệu phú; hồi xưa có 10 vạn quán tiền (tiền xưa có lỗ để xâu gọi là quán), người triệu phú ở trong rừng sâu hay trong vườn, đâu có gì dùng tiền để hưởng thụ, thì phải ở trong thành thị lớn, mới có chỗ để hưởng thụ.

Dương Châu là thành thị lớn của Trung Quốc, đầy đủ các thứ để hưởng thụ. Nhưng cái hưởng thụ đó không được dài, không bao lâu đều phải chết. Cho nên, phải cầu sống lâu, đem tiền đến thành thị lớn để hưởng thụ.

Vậy đối với người thế gian sung sướng rất thỏa mãn. Nhưng người tu hành thì phải quét sạch hết. Vì hưởng thụ một thời gian cũng phải chết, sau khi chết biến heo biến ngựa cũng không hay, cái khổ không dứt được.

Mình đã biết chánh pháp thì phải chân tu, tham thiền đến khi nào kiến tánh, thì bảo tàng của Tự tánh hưởng thụ không hết, còn cái này chỉ tạm một thời gian thôi. Cho nên, mình phải quét sạch, phải mở cửa thả cho nó ra, cũng khỏi cần làm triệu phú, buộc 10 vạn quán tiền ở trong lưng.

Lời nghĩa giải:

Tổ sư nói: "Chẳng phải có chỗ, chẳng phải không chỗ, mười phương hư không, chính là trước mắt". Người nghĩa giải cho rằng: Tâm chẳng hình tướng, đạo tuyệt bờ bến, ngay nơi hình tướng, mà chẳng ngại mỗi mỗi phân phân.

Kinh Lăng Nghiêm lấy kiến tinh ví dụ cho Tự tánh, vì Tự tánh nói không được. Kiến (thấy) được cái tách; nếu nói cái tách là kiến tinh thì tên tách phải mất, vì tên kiến tinh đã thay thế tên tách rồi. Nếu nói cái tách không phải kiến tinh, tại sao lại thấy cái tách? Nếu kiến tinh ở chỗ tách thì chỗ khác không có, tức là không cùng khắp mười phương.

Tâm cùng khắp mười phương, nhưng đủ sắc tướng, như cái khăn, cái đĩa... đều khác nhau, cũng không ngại cái dụng của Bản tâm, chỗ nào cũng hiển lộ, chẳng lìa chỗ ở, thường trạm nhiên, mỗi mỗi phân thân tức là chỗ nào cũng có. Nhưng muốn tìm thì không thể thấy, vì bản tâm không hình tướng, làm sao thấy được? Nhưng dụng khắp

nơi chỗ nào cũng có. Ở đây, ý chỉ “vô tại bất tại, thập phương mục tiền” đã rõ ràng.

Như trên rất có lý, nhưng ngài Trung Phong còn phủ nhận.

Tịch nghĩa giải:

Người nói lời này, bị mắng là “nhìn bóng để trộm ánh sáng”. Như ánh sáng mặt trời, mặt trăng, đèn... thấy rõ ràng cùng khắp mười phương, làm sao ăn cắp ánh sáng để chiếu ra bóng? Như Tụ tánh rõ ràng cùng khắp mười phương, làm sao thấy và lấy ra được?

Giải như lời nghĩa giải giống như ăn cắp ánh sáng để nhìn bóng, cái đó là hư vọng. Cái hư vọng là thiếu một phần cũng không được, tức là giải theo lời nói của Tổ thì hư vọng.

Nếu chẳng thể đích thân hạ thủ phá hàng rào thiết vi, mà muốn thấy ý chỉ vô tại bất tại của Tổ sư, khác gì đi Trịnh Châu ra cửa Tào Châu!

Kệ kết thúc:

“Ngay chỗ chẳng lìa” là vật gì?
Lấp bít bốn phương khắp hư không.
Ném ngay trước mặt chẳng che dấu,
Khiến kẻ nhìn thấy bị mất mù.

(Vô tại bất tại, thập phương mục tiền là diễn tả Tụ tánh. Tụ tánh chẳng lìa ngay chỗ là vật gì? Nếu muốn chỉ ra thì không được. Tại sao nói chẳng lìa ngay chỗ? Vì mười phương thế giới đều lấp đầy; nếu lấy được liêng ngay trước mặt không có sự che lấp. Vì Tụ tánh có cái gì che lấp thì không phải Tụ tánh. Mặc dù không có che lấp, nhưng không thể thấy được. Nếu dùng mắt để nhìn, cho đến khi mắt khô, cũng không nhìn ra được.

Đây muốn cho chúng ta kiến tánh, kiến tánh thì không có ai năng kiến, cái tánh là sở kiến. Nếu có năng có sở thì không phải kiến tánh. Kiến tánh là tự tánh tự hiện, không có năng kiến sở kiến. Vì Tụ tánh bất nhị, nếu có năng sở là nhị rồi thì không phải kiến tánh.

Mặc dù, không có năng kiến và sở kiến, như người thế gian nói là kiến thì chư Phật cũng nói là kiến, người ta nghe mới hiểu được, vì

chữ “kiến” người thế gian đã lưu hành. Nên phải dùng chữ “kiến” nhưng chư Phật không chấp chữ “kiến”.

Kinh Niết Bàn nói: “Phàm phu theo thế lưu bố tưởng sanh ra trước tưởng, gọi là điên đảo tưởng. Chư Phật theo thế lưu bố tưởng không có trước tưởng thì không có điên đảo tưởng”. Kiến đã lưu hành trên thế gian, nếu chấp thật kiến là điên đảo tưởng.

---o0o---

66. CỤC TIỂU ĐỒNG ĐẠI, VONG TUYỆT CẢNH GIỚI

Dịch

Cục nhỏ đồng lớn, quên hẳn cảnh giới.

Lời khai thị:

Có vị Tăng hỏi Đầu Tử: Kiếp hỏa thiêu hết tam thiên đại thiên thế giới, thì tánh của mình hoại hay không hoại?

Đầu Tử trả lời: Hoại.

Vị Tăng ấy hỏi Đại Tỳ cũng câu hỏi trên.

Đại Tỳ nói: Chẳng hoại.

Như vậy đã lọt vào hai quan ải này, tức là thành chướng ngại. Vì theo nghĩa tứ cú, hoại là cú thứ nhất, bất hoại là cú thứ nhì. Nếu chấp vào đó thành chướng ngại làm mất cái dụng của Tự tánh, vì hoại và bất hoại là đối đãi. Nếu muốn không có chướng ngại, hoại và bất hoại ghép thành một chỗ, thì thấy được hạt bụi chẳng phải nhỏ, hư không chẳng phải lớn. Vì lớn với nhỏ là tương đối, nghĩa là bệnh chấp thật đã hết.

Như đề câu thoại đầu khởi lên nghi tình, nghi tình là chổi automatic quét sạch tất cả chấp, đã không chấp lời của Tổ, thì nhỏ và lớn không khác. Như vậy công án sẵn sàng không che dấu. Đã quét sạch thì thùng sơn đen lũng đáy, tức là kiến tánh.

Lời nghĩa giải:

Tổ sư nói: "Cực nhỏ đồng lớn, quên hẳn cảnh giới". Người nghĩa giải cho rằng: Trước nói "vô tại bất tại" tức là đề mục của đề mục của "cực tiểu đồng đại, cực đại đồng tiểu", nên kinh Lăng Nghiêm nói: "Trên đầu sợi lông hiện cõi Phật, ngồi trong hạt bụi chuyển pháp luân".

Nếu chẳng thấu đạt ý chỉ "vô tại bất tại" thì đặng đâu cũng bị kẹt nơi cảnh giới. Đã bị kẹt nơi cảnh giới thì đâu có lý nào quên hẳn được? Đã chẳng thể quên hẳn cảnh giới, thì lớn có tướng lớn, nhỏ có tướng nhỏ, đâu thể dung nhiếp thành một!

Như trên rất có lý, nhưng ngài Trung Phong còn phủ nhận.

Tịch nghĩa giải:

Chỉ như người quên hẳn cảnh giới, còn thấy có lớn nhỏ hay không? Nếu nói thấy thì chưa thể quên hẳn; nếu nói không thấy thì đâu khác chi người gỗ đá! Thử nói xem!

(Nếu chưa kiến tánh thì không thể nói được. Muốn nói được phải quyết tử tham thiền, đến khi kiến tánh mới quên hẳn cảnh giới. Lời của Tổ sư nói có lý, nếu chấp thật thì không được).

Kệ kết thúc:

Tu di chứa bụi người đều nhận,
Bụi chứa tu di, Phật cũng nghi,
Dầu cho kiến giải siêu hình tượng,
Khắc thuyền mò kiếm đã chậm trì.

(Hạt bụi ở trong núi tu di thì ai cũng tin, ngược lại, núi tu di để trong hạt bụi thì mọi người chẳng tin. Dầu cho kiến giải siêu việt ý thức suy lường, cũng là khắc thuyền đang đi, làm dầu để mò kiếm, thì không đúng rồi. Lời của Phật, Tổ là phá chấp của mình, mà lại chấp lời của Phật, Tổ nên bệnh chấp vẫn còn, làm sao giải thoát được? Muốn giải thoát phải tự tham tự ngộ).

67. CỰC ĐẠI ĐỒNG TIỂU, BẤT KIẾN BIÊN BIỂU

Dịch

Cực lớn đồng nhỏ, chẳng thấy bờ mé.

Lời khai thị:

Đắc được chẳng phải đắc, thấu rõ đâu có rõ. Tâm của mình như đất, tất cả ở trong tâm mà sanh ra, cũng như vạn vật từ trong đất mà ra, cho nên gọi là tâm địa. Tâm địa hoa nở tức là kiến tánh. Đã kiến tánh thì mùa đông có tuyết như mùa xuân. Tánh thiên (Tự tánh) nắng rọi băng tuyết đều tiêu. Kim phụng bay liệng trên nhánh cây chưa mọc, voi ngọc nhiễu quanh bênh cây không bóng.

(Kim phụng và cây không bóng là hình dung cho Tự tánh. Tự tánh hiện ra thì tất cả không phân biệt mùa đông hay mùa xuân, cây khô cũng như cây sống, đều là bất nhị của Tự tánh).

Bá Trượng giúp ông già thoát được thân chồn (đã kể ở trước) nghèo nuôi thân đã là nhiều. Văn Thủ chẳng thể xuất định cho cô gái, giàu chê ngàn người vẫn còn ít (nghĩa trên đây là thủ đoạn của Tổ sư).

Chỉ biết cách núi thấy khói, ai có hỏi ra cửa là cỏ (Tăng khai thị rằng: “Hương vạn lý không có cỏ mà đi”. Có người đem câu này đến Tăng khác trình bày.

Tăng ấy hỏi: Có ai đáp không?

Người đó trả lời: Không.

Tăng ấy nói: Sao không nói ra cửa là cỏ!).

Tất cả công án của Tổ sư đều sẵn sàng, không cần đi tìm cầu. Tổ Sư thiên có chánh nghi, không cho tâm đi hiểu. Hồ nghi lấy tâm đi tìm là nghịch ý của Tổ. Chư Tổ dùng thủ đoạn trong giày ống chơi kèn búa cũng là trước cửa đi quanh quần.

Tức là công án tả thủ đoạn của Tổ, muốn cho mình nghi chứ không phải cho mình tìm hiểu. Có số sách thiên lấy tâm đi tìm hiểu là sai lầm, hay giải thích công án, thoạt đầu làm lấp bít cửa ngộ người tham thiên, là nghịch ý Tổ.

Lời nghĩa giải:

Tổ sư nói: "Cực lớn đồng nhỏ, chẳng thấy bờ mé". Người nghĩa giải cho rằng: Xưa kia Duy Ma Cật dùng thần lực giải thoát bất khả tư nghì, đem 32 tòa sư tử để trong phòng trượng thất, mà phòng nhỏ chẳng thấy chật, tòa lớn chẳng rút nhỏ. Rồi dùng tay phải hái lấy thế giới Diệu Hỷ để vào phòng, nói với đại chúng rằng: "Thế giới kia chẳng lay động, thế giới này chẳng biến đổi". Đem lớn vào nhỏ, đem nhỏ vào lớn, dung nạp lẫn nhau, phi bỉ phi thử.

Theo kinh nói, thần lực giải thoát bất khả tư nghì này suốt kiếp chẳng thể hết, nhưng thần lực này đều từ Diệu tâm sáng tỏ chảy ra. Hoặc có người nói: "Nay tôi đã từng ngộ Diệu tâm sáng tỏ này, tại sao chẳng có thần lực? Hoặc đáp rằng: "Phải biết, thần lực này vốn tự đầy đủ, chẳng cần tu chứng.

Sở dĩ chưa thể hiện tiền vì kẻ sơ tâm nhập đạo, nơi sức định huệ giải thoát chưa đầy đủ. Dù chưa đầy đủ, nhưng bốn giác trong tâm cũng chưa từng mất, khi có duyên đến sẽ tự hiện mà thôi". Dù nói cơ duyên đến, song cũng không được giữ tâm đợi chờ. Nếu còn có tâm đợi chờ, liền rơi vào dị kiến.

Ví như trẻ sơ sinh, chưa rời tấm tả mà muốn gánh nặng đi xa, nhưng với việc gánh nặng đi xa chưa thể hiện tiền, đâu có nghi ngờ kinh sợ gì! Kẻ chân tham thật ngộ nghe nói thần lực này, tự nhiên chẳng nghi ngờ kinh sợ. Nếu còn một mảy may nghi ngờ kinh sợ còn chứa trong tâm, thì tâm này chưa thể khai ngộ.

Gần đây bậc Tăng sĩ hành cước, chẳng cầu chánh ngộ chỉ quý biện tài, lại ở địa vị làm thầy, phần nhiều thuận theo trào lưu, đối với hành giả tham thiền không dùng cơ xảo đánh đập, ai nấy cùng nhau đuổi theo vọng tình, khiến cho Bát nhã ở tông lâm bị quét sạch chẳng còn gì! Thật đáng tiếc thay!

Người có chí nên khắc khổ tu hành, lấy đại ngộ làm kỳ hạn, mới báo đáp được ơn sâu của Phật. Đức Phật đã từng nói hết những tệ đoan này rằng: Chúng sanh đời mạt pháp, hy vọng thành đạo, chớ cho cầu ngộ. Vì người học rộng nghe nhiều, chỉ thêm đa văn, tăng trưởng ngã kiến "lời Phật dù đã cách đây 2000 năm, vẫn như hiện trên bàn tay, đủ thấy lời của bậc thánh chẳng dối chúng ta vậy!

Tịch nghĩa giải:

Im đi! Im đi! Ông tưởng ngộ rồi là xong ư? Dẫn cho ông chúng đắc thần lực giải thoát bất tư nghì, trong một sát na có thể bóp nát mạng căn của ông già Duy Ma Cật, nhưng nếu chưa thể quên được sở chúng của mình, còn ngồi ở chỗ thần dị cho là thù thắng, thì đến đây ăn gậy của lão Tăng!

Kệ kết thúc:

Lớn, nhỏ, mê, ngộ bật dấu tích,
Trăm ngàn thần lực thả đều quên.
Hành giả gặp ta giữa đường hẹp,
Cây gậy đánh gãy chưa thể tha.

(Lớn nhỏ, mê ngộ đều phải quét sạch, tất cả đối đãi, ngộ là Phật, mê là chúng sanh, tất cả tương đối phải quét sạch. Quét sạch thì cái dụng tự động của Tự tánh mới hiện ra. Nếu trăm ngàn thần dụng mà chưa quên, thì dụng của Tự tánh không hiện ra. Cho nên, còn biết thần dụng cũng phải quét luôn, thì sức dụng của Tự tánh được hiện. Còn có tác ý là thần dụng, thì không phải dụng của Tự tánh.

Nếu người tham thiền còn chấp lớn nhỏ, mê ngộ, trăm ngàn thần dụng, gặp nhau nơi đường hẹp, thì phải bị đánh gậy đến khi gãy cũng chưa thể tha, tức là đánh bệnh chấp chừng nào hết mới được tha. Còn chấp không khi nào kiến tánh cả).

---o0o---

68.HỮU TỨC THỊ VÔ, VÔ TỨC THỊ HỮU

Dịch

Có tức là không, không tức là có.

Lời khai thị:

Nửa đêm giờ tý, gà gáy giờ Sửu (ngày đêm 24 giờ, chia ra 12 thời thần, đó là lẽ dĩ nhiên, lẽ thường. Nhưng Tự tánh không lấy lẽ dĩ nhiên, lẽ thường để giải thích. Không được lấy lý thế gian, lý Phật

pháp để giải thích, không có đạo lý cho mình giải thích. Nếu muốn tìm lý lẽ thì lọt vào ý thức phân biệt hư vọng.

Cho nên, lời Tổ sư muốn mình ngộ ngay lúc đó, không ngộ thì phải nghi. Chứ không phải muốn mình hiểu theo ý thức của mình hay ý thức khoa học để giải thích là sai lầm, lọt vào ý thức phân biệt hư vọng, không được kiến tánh.

Thạch nữ (làm bằng đá) may áo chằng dẫu nổi (vậy làm sao được? Chỉ có cõi trời biến hóa ra mới làm được, người thường không làm được; cho nên không có nghĩa lý. Thạch nữ làm bằng đá, nghĩa là không có tâm phân biệt, thì may áo không có dẫu nổi).

Người gỗ ham uống rượu Bồ đề (Bồ đề là đạo hay giác. Nếu có tâm phân biệt thì uống rượu Giác ngộ không được. Cho nên, người làm bằng gỗ không có tâm phân biệt, mới uống được rượu bồ đề.

Cũng như tham thiền, muốn đến giác ngộ thì không được khởi tâm phân biệt. Nếu khởi tâm phân biệt, tìm hiểu đạo lý cao siêu, thì vĩnh viễn không được kiến tánh. Không uống được rượu Bồ đề, tức là không giác ngộ).

Lúc xế chiều giờ thân, mặt trời lặn giờ dậu (đây cũng là lẽ thường, tham thiền ngộ đạo không được lọt vào lẽ thường).

Voi chúa đi sâu vào núi tuyết (có câu: “Tượng vương hành xứ tuyết hành tung” nghĩa là chỗ đi của voi chúa không có dấu tích, tức là voi chúa đi đường nào cũng được, không theo đường đi thường, không có dấu tích cho mình biết được. Vậy không có lý lẽ cho mình giải thích, nếu dùng ý thức để hiểu là sai lầm).

Sư tử rống nơi đóng lửa hồng (đóng lửa lớn mọi thứ không được dựa vào, nếu dựa vào sẽ bị cháy. Sư tử rống tất cả muôn thú đều phải sợ. Như lời của Phật, Tổ trái ngược lý thế gian, người thế gian nghe thấy kinh sợ).

Ngày đêm 12 thời chẳng cần đếm hết, 30 năm sau có người phân rõ (tham thiền, ôm chặt câu thoại đầu mà tham tới, chứ không chờ đợi tính từng phút từng giờ. Nếu tham như vậy, 30 năm sau sẽ ngộ. Nếu ở trong có không mà chấp, thì vĩnh viễn không được ngộ).

Vô vô vô chẳng vô, hữu hữu hữu đâu hữu (nói không không thì cái không đó không phải thật không, nói có có thì cái có đó không phải thật có. Tất cả đều là tương đối, cũng là do tâm tạo, thì không phải thật. Chúng sanh bị luân hồi sanh tử là do bệnh chấp thật. Cho nên, mục đích của Phật, Tổ phá bệnh chấp thật của mình. Vậy không được chấp là không, chẳng được chấp là có).

Gọi trúc bễ thì phạm, chẳng gọi trúc bễ thì trái (đây công án của ngài Đại Huệ là muốn cho mình tham, để lìa khỏi tất cả tương đối không thật).

Phun hoa hương đầy áo, ông đã có cây gậy, ta cho ông cây gậy (mình tham thiền thì kiên quyết cứ tham, ngày nào đó sẽ ngộ. Như hoa hương dính đầy áo, lâu ngày cũng được thấm nhuần. Công án: “Ông đã có cây gậy thì ta cho ông cây gậy, ông không có cây gậy thì ta lấy cây gậy của ông”, là thủ đoạn của Tổ sư muốn cho mình ngộ ngay, nếu không ngộ thì phải nghi).

Nắm bóng trăng trên lòng bàn tay, tông ta chẳng lập giai cấp, đâu cần cường phân xấu đẹp! (Như trong lòng bàn tay có nước, thì bóng trăng hiện ra. Thiền tông chẳng có giai cấp, chẳng có sai biệt; cho nên, không được lấy ý thức phân biệt, để nói cái này tốt, cái kia xấu, thì ở chỗ nào như chỗ nấy).

Một trần khởi tam muội, nhiều trần nhập chánh thọ (tam muội dịch là chánh định hay chánh thọ. Nếu ngộ thì ở chỗ nào cũng chánh định chánh thọ, ở chỗ ồn ào hay chỗ thanh tịnh đều như nhau. Mình phải lập chí quyết tử tham thiền; Tổ sư dạy phải ở trong động mà tập tham, nhất là chỗ ồn ào, đang làm công việc mà tập tham.

Nếu nói sơ cơ cần chỗ vắng lặng để tập tham, vậy có thể một tháng được nhập, nhưng 300 năm không được kiến tánh. Còn ở trong động mà tập tham, có thể một năm nhập được, có thể 3 năm kiến tánh. Như thế, muốn mau mà lại chậm; cho nên, chư Tổ muốn mình ở trong động mà tập tham, chứ không tìm chỗ vắng lặng để tập tham là vậy).

Gà vàng đá nhau dưới cây san hô, chó ngọc ngủ trong nụ hoa chiêm bặc (lời của Tổ không có đạo lý, không thể dùng ý thức phân biệt giải thích. Như con gà làm bằng vàng đá nhau dưới cây san hô ở dưới

biển, thật vô lý! Tức là lời của Tổ muốn mình ngộ, nếu không ngộ thì phải nghi.

Nếu lấy ý thức để giải thích thì không thể được, vì vô lý. Như Thiền sư Lai Quả trả lời câu hỏi của một người: Chân như là gì? Chân như thiết có 4 cái sừng, 2 sừng ở trước và 2 sừng ở sau, có 2 cái đuôi ở sau đít và 2 cái đuôi ở trên bụng.

Người ấy không tin, ngài Lai Quả nói tiếp: Chân như thật ông không tin, vậy Chân như giả là cùng khắp quá khứ, hiện tại, vị lai; ngang rộng khắp cả 10 mườì phương. Như vậy mà ông lại tin!).

Lời nghĩa giải:

Tổ sư nói: "Có tức là không, không tức là có". Người nghĩa giải cho rằng: Hữu chẳng tự hữu, hữu là hữu của nhà vô; vô chẳng tự vô, vô là vô của nhà hữu. Hữu chẳng đơn chiếc, vô chẳng độc lập. Người nói hữu vì trước đã thấy vô, sau mới nói hữu. Nếu trong lòng trước chẳng thấy vô, thì đâu thể ở ngoài đối đãi khi không nói hữu! Nên biết, vô chẳng vô, vô tức là hữu; hữu chẳng hữu, hữu tức là vô. Lý hữu vô vốn cùng một nguồn, nơi một nguồn nói hữu thì dư cái hữu, nói vô thì dư cái vô. Hữu vô dung nhau đường nói cũng bật, ấy là ý chỉ "trở về nguồn" vậy.

Như trên rất có lý, nhưng ngài Trung Phong còn phủ nhận.

Tịch nghĩa giải:

Dù vậy, nếu chẳng phẩn khởi đại chí (đại chí là tham thiền), bật sự tương đối của hữu vô nơi chánh ngộ, cứ khởi tâm phân biệt thì đâu có ngày được ý quên lời ư!

(Nếu chưa ngộ thì tất cả bệnh chấp thật nguồn gốc hữu vô, đâu có thể tiêu mất. Muốn tiêu mất hữu vô, ngoài ra tham thiền không còn cách nào khác).

Kệ kết thúc:

Trong vô nói hữu, hữu vẫn vô,
Vật này khó vẽ vào họa đồ.

Tức cười Triệu Châu quên trói buộc,
Nói càn bên nhà treo hồ lô.

(Ở trong vô hiện ra hữu, thì cái hữu không phải thật, ở trong vô mà sanh, cái hữu đó cũng là vô. Hữu vô này khó nhập vào họa đồ, vì vẽ nhập vào họa đồ thì nhất định, hữu là thật hữu, vô là thật vô. Vì hữu chẳng thật hữu, vô chẳng thật vô, nên không được nhập vào họa đồ.

Lão Triệu Châu là Tổ sư danh tiếng của Thiền tông. Người tham thiền thường tham câu thoại đầu, như: “Muôn pháp về một, một về chỗ nào?” và khán công án chữ “vô” của Tổ Triệu Châu. Mục đích tham thiền đạt đến tự do tự tại, thì không bị trói buộc. Nếu trong tâm còn nhớ sự trói buộc thì không được tự do tự tại.

Cho nên, đừng có cười lão Triệu Châu quên trói buộc. Tục ngữ có nói: “Không biết hồ lô có giấu thuốc gì?” Tức là lời nói của Tổ như cái hồ lô, mà giấu thuốc gì không cho biết. Không cho mình biết được nên mới có nghi. Nghi là nhân, ngộ là quả. Cứ hỏi thuốc gì vậy? Không được dùng ý thức để tìm hiểu mà phải tham.

Mặc kệ nó treo ở bên đông hay bên tây, cũng không tìm hiểu trong hồ lô có thuốc gì! Đề câu thoại đầu cứ tham tới, nghi tình có ngày bùng vỡ, thì ngộ đạo. Vậy treo ở chỗ nào cũng được, lúc ấy rõ biết).

---o0o---

69.NHƯỢC BẤT NHƯ THỬ, BẤT TẤT TU THỦ

Dịch

Nếu chẳng như thế, ắt chẳng cần giữ.

Lời khai thị:

Ở Hàng Châu Tây Hồ nước Trung Quốc có một cù lao là Cô Sơn, có một ẩn sĩ Lâm Hòa Tịnh sống ở đó, tánh thích trồng cây mai nuôi con hạt, không ham danh lợi. Ông ấy không có vợ con, nói rằng: Cây mai là vợ, con hạt là con.

Đào Uyên minh làm quan huyện Đan Trạch. Ông không vì 5 đấu gạo mà khom lưng tiếp quan lớn, rồi trả ấn trở về quê làm ruộng. Ở trước nhà quê của ông có trồng 5 cây liễu, ông gọi là ngũ liễu tiên sinh.

Lâm Hòa Tịnh thích trồng mai, nuôi con hạt. Đào Uyên Minh thích trồng liễu. Hai người này là ẩn sĩ danh tiếng, mọi người đều tôn kính; nhưng đối với đạo xuất thế gian, xem hai ông ấy đã lọt vào hang ổ, vì thích thanh tịnh. Như tham thiền mà thích cảnh giới thanh tịnh cũng không được.

Không bằng một người không có ý thức phân biệt thì hiện ra cái dụng tự động của Tự tánh. Cắm một cọc ở chỗ đất không có âm dương, khiến hoa nở trước khi có ánh nắng mặt trời, trái chín mùi sau khi sương tuyết. Các người suốt ngày đêm, lẩn quẩn đoán mò trong việc thế gian, có thấy được hay chẳng? Thấy thì rất kỳ dùng mắt nhắm thấy hoa đốm trên không, chưa thấy chẳng nên chạy lăng xăng.

(Ý của Thiền sư Trung Phong muốn mình ôm chặt câu thoại đầu mà tham, đến lúc nghi tình vỡ thì được kiến tánh. Nếu không, cứ lẩn quẩn trong ý thức, đi tìm hiểu cái này cái kia, thấy hay không thấy là hư vọng).

Lời nghĩa giải:

Tổ sư nói: "Nếu chẳng như thế, ắt chẳng cần giữ ". Người nghĩa giải cho rằng: Đây là lời dặn dò của Tổ sư, nói phải có một niệm tương ứng với Diệu tâm sáng tỏ và khế hợp với bản giác nguồn linh. Nếu chẳng như thế, dù cho biện tài thao thao, đều là sở chấp của ngoại đạo. Hoặc nói: "Nếu chẳng như thế" là quyết định muốn người khế ngộ chân tâm "ắt chẳng cần giữ" là có ý muốn chỉ kẻ chẳng cầu chánh ngộ mà kẹt nơi ngôn thuyết cho là đặc chí, nói ý này cũng thông.

Như trên rất có lý, nhưng ngài Trung Phong còn phủ nhận.

Tịch nghĩa giải:

Vậy, như hai thuyết này nếu chẳng thể quên thân xả mạng tham thiền, thì quyết đại ngộ, khi báo thân bỗng mất thì việc ta đâu còn!

Chẳng biết người học ở trong bóng mộng huyền, dựa vào đâu mà chẳng tự cảnh sách!

Kệ kết thúc:

Hết chấp hữu, vô, quên sắc, không,
Kẻ trộm tự thú hiến tang vật.
Rẻ bằng vàng rỗng, quý như sinh,
Xót thương không chỗ để vui chôn.

(Hữu, vô là do vọng tình chấp thật, khi quét hết vọng tình chấp thật, thì sắc không đều quên; nếu được kiến tánh thì đến cảnh giới này.

Vì sao ban đêm đi ăn cắp đồ vật, lại ban ngày trả cho người bị cắp? Vậy ăn cắp làm chi? Nếu vọng tình hết sạch, sắc không đều quên, tức là kiến tánh, thì đâu còn lấy lời của Phật, Tổ cho là của mình! Thần thông của Tự tánh biến hóa ra vô lượng vô biên, thì đâu có gì quý, đâu có gì rẻ! Cũng như vàng đâu có khác đất!

Người ta có vàng, muốn cất giấu thì chôn dưới đất, người khác khó tìm thấy trộm cắp hay tịch thu. Còn người kiến tánh ví như không có đất để chôn giấu.

Lời của Tổ là quả của Tổ, tức là lời của Tổ là do Tổ ngộ; cái quả của mình phải do tự mình ngộ ra mới được. Mình không ngộ mà lại ăn cắp cái quả của Tổ, làm sao dùng được? Lời của Tổ, mình giải thích ra rất lý cho là quả của mình, ấy là sai lầm. Mình muốn như Tổ thì phải ngộ như Tổ, vậy cần phải tham thiền).

---o0o---

70.NHẤT TỨC NHẤT THIẾT, NHẤT THIẾT TỨC NHẤT

Dịch

Một là tất cả, tất cả là một.

Lời khai thị:

Hai lần năm là mười, hai lần năm cũng là bảy, pháp vốn chẳng định, lãnh hội do người. Gọi chúng sanh là chư Phật, bản thể đâu có sai;

gọi chư Phật là chúng sanh lý chẳng mất. Bỗng có người ra nói: “Chúng sanh tự chúng sanh, chư Phật tự chư Phật, đâu thể thánh phàm lẫn lộn”! Khiến cho ông già Thích Ca khi không bị oan, chỉ cần nói với ông ta: “Vô thì vọng lưu chuyển, đều do sự chấp này”.

Định tánh phàm phu bị Phật quở,

Thiên thủ Quan Âm xô chẳng ra.

(Vì vậy, kinh Đại thừa liễu nghĩa đều phá chấp thật của chúng sanh. Nói đến chấp thật, nhiều người mới nghe tưởng là chỉ không chấp cái có là thật, còn cái không có không phải thật! Nếu chấp không có là không có, thì bệnh chấp nặng thêm. Nếu chẳng chấp chơn lại chấp vọng, thì bệnh càng nặng thêm, rất khó trị.

Vì có bệnh chấp thật nên bị luân hồi sanh tử từ vô thủy đến nay. Nếu chấp thật mà không theo lời của Phật, Tổ mà tu. Mặc dù, Bồ tát Quán Thế Âm đại từ đại bi muốn đẩy ra khỏi biển khổ cũng không thể được).

Lời nghĩa giải:

Tổ sư nói “Một là tất cả, tất cả là một”. Hoặc có người dẫn chứng kinh nói: “Một là một của tất cả, tất cả là tất cả của một, nơi một chẳng ít, nơi tất cả chẳng nhiều, đây là tâm pháp cùng khắp, một với nhiều dung thông nhau, chẳng do thần thông làm ra, ấy là pháp vốn như thế”! Thuyết này ghi đủ trong sách, chẳng cần dẫn chứng, nói nhiều thêm phiền, nơi đạo vô ích.

Phải biết, Tổ sư trước tác Minh này, đến chỗ “bất nhị giai đồng, vô bất bao dung”, e kẻ hậu học chẳng thông đạt lý viên dung, trước dùng “dài ngắn tương tức (hỗ tương)”, kế dùng “lớn nhỏ tương tức”, kế nữa dùng “hữu vô tương tức”, nay lại dùng “một nhiều tương tức”, đem vô biên thế giới dung thành pháp môn bất nhị, khai thác vũ trụ của vạn vật, mở rộng quê hương của chúng sanh, giúp cho kẻ hậu học chẳng cất bước mà đến, chẳng cách mảy trần mà nhập, chẳng ra sức mà thành, chẳng nổi niệm mà chứng, nguyên đại từ thỏa mãn, công giáo hóa cũng cùng khắp rồi.

Lời của Tổ muốn mình ngộ liền, cho nên ngài Trung Phong còn phủ nhận.

Tịch nghĩa giải:

Dù vậy, kẻ mang bức tranh ngựa đi tìm ngựa, ngày càng thêm nhiều, lại tìm không ra. Nếu muốn được ngựa thật, phải quày đầu trở về. Tức là đừng có hướng ngoài mà tìm, để tự biết mình là cái gì? Khi triệt ngộ rồi, luôn chấp Tổ sư cũng đuổi đi; mới là tri ân báo ân Tổ sư dạy cho mình được ngộ.

Tổ sư không có giải thích đạo lý cao siêu cho mình biết, để cho mình đi tìm cầu ở ngoài. Nếu không tự ngộ được, như đuôi con rùa dính đất, muốn làm sạch đất thì càng dính đất nhiều thêm. Do sai lầm của mình làm cho chư Tổ phải bị liên lụy.

Kệ kết thúc:

Đại địa vò lại bằng hạt gạo,
Công khai đánh trống mọi người xem.
Mặt vàng trong mắt nếu chưa hết,
Muốn biết trắng đen cũng khó khăn.

(Hai câu đầu diễn tả cảnh giới kiến tánh, như đại địa vò thành, tức là lớn biến thành nhỏ, không có phân biệt. Đánh trống cho mọi người nghe, tức là khi kiến tánh thì lục căn hỗ dụng, dùng con mắt để nghe.

Mặc dù vàng rất quý, nhưng mặc vàng rơi vào mắt sáng, thì cũng làm cho hại mắt. Tổ đã ngộ nói ra giáo lý thì rất quý, nhưng mình chấp thật vào đó, đâu có khác gì mặc vàng rơi vào mắt, rất có hại. Nếu không chịu trị cho hết, thì con mắt sẽ đui, lúc đó muốn phân biệt trắng đen cũng không ra).

---o0o---

71. ĐẢN NĂNG NHƯ THỊ, HÀ LỰ BẤT TẤT

Dịch

Nếu được như thế, lo gì chẳng xong.

Lời khai thị:

Đại tâm chẳng trụ, đại hóa chẳng dấu tích, đại cơ xảo chẳng cần làm, đại nhiệm vụ chẳng ra sức (đại tâm, đại hóa, đại cơ xảo, đại nhiệm là biệt danh của Tự tánh thì vô trụ. Nếu có trụ thì làm chướng ngại cái dụng tự động của Tự tánh. Bốn chữ đại ở đây không phải đối với tiểu mà nói đại, là siêu việt số lượng).

Chỗ muôn pháp toàn hiển bày, ánh sáng và hình bóng đều tiêu diệt (nếu thấy được không phải là cái dụng của Tự tánh). Lúc một mây lông chẳng hiện ra, lại chất đầy như núi. Mỗi trắng ăn lũng tâm Phật sát, ruồi xanh đập lũng lưng trâu vàng (cái dụng Tự tánh thì tự động, nên phàm phu không thể hiểu được, vì lục căn không thể tiếp xúc được).

Triệu Châu thấy ông buông chằng xuống, Yển Khê lại từ chỗ này vào.

(Có vị Tăng hỏi Triệu Châu: Không mang theo vật gì, lúc đó như thế nào?)

Triệu Châu đáp: Buông xuống đi.

Tăng lại hỏi: Một vật không đến, buông xuống cái gì?

Triệu Châu đáp: Buông xuống không được thì gánh lên.

Tăng ấy liền ngộ.

Có vị Tăng hỏi Tổ Yển Khê: Người học mới vào Tông lâm, xin Thầy khai thị làm sao nhập?

Yển Khê đáp: Từ chỗ này nhập).

Tùy tay đem đến tùy miệng nhổ ra, trí đâu thể biết, thức đâu nhận được.

Bao người ngó nhằm bị mù mắt,
Bất tài thừa kế uổng hứa khả.

(Nhiều người sai lầm dùng mắt để xem, xem đến mắt bị khô, cũng không nhìn được. Nếu người con không được truyền gia tài, thì bị điểm trán. Ở Trung Quốc có cửa Long Môn, có con cá lý ngư, tới mùa sóng có 3 cấp. Nếu con cá lý ngư nhảy qua đó được thì biến thành rồng. Nếu nhảy không qua thì bị điểm trán thối lui. Ý ở đây mình là con nhà thiền, thì mới nối tiếp mạng mạch của Tổ. Còn không phải thì bị điểm trán thối lui).

Lời nghĩa giải:

Tổ sư nói: "Nếu được như thế, lo gì chẳng xong". Người nghĩa giải cho rằng: Kinh Pháp Hoa nói: "Nay ta vì ông bảo nhậm việc này, trọn chẳng hư dối". Nếu theo lời của Phật mà thực hành, quét hết bệnh chấp thật của mình, thì sẽ kiến tánh thành Phật. Việc này chân thật không có hư vọng. Lời của Tổ cũng vậy, như: "Nếu được như thế, lo gì chẳng xong", cái ý cũng vậy. Vì người học mà khích lệ để tinh tấn tham thiền, là thành ý của Tổ được thấy rõ ở đây.

Quyết tử tham thoại đầu sẽ được kiến tánh, chứ khỏi lo không xong việc. Phật ở trong kinh Pháp Hoa có khuyến khích mình tinh tấn và Tổ Tăng Xán ở hai câu này cũng khích lệ mình tinh tấn tu giải thoát.

Như trên rất có lý, nhưng ngài Trung Phong còn phủ nhận.

Tịch nghĩa giải:

Dù vậy, ông đã được như thế hay chưa? Tức là kiến tánh chưa? Nếu chưa kiến tánh mà theo lời của Tổ trả lời liền, hay học theo hành động của tổ gặt đầu 3 cái của Giáp Sơn, thì đã trễ 8 khắc (1 khắc = 15 phút), vậy lâu quá rồi!

Chúng ta phải tự ngộ, nếu chưa ngộ mà bắt chước hành động của Tổ, bị Tổ mắng là: "Con chó ăn cứt của người ta, không phải là con chó tốt".

Hôm qua có người học theo của Tổ. Lại nắm tay tôi (Duy Lực) hỏi: Có chăng?

Tôi nói: Không, không.

Người ấy xách gói đi ra. Tôi thấy vậy chỉ cười thầm mà thôi.

Người đó học theo cũng không giống, muốn làm con chó không đủ tư cách. Vì có qua bộ óc suy nghĩ một chút cũng không được; giống như thuyền đang đi, làm rớt kiếm, rồi khắc dấu trên thành thuyền, để đi tìm!

Kệ kết thúc:

Như thế, như thế cứ như thế,
Việc xong lúc nào tìm hỏi ai?
Gỡ được nhiều lớp da mặt sắt,
Đường về quê hương vẫn xa xôi.

(Theo lời nói: Như thế, như thế cứ như thế! Như thế chừng nào mới xong việc? Lúc xong việc từ đâu mà đến? Nếu mình không tự ra sức tham thiền, mà ăn cắp lời của Tổ cho là của mình, thì không biết mắc cỡ! Cứ mang mặt nạ sắt nhiều lớp, dầu cho lột hết nhiều lớp mặt nạ sắt, có mắc cỡ, nhưng đối với về hương còn cách xa 3000 ngàn dặm).

---o0o---

72. TÍN TÂM BẤT NHỊ, BẤT NHỊ TÍN TÂM

Dịch

Tin tự tâm là bất nhị, bất nhị phải tin tự tâm.

Lời khai thị:

“Tâm là căn, pháp là trần, hai thứ như vết bụi trên gương” ngài Vĩnh Gia nói quá lố, muốn đục mở con mắt trời người, còn như cách biển (mở mắt trời người là kiến tánh. Ngài Lai Quả nói: “Người chưa kiến tánh như người mù bẩm sinh, không biết bùn sinh, cứt chó, hàm cầu. Đi đường đập nhằm cứt chó cho là tốt. Đến chừng kiến tánh tức là mắt sáng, không có đập cứt chó nữa”. Chứng Đạo Ca của ngài Vĩnh Gia tuy rất hay, nhưng đối việc kiến tánh còn xa như biển rộng).

Không bằng nói ngược lại: “Tâm phi căn, pháp phi trần, cùng chuyển Như Lai chánh pháp luân! (Tâm là lục căn, pháp là lục trần. Không được chấp thật căn với trần. Chánh pháp của Phật phá chấp thật).

Bỗng có người nói: “Lời Vĩnh Gia như cách biển, lời ông là biển cách”, đâu bằng Tam Tổ nói: “Tín tâm bất nhị, bất nhị tín tâm”. Hai câu này như trái cân sắt, muốn đục chằng lũng. Chỉ nói với y rằng: “Im đi, im đi! Kêu đến chảy máu cũng vô dụng, không bằng ngậm miệng qua xuân tàn”.

(Như con ve sầu ở trên cây, ngày đêm kêu hoài không dứt, kêu đến chảy máu cũng vô dụng, không bằng ngậm miệng lại, đợi mùa xuân đi qua).

Lời nghĩa giải:

Hoặc có người giải nghĩa ý của Tổ sư rằng: Chúng sanh mê tâm này đã lâu, nơi một pháp vọng sanh phân biệt, mỗi mỗi phân biệt đều là nhị. Nay thấy mình là tự, ắt thấy người là tha, ấy gọi là cái nhị của tự tha.

Từ đây sanh khởi vô số phân biệt, nhị lại thêm nhị, dùng toán số thí dụ cũng chẳng thể biết được số lượng, cho nên lòng từ bi của Tổ sư thái quá, đề ra 2 câu: “Tín tâm bất nhị, bất nhị tín tâm” làm chánh ấn (con dấu chánh pháp), ngay đầu thiền giả dùng ấn ấn định, như nắm bầu áo thì cả áo đều xuôi theo.

Sấm sét đánh thức người mê mộng, nắng trời rọi khắp đường tối tăm, khiến người mù thấy, người điếc nghe, người nghèo thành giàu, người ngu thành trí. Chẳng lìa căn nhà chiêm bao, cao đẳng quốc độ chơn giác. Dùng thân huyễn thẳng chứng bản thể kim cang, đáng xưng là thuốc thần trị bệnh sanh tử, là bậc đạo sư hướng dẫn từ phàm vào thánh.

Rất hay, Rất hay.

Lời tán thán ở trên rất hay, nhưng ngài Trung Phong còn phủ nhận.

Tịch nghĩa giải:

Khen ngợi tạm ngưng đi! Chính ngay lúc ngộ, cái thuyết “bất nhị” này, còn có chỗ dung nạp hay không? Nếu không có chỗ dung nạp, thì Tổ sư đến đây cũng đáng ăn gậy.

(Nhưng sự thật không phải lỗi của Tổ, là bệnh chấp thật của chúng ta, chấp lời của Tổ là thật, mới làm cho Tổ bị ăn gậy, chứ không phải lời của Tổ sai. Lời của Tổ muốn chúng ta ngộ, chứ không muốn chúng ta chấp vào lời của Tổ.

Lời của Tổ là cái ngộ của Tổ, nếu chấp lời của Tổ là cái ngộ của mình, giống như mình lượm con dấu bằng vàng của người khác, để

đóng dấu làm bằng chứng cho mọi người, thì mình không khỏi tránh tai họa về sau).

Kệ kết thúc:

Thánh phàm mê ngộ đều bất nhị,
Thấu rõ vốn từ tín tâm ra.
Tâm chẳng sanh diệt ai mê ngộ?
Khi không nhảy vào hầm lửa hồng.

(Phàm đối với thánh, ngộ đối với mê; vì mình chấp thật mới có phàm có thánh. Chúng sanh là mê, chư Phật là ngộ; vì có phàm mới có thánh, có mê mới có ngộ. Nếu tham thiền được ngộ triệt để, thì thấy vốn không có mê, làm sao có ngộ? Cho nên, mê ngộ, phàm thánh đều quét sạch. Vì mê ngộ, phàm thánh là nhị pháp tương đối. Nếu quét sạch hết pháp tương đối, mới được bất nhị thì hiện ra cái dụng Tự tánh.

Khi ngộ triệt để, thấy vốn không có mê ngộ, vì do bệnh chấp tâm mới có. Kỳ thật, Tự tánh không phải là Phật, cũng không phải là chúng sanh. Được ngộ cũng từ tín tâm sanh ra, tức là tin tự tâm ở đoạn trước nói, tin tâm này là Phật là chánh tín, tin ngoài tâm có Phật là tà tín. Tổ sư nói: “Tin có 10 phần thì nghi có 10 phần, nghi có 10 phần thì ngộ có 10 phần”.

Trước hết phải có lòng tin tự tâm. Như ngài Bác Sơn nói: “Nếu tin pháp môn tham thiền này 100% cũng là không được, chỉ có ½ thôi. Tại sao nói ½? Vì chỉ tin pháp môn chưa tin tự tâm”. Phải tin tự tâm mới là chánh tín, vì tất cả đều do tự tâm mà sanh ra. Đến khi ngộ chứng tỏ là như vậy.

Chứng tỏ Bản tâm không có sanh diệt; đã không có sanh diệt thì ai mê ngộ? Tại chấp mê nên cần ngộ, ngộ rồi thì không có mê, không có mê thì không có ngộ. Cũng như không có trói buộc thì không có giải thoát.

Cho nên Pháp Bảo Đàn nói: “Thiền định giải thoát không phải Phật pháp, là pháp nhị, Phật pháp là pháp bất nhị”, bởi vì không có tán loạn, làm sao có thiền định? Không có bó buộc, làm sao có giải thoát? Vì còn trong tương đối là nhị. Vì Bản tâm bất nhị không có sanh diệt.

Nếu chấp thật như nhảy vô hầm lửa, tức là làm oan cái khổ sanh tử từ vô thủy đến bây giờ, phải ở trong lục đạo luân hồi.

Phật ở trong kinh Viên Giác có 4 thí dụ, gom lại thành một thí dụ.

Ai cũng thấy có sanh tử rõ ràng, tại sao Phật nói không có sanh tử? Vì thấy có sanh tử là vọng tâm ngày đêm hoạt động không ngừng. Thí dụ thân xoay thì cảm thấy căn nhà xoay. Căn nhà xoay dụ cho sanh tử luân hồi, căn nhà ngưng xoay dụ cho cứu kính Niết bàn (niết là không sanh, bàn là không diệt).

Vì vọng tâm ngày đêm hoạt động; ban đêm vọng tâm hoạt động gọi là độc đầu ý thức biến hiện cảnh giới nhắm mắt chiêm bao. Ban ngày hoạt động gọi là đồng thời ý thức biến hiện cảnh giới mở mắt chiêm bao. Tất cả do tâm tạo tức là ý thức biến hiện. Những cảnh chiêm bao ấy không phải thật, nhưng lại chấp cho là thật, nên phải chịu các khổ.

Vì căn nhà không có xoay, do thân mình xoay, nên có cảm giác sai lầm căn nhà xoay. Vậy muốn căn nhà ngưng xoay, mà thân không ngưng xoay thì không thể được, nên thân phải ngưng xoay.

Căn nhà ngưng xoay dụ là Niết bàn; nếu thật có căn nhà xoay thì nói căn nhà ngưng xoay mới đúng. Căn nhà vốn không có xoay, mà không thể nói là ngưng xoay! Vậy nói căn nhà ngưng xoay là sai lầm).

---o0o---

73. NGÔN NGỮ ĐẠO ĐOẠN, PHI KHỨ LAI KIM

Dịch

Đường ngôn ngữ chấm dứt, chẳng phải quá khứ hiện vị lai.

Lời khai thị:

Nói đến Tự tánh, Bản tâm không có tên, gọi là tâm chỉ tạm thời. Nếu không đặt tên là tâm lấy gì để nói, nhưng sự thật vốn không phải là tâm, nên gọi là phi tâm phi tâm. Vì không có hình tướng để cho mình

thấy, cũng như điện, con mắt không thể thấy, nhưng tay đụng đến nó thì biết có điện.

Giờ đầu lên kéo chẳng dứt, buông xuống lại khó tìm. Vậy lời nói dây dưa không biết đầu đuôi. Nói về Tự tánh từ 2000 trước, ở bên Ấn Độ, do Phật Thích Ca nói ra. Tính theo lời ngài Trung Phong nói, cho đến bây giờ hơn 3000 năm, nhưng Phật lịch bây giờ mới có 2525 năm. Kỳ thật, Tổ sư bên Thiên tông truyền qua 3010 năm, khi Phật Thích Ca đưa cành hoa lên, truyền pháp môn Tổ Sư thiên, 28 Tổ ở Ấn Độ. Đạt Ma là Tổ thứ 28 Ấn Độ sang Trung Quốc làm sơ Tổ, rồi truyền đến Huệ Năng là Tổ thứ 6 Trung Quốc, cũng là Tổ thứ 33 của Thiên tông Ấn Độ và Trung Quốc.

Thiên tông từ Tổ Huệ Năng mới mở rộng; trước Tổ Huệ Năng chỉ truyền ít người. Đệ tử của Tổ Huệ Năng kiến tánh có 43 vị, đến cháu của Tổ Huệ Năng là Mã Tổ có 139 người kiến tánh. Từ đó đến ngài Trung Phong có 1700 vị kiến tánh. Vì Thiên tông phá chấp thật, nên gọi là 1700 thẳng ngu si, không phải khinh hay phỉ báng Tổ. Vì không cho người ta chấp thật. 1700 vị kiến tánh giáo hóa người ta, tùy theo căn cơ, dùng thủ đoạn cho người ta được kiến tánh.

Có muôn thứ trừ mãi chẳng hết, kéo nhánh dẫn dây thẳng đến ngày nay, biến ra lò rèn trui phàm luyện thánh, làm ra việc huyền. Cũng như tôi giảng và các vị nghe đều là huyền, chư Tổ cũng vậy.

Chúng sanh nhiều tâm, như: Tâm phàm phu, tâm tiểu thừa, tâm trung thừa, tâm đại thừa, luyện thành một tâm bất nhị, tức là từ phàm luyện thành thánh. Cái lò đó đều là việc huyền của Tổ sư làm ra như trò chơi. Ví như ngâm thơ, ca hát, đánh đập, chửi mắng... bày ra đủ thứ.

Những việc của Tổ sư làm là lòng từ bi tha thiết. Nhưng dị kiến đưa nhau sanh khởi, dị kiến là đối đãi tức là không chấp chơn thì chấp giả, không chấp giả thì chấp trung đạo, tương đối đó không lọt bên này thì lọt bên kia, cũng gọi là biên kiến.

Nếu có dị kiến (thấy sai khác) thì cái chứng có sai khác. Bản tánh không có sai khác, vì do kiến giải của chúng sanh có sai khác, nên công kích lẫn nhau, ông nói tôi sai, tôi nói ông sai, vì không có chứng triệt để.

Lấy thuốc của Sư trị bệnh, lại thêm bệnh nhiều hơn, Mặc dù thuốc đó quý, nhưng không trúng bệnh. Chánh pháp còn không thể chấp, hưởng chi tà ma ngoại đạo còn độc hại hơn nhiều, thì bệnh vô phương cứu chữa, nhưng cũng cố gắng trị cho đến cùng.

Im lặng giây lâu nói: “Thuốc cơ xảo gặt đầu 3 cái để tỏ ngộ, ngoài ngôn ngữ câu được cá lý ngư”. Cơ xảo còn gọi là cơ phong; Tổ sư kiến tánh triệt để, thì cơ dụng rộng khắp. Nếu kiến tánh chưa triệt để, thì cơ dụng không rộng khắp.

Ý của Tổ sư không phải ở trong lời nói, mà ở ngoài lời nói, cũng như Phật lấy ngón tay để chỉ mặt trăng, mặt trăng không phải ở trong ngón tay, mà ở ngoài ngón tay. Nhưng không được lìa ngón tay, phải nhờ ngón tay chỉ mới thấy mặt trăng. Tuy ngoài lời nói nhưng không bỏ lời nói.

“Tam điểm hoạt, nhất câu trầm”, nhất và tam là số lượng. Không gian và thời gian là khái niệm của vọng tâm. Như Hư Vân Niên Phổ có “Tiền tam tâm và hậu tam tâm”, nếu theo con số mà tính thì sai, vì ý không ở trong con số, cho nên nói ngoài lời nói, không được bỏ lời nói, cũng như không được bỏ ngón tay, phải theo ngón tay chỉ mà nhìn mặt trăng.

Lời nghĩa giải:

Người nghĩa giải cho rằng: Đã là đường ngôn ngữ chấm dứt, thì bài Minh này chẳng phải lời thừa hay sao! Bởi vì bài Tín Tâm Minh là văn tự thay thế cho ngôn ngữ. Văn tự với ngôn ngữ là một thứ, thì đọc bài Tín Tâm Minh để làm gì? Chẳng phải thừa sao!

Nói chẳng phải quá khứ, chẳng phải hiện tại, chẳng phải vị lai, thì cái mặt mũi của Tổ sư ở đâu? Mặt mũi của mình do cha mẹ sanh, không phải bỏn lai diện mục của mình, mặt mũi của Tổ cũng vậy, không phải bỏn lai diện mục của Tổ.

Cho nên, có câu thoại đầu: Khi cha mẹ chưa sanh, mặt mũi bỏn lai của ta ra sao? Tham thiền là phát hiện mặt mũi bỏn lai của ta. Vậy nói chẳng phải quá khứ, chẳng phải hiện tại, chẳng phải vị lai, mặt mũi của ta ra sao? Chúng ta cần phải tự tham tự ngộ mới được.

Tịch nghĩa giải:

Đừng xuyên tạc bậy bạ, làm trò cười cho kẻ bàng quan, họ đâu biết lý vốn viên dung, đạo chẳng thể lìa, đường ngôn ngữ chấm dứt mà nói dài dòng đủ thứ, lời giải bùng bùng như lửa cháy. Chẳng phải quá khứ, chẳng phải hiện tại, chẳng phải vị lai, thanh tịnh pháp thân thường tịch diệt, độc được đề hồ khuấy thành một chén, vàng ròng miếng ngói vò thành một viên, chỗ dùng không khác lại có tiêu chuẩn, kẻ một chân đạp tới đáy chẳng có dấu vết (tức là người ngộ triệt để, nếu còn Niết bàn, Bồ đề thì chưa triệt để).

Người bị đánh đập 2, 3 lần, không chịu quay trở về, cứ chấp chặt sự tính toán của mình, tự gạt mình và gạt người. Nếu nghe lời dạy của Tổ sư mà thực hành thì cũng trở thành một vị Thánh sư suốt một đời làm tiêu chuẩn cho trăm đời. Mặc dù, lấy lời của Tổ quý như tủy con phượng hoàng, hay đồ ăn ngon của Thiên môn, như dùng lời nói để nói cũng không phải thật.

Lấy gân sư tử, dứt tuyệt tiếng vang nơi nhà chí linh, nhưng đó cũng là lời nói thôi. Như vậy Tổ sư còn lấy làm cơm trà để dùng hay không? Tất nhiên là không rồi, vì Tổ đã chứng ngộ. Ví dụ như đường, nếu không ăn qua đường, nói trong đó có bao nhiêu chất lượng vitamin A, vitamin B... nói đủ thứ. Nhưng người nghe đâu biết ngọt là cái gì? Chỉ cần thử qua một chút thì mới biết ngọt. Vậy, tham thiền cũng thế, cần sự ngộ thật chứng của mình.

Những kiến giải dây dưa cần phải dẹp bỏ, mặc cho người ta luận bàn, vì lời nói đối với sự ngộ đạo thì vô ích.

Kệ kết thúc :

Chim vẽ chén sành hót nhạt xưa,
Lửa mù đêm khuya đổi giọng ca.
Đường ngôn ngữ dứt đạo chẳng dứt,
Mặc kệ người đời loạn suy tư.

(Ngôn ngữ, văn tự, tư tưởng, ở trong Phật học chỉ là một thứ, đều là giả danh. Vì ngôn ngữ là văn tự có tiếng, văn tự là ngôn ngữ có hình, tư tưởng là văn tự không có hình và ngôn ngữ không có tiếng.

Lấy ngôn ngữ để nói ra như người họa sĩ, vẽ cái chén đựng nước giống như thật, hay vẽ ra con chim kêu giống như thật, mặc dù thật giống nhưng không phải thật. Cũng như lời nói của người xưa, hay

Tín Tâm Minh giải ra thật có lý cao siêu, nhưng đối với sự thật không có liên quan gì.

Vì đó là do Tam Tổ ngộ, chứ không phải của mình. Lời của Tam Tổ nói cho là lời của mình nói, thì cũng như lừa mù nửa đêm kêu giọng khác, vậy nó đâu có hết mù! Lời của Tam Tổ là xưa, còn mình nói lại là lời nay, đối với việc giải thoát sanh tử luân hồi không có liên quan.

Nói ngôn ngữ cắt đứt hay không cắt đứt đều là văn tự. Cắt đứt đúng hay không cắt đứt đúng? Đối với việc sanh tử không có liên quan. Nếu chấp ngôn ngữ để có người nghe thì phân biệt sai lầm. Bởi vì ngôn ngữ văn tự không phải thật, không phải sự ngộ của mình. Chư Tổ muốn mình phải tự ngộ, như trên có thí dụ con sư tử và con chó.

Lời của Phật, Tổ là của Phật Tổ ngộ, chứ không phải mình ngộ. Chứ không phải để hiểu lời nói của Phật và Tổ, hiểu cái đó là vô dụng đối với ngộ Tự tánh của mình thì không có ích lợi. Vậy muốn tự ngộ cần phải tham thiền. Nếu chưa ngộ, mặc dù giải thích cho thật giỏi có lý cao siêu, nhưng không được giải thoát sanh tử.

Đoạn tổng kết:

Cuốn Tín Tâm Minh Tịch Nghĩa Giải này đã hết, phần tổng kết ngài Trung Phong phê bình: Bài này mặc dù văn tự, nhưng chẳng phải văn tự, nói là tín tâm, nhưng thật vô tâm. Nếu là vô tâm thì tín cái gì! Vô tâm thì vô Phật, vì Phật do tâm ngộ, cho nên chấp thật có Phật, có tâm cũng như lấy hư không lấp hư không. Hư không làm sao bắt? Hư không làm sao lấp? Cũng như lấy độc để trị độc thì vẫn còn độc.

Công án của Tổ Tăng Xán hiện còn ở đây tức là bài Tín Tâm Minh do Tổ làm ra, hiện nay mình đang đọc. Nếu không chấp đó là thật, hiểu được ý mà thực hành, thì Thiếu Lâm tông (Thiền tông) không bị suy sụp. Nếu chấp lời Tam Tổ là thật, thì danh giá Thiền tông sẽ bị mai một.

Mặc dù, tâm chẳng phải là tâm, mà cũng coi là Tín Tâm Minh. Chúng ta đọc Tín Tâm Minh nhưng rất kỵ chấp thật, vì Tổ phá bệnh chấp thật. Nếu mình còn chấp thật thì cái bệnh vẫn còn nguyên, phá được bệnh chấp thật mới được kiến tánh, tức là cái thùng sơn đen đã bị đập bể.

Kiến tánh rồi, con kỳ lân ngọc mới được kéo về Tự tánh, dù kỳ lân ngọc là quý, nếu hướng ngoại thì không có liên quan gì, nên phải kéo nó về Tự tánh. Nếu không tham câu thoại đầu mà đuổi theo lời nói của Tam Tổ hay lời nói của Tổ sư khác, như mình lấy tâm ý thức để nghiên cứu truy tìm, tìm hết đạo lý của Phật, Tổ. Dùng hết gia tài của Phật để dạy người, làm cho người phải bị mù mắt.

Ý của Tổ muốn mình phải tự tham tự ngộ, chứ không đuổi theo văn tự. Vậy Tín tâm Minh này linh nghiệm ở câu nào? Nếu đã hiểu ý Tổ thì phải tham câu thoại đầu của mình. Nếu còn có ý lựa chọn ở trong bài Tín Tâm Minh này, có câu nào linh nghiệm, thì bị Tổ mắng là con chó.

Hỏi:

Kinh Kim Cang nói: Tu đà hoàn mà mình còn nghĩ Tu đà hoàn tức là không phải Tu đà hoàn. Vậy, nếu Tu đà hoàn là thật, thì không nghĩ là Tu đà hoàn phải không? Như thế, trong kinh đức Phật đã thừa nhận cho người ta chứng đắc, điều này có đi ngược với tinh thần Thiền tông hay không?

Đáp:

Nếu tham thiền mà nói “ta tham thiền”, thì không phải tham thiền. Tham thiền sẽ đạt đến giác ngộ, nếu có tâm cầu ngộ thì vĩnh viễn không ngộ được. Tu đà hoàn là sơ quả của thừa Thịnh văn, nếu chấp quả mình chứng, nói là “ta đã chứng quả Tu đà hoàn”, còn cái chấp đó nên chưa được chứng. Cũng như Chợ Lớn đi Sài Gòn, Sài Gòn là mục đích mình đến, thì mình cứ đi rồi sẽ đến. Đã đi rồi thôi, rồi nói “ta đến Sài Gòn”, la lên làm chi! Cứ đi sẽ đến.

Ngài Trung Phong khai thị trong Trung Phong Pháp Ngữ rằng: “Tham câu thoại đầu, khởi nghi tình, câu thoại đầu đã thuần thực, mà còn biết thuần thực thì chưa đến thoại đầu. Nếu biết không có thuần thực cũng không được. Mình biết chứng quả Tu đà hoàn hay không chứng quả, đều không được. Biết và không biết lọt vào tứ cú là đối đãi ở trong vọng. Biết là vọng biết, biết không biết là vọng không biết, đều là vọng.

Trong Phật pháp từ Tiểu thừa, Trung thừa, Đại thừa và Tối thượng thừa đều phá ngã chấp. Nếu mình biết mình có sở đắc, như biết đắc

quả Tu đà hoàn thì không được, cái được mà mình không biết, còn biết cái không được cũng không được. Bỏ bên này chấp bên kia là biên kiến, phải lọt vào 1 trong 5 thứ ác kiến.

Hỏi:

Theo Thiền tông, khi phá được sơ quan thì khối nghi đã vỡ, nhưng đến trùng quan còn phải nghi nữa, khối nghi đã vỡ làm sao nghi nữa được?

Đáp:

Sơ quan là bồn tham, phá được bồn tham thì hết nghi. Nhưng coi công án của Tổ, có cái thấu được, có cái thấu chưa được. Chỗ chưa được phải nghi nữa, vì nghi căn chưa cắt đứt, còn có chỗ nghi, thì phải tiếp tục nghi nữa, cho đến ngộ triệt để.

Hỏi:

A la hán có kiến tánh không? Nếu không sao ra khỏi luân hồi? Vì căn bản vô minh còn, còn như nói kiến tánh, thì thiền Tiểu thừa không có nghi tình làm sao kiến tánh? Kính mong Thầy giải đáp, theo lời Thầy nói: Có nghi mới có ngộ, không nghi thì không ngộ.

Đáp:

Theo lời của Tổ nói: “A la hán chưa được kiến tánh, chưa phá được căn bản vô minh, nhưng phá được nhân ngã chấp, được ra khỏi sanh tử luân hồi”. Sanh tử có 2 thứ: Phần đoạn sanh tử và biến dịch sanh tử. A la hán dứt được phần đoạn sanh tử, nhưng chưa kiến tánh, nên không dứt được biến dịch sanh tử, ấy cần phải tiến lên nữa.

Nếu chấp A la hán là thật, thì Phật mới quờ là ngu si, vì họ tưởng là cứu cánh Niết bàn, nhưng chưa phải. Sự thật chỉ ở nửa đường. Phá được nhân ngã chấp ra được phần đoạn sanh tử, nhưng pháp chấp chưa phá được, nên bị biến dịch sanh tử.

Hỏi:

Theo bài Bát Nhã Tâm Kinh Thầy đã giảng, trong ấy quét tri kiến Thinh văn, Duyên giác, Bồ tát và Phật. Vậy đã đến hàng Thánh, sao chưa đạt được trí huệ Bát nhã? Mà còn kẹt trong tri kiến, hay tri kiến này chỉ cho các trình độ phàm nhân trong các giai đoạn học đạo?

Đáp:

Lời Phật trong Bát Nhã Tâm Kinh là muốn mình không được chấp cái nào là thật, tức là vô sở trụ. Không được trụ nơi nào, như trụ nơi tri kiến phàm phu, tri kiến Thinh văn, tri kiến Duyên giác, tri kiến Bồ tát, tri kiến Phật đều không được.

Lời của Tổ nói: “Trụ nơi Phật thì bị Phật bó buộc, trụ nơi Bồ tát thì bị Bồ tát bó buộc...”, thì không phải nghĩa vô trụ. Nghĩa vô trụ là hoạt bát vạn năng, nếu có trụ thì hoạt bát vạn năng bị mất. Ví dụ cánh tay là hoạt bát vạn năng, lấy kiến, lấy khăn, lấy tách,... đều được. Nếu trụ vào cái gì thì hoạt bát vạn năng của Tự tánh bị mất. Muốn lấy thứ gì cũng không được. Cho nên, phải buông nó ra mới khôi phục lại sự hoạt bát vạn năng.

Trụ đồ vật là pháp có, nếu trụ nơi pháp không, tức là ở trong nắm tay không có gì, thì mất cái hoạt bát vạn năng, muốn lấy thứ gì cũng không được, nên cần phải buông ra, mới khôi phục lại cái hoạt bát vạn năng.

Tự tánh cũng vậy, dù Phật cao nhất, nếu trụ thì mất cái hoạt bát vạn năng của Tự tánh, còn có trụ thì chưa thành Phật, vô sở trụ là chính thức thành Phật, vì thế trụ Phật còn phải quét vậy. Đại tâm vô y là vô sở trụ, nếu nơi có chỗ trụ thì không phải đại tâm, nên dụng tự động của Tự tánh không hiện ra.

Vì vậy, Bát Nhã Tâm Kinh phá tất cả chấp của mình, chấp cái gì cũng không được, dù cao nhất là Phật cũng không được. Vì còn chấp nên cái dụng của Tự tánh chưa có dùng ra. Nếu chấp đã hết sạch thì dụng tự động của Tự tánh hiện ra khắp không gian thời gian.

Lời Phật hay lời Tổ thì không khác. Tất cả kinh Đại thừa liễu nghĩa là trị bệnh chấp thật của mình. Nếu không chấp có mà lại chấp không, không chấp chơn mà lại chấp giả, thì chấp không chấp giả, bệnh chấp khó trị hơn.

Có người nói thế giới này là huyền, thì chấp cái huyền, bệnh chấp càng nặng thêm. Nói cái nào cũng là giả, lại chấp cái giả, thì bệnh chấp này nặng hơn. Vì chấp huyền chấp giả thì trụ nơi huyền nơi giả, như vậy trụ nơi nào cũng không được.

Cho nên, chấp nơi Phật còn không được, huống chi cảnh giới nào mà được! Chấp chỗ nào thì chỗ đó chướng ngại, nên cái dụng tự động của Tự tánh dùng ra không được.

Hỏi:

Tuần rồi con nghe thầy giảng tu Thiền và Tịnh Độ, thầy nói tu thiền đắc quả mau lẹ, có lẽ nói là tu tắc, theo pháp môn Tịnh Độ thì lâu. Con thấy một số tu thiền lại bị điên, pháp môn Tịnh Độ tuy chậm, nhưng không bị chướng ngại, nghĩa là không đến tình trạng cuồng điên. Tuy niệm Phật nhờ tha lực cầu vãng sanh, tuần trước thầy nói “niệm Phật biết rõ ngày giờ chết, chưa chắc biết được vãng sanh không!” Tại sao thầy biết như vậy? Ngồi thiền đến thị tịch có ngộ đạo chưa, cúi mong thầy giải thích?

Đáp:

Tham thiền không thể nào nhập ma được! Tôi có nói “chấp vào tọa thiền mới bị nhập ma”. Kỳ thiền thất trước có Truyền Nam tham thiền muốn gấp, có sở cầu 49 ngày thành Phật, không ngủ làm thần kinh căng thẳng, lại quên tham thoại đầu. Vì không nghe tôi dạy, căn bản tham thiền là “vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ” là để phá ngã chấp. Nhưng không sao chỉ 2, 3 ngày ngủ được rồi sẽ hết.

Có người niệm Phật nhập ma, học ra máu và lại bị điên. Tại sao? Vì họ không phá ngã chấp, lấy danh hiệu Phật đè nén vọng tưởng, đè nén lâu ngày thấy thanh thanh tịnh tịnh, được định cũng có thần thông, nhưng ngã chấp càng lớn, thì tham sân si càng mạnh, đè nén lâu ngày nên phản lực càng cao. Cũng như đánh banh vào tường, càng đánh mạnh thì trái banh càng phản lại mạnh; nhất là lòng tham nổi lên, không thể khống chế lại được, lúc ấy lại bị phá giới.

Nếu thần kinh căng thẳng ta phải vận động, nhảy lên nhảy xuống hay xoa bóp, chà dưới lòng bàn chân cho nóng, thì sẽ bớt căng thẳng hay tạt nước vào mình người bị thần kinh căng thẳng sẽ hết, hoặc xô

người ấy rơi xuống nước cũng sẽ hết. Nếu chưa hết liền thì vài ngày sau rồi sẽ hết.

Tu theo chánh pháp luôn luôn phá ngã chấp, tu không phá ngã chấp là không phải chánh pháp. Chỉ lấy câu chú, danh hiệu Phật hay số tức để đè nén vọng tưởng, có sức định cao thì rất nguy hiểm.

Trong Truyền Đăng Lục của Trung Quốc có ghi: “Từ đời Sơ Tổ đến đời Mãn Thanh có 7000 Tổ kiến tánh”, các vị đó có tên họ địa chỉ làng hoàng, còn những người không có ghi trong Truyền Đăng Lục không biết bao nhiêu. Như ngài Hư Vân, 54 tuổi kiến tánh đến 80 tuổi gặp một người kiến tánh, nếu không có ngài Hư Vân thì không có ai biết.

Tịnh Độ ở Vãng Sanh Lục và Thánh Hiền Lục, số người ghi trong đó ít hơn các vị kiến tánh trong Truyền Đăng Lục; mà lại có nhiều người không phải vãng sanh cực lạc, chỉ làm người hay sanh cõi trời; họ cũng biết trước ngày giờ chết, người ta tưởng rằng họ được vãng sanh; kỳ thật, chưa được vãng sanh, nhưng cũng ghi trong sách cho là vãng sanh.

Ngồi thiền đến lúc thị tịch ngồi, đắc đạo hay chưa? Cũng chưa biết được. Như Thiền tông có phái Thủ Tọa, thầy của ông là Thạch Sương đã kiến tánh có thị giả Cửu Phong cũng kiến tánh. Sau khi Thạch Sương tịch, đại chúng cử phái Thủ Tọa lên làm trụ trì. Thị giả Cửu Phong không chịu và nói: “Nếu biết ý của Tiên sư thì tôi làm thị giả thầy như làm thị giả cho Tiên sư vậy, nếu không biết ý Tiên sư thì thầy không được làm trụ trì”.

Thủ Tọa nghe vậy nói: “Tôi như thế chưa được sao? Nếu đốt cây nhang cháy hết mà tôi chưa đi được (chết) thì không được”. Đốt cây nhang một chút thì ông ngồi tịch.

Cửu Phong nói: Tọa tịch không phải là không có, nhưng ý của Tiên sư chưa biết được.

Đốt cây nhang mới cháy một chút, muốn đi thì đi, mà còn chưa kiến tánh, huống chi tọa tịch làm sao kiến tánh được?

Có người kiến tánh khỏi cần ngồi tịch, nằm la om sòm: “Đau quá! Đau quá!”, lại là người kiến tánh.

Thị giả nói: Lúc thầy còn sống rất gan dạ, sao gần tịch lại như vậy?

Thầy mới ngồi lên nạt lớn thị giả: Ông săn sóc lâu năm, sao không biết ý của tôi?

Cứ tưởng như thế là thật, hành vi của Tổ mà cho vậy là sai lầm. Ngài Trung Phong quét sạch nghĩa giải từ đầu đến cuối, đều cảnh cáo mình đừng chấp bề ngoài, chấp lời nói, chấp hành động của Tổ. Như gặt đầu 3 cái cho là kiến tánh, vậy ai không biết gặt đầu 3 cái? Đưa ngón tay hay đưa nắm tay cho là kiến tánh, vậy ai làm không được! Nhưng Tổ kiến tánh thì làm được, còn chưa kiến tánh mà bắt chước phải đọa địa ngục.

HẾT